

QUYỂN “MƯỜI”

(Dasaka-Nipāta)

VỀ BẢN DỊCH AN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bò-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh AN này có 11 QUYỂN (*nipāta*) được đặt tên lần lượt từ QUYỂN “MỘT” cho đến QUYỂN “MƯỜI MỘT”, trong đó “Một”... vừa là tên của Quyển kinh (nói về một điều, một pháp, một người...) vừa là số thứ tự của Quyển kinh. Mỗi Quyển lại có nhiều NHÓM kinh (*vagga, phāṃ*), toàn bộ kinh AN này có 180 NHÓM kinh, gồm có 8.122 bài kinh (và kinh tóm lược). Các Quyển 1, 2 và 11 đơn giản đánh số các NHÓM kinh từ 1 đến cuối. Các Quyển từ 3-10 thì gom các NHÓM kinh thành những phần “Năm Mười Kinh” và một số phần “thêm vào” phần “Năm Mười Kinh” cuối.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bò-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như Mp, Mp-ṭ...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “BẢNG VIỆT TẮT” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ, (như các bản dịch Việt).

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... đó là số của các chú thích trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), gôi ngòi thiền (tọa cụ) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một NHÓM kinh dài hay vài NHÓM kinh ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, giác ngộ giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều NHÓM kinh với các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ Quyển nào hoặc trong một Quyển có thể chọn chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Nhìn vào Mục Lục sẽ thấy. Nếu không phải ưu tiên quan tâm hay cần tra cứu theo những chủ-đề nào đó, quý vị hãy đọc từ đầu đến cuối một Quyển kinh...

và một Bộ kinh.

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ-đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyên nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có chữ nào hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bồ-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, mùa đại dịch Covid-19 (PL 2564)
(dịch xong và in giữa năm 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch AN	iii
[Năm Mươi Kinh Đầu]	1
NHÓM 1. NHỮNG ÍCH LỢI.....	1
1 (1) <i>Mục Đích Gì</i>	1
2 (2) <i>Sự Cố-Ý</i>	3
3 (3) <i>Giới Hạnh</i>	5
4 (4) <i>Nguyên Nhân Cận Kề (2)</i>	6
5 (5) <i>Ānanda</i>	6
6 (6) <i>Sự Định Tâm</i>	7
7 (7) <i>Xá-Lợi-Phát</i>	8
8 (8) <i>Niềm Tin</i>	9
9 (9) <i>Bình An</i>	11
10 (10) <i>Những Trí-Biết Đích Thực</i>	13
NHÓM 2. NGƯỜI BẢO HỘ.....	14
11 (1) <i>Chỗ Ở</i>	14
12 (2) <i>Năm Yếu Tố</i>	16
13 (3) <i>Những Gong Cùm</i>	17
14 (4) <i>Sự Cản Cỗi Của Tâm</i>	18
15 (5) <i>Sự Chuyên Cần</i>	22
16 (6) <i>Đáng Được Tặng Quà</i>	24
17 (7) <i>Người Bảo Hộ (1)</i>	24
18 (8) <i>Người Bảo Hộ (2)</i>	26

19	(9) <i>Những Sự Cư Trú Những Bậc Thánh (1)</i> (ngắn gọn).....	30
20	(10) <i>Những Sự Cư Trú Của Những Bậc Thánh (2)</i> (chi tiết)...	30
NHÓM 3. NHÓM LỚN		33
21	(1) <i>Sư Tử</i>	34
22	(2) <i>Những Nguyên Lý Học Thuyết</i>	37
23	(3) <i>Thân</i>	38
24	(4) <i>Cunda</i>	40
25	(5) <i>Những Kasiṇa</i>	43
26	(6) <i>Kāḷī</i>	43
27	(7) <i>Những Câu Hỏi Lớn (1)</i>	45
28	(8) <i>Những Câu Hỏi Lớn (2)</i>	48
29	(9) <i>Kosala (1)</i>	51
30	(10) <i>Kosala (2)</i>	57
NHÓM 4. UPĀLI		61
31	(1) <i>Upāli</i>	61
32	(2) <i>Đình Chí</i>	62
33	(3) <i>Sự Phán Quyết</i>	62
34	(4) <i>Truyền Thụ Toàn Bộ Giới</i>	63
35	(4) <i>Sự Nương Dựa</i>	64
36	(6) <i>Sa-Di</i>	65
37	(7) <i>Sự Chia Rẽ (1)</i>	65
38	(8) <i>Sự Chia Rẽ (2)</i>	66
39	(9) <i>Ānanda (1)</i>	66
40	(10) <i>Ānanda (2)</i>	67

NHÓM 5. MẮNG CHÙI.....		68
41	(1) <i>Những Tranh Cháp</i>	68
42	(2) <i>Những Góc Rẽ (1)</i>	69
43	(3) <i>Những Góc Rẽ (2)</i>	69
44	(4) <i>Kusinārā</i>	69
45	(5) <i>Đi Vào</i>	72
46	(6) <i>Những Người Thích-Ca</i>	74
47	(7) <i>Mahāli</i>	77
48	(8) <i>Những Điều</i> (nên thường quán chiếu).....	78
49	(9) <i>Tồn Tại Nhờ Thân</i>	79
50	(10) <i>Những Tranh Cãi</i>	79
[Năm Mười Kinh Thứ Hai]		83
NHÓM 1. TÂM CỦA MÌNH.....		83
51	(1) <i>Tâm Của Mình</i>	83
52	(2) <i>Xá-lợi-phát</i>	85
53	(3) <i>Sự Ngung Trệ</i>	85
54	(4) <i>Sự Tĩnh Lặng</i>	86
55	(5) <i>Sự Sa Sút</i>	90
56	(6) <i>Những Nhận Thức (1)</i>	91
57	(7) <i>Những Nhận Thức (2)</i>	92
58	(8) <i>Những Góc Rẽ</i>	92
59	(9) <i>Xuất Gia</i>	93
60	(10) <i>Girimānanda</i>	94
NHÓM 2. CÁC CẶP ĐÔI.....		100

61	(1) <i>Vô Minh</i>	100
62	(2) <i>Dục Vọng</i>	103
63	(3) <i>Sự Chắc Chắn</i>	105
64	(4) <i>Không Lay Chuyển</i>	106
65	(5) <i>Hạnh Phúc (1)</i>	107
66	(6) <i>Hạnh Phúc (2)</i>	108
67	(7) <i>Naḷakapāna (1)</i>	108
68	(8) <i>Naḷakapāna (2)</i>	111
69	(9) <i>Những Chủ Đề Để Thảo Luận (1)</i>	112
70	(10) <i>Những Chủ Đề Để Thảo Luận (2)</i>	113
NHÓM 3. ƯỚC NGUYỆN		115
71	(1) <i>Ước Nguyện</i>	115
72	(2) <i>Những Gai Nhọn</i>	118
73	(3) <i>Thường Được Ước...</i>	120
74	(4) <i>Sự Tăng Trưởng</i>	121
75	(5) <i>Migasālā</i>	122
76	(6) <i>Không Khả Năng</i>	128
77	(7) <i>Con Quạ</i>	132
78	(8) <i>Những Ni-kiền-tử</i>	132
79	(9) <i>Những Căn Cớ (1)</i>	133
80	(10) <i>Những Căn Cớ (2)</i>	133
NHÓM 4. CÁC TRƯỞNG LÃO.....		134
81	(1) <i>Bāhuna</i>	134
82	(2) <i>Ānanda</i>	135

83	(3) <i>Punṇiya</i>	136
84	(4) <i>Tuyên Bố</i>	137
85	(5) <i>Người Khoát Lác</i>	140
86	(6) <i>Trí Biết Cuối Cùng</i>	143
87	(7) <i>Những Vấn Đề Thuộc Giới Luật</i>	146
88	(8) <i>Người Sĩ Nhục</i>	151
89	(9) <i>Kokālika</i>	151
90	(10) <i>Những Năng Lực</i>	155
NHÓM 5. UPĀLI		156
91	(1) <i>Người Thọ Hưởng Khoái Lạc Giác Quan</i>	156
92	(2) <i>Sự Thù Ghét</i>	162
93	(3) <i>Cách Nhìn</i>	166
94	(4) <i>Vajjiyamāhita</i>	169
95	(5) <i>Uttiya</i>	172
96	(6) <i>Kokanada</i>	174
97	(7) <i>Đáng Được Tặng Quà</i>	177
98	(8) <i>Một Trưởng Lão</i>	180
99	(9) <i>Upāli</i>	180
100	(10) <i>Không Khả Năng</i>	189
[Năm Mươi Kinh Thứ Ba]		191
NHÓM 1. NHỮNG NHẬN-THỨC CỦA MỘT SA-MÔN		191
101	(1) <i>Những Nhận-Thức Của Một Sa-Môn</i>	191
102	(2) <i>Những Yếu Tố Giác Ngộ</i>	191
103	(3) <i>Đường Sai</i>	192

104	(4) <i>Một Hạt Giống</i>	193
105	(5) <i>Trí Biết Đích Thực</i>	195
106	(6) <i>Phai Mòn</i>	196
107	(7) <i>Dhovana</i>	197
108	(8) <i>Những Thầy Thuốc</i> (thuốc xỏ).....	199
109	(9) <i>Thuốc Ói</i>	200
110	(10) <i>Tổng Bỏ</i>	202
111	(11) <i>Vô Học Nhân (1)</i>	203
112	(12) <i>Vô Học Nhân (2)</i>	203
NHÓM 2. LỄ PACCOROHANĪ		203
113	(1) <i>Phi Giáo Pháp (1)</i>	204
114	(2) <i>Phi Giáo Pháp (2)</i>	204
115	(3) <i>Phi Giáo Pháp (3)</i>	206
116	(4) <i>Ajita</i>	210
117	(5) <i>Saṅgāra</i>	212
118	(6) <i>Bên Đây</i>	213
119	(7) <i>Lễ Paccorohaṇī (1)</i>	214
120	(8) <i>Lễ Paccorohaṇī (2)</i>	216
121	(9) <i>Thứ Dẫn Trước</i>	216
122	(10) <i>Những Ô Nhiễm</i>	217
NHÓM 3. THANH LỘC		217
123	(1) <i>Thứ Nhất</i>	217
124	(2) <i>Thứ Hai</i>	217
125	(3) <i>Thứ Ba</i>	217

126	(4) <i>Thứ Tư</i>	218
127	(5) <i>Thứ Năm</i>	218
128	(6) <i>Thứ Sáu</i>	218
129	(7) <i>Thứ Bảy</i>	218
130	(8) <i>Thứ Tám</i>	219
131	(9) <i>Thứ Chín</i>	219
132	(10) <i>Thứ Mười</i>	219
133	(11) <i>Thứ Mười Một</i>	219
NHÓM 4. TỐT		220
134	(1) <i>Tốt</i>	220
135	(2) — 144 (11) <i>Giáo Pháp Thánh Thiện</i>	220
NHÓM 5. ĐƯỜNG THÁNH THIÊN		221
145	(1) <i>Đường Thánh Thiện</i>	221
146	(2) — 154 (10) <i>Đường Sáng</i>	222
[Năm Mươi Kinh Thứ Tư]		223
NHÓM 1. NHÓM “NGƯỜI”		223
155	(1) <i>Gặp Gỡ</i>	223
156	(2) — 166 (12) <i>Nương Dựa</i>	223
NHÓM 2. BÀ-LA-MÔN JĀṆUSSONĪ		224
167	(1) <i>Lễ Paccorohaṇī (1)</i>	224
168	(2) <i>Lễ Paccorohaṇī (2)</i>	226
169	(3) <i>Saṅgāra</i>	227
170	(4) <i>Bên Đây</i>	227
171	(5) <i>Phi Giáo Pháp (1)</i>	228

172	(6) <i>Phi Giáo Pháp (2)</i>	229
173	(7) <i>Phi Giáo Pháp (3)</i>	232
174	(8) <i>Những Nguyên Nhân Của Nghiệp</i>	234
175	(9) <i>Tránh Bỏ</i>	234
176	(10) <i>Cunda</i>	235
177	(11) <i>Bà-la-môn Jāṇussoṇī</i>	242
NHÓM 3. TỐT		246
178	(1) <i>Tốt</i>	247
179	(2) — 188 (11) <i>Giáo Pháp Thánh Thiện</i>	247
NHÓM 4. ĐƯỜNG THÁNH THIỆN		248
189	(1) <i>Đường Thánh Thiện</i>	248
190	(2) — 198 (10) <i>Đường Sáng</i>	248
NHÓM 5. THÊM NHÓM “NHỮNG NGƯỜI”		249
199	(1) <i>Gặp Gỡ</i>	249
200	(2) — 210 (12) <i>Nương Dựa</i>	250
[Năm Mươi Kinh Thêm]		253
NHÓM 1. THÂN SINH RA TỪ NGHIỆP		253
211	(1) <i>Địa Ngục (1)</i>	253
212	(2) <i>Địa Ngục (2)</i>	257
213	(3) <i>Phụ Nữ</i>	258
214	(4) <i>Nữ Đệ Tử Tại Gia</i>	259
215	(5) <i>Sự Tự Tin</i>	259
216	(6) <i>Bò Trườn</i>	259
217	(7) <i>Cổ Ý (1)</i>	263

218	(8) <i>Cố Ý</i> (2).....	270
219	(9) <i>Thân Sinh Từ Nghiệp</i>	272
220	(10) <i>Hành Vi Trái Với Giáo Pháp</i>	274
NHÓM 2. TƯƠNG TỰ		276
221	(1).....	276
222	(2).....	277
223	(3).....	277
224	(4).....	278
225	(5).....	279
226	(6) — 228 (8)	279
229	(9).....	279
230	(10) — 232 (12)	280
233	(13).....	280
234	(14) — 236 (16)	280
NHÓM 3. NHÓM “THAM” LẶP LẠI & TÓM LƯỢC		280
237	(1).....	281
238	(2).....	281
239	(3).....	281
240	(4) — 266 (30)	282
267	(31) — 746 (510)	282
BẢNG VIẾT TẮT		283
CHÚ THÍCH		289

*Kính Lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

[Năm Mười Kinh Đầu]

NHÓM 1
NHỮNG ÍCH LỢI

1 (1) Mục Đích Gì

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn,¹⁸³¹ ngồi xuống một bên, và thưa:

(1) “Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành?”

(2) “Này Ānanda, mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là (để có được) sự không hối-tiếc.”

(3) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc?”

“Mục đích và ích lợi của sự không hối-tiếc là sự vui-vẻ.”

(4) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự vui-vẻ?”

“Mục đích và ích lợi của sự vui-vẻ là sự hoan-hỷ (hỷ).”

(5) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ?”

“Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (khinh an).”

(6) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng?”

“Mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sừng (lạc).”

(7) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự sừng?”

“Mục đích và ích lợi của sự sừng là định-tâm (định).”

(8) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự định-tâm?”

“Mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là.”

(9) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là?”

“Mục đích và ích lợi của sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và sự chán-bỏ.”

(10) “Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ?”

“Mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.”

“Như vậy đó, này Ānanda, (1)–(2) mục đích và ích lợi của giới-hạnh thiện lành là sự không hôi-tiếc; (3) mục đích và ích lợi của sự không hôi-tiếc là sự vui-vẻ; (4) mục đích và ích lợi của sự vui-vẻ là sự hoan-hỷ (hỷ); (5) mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ là sự tĩnh-lặng

(khinh an). (6) mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng là sự sướng (lạc); (7) mục đích và ích lợi của sự sướng là định-tâm (định); (8) mục đích và ích lợi của sự định-tâm là sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là; (9) mục đích và ích lợi của sự hiểu-biết và tầm-nhìn về mọi thứ đúng như chúng thực là sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ; (10) mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Như vậy, này Ānanda, giới-hạnh thiện lành dẫn dắt tiến dần tới chỗ cao nhất.”¹⁸³²

2 (2) *Sự Cố-Ý*

(1)–(2) “Này các Tỳ kheo, với một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là đức hạnh, thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự không hối-tiếc khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên,¹⁸³³ rằng sự không hối-tiếc sẽ khởi sinh trong một người có giới-hạnh, hành vi của người đó là đức hạnh.

(3) “Với người không có sự hối-tiếc thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong niềm-vui khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người không có sự hối-tiếc sẽ khởi sinh niềm-vui.

(4) “Với người được vui-vẻ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong sự hoan-hỷ khởi sinh trong tôi’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người vui-vẻ sẽ khởi sinh sự hoan-hỷ (hỷ).

(5) “Với người có một cái tâm hoan-hỷ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong thân tôi tĩnh-lặng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người có tâm hoan-hỷ thì thân sẽ được tĩnh-lặng (khinh an).

(6) Với người được tĩnh-lặng trong thân thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi cảm thấy sướng’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng trong một người được tĩnh-lặng trong thân thì khởi sinh sự sướng (lạc).

(7) “Với một người cảm giác sướng thì không cần dụng sự cố-ý

đề: ‘Cầu mong tâm tôi đạt-định’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng tâm của một người cảm giác sướng thì sẽ đạt định.

(8) “Với người đạt-định thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Mong sao tôi biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người đạt-định thì sẽ biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là.

(9) “Với người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi biết tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và chán-bỏ.’ Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là sẽ biết tỉnh-ngộ và chán-bỏ.

(10) “Với người biết tỉnh-ngộ và chán-bỏ thì không cần dụng sự cố-ý để: ‘Cầu mong tôi chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát’. Đó là lẽ tự nhiên, rằng một người biết tỉnh-ngộ và chán-bỏ thì sẽ chứng ngộ trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.

“Như vậy là, này các Tỳ kheo, (10)–(9) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát là mục đích và ích lợi của sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ; (8) sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ là mục đích và ích lợi của sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là; (7) sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là mục đích và ích lợi của sự định-tâm; (6) sự định-tâm là mục đích và ích lợi của sự sướng; (5) sự sướng là mục đích và ích lợi của sự tĩnh-lặng (trong thân); (4) sự tĩnh-lặng (trong thân) là mục đích và ích lợi của sự hoan-hỷ; (3) sự hoan-hỷ là mục đích và ích lợi của niềm-vui; (2) niềm-vui là mục đích và ích lợi của sự không bị hối-tiếc; và (1) sự không bị hối-tiếc là mục đích và ích lợi của sự (giữ, có được) giới-hạnh.

“Như vậy, này các Tỳ kheo, một giai đoạn chảy vào giai đoạn kế tiếp, một giai đoạn đổ đầy giai đoạn kế tiếp, để đi từ bờ bên này đến bờ bên kia.”¹⁸³⁴

3 (3) *Giới Hạnh*¹⁸³⁵

(I) “Này các Tỳ kheo, (1) với một người thất đức, người thiếu giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề (kế trước, kế cận) của nó. Khi không có sự không hối-tiếc, với người thiếu sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có niềm-vui, với người thiếu sự niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự hoan-hỷ, với người thiếu sự hoan-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng (trong thân) sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tĩnh-lặng, với người thiếu sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sượng sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự sượng, với người thiếu sự sượng, thì (7) sự định-tâm sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự định-tâm, với người thiếu sự định-tâm, thì (8) sự biết và thấy về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự biết và thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, với người thiếu sự biết và thấy về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và sự chán-bỏ sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó. Khi không có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, thì (10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó.

“Ví như một cây thiếu cành và lá. Thì rễ của nó không phát triển đầy đủ; rồi vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng không phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người thất đức, người thiếu giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó (10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ thiếu nguyên-nhân cận kề của nó.

(II) “Này các Tỳ kheo, (1) với một người đức hạnh, người có giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự không hối-tiếc, với người có được sự không hối-tiếc, thì (3) niềm-vui sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có niềm-vui, với người có được niềm-vui, thì (4) sự hoan-hỷ sẽ có được nguyên-nhân

cận kề của nó. Khi có sự hoan-hỷ, với người có được sự hoan-hỷ, thì (5) sự tĩnh-lặng (trong thân) sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tĩnh-lặng, với người có được sự tĩnh-lặng, thì (6) sự sững sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự sững, với người có được sự sững, thì (7) sự định-tâm sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự định-tâm, với người có được sự định-tâm, thì (8) sự biết và thấy về mọi sự đúng như chúng thực là sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, với người có được sự biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là, thì (9) sự tỉnh-ngộ (không còn mê đắm) và sự chán-bỏ sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó. Khi có sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ, thì (10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó.

“Ví như một cây có đủ cành và lá. Thì rễ của nó sẽ phát triển đầy đủ; rời vỏ cây, phần gỗ mềm, và phần gỗ lõi cũng phát triển đầy đủ. Cũng giống như vậy, (1) với một người đức hạnh, người có giới-hạnh, thì (2) sự không hối-tiếc sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó ... (10) trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát sẽ có được nguyên-nhân cận kề của nó.”

4 (4) Nguyên Nhân Cận Kề (2)

Ở đó Ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo: [*Tiếp tục giống hết nội dung kinh 10:03 kể trên, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói.*]

5 (5) Ānanda

Ở đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: [*Tiếp tục giống hết nội dung kinh 10:03 kể trên, chỉ khác là kinh này do thầy Ānanda nói.*]

6 (6) Sự Định Tâm

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, có phải một Tỷ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tướng) về đất trong liên hệ với đất;¹⁸³⁶ (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác},¹⁸³⁷ nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Ở đây, này Ānanda, một Tỷ kheo có nhận-thức (tướng) như vậy: ‘Đây (trạng thái này) là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng-lặn tất cả mọi hành-vi (hành vi tạo tác; các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ, sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, niết-bàn.’¹⁸³⁸ Đây Ānanda, chính theo cách này một Tỷ kheo có thể {đạt được một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ

với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}], nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức.”

7 (7) Xá-Lợi-Phát

Lúc đó có Ngài Ānanda đã đã đến gặp và chào hỏi qua lại với Ngài Xá-lợi-phát. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phát:

“Đạo hữu Xá-lợi-phát, có phải một Tỳ kheo có thể: {đạt được một trạng thái định-tâm (mà trong đó) (1) người đó không có nhận-thức (phi tướng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}, nhưng người đó vẫn còn có nhận-thức?”

“Người đó có thể, này đạo hữu Ānanda.”

“Nhưng, này đạo hữu, theo cách nào người đó có thể đạt được một trạng thái định-tâm như vậy?”

“Này đạo hữu Ānanda, trong một lần khi tôi đang trú ngay ở Sāvattthī này, trong Khu Vườn Cửa Người Mù. Ở đó tôi đã chứng đắc một trạng thái định-tâm như vậy (mà trong đó) (1) tôi không có nhận-thức (phi tướng) về đất trong liên hệ với đất; (2) về nước trong liên hệ với nước; (3) về lửa trong liên hệ với lửa; (4) về khí trong liên hệ với khí; (5) về cảnh xứ vô biên của không-gian trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của không-gian (không vô biên xứ); (6) về cảnh xứ vô biên của thức trong liên hệ với cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ); (7) về cảnh xứ trống-không trong liên hệ với cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ); (8) về cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức trong liên hệ với cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ); (9) về thế giới này trong liên hệ với thế giới này; (10) về thế giới khác trong liên hệ với thế giới khác}, nhưng tôi vẫn còn có nhận-thức.”

“Nhưng trong lúc đó thầy Xá-lợi-phất vẫn có nhận-thức về cái gì?”

“Một nhận-thức đã khởi sinh và một nhận-thức khác đã chấm dứt trong tôi: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn; sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’.¹⁸³⁹ Ví như, khi một cành củi đang cháy, có một ngọn lửa cháy lên và một ngọn lửa khác chấm dứt, cũng giống như vậy, một nhận-thức đã khởi sinh và một nhận-thức khác chấm dứt trong tôi: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn; sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’. Này đạo hữu, trong lúc đó, tôi có nhận-thức: ‘Sự chấm-dứt hiện-hữu là Niết-bàn’.”

8 (8) Niềm Tin¹⁸⁴⁰

(1) Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin, nhưng người đó thiếu giới-hạnh; như vậy người đó là không đầy đủ về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm

cách nào ta được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh?’ Nhưng khi một Tỷ kheo được phú cho niềm-tin và cũng có luôn giới-hạnh, thì người đó là đầy đủ về chi phần đó.

(2) “Một Tỷ kheo có thể được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không học-hiểu¹⁸⁴¹ ... (3) có thể được phú cho niềm-tin, có giới-hạnh, có học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) ... là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thảo về giới-luật ... (7) ... là một người thiện thảo về giới-luật, nhưng không phải là người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh ... (8) ... là một người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh, nhưng không phải là người ‘tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này’ ... (9) ... là một người ‘tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

“Nhu vậy là một người đó không đầy đủ về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin ... (9) ... và cũng là một người “tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này”?’

(10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thảo về giới-luật; (viii) là một người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh; (ix) là một người ‘tùy theo ý muốn, không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này’; và (x) là một người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, thì người đó là đầy đủ về chi phần đó.

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này là một người truyền cảm hứng sự tự-tin về mọi phương diện và người đó là đầy đủ (viên thành) về mọi phương diện.”

9 (9) *Bình An*¹⁸⁴²

(1) Đây các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh ... (2) được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không học-hiểu ... (3) ... có học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thảo về giới-luật ... (7) ... là một người thiện thảo về giới-luật, nhưng không phải là người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh ... (8) ... là một người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh, nhưng không

phải là người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc giới’ (tức những tầng chứng đắc vô-sắc giới) ... (9) ... là một người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc giới’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

“Nhu vậy là một người đó không đầy đủ về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin ... (9) ... và cũng là một người “với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó”?’

(10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện thạo về giới-luật; (viii) là một người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh; (ix) là một người ‘tiếp xúc bằng thân và an trú trong những sự giải-thoát đầy bình-an, nó vượt trên những thể-sắc, đó là vô-sắc giới’; và (x) là một người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’, thì người đó là đầy đủ về chi phần đó.

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này là một người truyền cảm hứng sự tự-tin về mọi phương diện và người đó là đầy đủ (viên thành) về mọi phương diện.”

10 (10) Những Trí-Biết Đích Thực

(1) Đây các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có thể được phú cho niềm-tin nhưng người đó thiếu giới-hạnh ... (2) được phú cho niềm-tin và có giới-hạnh, nhưng người đó không học-hiểu ... (3) ... có học-hiểu, nhưng người đó không phải là người giỏi thuyết về Giáo Pháp ... (4) ... là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp, nhưng không phải là người hay đến những hội chúng ... (5) ... là một người hay đến những hội chúng, nhưng không phải là người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng ... (6) ... là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng, nhưng không phải là người thiện thảo về giới-luật ... (7) ... là một người thiện thảo về giới-luật, nhưng không phải là người ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ, đó là, một lần sinh, hai lần sinh (*túc mạng minh*) ... [như đoạn (4), kinh 6:02] ... người đó không thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy’ ... (8) ... là một người ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ...’, nhưng không phải là người ‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhãn minh*) ... [như đoạn (5), kinh 6:02] ... và người đó không hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’ ... (9) ... là một người ‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người ... và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’, nhưng không phải là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

“Như vậy là một người đó không đầy đủ về chi phần đó. Người đó nên hoàn thành chi phần đó, [nghĩ rằng]: ‘Làm cách nào (1) ta được phú cho niềm-tin ... (10) ... và cũng là một người ““với sự đã tiêu diệt

mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó”?’

(10) “Nhưng khi một Tỳ kheo (i) được phú cho niềm-tin, (ii) có giới-hạnh, và (iii) có học-hiểu; (iv) là một người giỏi thuyết về Giáo Pháp; (v) là một người hay đến những hội chúng; (vi) là một người chỉ dạy Giáo Pháp một cách tự tin cho hội chúng; (vii) là một người thiện tạo về giới-luật; (viii) là một người ‘có thể nhớ lại những cõi kiếp trong quá khứ (*túc mạng minh*) ... người đó *có thể* nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy’ ... ; (ix) là người ‘với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người ... và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy’; và (x) là người ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’ (*lậu tận minh*), thì người đó là đầy đủ về chi phần đó. ¹⁸⁴³

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này là một người truyền cảm hứng sự tự-tin về mọi phương diện và người đó là đầy đủ (viên thành) về mọi phương diện.”

NHÓM 2

NGƯỜI BẢO HỘ

11 (1) *Chỗ Ở* ¹⁸⁴⁴

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo (a) có được năm yếu-tố để nương dựa vào và (b) sử dụng một chỗ-ở có được năm yếu-tố, thì không

bao lâu sau, người đó ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.

(a) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có được năm yếu tố?

(1) “Ở đây, một đệ tử thánh thiện được phú cho niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về trí-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’

(2) “Người đó hiếm khi bị bệnh hay đau yếu, thậm chí còn có được hệ tiêu hóa không quá lạnh không quá nóng mà vừa phải và thích hợp cho sự phân-đầu (tinh cần).

(3) “Người đó chân thật và cởi mở, người thể hiện đúng như bản thân mình đối với vị Sư Thầy và những đồng đạo trí hiền của mình.

(4) “Người đó đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện lành; người đó là mạnh mẽ, vững chắc trong sự cố gắng, không xao lãng bản thân khỏi bổn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện.

(5) “Người đó là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố.

(b) “Và theo cách nào là một chỗ-ở có được năm yếu-tố?

(6) “Ở đây, chỗ-ở đó không quá xa [nơi có thể đến để khát thực]¹⁸⁴⁵ hay quá gần, và nó có (ít nhất) một cách (đường, phương tiện)

đề đi và về.

(7) “Ban ngày không bị nhiều người quấy rầy và ân đêm yên lặng và yên tĩnh.

(8) “Ít bị ruồi muỗi, gió máy, nắng nóng, và những loài rắn rít, bò sát.

(9) “Người sống ở đó có thể có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh.

(10) “Ở (vùng) đó có những Tỷ kheo trưởng lão đang sống, là những người học-hiểu, những người thừa tự của di sản (tức Phật Pháp), những người thiện thạo về Giáo Pháp, những người thiện thạo về giới-luật, những người thiện thạo về những điều toát-yếu (đại cương; của kinh điển). Người đó thường đến gặp họ để vấn hỏi: ‘Thưa thầy, điều này là sao? Ý nghĩa điều này là gì?’ Rồi nhưng vị thầy đó sẽ khai mở cho người đó những điều chưa được khai mở, làm rõ những điều còn chưa-rõ, và xua tan sự bối-rối về những luận điểm còn làm bối rối.

“Chính theo cách này là một chỗ-ở là có được năm yếu-tố.

“Khi một Tỷ kheo (a) có được năm yếu-tố này và (b) sử dụng một chỗ-ở có được năm yếu-tố này, thì không bao lâu sau, người đó ‘với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, sẽ tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó’.”

12 (2) Năm Yếu Tố¹⁸⁴⁶

“Này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo là người đã dẹp bỏ năm yếu-tố và có được năm yếu-tố, thì trong Giáo Pháp và giới-luật này, được gọi là một người tối thượng, người đã tu thành và đã hoàn toàn sống đời sống tâm linh.

“Và theo cách nào là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ yếu tố tham-dục, ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đần, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ (năm chướng-ngại). Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có được năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo có được đồng (uẩn) giới-hạnh của bậc vô-học nhân, đồng thiên-định của bậc vô-học nhân, đồng trí-tuệ của bậc vô-học nhân, đồng giải-thoát của bậc vô-học nhân, và đồng trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát của bậc vô-học nhân. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được năm yếu-tố.

“Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố này và có được năm yếu-tố này, thì trong Giáo Pháp và giới-luật này, được gọi là một người tối thượng, người đã tu thành và đã hoàn toàn sống đời sống tâm linh.”

Khi nhục-dục và ác-ý,
 Sự sự đờ-đần và buồn-ngủ,
 Sự bất-an, và sự nghi-ngờ
 Hoàn toàn vắng bóng trong một Tỳ kheo;
 Khi một người như vậy có được
 Giới-hạnh và thiên-định của một bậc vô-học nhân,
 Và sự giải-thoát và trí-biết của một bậc vô-học nhân;
 Có được năm yếu-tố và sau khi đã loại bỏ năm yếu-tố,
 Người đó thực sự được gọi là một người tu thành
 Trong Giáo Pháp và giới-luật này.

13 (3) Những Gong Cùm

“Này các Tỳ kheo, có mười gông-cùm này. Mười đó là gì?¹⁸⁴⁷
 Năm gông-cùm nhẹ đô (thấp hơn; hạ phần kiết sử) và năm gông-cùm nặng đô (cao hơn; thượng phần kiết sử). Và cái gì là năm gông-cùm nhẹ

đô? Cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm thủ), tham-dục, và sự ác-ý. Đây là năm gông-cùm nhẹ đô. Và cái gì là năm gông-cùm nặng đô? Tham-muốn (cảnh) sắc-giới, tham-muốn (cảnh) vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn), sự bất-an, và vô-minh. Đây là năm gông-cùm nặng đô. Nay các Tỳ kheo, đây là mười gông-cùm.”

14 (4) Sự Cần Cối Của Tâm¹⁸⁴⁸

(I) “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào (a) chưa dẹp bỏ năm loại sự cần-cối của tâm và (b) chưa xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự suy sệt những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự tăng trưởng đối với người đó.

(a) “Và cái gì là năm loại sự cần-cối của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), ngờ vực về Vị Thầy, và không tâm phục về Vị Thầy, và không đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Vị Thầy, ngờ vực về vị thầy, và không tâm phục về vị thầy, và không đặt niềm-tin vào Vị Thầy, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cần cối thứ nhất của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

(2)–(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo còn nghi ngờ về Giáo Pháp ... còn nghi ngờ về Tăng Đoàn ... còn nghi ngờ về sự tu-tập ... bực tức với những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng với họ, hiềm xấu với họ. Khi một Tỳ kheo bực tức với những Tỳ kheo đồng đạo, không hài lòng với họ, hung hăng với họ, hiềm xấu với họ, thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì,

và phần đầu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phần đầu như vậy, nên đây là sự cần cỗi thứ năm của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự cần cỗi của tâm mà người đó chưa dẹp bỏ.

(b) “Và cái gì là năm sự trói-buộc của cái tâm mà người đó chưa xóa sạch?

(6) “Ở đây, một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham-dục đối với *những khoái-lạc giác-quan* (tham muốn dục lạc), còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo còn như vậy (*lặp lại câu trên*), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phần đầu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phần đầu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ nhất của tâm mà người đó chưa xóa sạch.

(7)–(10) “Lại nữa, (7) một Tỳ kheo còn [không thiếu] tham-dục đối với *thân*, còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (8) Người đó còn [không thiếu] tham-dục đối với *thể-sắc*, còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (9) Người đó, sau khi *ăn uống nhiều* đến mức bụng căng đầy, sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ ... (10) Người đó sống đời sống tâm linh mà *khát nguyện được [tái sinh] trong số những thiên thần* nào đó, người đó nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự giữ-giới (trì giới) này, sự khổ-hạnh (thanh bần) này, hay bằng đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một hạng, bậc, đoàn] của các thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy (*lặp lại câu trên*) (tu tưởng tu tiên), thì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phần đầu (tinh cần). Vì tâm người đó không ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phần đầu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ năm của tâm mà người đó chưa xóa sạch.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm sự trói buộc của tâm mà người đó chưa xóa sạch.”

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa dẹp bỏ năm loại sự cần-cỗi của tâm và chưa xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì, cho dù ngày tới hay đêm tới, chỉ có sự suy sụt những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự tăng trưởng đối với người đó. Giống như trong hai tuần trời tối, thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào chưa dẹp bỏ năm loại sự cần-cỗi của tâm ... chỉ có sự suy sụt những phẩm chất thiện ... đối với người đó.

(II) “Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào (a) đã dẹp bỏ năm loại sự cần-cỗi của tâm và (b) đã xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm,¹⁸⁴⁹ thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự tăng trưởng những phẩm chất thiện chứ không có sự suy sụt đối với người đó.

(a) “Và cái gì là năm loại sự cần-cỗi của tâm mà người đó đã dẹp bỏ?”

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo không còn nghi ngờ về Vị Thầy (Phật), không ngờ vực về Vị Thầy, và tâm phục về Vị Thầy, và đặt niềm-tin vào Vị Thầy. Khi một Tỳ kheo không còn nghi ngờ như vậy về Vị Thầy, không ngờ vực về vị thầy, và tâm phục về vị thầy, và đặt niềm-tin vào Vị Thầy, thì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cần cỗi thứ nhất của tâm người đó đã dẹp bỏ.

(2)–(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo không còn nghi ngờ về Giáo Pháp ... không còn nghi ngờ về Tăng Đoàn ... không còn nghi ngờ về sự tu-tập ... không còn bực tức với những Tỳ kheo đồng đạo, hài lòng với họ, không hung hăng với họ, đối xử tốt với họ. Khi một Tỳ kheo không bực

tức với những Tỳ kheo đồng đạo, hài lòng với họ, không hung hăng với họ, đối xử tốt với họ, thì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự cần cỗi thứ năm của tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm loại sự cần cỗi của tâm mà người đó đã dẹp bỏ.

(b) “Và cái gì là năm sự trói-buộc của cái tâm mà người đó đã xóa sạch?

(6) “Ở đây, một Tỳ kheo không còn tham-dục đối với *những khoái-lạc giác-quan*, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với chúng. Khi một Tỳ kheo không còn như vậy (*lập lại câu trên*), thì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn đấu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phấn đấu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ nhất của tâm mà người đó đã xóa sạch.

(7)–(10) “Lại nữa, (7) một Tỳ kheo không còn tham-dục đối với *thân*, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (8) Người đó không còn tham-dục đối với *thể-sắc*, không còn luyến ái, thèm khát, đam mê, và dục-vọng đối với nó ... (9) Người đó không *ăn uống nhiều* đến mức bụng căng đầy, sau khi ăn không sinh tâm thích nằm nghỉ, thích lười biếng, thích ngủ ... (10) Người đó không sống đời sống tâm linh với *khát nguyện được [tái sinh] trong số những thiên thần* nào đó, người đó không nghĩ: ‘Bằng giới-hạnh này, sự giữ-giới (trì giới) này, sự khổ-hạnh (thanh bần) này, hay bằng đời sống tâm linh này, tôi sẽ thành một thiên thần hoặc một [trong một hạng, bậc, đoàn] của các thiên thần.’ Khi người đó sống đời sống tâm linh như vậy (*lập lại câu trên*) (không tư tưởng tu tiên; chỉ theo lý tưởng tu giải thoát), thì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành, nỗ-lực (tinh tấn), kiên trì, và phấn

đầu (tinh cần). Vì tâm người đó ngã theo hướng nhiệt-thành ... và phần đầu như vậy, nên đây là sự trói buộc thứ năm của tâm mà người đó đã xóa sạch.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm sự trói buộc của tâm mà người đó đã xóa sạch.”

“Nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào đã dẹp bỏ năm loại sự cần-cỗi của tâm và đã khéo xóa sạch năm sự trói-buộc của cái tâm, thì, cho dù ngày tới hay đêm tới, chỉ có sự tăng trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Giống như trong hai tuần trời sáng, thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, nếu Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào đã dẹp bỏ năm loại sự cần-cỗi này của tâm và đã khéo xóa bỏ năm sự trói-buộc này của cái tâm, thì dù đêm tới hay ngày tới, chỉ có sự tăng trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó.”

15 (5) Sự Chuyên Cần

(1) “Này các Tỳ kheo, dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, có sắc thân hoặc không có sắc thân, có nhận thức hoặc không có nhận thức, cho tới loại vừa không có nhận thức vừa có nhận thức (phi tướng phi phi tướng), thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc nhất trong tất cả mọi loài.¹⁸⁵⁰ Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện đều bắt rễ từ sự chuyên-cần và hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần được tuyên bố là bậc nhất trong số chúng.

(2) “Giống như những dấu chân của mọi loài biết đi đều lọt lòng trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả chúng, đó là, về mặt kích cỡ. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất

thiện lành đều bắt rễ từ sự chuyên-cần, hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.

(3) “Giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà, và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng đầu (nắm đầu) trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(4) “Giống như trong tất cả loại rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(5) “Giống như trong tất cả loại gỗ lõi có hương thơm, gỗ cây chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(6) “Giống như trong tất cả loài hoa có hương thơm, hoa lài được tuyên bố là thơm nhất trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(7) “Giống như tất cả những hoàng tử nhỏ đều là hạ thân của vị vua quay chuyển bánh xe (giáo pháp), vị vua quay chuyển bánh xe được tuyên bố là người đứng đầu của họ. Cũng giống như vậy ...

(8) “Giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, nên sự chiếu sáng của mặt trăng (chẳng hạn như đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được tuyên bố là sáng đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy ...

(9) “Giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên, xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng (ý nói ánh sáng mặt trời được tuyên bố là bậc nhất trong bầu trời đó). Cũng giống như vậy ...

(10) Giống như, dù có những sông lớn tới mức nào—như sông

Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—tất cả đều hướng ra, nghiêng ra, đổ ra, và chảy ra phía đại dương, và đại dương được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành đều bắt rễ từ sự chuyên-cần, hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.”

16 (6) Đáng Được Tặng Quà¹⁸⁵¹

“Này các Tỳ kheo, mười loại người này là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Mười đó là gì? Như Lai, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác; một vị Phật Duyên Giác; người được giải-thoát về cả hai phương diện; người được giải-thoát nhờ trí-tuệ; người thân chứng; người chứng đắc (tới) chánh-kiến (tức bậc Nhập-lưu); người được giải-thoát bằng niềm-tin ; người tu theo Giáo Pháp (căn trí); người tu theo niềm-tin (căn tín); và người họ tộc.¹⁸⁵² Đây là mười loại người đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

17 (7) Người Bảo Hộ (1)

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Có mười phẩm chất này có vai trò như một người bảo hộ.¹⁸⁵³ Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau

khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... tu tập theo những điều luật đó, nên đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo là đã học-hiểu nhiều ... đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn, nên phẩm chất này cũng có vai trò như một người bảo hộ.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. Vì một Tỳ kheo có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt, nên phẩm chất này cũng có vai trò như một người bảo hộ.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nại và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. Và một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng, nên phẩm chất này cũng có vai trò như một người bảo hộ.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng trong những việc (ở chỗ tu, trong chùa, Phật sự) cần phải làm cho những Tỳ kheo đồng đạo; người đó có được sự xét đoán giỏi về những công việc đó để thực hiện và sắp xếp chúng một cách đúng đắn. Vì một Tỳ kheo là giỏi khéo và siêng năng ... nên phẩm chất này cũng có vai trò như một người bảo hộ.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo yêu thích Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ thuộc về Giáo Pháp và

giới-luật.¹⁸⁵⁴ Vì một Tỳ kheo yêu thích Giáo Pháp ... nên điều này cũng có vai trò như một người bảo hộ.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lãng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực ... không lơ lãng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện, nên phẩm chất này cũng có vai trò như một người bảo hộ.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết hài-lòng ... với chu cấp cho người bệnh, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm ... và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu, nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là khôn trí ... nên đây cũng là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Một người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Đây là mười phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.”

18 (8) Người Bảo Hộ (2)

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ

đau. Có mười phẩm chất này có vai trò như một người bảo hộ. Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiềm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có giới-hạnh. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó’, những Tỳ kheo trưởng lão, những Tỳ kheo trung niên, và những Tỳ kheo thiếu niên (về tuổi hạ) đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn. Vì tất cả họ đều có lòng bi-mẫn đối với người đó, nên chỉ có sự tăng trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy sứt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự đã học hiểu nhiều và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sứt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có

sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nại và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là dễ tu sửa và có những phẩm chất giúp người ấy dễ tu sửa; người đó nhẫn nại và nhận lấy sự chỉ-dẫn một cách tôn trọng’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng tham gia làm những công việc này nọ (ở chỗ tu, trong chùa, như những việc Tăng sự, Phật sự...) thay cho các Tỳ kheo khác; người đó có được sự tìm hiểu thích hợp ở đó, và có khả năng thực hiện và sắp xếp mọi thứ một cách phù hợp. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là khéo giỏi và siêng năng ... thực hiện và sắp xếp chúng một cách đúng đắn’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo yêu mến Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự yêu thích Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó, tràn đầy niềm-vui cao độ thuộc về Giáo Pháp và giới-luật’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện;

người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lãng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự đã phát khởi sự nỗ-lực ... không lơ lãng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm và sự cảnh-giác cao nhất, là người (có khả năng) nhớ và nhớ lại điều đã làm và nói từ lâu’, những Tỳ kheo trưởng lão ... đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn ... chứ không trông đợi có sự suy sệt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. [Sau khi đã xét thấy:] ‘Tỳ kheo này thực sự là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự sinh và sự diệt, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ’, những Tỳ kheo trưởng lão, những Tỳ kheo trung niên, và những Tỳ kheo thiếu niên (về tuổi hạ) đều nghĩ người đó nên được tu sửa và được chỉ dẫn. Vì tất cả họ đều có lòng bi-mẫn đối với

người đó, nên chỉ có sự tăng trưởng những phẩm chất thiện chứ không trông đợi có sự suy sứt đối với người đó. Đây là một phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống có người bảo hộ, không sống không có người bảo hộ. Người sống không có người bảo hộ là sống trong khổ đau. Đây là mười phẩm chất có vai trò như một người bảo hộ.”

19 (9) Những Sự Cư Trú Những Bậc Thánh (1) (ngắn gọn)

“Này các Tỳ kheo, có mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó có những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.¹⁸⁵⁵ Mười đó là gì?

“Ở đây, một Tỳ kheo (1) đã dẹp bỏ năm yếu-tố; (2) có được sáu yếu-tố; (3) có duy nhất một người canh-phòng (4) và bốn sự trợ-giúp; (5) và đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’ (tức do cá nhân nghĩ), (6) đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, (7) đã thanh lọc những ý-định, (8) đã làm tĩnh lặng hành-vi thân (thân hành), và (9) đã được giải-thoát trong tâm, và (10) đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ. Đây là mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.”

20 (10) Những Sự Cư Trú Của Những Bậc Thánh (2) (chi tiết)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kuru gần một thị trấn của họ tên là Kammāsadamma. Ở đó đức Thế Tôn đã gọi các Tỳ kheo. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú. Mười đó là gì?

“Ở đây, một Tỳ kheo (1) đã dẹp bỏ năm yếu-tố; (2) có được sáu yếu-tố; (3) có duy nhất một người canh-phòng (4) và bốn sự trợ-giúp; (5) và đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’ (tức do cá nhân nghĩ), (6) đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm, (7) đã thanh lọc những ý-định, (8) đã làm tĩnh lặng hành-vi thân (thân hành), và (9) đã được giải-thoát trong tâm, và (10) đã được giải-thoát nhờ trí-tuệ.

(1) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ (năm chướng-ngại) tham-dục, ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đần, sự bắt-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã dẹp bỏ năm yếu-tố.

(2) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có được sáu yếu-tố? Ở đây, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác). Sau khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi cảm thấy một tiếp-xúc bằng thân, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. Sau khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, một Tỳ kheo không vui cũng không buồn mà an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.¹⁸⁵⁶ Chính theo cách này là một Tỳ kheo có được sáu yếu-tố.

(3) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có duy nhất một người canh-gác? Ở đây, một Tỳ kheo có được một cái tâm được canh gác bởi sự chánh-niệm. Chính theo cách này là một Tỳ kheo có duy nhất một người canh-gác.

(4) “Và theo cách nào một Tỳ kheo có bốn sự trợ-giúp? Ở đây,

sau khi suy xét (quán chiếu), một Tỳ kheo (khi sống tu) có thứ biết nên sử dụng, có thứ biết nên kiên nhẫn chịu đựng, có thứ biết nên tránh né, và có thứ biết nên xua tan. Theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bốn sự trợ-giúp.

(5) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’? (tức những sự thật do cá nhân mình chấp, nghĩ, suy đoán chứ không phải sự thật chân lý). Ở đây, mọi ‘sự thật thuộc cá nhân’ tầm thường có thể được nắm chấp bởi những tu sĩ và bà-la-môn tầm thường—như, ‘Thế gian là bất diệt’ hay ‘Thế gian không phải là bất diệt’; ‘Thế gian là hữu hạn’ hay ‘Thế gian là vô hạn’; ‘Linh hồn và thể xác là một’ hay ‘Linh hồn và thể xác là hai thứ khác nhau’; ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’—một Tỳ kheo đã giục bỏ và xua tan tất cả những điều (suy đoán) đó, đã trừ bỏ chúng, đã tổng khứ chúng, đã buông bỏ chúng, đã dẹp bỏ và từ bỏ chúng. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã xua tan những ‘sự thật thuộc cá nhân’.

(6) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ sự tìm kiếm những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) và tìm kiếm sự hiện-hữu và đã ngưng sự tìm kiếm đời sống tâm linh. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã hoàn toàn từ bỏ sự tìm-kiếm.

(7) “Và theo cách nào một Tỳ kheo đã thanh lọc những ý-định của mình? Ở đây, một Tỳ kheo đã dẹp bỏ ý định nhục-dục, ý định ác-ý, và ý định làm-hại. Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã thanh lọc những ý-định.

(8) “Và theo cách nào một Tỳ kheo làm tĩnh lặng hành-vi của thân (làm khinh an thân hành)? Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Với sự dẹp bỏ sự

sương-khô (không còn sướng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sướng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã làm tĩnh lặng hành-vi thân.

(9) “Và theo cách nào một Tỳ kheo khéo được giải-thoát trong tâm? Ở đây, tâm của một Tỳ kheo được giải-thoát khỏi tham, sân, si. Chính theo cách này là một Tỳ kheo được khéo giải-thoát trong tâm.

(10) “Và theo cách nào một Tỳ kheo khéo được giải-thoát nhờ trí-tuệ? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được: ‘Tôi đã dẹp bỏ tham, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Tôi đã dẹp bỏ sân ... Tôi đã dẹp bỏ si, đã cắt bỏ nó tận gốc, đã làm nó thành như gốc cây cọ chết, đã xóa sổ nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai.’ Chính theo cách này là một Tỳ kheo đã kéo được giải-thoát nhờ trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, những bậc thánh nào trong quá khứ đã cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều trú trong mười sự cư trú thánh thiện này. Những bậc thánh nào trong tương lai sẽ cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều cư trú trong mười sự cư trú thánh thiện này. Những bậc thánh nào trong hiện tại cư trú trong những sự cư trú thánh thiện, tất cả họ đều cư trú trong mười sự cư trú thánh thiện này.

“Đây là mười sự cư trú của những bậc thánh trong đó những bậc thánh trong quá khứ, hiện tại, và tương lai cư trú.”

NHÓM 3

NHÓM LỚN

21 (1) *Sur Tũ*

“Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của muôn thú, ra khỏi nơi trú ẩn của nó, rướn thân mình, quan sát bốn phía xung quanh, và cất tiếng gầm sử sư tử ba lần. Sau đó nó bắt đầu đi săn mồi. Vì lý do gì? [Với ý nghĩ:] ‘Đề ta không gây hại cho những con vật nhỏ có thể đụng phải trên đường ta đi.’

“Này các Tỳ kheo, ‘sư tử’ là một cách (chữ) để chỉ Như Lai, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Khi Như Lai chỉ dạy Giáo Pháp cho một hội chúng, đó là tiếng gầm sư tử của Như Lai.

“Này các Tỳ kheo, có mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma (phạm thiên). Mười đó là gì? ¹⁸⁵⁷

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là. ¹⁸⁵⁸ Vì Như Lai hiểu được ‘điều có thể là có thể và điều không thể là không thể’ đúng như nó thực là, nên đây là một năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai tuyên bố mình ở vị trí người đứng đầu, rống lên tiếng gầm sư tử của mình trong các hội chúng, và thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(2) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp quá khứ, hiện tại, và tương lai tính theo những sự có-thể (xảy ra) và những nguyên nhân’ đúng như nó thực là. ¹⁸⁵⁹ Vì Như Lai hiểu được ‘hậu-quả của sự mang nghiệp ...’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(3) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘những đường-lối dẫn tới mọi nơi’ đúng như chúng thực là. ¹⁸⁶⁰ Vì Như Lai ‘những đường-lối dẫn tới

mọi nơi’ đúng như chúng thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma

(4) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘thế-giới với những yếu-tố đa lượng và đa dạng của nó’ đúng như nó thực là”.¹⁸⁶¹ Vì Như Lai hiểu được ‘thế-giới với những yếu-tố đa lượng và đa dạng của nó’ đúng như nó thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(5) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự khác-biệt (đa dạng) về tính-khí của những chúng sinh’ đúng như nó thực là”.¹⁸⁶² Vì Như Lai hiểu được ‘sự khác-biệt về tính-khí của những chúng sinh’ đúng như nó thực là, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(6) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘tình trạng ưu hay nhược của các căn của những người và chúng sinh khác’”.¹⁸⁶³ Vì Như Lai hiểu được ‘tình trạng ưu hay nhược của các căn của những người và chúng sinh khác’, nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(7) “Lại nữa, Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tây, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiên định, những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-định (siêu định, như ‘diệt thọ tướng định’...).”¹⁸⁶⁴ Vì Như Lai hiểu được ‘sự ô-nhiễm, sự thanh-tây, và sự thoát-ra khỏi những tầng thiên định ...’ nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(8) “Lại nữa, Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của

mình (*túc mạng minh*), đó là: một lần sinh, hai lần sinh ... [*giống kinh 6:02, đoạn (4)*] ... Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy. Vì Như Lai có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình ... với những tổng quan và chi tiết như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(9) “Lại nữa, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người (*thiên nhãn minh*), Như Lai nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... [*giống kinh 6:02, đoạn (4)*] ... và Như Lai hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy. Vì Như Lai ... hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình như vậy, nên đây cũng là năng-lực của một Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

(10) “Lại nữa, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, Như Lai an trú trong đó. Vì Như Lai đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ ... nên đây cũng là một năng-lực của Như Lai mà Như Lai có được, do có được nó nên Như Lai ... thiết lập sự quay chuyển bánh xe của Trời brahma.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma.”

22 (2) *Những Nguyên Lý Học Thuyết*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với thầy ấy:

“Này Ānanda, ta tuyên bố mình tự-tin về những điều (những pháp) dẫn tới sự chứng-ngộ bằng sự hiểu-biết trực-tiếp (trực-tiếp biết) về nhiều loại nguyên lý học thuyết khác nhau,¹⁸⁶⁵ [và do vậy ta có thể] chỉ dạy Giáo Pháp cho nhiều loại người khác nhau theo những cách khác nhau để cho một người thực hành theo đó sẽ biết ‘thứ gì hiện hữu là có hiện hữu và thứ gì không hiện hữu là không hiện hữu’; để cho người đó biết ‘thứ gì thấp hèn là thấp hèn và thứ gì siêu phàm là siêu phàm’; để cho người đó biết ‘thứ gì có thể vượt trên là có thể vượt trên (chưa vô thượng) và thứ gì không thể vượt trên là không thể vượt trên (vô thượng)’; để có thể rằng một người sẽ biết, thấy, và chứng ngộ điều này như nó được biết, được thấy, và được chứng ngộ.

“Nhưng, này Ānanda, trong số những sự hiểu-biết này, điều này là vô thượng, đó là: ‘sự hiểu-biết về những điều này và những điều kia đúng như chúng thực là’.¹⁸⁶⁶ Và, ta nói rằng, không có loại hiểu-biết này cao hơn hay siêu xuất hơn loại hiểu-biết này.

“Này Ānanda, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma (phạm thiên). Mười đó là gì?

[Tiếp tục giống nội dung kinh 10:21 kể trên] ...

“Này Ānanda, đây là mười năng-lực này của Như Lai nên Như Lai, sau khi có được chúng, đã tuyên bố mình ở vị trí đứng đầu, cất lên tiếng gầm sư tử của mình trong những hội chúng, và đã thiết lập sự dịch chuyển bánh xe của trời brahma.”

23 (3) Thân

“Này các Tỳ kheo, có những điều nên được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói. Có những điều nên được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân. Có những điều nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.¹⁸⁶⁷

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói? Ở đây, một Tỳ kheo đã cam kết làm một việc thiện bằng thân (thân nghiệp thiện, hành động thiện). Những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu [điều tra] người đó và nói như vậy: ‘Thầy đã cam kết làm một việc thiện bằng thân. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy dẹp bỏ những hành-vi sai trái của thân (thân ác hành) và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của thân (thân thiện hành).’ Sau khi những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu người đó và nói như vậy, người đó dẹp bỏ những hành-vi sai trái của thân và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của thân. Đây được gọi là những điều được dẹp bỏ bằng thân, không bằng lời-nói.

“Và cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân? Ở đây, một Tỳ kheo đã cam kết làm một việc thiện bằng lời-nói (khẩu nghiệp thiện). Những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu [điều tra] người đó và nói như vậy: ‘Thầy đã cam kết làm một việc thiện bằng lời-nói. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy dẹp bỏ những hành-vi sai trái của lời-nói (khẩu ác hành) và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của lời-nói (khẩu thiện hành).’ Sau khi những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó tìm hiểu người đó và nói như vậy, người đó dẹp bỏ những hành-vi sai trái của lời-nói và tu dưỡng những hành-vi thiện lành của lời-nói. Đây được gọi là những điều được dẹp bỏ bằng lời-nói, không bằng thân.

“Và cái gì là những điều nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-

tuệ? Tham thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Sân ... Si ... Sự tức-giận ... Sự hung-dữ ... Sự chê-bai ... Sự xác-xược ... Sự keo-kiệt thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.

“Sự ác-ghen¹⁸⁶⁸, này các Tỳ kheo, thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Và cái gì là sự ác-ghen? Ở đây, một gia chủ [hay con trai của gia chủ] đang phát đạt về sự giàu có và lúa gạo, về vàng bạc. Một nô lệ hay người ở nghĩ về ông ta: ‘Cầu cho ông gia chủ này không phát đạt về sự giàu có, hay lúa gạo, hay vàng bạc!’ Hoặc khi một tu sĩ hay bà-la-môn nào đó có được y áo, thức ăn, chỗ ở, hay thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Một tu sĩ hay bà-la-môn khác nghĩ về người đó: ‘Cầu cho ông đó không có được y áo, thức ăn, chỗ ở, hay thuốc thang với chu cấp cho người bệnh!’ Đây được gọi là sự ác-ghen. Sự ác-ghen thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.

“Sự ác-dục (ác tham), này các Tỳ kheo, thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ. Và cái gì là sự ác-tham? Ở đây, một người, một người không có niềm-tin mà ước muốn ‘người ta coi mình là được phú cho niềm-tin’. Một người thất-đức mà ước muốn ‘người ta coi mình là đức-hạnh.’ Một người ít học-hiểu mà ước muốn ‘người ta coi mình là đã học-hiểu nhiều.’ Một người thích gặp-gỡ giao lưu mà ước muốn ‘người ta coi mình là sống tách-ly’. Một người lười-biếng mà ước muốn ‘người ta coi mình là nỗ-lực tinh tấn’. Một người có tâm mù-rối mà ước muốn ‘người ta coi mình là có chánh-niệm’. Một người không đạt-định mà ước muốn ‘người ta coi mình là đạt-định’. Một người vô trí mà ước muốn ‘người ta coi mình là trí-tuệ.’ Một người có những ô-nhiễm chưa được tiêu diệt mà ước muốn ‘người ta coi mình là đã tiêu diệt ô-nhiễm.’

Đây được gọi là sự ác-dục. Sự ác-dục thì nên được dẹp bỏ không bằng thân cũng không bằng lời-nói mà bằng cách nhìn thấy nhiều lần tái tục bằng trí-tuệ.

(a) “Này các Tỳ kheo, nếu tham chi phối Tỳ kheo đó và cứ tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt chi phối Tỳ kheo đó và cứ tiếp diễn,¹⁸⁶⁹ thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham chi phối vị đó và cứ tiếp diễn. Vị này không hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sự ác-dục chi phối vị ấy và cứ tiếp diễn.’

(b) “Này các Tỳ kheo, nếu tham không chi phối Tỳ kheo đó và không tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt ... sự ác-ghen ... sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham không chi phối vị đó và không cứ tiếp diễn. Vị này hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sự ác-dục không chi phối vị ấy và không tiếp diễn.’”

24 (4) Cunda

Trong một lần có Ngài Đại Cunda (Mahācunda) đang sống giữ xứ dân Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy Đại Cunda đã gọi các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Cunda đã nói

điều này:

(a) “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi nhìn thấy Giáo Pháp này’.¹⁸⁷⁰ Tuy nhiên, nếu tham vẫn chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn;¹⁸⁷¹ nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt vẫn chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn. Vị này không hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sân ... sự ác-dục chi phối vị ấy và duy trì tiếp diễn.’

- “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Tuy nhiên, nếu tham chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn; nếu tham ... sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì Tỳ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham ... sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.’

-- “Giả sử có một người nghèo, nghèo khổ, và túng thiếu mà tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Nếu khi người đó muốn mua thứ gì người đó không có tiền hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả, người ta sẽ biết ngay người đó là nghèo, nghèo khổ, và túng thiếu mà tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Vì lý do gì? Vì khi người đó muốn mua thứ gì người đó không có tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả.

--- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỳ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi nhìn thấy Giáo Pháp này. Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Tuy nhiên, nếu tham ... sự ác-dục chi phối Tỳ kheo đó và duy trì tiếp diễn, thì người

đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này không hiểu theo một cách để mình không có tham ... không có sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục chi phối vị đó và duy trì tiếp diễn.’

(b) “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỷ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi nhìn thấy Giáo Pháp này’. Nếu tham không chi phối Tỷ kheo đó và không duy trì tiếp diễn; nếu sân ... si ... sự tức-giận ... sự hung-dữ ... sự chê-bai ... sự xác-xược ... sự keo-kiệt không chi phối Tỷ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì Tỷ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham; vì vậy tham không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn. Vị này hiểu theo một cách để mình không có sân ... không có si ... không có sự tức-giận ... không có sự hung-dữ ... không có sự chê-bai ... không có sự xác-xược ... không có sự keo-kiệt ... không có sự ác-ghen ... không có sự ác-dục; vì vậy sân ... sự ác-dục không chi phối vị ấy và không duy trì tiếp diễn.’

- “Này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỷ kheo nói: ‘Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Nếu tham ... sự ác-dục không chi phối Tỷ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì Tỷ kheo đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham ... sự ác-dục, vì vậy tham ... sự ác-dục không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn.’

-- “Giả sử có một người giàu, giàu sang, và giàu có tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Nếu khi người đó muốn mua thứ gì người đó có tiền hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả, người ta sẽ biết ngay người đó là giàu, giàu sang, và giàu có tuyên bố mình là giàu, giàu sang, và giàu có. Vì lý do gì? Vì khi người đó muốn mua thứ gì người đó có tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc để trả.

--- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi tuyên bố về trí-biết, một Tỷ kheo nói: ‘Tôi biết Giáo Pháp này, tôi nhìn thấy Giáo Pháp

này. Tôi đã tu xong về thân, giới-hạnh, tâm, và trí-tuệ’. Nếu tham ... sự ác-dục không chi phối Tỳ kheo đó và không duy trì tiếp diễn, thì người đó nên được hiểu như vậy: ‘Vị này hiểu theo một cách để mình không có tham ... không có sự ác-dục; vì vậy tham ... sự ác-dục không chi phối vị đó và không duy trì tiếp diễn.’”

25 (5) *Những Kasina*

“Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở (xứ) *kasina* này.¹⁸⁷² Mười đó là gì? Một người nhận thức *kasina* đất ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng.¹⁸⁷³ Một người nhận thức *kasina* nước ... *kasina* lửa ... *kasina* khí ... *kasina* xanh ... *kasina* vàng ... *kasina* đỏ ... *kasina* trắng ... *kasina* không gian ... *kasina* thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Đây là mười cơ-sở *kasina*.”

26 (6) *Kālī*

Trong một lần có Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống ở xứ dân Avantī trên Núi Pavatta ở Kuraraghara. Lúc đó có một đệ tử tại gia nữ tên Kālī ở Kuraraghara đã đến gặp thầy ấy, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa:¹⁸⁷⁴

“Thưa thầy, điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Những Thiếu Nữ*’:¹⁸⁷⁵

‘Sau khi đã chinh phục đạo quân (hiện thân cho)
 Sự khoái-thích và sung-sướng,
 Khi đang thiền một mình, ta khám phá ra niềm chân-phúc,
 Sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.
 Bởi vậy ta không tạo sự trói buộc thân mật với người khác,
 Cũng không thân mật với ai có cơ hội đó với ta.’

“Thưa thầy, theo cách nào nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về *kasīṇa* đất là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ.¹⁸⁷⁶ Đức Thế Tôn đã trực tiếp biết tới mức độ nào sự chứng đắc về *kasīṇa* đất là tối thượng. Sau khi đã trực tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu,¹⁸⁷⁷ sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy trí-biết và tầm-nhìn của đạo và vô-đạo. Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy trí-biết và tầm-nhìn của đạo và vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.

“Này chị, một số tu sĩ và bà-la-môn, đối với họ sự chứng đắc về *kasīṇa* nước ... *kasīṇa* lửa ... *kasīṇa* khí ... *kasīṇa* xanh ... *kasīṇa* vàng ... *kasīṇa* đỏ ... *kasīṇa* trắng ... *kasīṇa* không gian ... *kasīṇa* thức là tối thượng, họ tạo ra nó làm mục-tiêu của họ. Đức Thế Tôn đã trực tiếp biết tới mức độ nào sự chứng đắc về *kasīṇa* đất là tối thượng. Sau khi đã trực tiếp biết điều này, đức Thế Tôn đã nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và đức Thế Tôn đã nhìn thấy trí-biết và tầm-nhìn của đạo và vô-đạo. Bằng cách nhìn thấy sự khởi-đầu, sự nguy-hại, sự thoát-khỏi, và bằng cách nhìn thấy trí-biết và tầm-nhìn của đạo và vô-đạo, bậc ấy đã biết sự chứng-đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.

“Vậy đó, Này chị, chính theo cách này là nhìn thấy một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn trong phần ‘*Những Câu Hỏi Của Những Thiếu Nữ*’ như vậy:

‘Sau khi đã chinh phục đạo quân ‘khoái và lạc’,
Khi đang thiền một mình, ta khám phá ra niềm chân-phúc,
Sự chứng đắc mục-tiêu, sự bình-an của trái tim.
Bởi vậy ta không tạo sự trói buộc thân mật với người khác,
Cũng không thân mật với ai có cơ hội đó với ta.’”

27 (7) Những Câu Hỏi Lớn (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Rồi, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvathī để khát thực. Rồi ý này đã xảy đến với những Tỳ kheo đó: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Sāvathī. Vậy chúng ta hãy ghé đến khu ở của những du sĩ giáo phái khác.”

Rồi những Tỳ kheo đó đã ghé đến khu ở của những du sĩ khác đạo đó. Họ chào hỏi qua lại với những du sĩ đó, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Những du sĩ đã nói với họ:

“Này các thiện hữu, sa-môn Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của ông theo cách như vậy: ‘Này các Tỳ kheo, hãy trực-tiếp (tự mình) biết tất cả mọi hiện-tượng.’¹⁸⁷⁸ Hãy sống sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng.’¹⁸⁷⁹ Chúng tôi cũng chỉ dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của chúng tôi theo cách như vậy: ‘Này các đạo hữu, hãy trực-tiếp (tự mình) biết tất cả mọi hiện-tượng. Hãy sống sau khi đã trực-tiếp biết tất cả mọi hiện-tượng.’ Giờ cái gì là sự phân biệt, sự khác biệt, sự khác nhau giữa sự chỉ dạy của sa-môn Cồ-đàm và sự chỉ dạy của chúng tôi, giữa sự chỉ dẫn của ông ta và sự chỉ dẫn của chúng tôi?”

Rồi, những Tỳ kheo không tán đồng cũng không phản đối lời nói của những du sĩ đó. Không tán đồng, không phản đối, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về, [họ nghĩ rằng]: “Chúng ta nên tìm hiểu đức Thế Tôn sẽ nói gì về điều này.”

Rồi, sau khi những Tỳ kheo đó đã đi khát thực trong thành Sāvathī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: [*Họ kể lại toàn bộ câu chuyện cho Phật nghe*] ...

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, họ nên được trả lời theo cách này: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’.¹⁸⁸⁰ Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai ... Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.¹⁸⁸¹ Nếu những du sĩ khác đạo được hỏi như vậy, họ sẽ không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ gặp phải ưu sầu. Vì lý do gì? Bởi vì đó không nằm trong lãnh vực của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy một ai, trong thế giới này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người, là người có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một sự trả lời cho những câu hỏi này ngoài Như Lai hay một đệ tử của Như Lai hay một người đã nghe sự trả lời đó từ họ (từ Như Lai hay đệ tử Như Lai).

(1) “‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy?¹⁸⁸² Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ (không còn mê muội) về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn giải-thoát khỏi nó, hoàn toàn nhìn thấy sự hữu hạn của nó, và hoàn toàn phá tan ý nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? ‘*Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất.*’¹⁸⁸³ Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh ngộ về một điều này ... thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

“‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(2) “‘Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai’: ... Hai điều đó là gì? ‘*Danh và sắc.*’ ...

(3) “‘Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba’: ... Ba điều đó là gì? ‘*Ba loại cảm-giác.*’¹⁸⁸⁴ ...

(4) “‘Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự

giảng giải về bốn’: ... Bốn điều đó là gì? ‘*Bốn loại dưỡng chất.*’¹⁸⁸⁵ ...

(5) “‘Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm’: ... Năm điều đó là gì? ‘*Năm uẩn bị dính chấp.*’ (năm thủ uẩn) ...

(6) “‘Một câu hỏi về sáu, một tuyên bố rõ gọn về sáu, một sự giảng giải về sáu’: ... Sáu điều đó là gì? ‘*Sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong.*’ (sáu nội xứ; như sáu giác quan) ...

(7) “‘Một câu hỏi về bảy, một tuyên bố rõ gọn về bảy, một sự giảng giải về bảy’: ... Bảy điều đó là gì? ‘*Bảy trạm-trú của thức.*’¹⁸⁸⁶ ...

(8) “‘Một câu hỏi về tám, một tuyên bố rõ gọn về tám, một sự giảng giải về tám’: ... Tám điều đó là gì? ‘*Tám tình trạng thế tục.*’ (tám thói đời)¹⁸⁸⁷ ...

(9) “‘Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín’: ... Chín điều đó là gì? ‘*Chín cõi chúng sinh.*’¹⁸⁸⁸ ...

(10) “‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh-ngộ với mười điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với chúng, hoàn toàn giải-thoát khỏi chúng, hoàn toàn nhìn thấy sự hữu hạn của chúng, và hoàn toàn phá tan ý nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Mười điều đó là gì? ‘*Mười đường nghiệp bất thiện.*’¹⁸⁸⁹ Khi một Tỳ kheo hoàn toàn tỉnh ngộ về mười điều này ... thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

“‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy.

28 (8) Những Câu Hỏi Lớn (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kajaṅgalā trong khu Rừng Tre. Lúc đó có một số đệ tử tại gia tử Kajaṅgalā đã đến gặp một Tỷ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā,¹⁸⁹⁰ kính chào ni, ngồi xuống một bên, và thưa với ni:

“Thưa thánh ni [quý ni thánh thiện], điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài ‘*Những Câu Hỏi Lớn*’: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một. Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai ... Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.’ Thưa thánh ni, theo cách nào hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn?”

“Này các thiện hữu, tôi chưa từng nghe và học được điều này khi có mặt đức Thế Tôn, tôi cũng không nghe và học được điều này khi có mặt những Tỷ kheo đáng kính (tức không nghe từ Phật hay Tỷ kheo nào nói). Tuy nhiên, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng khi tôi giải thích ý nghĩa theo như tôi hiểu.”

“Dạ, thưa thánh ni”, những đệ tử tại gia vùng Kajaṅgalā đáp lại. Tỷ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā đã nói điều này:

(1) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỷ kheo [*hoàn toàn tinh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó.*] hoàn toàn nhìn thấy những hạn-giới (tâm hạn, sự giới hạn, sự phân giới, sự định hạn) của nó, và hoàn toàn thâm nhập ý nghĩa của nó, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Một điều đó là gì? ‘*Mọi chúng sinh đều tồn tại nhờ dưỡng-chất.*’ Khi một Tỷ kheo [*hoàn toàn tinh-ngộ về một điều này, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó.*] thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.

“Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một’: do liên hệ về (một) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(2) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về hai, một tuyên bố rõ gọn về hai, một sự giảng giải về hai’: ... Hai điều đó là gì? ‘*Danh và sắc.*’ ...

(3) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về ba, một tuyên bố rõ gọn về ba, một sự giảng giải về ba’: ... Ba điều đó là gì? ‘*Ba loại cảm-giác.*’

(4) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: do liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỷ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều,*}¹⁸⁹¹ hoàn toàn nhìn thấy những hạn-giới của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Bốn đó là gì? ‘*Bốn nền tảng chánh-niệm.*’ Khi một Tỷ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều này*} ... thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.

“Một câu hỏi về bốn, một tuyên bố rõ gọn về bốn, một sự giảng giải về bốn’: do liên hệ về (bốn) điều này nên nó được nói ra như vậy.

(5)-(8) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về năm, một tuyên bố rõ gọn về năm, một sự giảng giải về năm’: ... Năm điều đó là gì? ‘*Năm căn.*’¹⁸⁹² ... Sáu đó là gì? ‘*Sáu yếu-tố của (làm nên) sự thoát-khỏi.*’¹⁸⁹³ ... Bảy đó là gì? ‘*Bảy yếu-tố (trợ giúp) giác-ngộ.*’ ... Tám đó là gì? ‘*Con đường tám phần thánh thiện.*’ ...

(9) “Khi đức Thế Tôn nói ‘Một câu hỏi về chín, một tuyên bố rõ gọn về chín, một sự giảng giải về chín’: do liên hệ với điều gì nó ược nói ra như vậy? Khi một Tỷ kheo [*hoàn toàn tỉnh-ngộ về chín điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,*] hoàn toàn nhìn thấy những hạn-giới của chúng, và hoàn toàn thâm nhập ý nghĩa của chúng, thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ. Chín

điều đó là gì? ‘*Chín cõi chúng sinh.*’ Khi một Tỳ kheo [*hoàn toàn tinh-ngộ về chín điều này, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó,*] thì ngay trong kiếp này, người đó làm nên sự diệt-khổ.¹⁸⁹⁴

(10) “‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: khi điều này được nói ra, liên hệ với điều gì nó được nói ra như vậy? Khi một Tỳ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập, hoàn toàn nhìn thấy sự hữu hạn của chúng, và hoàn toàn phá tan ý nghĩa của chúng,*} thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ. Mười điều đó là gì? ‘Mười nghiệp thiện lành.’ Khi một Tỳ kheo {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập, hoàn toàn nhìn thấy sự hữu hạn của chúng, và hoàn toàn phá tan ý nghĩa của chúng,*} thì ngay trong kiếp này người đó làm nên sự diệt-khổ.

“‘Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười’: do liên hệ về (mười) điều này nên nó được nói ra như vậy.

“‘Vậy đó, này các thiện hữu, khi điều này đã được nói bởi đức Thế Tôn trong bài ‘*Những Câu Hỏi Lớn*’: ‘Một câu hỏi về một, một tuyên bố rõ gọn về một, một sự giảng giải về một. Một câu hỏi về mười, một tuyên bố rõ gọn về mười, một sự giảng giải về mười.’ thì theo cách như vậy tôi hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn. Nhưng, nếu quý vị muốn, quý vị có thể đến gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về vấn đề này. Khi đức Thế Tôn trả lời cho quý vị, quý vị nên lưu nhớ trong tâm.”

Sau khi nói “Dạ, thưa thánh ni”, những đệ tử tại gia ở vùng Kajaṅgalā hài lòng và vui mừng với lời nói của Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. Rồi họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào ni, đi vòng ra giữ ni ấy ở hướng bên phải họ, và họ đến gặp đức Thế Tôn. Họ kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ

cuộc nói chuyện với Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā. [Đức Thế Tôn nói:]

“Tốt, tốt, này các gia chủ! Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā là khôn trí, có trí-tuệ lớn. Nếu quý vị có đến gặp ta và hỏi ta về vấn đề này, ta cũng trả lời chính xác như Tỳ kheo ni ở vùng Kajaṅgalā đã trả lời. Đó là ý nghĩa của điều đó, và đó là cách các vị nên lưu nhớ trong tâm.”

29 (9) *Kosala (1)*

(1) “Này các Tỳ kheo, dù xứ Kāsi và Kosala có rộng lớn tới đâu, dù lãnh cõi của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala có rộng lớn tới đâu, trong đó Vua Pasenadi của xứ Kosala cũng xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với Vua Pasenadi cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi (vô thường). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ (không còn mê muội) với sự bậc nhất đó; khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn.

(2) “Này các Tỳ kheo, dù mặt trời và mặt trăng tuần hoàn và chiếu ánh sáng khắp muôn phương có xa tới đâu, hệ một ngàn thế giới sẽ xa tới đó.¹⁸⁹⁵ Trong hệ một ngàn thế giới có 1.000 mặt trăng, 1.000 mặt trời, 1.000 núi Sineru (Tu-di), vua của những ngọn núi, 1.000 cõi Aparagoyāna, 1.000 cõi Uttarakuru, 1.000 cõi Pubbavideha, và 1.000 tứ hải (bốn đại dương); 1.000 tứ đại thiên vương (bốn vị vua trời lớn), 1.000 cõi trời [được trị vì bởi] tứ đại thiên vương, 1.000 cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi), 1.000 cõi trời Yāma (Dạ-ma), 1.000 cõi trời Tusita (Đâu-suất), 1.000 cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (Hóa lạc thiên), 1.000 cõi trời của những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của những thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên), 1.000 cõi trời brahmā (phạm thiên). Này các Tỳ kheo, dù cho hệ một ngàn thế giới này có rộng lớn tới đâu, trong đó vua trời Đại Brahmā (Mahābrahmā, đại phạm thiên) cũng xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với vua trời Đại Brahmā cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người

đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém hơn.

(3) “Này các Tỳ kheo, rồi đến một thời thế giới này tan hoại. Khi thế gian này đang tan hoại, chúng sinh phần lớn di cư tới (cõi trời) những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (Quang âm thiên).¹⁸⁹⁶ Họ hiện hữu (với thân được làm) bằng-tâm, được nuôi sống bằng sự hoan-hỷ, tự phát sáng, phi hành trong không trung, sống trong hào quang, và họ ở đó trong một thời gian đại đại thọ. Khi thế gian đang tan hoại, những thiên thần chiếu hào quang thành dòng được xếp hạng bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với những thiên thần đó cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó (hạng cảnh giới thiên thần đó); nói chi với những điều thấp kém hơn.

(4) “Này các Tỳ kheo, có mười cơ-sở (xứ) *kasīṇa* này. Mười đó là gì? Một người nhận thức *kasīṇa* đất ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Một người nhận thức *kasīṇa* nước ... *kasīṇa* lửa ... *kasīṇa* khí ... *kasīṇa* xanh ... *kasīṇa* vàng ... *kasīṇa* đỏ ... *kasīṇa* trắng ... *kasīṇa* không gian ... *kasīṇa* thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng. Đây là mười cơ-sở *kasīṇa*.”¹⁸⁹⁷ Trong mười cơ-sở *kasīṇa*, thì một người tu nhận thức *kasīṇa* thức ở trên, ở dưới, ngang dọc, vô nhị, vô lượng thì được gọi là bậc nhất. Nhưng ngay cả đối với những chúng sinh là người nhận thức như vậy cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém.

(5) “Này các Tỳ kheo, có tám ‘cơ-sở để vượt qua’ này.¹⁸⁹⁸ Tám đó là gì?

(i) “Một người nhận thức về hình-sắc ở bên trong (và) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *hữu hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt

qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ nhất để vượt qua.¹⁸⁹⁹

(ii) “Một người nhận thức về hình-sắc ở bên trong nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *vô hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ hai để vượt qua.¹⁹⁰⁰

(iii) “Một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *hữu hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ ba để vượt qua.¹⁹⁰¹

(iv) “Một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là *vô hạn*, đẹp, hay xấu. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ tư để vượt qua.

(v) “Một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu xanh dương, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh. Giống như hoa lan là xanh dương, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh; hoặc giống như vải *Bārāṇasī* (Ba-la-nại), được ủi láng hai mặt, có thể thành màu xanh, xanh về màu, có sắc xanh, có ánh xanh; cũng giống như vậy, một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, những thứ màu xanh dương. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ năm để vượt qua.¹⁹⁰²

(vi) Một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng. Giống như hoa *kaṇikāra* là vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có ánh vàng; hoặc giống như vải *Bārāṇasī*, được ủi láng hai mặt, có thể thành màu vàng, vàng về màu, có sắc vàng, có

ánh vàng; cũng giống như vậy, một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, những thứ màu vàng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ sáu để vượt qua.

(vii) “Một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ. Giống như hoa *bandhujīvaka* là đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ; hoặc giống như vải *Bārāṇasī*, được ủi láng hai mặt, có thể thành màu đỏ, đỏ về màu, có sắc đỏ, có ánh đỏ; cũng giống như vậy, một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, những thứ màu đỏ. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ bảy để vượt qua.

(viii) “Một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng. Giống như sao mai là trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng; hoặc giống như vải *Bārāṇasī*, được ủi láng hai mặt, có thể thành màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng; cũng giống như vậy, một người không nhận thức về hình-sắc ở bên trong nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, những thứ màu trắng. Sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ Đây là cơ-sở thứ tám để vượt qua.

“Đây là tám cơ-sở để vượt qua. Trong tám cơ-sở để vượt qua đó, thì một người (thứ 8) không nhận thức về hình-sắc ở bên trong (mà) nhìn thấy những hình-sắc ở bên ngoài, là những thứ màu trắng, trắng về màu, có sắc trắng, có ánh trắng, và sau khi đã vượt qua chúng, người đó là người nhận thức như vậy: ‘Tôi biết, tôi thấy.’ là bậc nhất. Có những chúng sinh là người có nhận thức theo cách như vậy. Nhưng ngay cả đối với một người là người có nhận thức theo cách (bậc nhất) như vậy cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người

đệ tử thánh thiện trở nên tinh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tinh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém.

(6) “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu tu tập này.¹⁹⁰³ Bốn đó là gì? (i) Sự tu tập khổ mà chậm trễ tới trí-biết trực tiếp; (ii) sự tu tập khổ mà nhanh tới trí-biết trực tiếp; (iii) sự tu tập sướng mà chậm trễ tới trí-biết trực tiếp; (iv) sự tu tập sướng và nhanh tới trí-biết trực tiếp. Đây là bốn kiểu tu tập. Trong bốn kiểu này, sự tu tập sướng và nhanh trí-biết trực tiếp là bậc nhất. Có những chúng sinh tu tập theo cách như vậy. Nhưng ngay cả đối với một người là người tu tập theo cách (bậc nhất) như vậy cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tinh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tinh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém.

(7) “Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu nhận-thức này. Bốn đó là gì? (i) Một người nhận-thức điều hữu hạn; (ii) có người nhận thức điều cao thượng; (iii) có người nhận thức điều vô lượng, và (iv) có người [nhận thức] ‘không có gì’, tức nhận thức cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ).¹⁹⁰⁴ Đây là bốn kiểu nhận-thức. Trong bốn kiểu nhận-thức này, một người, khi [nhận thức] ‘không có gì’, nhận thức cảnh xứ trống-không là bậc nhất. Có những chúng sinh nhận-thức theo kiểu như vậy. Nhưng ngay cả đối với một người là người nhận thức theo cách (bậc nhất) tu tập theo cách (bậc nhất) như vậy cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tinh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tinh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém.

(8) “Này các Tỳ kheo, trong những quan-điểm do suy đoán mà những người ngoài đạo nắm giữ, thì quan-điểm ‘Điều đó không nên xảy ra, nó không nên xảy ra với ta; điều đó sẽ không xảy ra, [và] nó sẽ không xảy ra với ta’¹⁹⁰⁵ là bậc nhất. Vì có thể trông đợi người nắm giữ một quan-điểm như vậy sẽ bị chán-chường bởi sự (liên tục) hiện-hữu và sẽ không bị chán-chường bởi sự chấm-dứt sự hiện-hữu.¹⁹⁰⁶ Có những

chúng sinh nắm giữ quan-điểm như vậy. Nhưng ngay cả đối với chúng sinh nắm giữ một quan-điểm (bậc nhất) như vậy cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém.

(9) “Này các Tỳ kheo có một số tu sĩ và bà-la-môn là người tuyên bố sự thanh-lọc tối thượng.¹⁹⁰⁷ Trong những người tuyên bố sự thanh-lọc tối thượng, thì người tu: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ trống-không, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’ (phi tưởng phi phi tưởng xứ) là bậc nhất. Họ chỉ dạy Giáo Pháp để dẫn tới trí-biết trực tiếp và sự chứng ngộ (cảnh xứ) này. Có những chúng sinh là người khẳng định như vậy. Nhưng đối với những chúng sinh là người khẳng định (bậc nhất) như vậy cũng có sự biến đổi; có sự thay đổi. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện trở nên tỉnh-ngộ với sự bậc nhất đó; khi tỉnh-ngộ, người đó trở nên chán-bỏ với nó; nói chi với những điều thấp kém.

(10) “Này các Tỳ kheo, có một số tu sĩ và bà-la-môn tuyên bố Niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này.¹⁹⁰⁸ Trong số những người tuyên bố Niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này, thì bậc nhất chính là người tu có ‘sự giải-thoát nhờ sự không-còn dính chấp sau khi người đó đã nhìn thấy sự khởi-sinh, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với sáu cơ-sở cảm-nhận tiếp xúc (sáu giác quan), đúng như chúng thực là’.

“Này các Tỳ kheo, mặc dù ta khẳng định và tuyên bố [giáo lý của ta] theo cách như vậy, nhưng một số tu sĩ và bà-la-môn đã diễn dịch ta một cách không đúng thật, không căn cứ, sai giả, và sai trái, [họ nói rằng]: ‘Sa-môn Cồ-đàm đã không tuyên bố sự hoàn-toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan, sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc, hay sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác.’ Nhưng, này các Tỳ kheo, ta đã tuyên bố sự hoàn-

toàn hiểu những khoái-lạc giác-quan, sự hoàn-toàn hiểu những thể-sắc, và sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác. Ngay trong kiếp này, đã hết thềm khát, đã giải cơn khát, và đã nguội mát, ta tuyên bố Niết-bàn cuối cùng thông qua sự không-còn dính-chấp.”¹⁹⁰⁹

30 (10) Kosala (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có Vua Pasenadi (Ba-tu-nặc) của xứ Kosala (Kiền-tát-la) đã trở về từ chiến trận, chiến thắng, mục đích của ông đã đạt được.¹⁹¹⁰ Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã lên đường tới tịnh xá. Ông ta đi bằng xe ngựa tới chỗ xe không còn đi được, rồi ông xuống xe và đi bộ vào tịnh xá. Bấy giờ, vào lúc đó có một số Tỳ kheo đang đi tới đi lui ngoài trời. Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp những Tỳ kheo đó và hỏi họ:

“Thưa quý thầy, đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đang ở đâu? Vì ta muốn gặp mặt đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

“Thưa đại vương, đó là nơi ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Hãy đến đó một cách yên lặng. Đừng hấp tấp, bước vào trước cửa, thông cổ họng (tăng hắng), và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn sẽ mở cửa cho đại vương.”

Rồi, Vua Pasenadi xứ Kosala đi yên lặng tới chỗ ở của đức Thế Tôn với cửa đang đóng. Không hấp tấp, ông bước vào trước cửa, thông cổ họng, và gõ lên chốt cửa. Đức Thế Tôn đã mở cửa.

Rồi Vua Pasenadi xứ Kosala bước vô trong chỗ ở, lễ lạy với đầu cúi xuống chân đức Thế Tôn, hôn và xoa hai tay lên hai bàn chân của đức Thế Tôn, và tự xưng: “Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala! Thưa Thế Tôn, con là Vua Pasenadi của xứ Kosala!”¹⁹¹¹

“Nhưng, này đại vương, những lí do nào mà ngài thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với thân này và thể hiện lòng ái mộ như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, đó là vì sự biết ơn và sự cảm ơn của con nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng ái mộ như vậy con đối với đức Thế Tôn.

(1) “Bởi vì, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn đang thực hành vì phúc lợi của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người; đức Thế Tôn đã thiết lập nhiều người trong phương pháp thánh thượng, đó là, trong (theo) cách của Giáo Pháp tốt lành, trong cách của Giáo Pháp thiện lành.¹⁹¹² Đây là một lí do nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng ái mộ như vậy con đối với bậc ấy.

(2) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là có giới-hạnh, thuộc giới-hạnh toàn thiện, thuộc giới-hạnh thánh thiện, thuộc giới-hạnh thiện lành, có được giới-hạnh thiện lành. Đây là một lí do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(3) “Lại nữa, từ lâu đức Thế Tôn đã là người sống tu trong rừng, người về sống tu ở những nơi xa lánh trong rừng hoang và rừng rậm. Bởi vì điều đó, đây là một lí do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(4) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Đây là một lí do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(5) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Đây là một lí do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(6) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể nghe những sự đàm đạo liên quan tới đời sống thanh bần đưa đến sự mở rộng trái tim, đó là, sự đàm đạo về sự ít tham-muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (với mọi thứ có được; tri túc), về sự sống tách-ly (ẩn dật), về sự không bị trói-buộc [với người này người nọ], về sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là một lý do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(7) “Lại nữa, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn khi muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc bốn tầng thiền định (jhāna), (những tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này. Đây là một lý do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(8) “Lại nữa, thưa Thế Tôn: ‘Đức Thế Tôn có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp của mình trong quá khứ, đó là, một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh; mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh; một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh; nhiều đại kiếp tan hoại thế giới, nhiều đại kiếp tan hoại thế giới và tiến hóa thế giới, như vậy: ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Vậy đó, đức Thế Tôn nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.¹⁹¹³ Bởi vì điều đó, đây là một lý do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(9) “Lại nữa, thưa Thế Tôn: ‘Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*) đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy* những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và đức Thế Tôn *hiểu được* cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: “Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.” Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, đức Thế Tôn nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và đức Thế Tôn hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.” Bởi vì điều đó, đây là một lý do khác nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn ...

(10) Lại nữa, thưa Thế Tôn: ‘Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, đức Thế Tôn đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, bậc ấy an trú trong.’ Bởi vì điều đó, đây là một lý do nên con thể hiện sự tôn vinh tối thượng đối với đức Thế Tôn và thể hiện lòng ái mộ như vậy con đối với bậc ấy.

“Và, thưa Thế Tôn, giờ chúng con phải đi. Chúng con bận bịu và có nhiều việc cần phải làm.”

“Này đại vương, cứ tùy ý mà đi.”

Rồi Vua Pasenadi của xứ Kosala đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi ra.

NHÓM 4

UPĀLI

31 (1) *Upāli*

Lúc đó có Ngài Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, dựa trên bao nhiêu nền tảng mà Như Lai đã quy định những điều giới-luật tu hành¹⁹¹⁴ cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha (Giới Bản, Giới luật Tỳ kheo, Giới luật Tăng đoàn)?”

“Này Upāli, đó là mười nền tảng dựa trên đó Như Lai đã quy định những điều giới-luật tu hành cho những đệ tử của mình và đã tụng giảng Pātimokkha. Mười đó là gì? (1) Để có sự an-sinh (an òn) của Tăng Đoàn; (2) để có sự an-cư (thoải mái) của Tăng Đoàn; (3) để có sự kiểm soát những người ngang ngành; (4) để những Tỳ kheo thiện hành có thể sống thoải mái; (5) để có sự kiềm chế những ô-nhiễm thuộc kiếp này; (6) để xua tan những ô-nhiễm thuộc kiếp sau; (7) để những ai không có niềm-tin có thể có được niềm-tin; và (8) để gia tăng [niềm tin] của những người đã có niềm tin; (9) và để có sự liên tục của Giáo Pháp; và (10) để khuyếch trương giới-luật.

“Chính dựa trên mười nền tảng này nên Như Lai đã quy định những điều giới-luật tu hành cho những đệ tử của mình và tụng giảng Pātimokkha.”

32 (2) *Đình Chi*¹⁹¹⁵

“Này các Tỳ kheo, có bao nhiêu lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha?”

“Này Upāli, mười lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha. Mười đó là gì? (1) Khi có người đã phạm một tội *pārājika* (ba-la-di) đang ngồi trong hội chúng; (2) Khi sự thảo luận về ‘một người phạm tội *pārājika*’ còn đang dang dở;¹⁹¹⁶ (3) Khi có người chưa thụ giới toàn bộ (chưa đại thọ giới, chưa thành Tỳ kheo) đang ngồi trong hội chúng; (4) Khi sự thảo luận về ‘một người chưa thụ giới toàn bộ’ còn đang dang dở; (5) Khi có người đã bỏ tu (hoàn tục) đang ngồi trong hội chúng; (6) Khi sự thảo luận về ‘một người bỏ tu’ còn đang dang dở; (7) Khi có một hoạn nhân đang ngồi trong hội chúng;¹⁹¹⁷ (8) Khi sự thảo luận về ‘một hoạn nhân’ còn đang dang dở; (9) Khi có một người tán tỉnh một Tỳ kheo ni đang ngồi trong hội chúng;¹⁹¹⁸ (10) Khi sự thảo luận về ‘một người tán tỉnh một Tỳ kheo ni’ còn đang dang dở. Đây là mười lý do để đình chỉ (việc tụng giảng, tụng đọc) Pātimokkha.”

33 (3) *Sự Phán Quyết*

Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo có bao nhiêu phẩm chất để được đồng ý (bởi Tăng Đoàn) để phán quyết [về một vấn đề hay vụ xử về giới-luật]?”¹⁹¹⁹

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể được đồng ý để phán quyết [về một vấn đề giới-luật]. Mười đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh tốt và nơi nương-

tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều khoản của những giới-luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (4) Người đó vững chắc về giới-luật, không phát phơ đôi dờ. (5) Người đó khả năng thuyết phục cả hai bên của vấn đề (tranh cãi), mô tả các điều cho họ, khuyên họ, chứng minh cho họ, điều đình xoa dịu họ. (6) Người đó khéo giỏi về nguồn gốc phát sinh và sự giải quyết của những vấn đề giới-luật. (7) Người đó biết một vấn đề giới-luật là gì.¹⁹²⁰ (8) Người đó biết nguồn gốc phát sinh của một vấn đề giới-luật. (9) Người đó biết sự chấm dứt của một vấn đề giới-luật.¹⁹²¹ Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này có thể được đồng ý để phán quyết [về một vấn đề giới-luật].”

34 (4) Truyền Thụ Toàn Bộ Giới

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có bao nhiêu phẩm chất để (có thể) truyền thụ toàn bộ giới?” (trao truyền đại thọ giới (cụ túc giới) cho một sa-di để thành một Tỳ kheo mới)

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể truyền thụ toàn bộ giới. Mười đó là gì? (1) Ở đây, một Tỳ kheo là có

giới-hạnh ... người đó tu tập theo những điều luật đó. (2) Người đó đã học-hiểu nhiều ... và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (3) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều khoản của những giới-luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (4) Người đó có khả năng chăm sóc cho người bệnh hoặc nhờ (có, giao) người khác chăm sóc cho người bệnh. (5) Người đó có khả năng loại bỏ sự bất-mãn của một người hoặc nhờ (có, giao) người khác loại bỏ nó. (6) Người đó có khả năng dùng Giáo Pháp để xua tan sự hối-tiết có thể khởi sinh [trong những học trò của mình]. (7) Người đó, bằng cách của Giáo Pháp, có khả năng can ngăn họ khỏi quan-điểm sai lạc đã khởi sinh. (8) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần giới-hạnh bậc cao (của Tỳ kheo). (9) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần tâm bậc cao (những tầng thiên định). (10) Người đó có khả năng khuyến khích họ trong (hướng tới thành tựu) phần trí-tuệ bậc cao (thiền tuệ, minh sát tuệ). Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này có thể truyền thụ toàn bộ giới (cho sa-di để thành một Tỳ kheo).”

35 (4) Sự Nương Dựa

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có được bao nhiêu phẩm chất để ban cho sự nương-dựa?” (sự y chỉ; ban cho một Tỳ kheo mới để Tỳ kheo mới nương dựa theo sự chỉ dẫn của mình để tu tiến)

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể ban cho sự nương-dựa (cho một Tỳ kheo mới). Mười đó là gì?” ...

[*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh kể trên.*]

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này có thể ban cho sự nương-dựa (cho một Tỳ kheo mới).”

36 (6) Sa-Di ¹⁹²²

“Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo cần có bao nhiêu phẩm chất để có được một sa-di hầu cận?”

“Này Upāli, một Tỳ kheo có được mười phẩm chất thì có thể có được một sa-di hầu cận?” ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:34 ở trên.*]

“Một Tỳ kheo có được mười phẩm chất này thì có thể có được một sa-di hầu cận.”

37 (7) Sự Chia Rẽ (1)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Upāli, (do bởi) (1) những Tỳ kheo giảng giải điều phi Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều phi giới-luật là giới-luật, và (4) điều giới-luật là phi giới-luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều không được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều không được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười nền tảng này, họ rút khỏi (tăng đoàn) và bỏ đi (ly khai). Họ tự thực hiện những điều pháp lý riêng ở chỗ họ và tự tụng đọc Pātimokkha ở chỗ riêng của họ. Này Upāli, chính theo cách này là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.”

38 (8) *Sự Chia Rẽ* (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Upāli, (bởi nhờ) (1) những Tỷ kheo giảng giải điều Giáo Pháp là Giáo Pháp, và (2) điều phi Giáo Pháp là điều phi Giáo Pháp. (3) Họ giảng giải điều giới-luật là giới-luật, và (4) điều phi giới-luật là phi giới-luật. (5) Họ giảng giải điều không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã không được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai, và (6) điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai là điều đã được tuyên bố và nói ra bởi Như Lai. (7) Họ giảng giải điều không được thực hành bởi Như Lai là điều đã không được thực hành bởi Như Lai, và (8) điều đã được thực hành bởi Như Lai là điều đã được thực hành bởi Như Lai. (9) Họ giảng giải điều không được quy định bởi Như Lai là điều đã không được quy định bởi Như Lai, và (10) điều đã được quy định bởi Như Lai là điều đã được quy định bởi Như Lai. Dựa vào mười nền tảng này, họ không rút khỏi (tăng đoàn) hay bỏ đi (ly khai). Họ không tự thực hiện những điều pháp lý riêng và không tự tụng đọc Pātimokkha ở chỗ riêng của họ. Này Upāli, chính theo cách này là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn.”

39 (9) *Ānanda* (1)

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chia rẽ trong Tăng Đoàn, sự chia rẽ trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Ānanda ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên.*] ... Này Ānanda, chính theo cách này là có sự chia rẽ trong Tăng Đoàn.”¹⁹²³

“Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người gây sự chia rẽ trong một Tăng Đoàn hòa hợp, là người đó tạo ra gì?

“Người đó tạo ra sự ác dữ (cho mình) suốt cả một đại kiếp, này Ānanda.”¹⁹²⁴

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là sự ác dữ suốt cả một đại kiếp?”

“Người đó bị hành hạ trong địa ngục suốt cả một đại kiếp, này Ānanda.”

Người gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn
Thì rớt vào thống khổ,
Rớt vào địa ngục, ở đó suốt một đại kiếp.
Ưu thích sự bất hòa, thiết lập trong phi Giáo Pháp,
Người đó rớt khỏi sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc.
Sau khi đã gây ra sự chia rẽ trong Tăng Đoàn,
Người đó bị hành hạ trong địa ngục cả một đại kiếp.

40 (10) Ānanda (2)

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự hòa hợp trong Tăng Đoàn, sự hòa hợp trong Tăng Đoàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn?”

“Ở đây, này Ānanda ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:38 ở trên.*] ... Này Ānanda, chính theo cách này là có sự hòa hợp trong Tăng Đoàn.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, khi một người làm hòa hợp một Tăng Đoàn bị chia rẽ, là người đó tạo ra gì?”¹⁹²⁵

“Người đó tạo ra phước đức thiên thánh (thuộc cõi trời), này Ānanda.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là phước đức thiên thánh?”

“Người đó sống an vui trên cõi trời suốt một đại kiếp, này Ānanda.”

Sự hòa hợp trong Tăng Đoàn là an lạc,
Và sự trợ giúp lẫn nhau¹⁹²⁶
Của những người sống trong hòa hợp là an lạc
Vui thích sự hòa hợp, được thiết lập trong Giáo Pháp,
Người đó không rớt khỏi sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc.
Sau khi đã mang lại sự hòa hợp trong Tăng Đoàn,
Người đó sẽ sống an vui trên cõi trời suốt một đại kiếp.

NHÓM 5

MĂNG CHỬI

41 (1) Những Tranh Chấp

Lúc đó có Ngài Upāli đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, tại sao những tranh luận, tranh cãi, tranh giành, và tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn và các Tỷ kheo không sống được thư thái?”

“Ở đây, này Upāl ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên.*] ... Này Upāli, đây là lý do tại sao những tranh luận, tranh cãi, tranh giành, và tranh chấp khởi sinh trong Tăng Đoàn và các Tỷ kheo không sống được thư thái.”

42 (2) *Những Góc Rẽ (1)*

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu góc rẽ của (tạo ra) những sự tranh chấp?”

“Ở đây, này Upāl ... [*Tiếp tục từ (1)-(10) như kinh 10:37 ở trên.*] ... Này Upāli, đây là mười góc rẽ của những sự tranh chấp.”

43 (3) *Những Góc Rẽ (2)*

“Thưa Thế Tôn, có bao nhiêu góc rẽ của (tạo ra) những sự tranh chấp?”

“Này Upāli, có mười góc rẽ của những sự tranh chấp. Mười đó là gì? Ở đây, (1) những Tỳ kheo giảng giải điều không tội là phạm tội, và (2) điều phạm tội là không tội. (3) Họ giải thích tội nhẹ là tội nặng, và (4) tội nặng là tội nhẹ. (5) Họ giải thích tội thô là tội không thô, và (6) tội không thô là tội thô. (7) Họ giải thích tội có thể tu sửa được (sám hối được) là tội không thể tu sửa được (không phải chỉ sám hối là được), và (8) một tội không thể tu sửa được là một tội có thể sửa được. (9) Họ giảng giải tội có sự khôi phục là tội không có sự khôi phục, và (10) tội không có sự khôi phục là tội có sự khôi phục.¹⁹²⁷ Này Upāli, đây là mười góc rẽ của những sự tranh chấp.”

44 (4) *Kusinārā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kusinārā, trong khu rừng rậm (được gọi là) “rừng cúng tế”. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác thì (a) nên xem xét chính mình về năm điều và (b) thiết lập năm điều trong chính mình trước khi khiển trách người khác.¹⁹²⁸ (a) Về năm điều gì người đó nên xem xét chính mình?

(1) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Hành-vi thân (thân hành; hành-động) của mình có trong sạch không? Liệu mình có được hành-vi thân là trong sạch, không khuyết điểm, và không thể bị chê trách? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi thân của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi thân là trong sạch, không khuyết điểm, và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập về chính mình về thân.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Hành-vi miệng (khẩu hành, lời-nói) của mình có trong sạch không? Liệu mình có được hành-vi miệng là trong sạch, không khuyết điểm, và không thể bị chê trách? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi miệng của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi miệng là trong sạch, không khuyết điểm, và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập về chính mình về miệng.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(3) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Hành-vi tâm (tâm hành; ý nghĩ) của mình có trong sạch không? Liệu mình có được hành-vi tâm là trong sạch, không khuyết điểm, và không thể bị chê trách? Liệu phẩm hạnh này có mặt bên trong mình hay không?’ Nếu hành-vi tâm của Tỳ kheo đó là không trong sạch, và người đó không có được hành-vi tâm là trong sạch, không khuyết điểm, và không thể bị chê trách, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên tu tập về chính mình về

tâm.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(4) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: ‘Có phải mình đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học? Có phải mình đã học những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết? Có phải mình đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến)? Nếu Tỳ kheo đó không học-hiểu nhiều ... và chưa thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên học phần di sản đó (tức Phật Pháp).’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

(5) Lại nữa, một Tỳ kheo muốn khiển trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình như vậy: Có phải cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho mình một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều khoản của những giới-luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng? Liệu phẩm chất này có mặt trong mình hay không?’ Nếu cả hai bộ Pātimokkha chưa được truyền thụ tốt một cách chi tiết cho Tỳ kheo đó ... về những điều khoản của những giới-luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng, và nếu, khi được hỏi: ‘Đức Thế Tôn nói điều này ở đâu?’ mà người đó không trả lời được, thì sẽ có những người khác nói như vậy với Tỳ kheo đó: ‘Mời thầy trước tiên học phần giới-luật.’ Sẽ có người nói điều này với Tỳ kheo đó.

“Chính như vậy là về năm điều người đó nên xem xét chính mình.

(b) “Và cái gì là năm điều người đó nên thiết lập trong chính mình? [Người đó nên biết suy xét:] ‘(6) Tôi sẽ nói lúc thích hợp, không nói lúc không thích hợp (phi thời); (7) Tôi sẽ nói một cách sự thật,

không nói một cách sai sự thật; (8) Tôi sẽ nói một cách nhẹ nhàng, không nói một cách gắt gỏng; (9) Tôi sẽ nói một cách có lợi, không nói một cách có hại; (10) Tôi sẽ nói với một tâm-từ, không nói khi chấp chứa sự sân-ghét.’ Đây là năm điều mà người đó nên thiết lập trong chính mình.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo muốn khiến trách Tỳ kheo khác nên xem xét chính mình về năm điều này và thiết lập năm điều này trong chính mình trước khi khiến trách những người khác.”

45 (5) Đi Vào

“Này các Tỳ kheo, có mười sự nguy-hại trong việc đi vào hậu cung của nhà vua? Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, nhà vua đang ngồi với hoàng hậu của ông. Tỳ kheo đi vào, dù hoàng hậu mỉm cười với Tỳ kheo khi gặp Tỳ kheo đó, hay Tỳ kheo đó mỉm cười với hoàng hậu khi gặp hoàng hậu. Nhà vua nghĩ: ‘Chắc hẳn có chuyện gì giữa họ, hay có chuyện gì sắp diễn ra.’ Đây là sự nguy hại thứ nhất khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(2) “Lại nữa, khi nhà vua do trước đó đã bận bịu, đã tham dự vào nhiều việc, nhà vua có giao hợp với một cung phi nhưng không nhớ điều đó, và sau đó cung phi đó có thai. Nhà vua nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’ [có thể đây là ‘việc làm’ của Tỳ kheo đó?]. Đây là sự nguy hại thứ hai khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(3) “Lại nữa, có châu báu bị mất trong hậu cung của nhà vua. Nhà vua nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’ Đây là sự nguy hại thứ ba khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(4) “Lại nữa, những mưu tính cơ mật trong hậu cung của nhà vua

đã bị lộ ra ngoài cho người khác.¹⁹²⁹ Nhà vua nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’ Đây là sự nguy hại thứ tư khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(5) “Lại nữa, trong hậu cung của nhà vua có người cha mong gặp con, hoặc có người con mong gặp cha.¹⁹³⁰ Họ nghĩ: ‘Chẳng có ai đã đi vô hậu cung trừ Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm?’ Đây là sự nguy hại thứ năm khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(6) “Lại nữa, nhà vua thăng cấp ai đó. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’ Đây là sự nguy hại thứ sáu khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(7) “Lại nữa, nhà vua giáng cấp ai đó. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’ Đây là sự nguy hại thứ bảy khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(8) “Lại nữa, sau khi nhà vua đã phái quân đội đi vào lúc không thích hợp. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’ Đây là sự nguy hại thứ tám khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(9) “Lại nữa, sau khi nhà vua đã phái quân đội đi vào lúc thích hợp, sau đó lại lệnh thu quân về lại ngay. Những người không hài lòng với điều đó nghĩ rằng: ‘Nhà vua có liên hệ gần gũi với Tỳ kheo đó. Có thể đây là do Tỳ kheo đó làm (xúi)?’ Đây là sự nguy hại thứ chín khi đi vào hậu cung của nhà vua.

(10) “Lại nữa, trong hậu cung của nhà vua có sự chộn rộn của voi,¹⁹³¹ ngựa, và xe ngựa cũng như có những âm-thanh, những hình-sắc, những mùi-hương, những mùi-vị, và những đối-tượng chạm xúc quyến rũ, là không phù hợp cho một Tỳ kheo. Đây là sự nguy hại thứ mười khi đi vào hậu cung của nhà vua.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười sự nguy hại của việc đi vào hậu cung của nhà vua.”

46 (6) Những Người Thích-Ca

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Thích-ca (Sakya) ở thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavatthu) trong vườn cây Đa Đề (Nigrodha, banyan). Lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát (uposatha), một số đệ tử tại gia người Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này những người Thích-ca, các vị có tuân giữ toàn bộ tám chi giới bố-tát hay không?”¹⁹³²

“Thưa Thế Tôn, có khi chúng con thực hành, có khi chúng con không thực hành.”

“Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, các vị chỉ lúc có lúc không tuân giữ toàn bộ tám chi giới bố-tát như vậy. Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Giả sử có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được nửa đồng tiền [*kahāpana*] mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Giả sử có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được một đồng tiền mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Giả sử có một người, nếu không làm gì bất thiện, có thể kiếm được hai ... ba ... bốn

... năm ... sáu ... bảy ... tám ... chín ... mười ... hai mươi năm
mười đồng tiền [*kahāpaṇa*]¹⁹³³ mỗi ngày nhờ làm việc. Vậy điều đó có
đủ để gọi ông ta là một người khôn ngoan và giỏi giang hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Nếu người đó có
kiếm được một trăm hay một trăm ngàn đồng tiền ngày qua ngày, cất
giữ lợi lộc đã làm được, và sống thọ tới 100 năm, thì ông ta có tích lũy
được một đống lớn của cải hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Các vị nghĩ sao, này những người Thích-ca? Tính theo sự giàu
có của ông ta, nhờ có sự giàu có của ông ta, vì sự giàu có của ông ta,
ông ta có nếm trải toàn hạnh-phúc được một đêm hay một ngày, hay
được nửa đêm hay nửa ngày, hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Tại sao không? Bởi vì những khoái-
lạc giác-quan (dục lạc) là vô thường, rỗng tuếch, sai giả, và đánh lừa.”

- “Tuy nhiên, này những người Thích-ca, đệ tử của ta sống chuyên
chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 năm, thực hành như ta
hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn
năm [100 lần 100 năm],¹⁹³⁴ 100 ngàn năm, và 10 triệu năm [100 lần 100
ngàn năm].¹⁹³⁵ Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai,
hoặc chắc chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 năm (tu tập). Đệ tử
của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 năm
... 8 năm ... 7 năm ... 6 năm ... 5 năm ... 4 năm ... 3 năm ... 2 năm ...
1 năm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể nếm trải toàn hạnh-phúc
được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người
đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắc chắn thành bậc
Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 năm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể ném trái toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 tháng ... 8 tháng ... 7 tháng ... 6 tháng ... 5 tháng ... 4 tháng ... 3 tháng ... 2 tháng ... 1 tháng, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể ném trái toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 1 tháng (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 10 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể ném trái toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

- “Này những người Thích-ca, nói chi tới 10 ngày và đêm (tu tập). Đệ tử của ta sống chuyên chú, nhiệt thành, và kiên định (tu tập) trong 9 ngày và đêm ... 8 ngày và đêm ... 7 ngày và đêm ... 6 ngày và đêm ... 5 ngày và đêm ... 4 ngày và đêm ... 3 ngày và đêm ... 2 ngày và đêm ... 1 ngày và đêm, thực hành như ta hướng dẫn, thì có thể ném trái toàn hạnh-phúc được 100 năm, 10 ngàn năm, 100 ngàn năm, và 10 triệu năm. Và người đó có thể thành bậc Nhất-lai, một bậc Bất-lai, hay chắn chắn thành bậc Nhập-lưu.

“Đó là sự bất hạnh, đó là sự mất mát, này những người Thích-ca! Khi sự sống bị nguy hiểm bởi sự buồn sầu và cái chết, các vị chỉ lúc có

lúc không tuân giữ toàn bộ tám chi giới bố-tát như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay chúng con sẽ tuân giữ toàn bộ tám chi giới bố-tát.”

47 (7) Mahāli

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong sảnh đường mái nhọn, trong khu Rừng Lớn. Lúc đó có ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

- “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duyên) để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu?”¹⁹³⁶

“Này Mahāli, (1) tham là nguyên nhân và điều kiện để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu. (2) Sân là nguyên nhân và điều kiện ... (3) Si là nguyên nhân và điều kiện ... (4) Sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) là nguyên nhân và điều kiện ... (5) Một cái tâm bị hướng sai lạc (tà hướng) là nguyên nhân và điều kiện để làm những nghiệp xấu, để xảy ra những nghiệp xấu.”

- “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và điều kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt?”

“Này Mahāli, (1) vô-tham là nguyên nhân và điều kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt. (2) vô-sân là nguyên nhân và điều kiện ... (3) vô-si là nguyên nhân và điều kiện ... (4) Sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là nguyên nhân và điều kiện ... (5) Một cái tâm được hướng đúng đắn (chánh hướng) là nguyên nhân và điều kiện để làm những nghiệp tốt, để xảy ra những nghiệp tốt.”

“Này Mahāli, nếu mười phẩm chất này không có mặt trong thế gian thì đâu thấy có có hạnh (hành vi) bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp. Nhưng do mười

phẩm chất này có mặt trong thế gian nên thấy có hạnh bất chính, hạnh trái với Giáo Pháp, và hạnh chân chính, hạnh đúng theo Giáo Pháp.”

48 (8) Những Điều (nên thường quán chiếu)

“Có mười điều này một người đã xuất gia nên thường xuyên quán chiếu. Mười đó là gì?

(1) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta đã bước vào tình trạng vô giai cấp.’¹⁹³⁷

(2) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Sự sống của ta phụ thuộc vào những người khác.’¹⁹³⁸

(3) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Hành vi phong cách của ta phải khác.’¹⁹³⁹

(4) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Có phải ta nên khiển trách chính mình về vấn đề giới-hạnh?’¹⁹⁴⁰

(5) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Có phải những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí, sau khi điều tra tìm hiểu, nên khiển trách ta về vấn đề giới-hạnh?’

(6) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta phải bị chia lìa và chia xa với mọi người và mọi thứ ta thương ta quý.’¹⁹⁴¹

(7) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta là chủ nghiệp của ta, là người thừa tự nghiệp của ta; ta có nghiệp là nguồn-gốc của ta, nghiệp là họ-hàng của ta, nghiệp là nơi nương-dựa của ta; ta sẽ là người thừa-lãnh mọi nghiệp tốt xấu mà ta (đã) làm.’

(8) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta nên trải qua những ngày và đêm theo cách nào (cho phù hợp và để tu tiến)?’

(9) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Ta có vui thích ở trong những chòi trống hay không?’

(10) “Người đã xuất gia nên thường quán chiếu: ‘Sau khi đạt tới sự khác-biệt siêu nhân nào về trí-biết và tầm-nhìn xứng đáng của những bậc thánh, để cho những ngày cuối cùng, khi ta được hỏi bởi những Tỳ kheo đồng đạo, ta sẽ không thấy ngượng ngùng?’

“Này các Tỳ kheo, đây là mười điều một người đã xuất gia nên thường quán chiếu.”

49 (9) Tôn Tại Nhờ Thân

“Này các Tỳ kheo, đây là mười thứ tôn tại nhờ có thân? Mười đó là gì? Lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện, kiểm chế thân, kiểm chế lời-nói, kiểm chế trong sự sinh kế, và sự tạo-tác (cố ý) để hiện-hữu dẫn tới sự tái hiện-hữu.¹⁹⁴² Đây là mười thứ tôn tại nhờ có thân.”

50 (10) Những Tranh Cãi

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvathī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ dẫn đến tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến chỗ hội trường, ở đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, sự thảo luận gì các thầy đã tham gia khi các thầy mới ngồi với nhau ở đây? Sự thảo luận gì đang dở dang (chưa được kết thúc)?”

“Ồ đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khát thực trong thành

Sāvattḥī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con dẫn đến tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.”

“Này các Tỳ kheo, thật không phù hợp đối với các thầy là những người họ tộc vì niềm-tin đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành mà các thầy lại dẫn tới tranh luận và tranh cãi và rớt vào sự tranh chấp, dùng những lời lẽ đâm chọt nhau.

“Này các Tỳ kheo, có mười nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.¹⁹⁴³ Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. Vì một Tỳ kheo là có giới-hạnh ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). Vì một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng

đạo tốt. Vì một Tỳ kheo có những bạn tốt ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo là dễ tu sửa và có được những phẩm chất làm cho người đó dễ được tu sửa; người đó nhẫn nhịn và nhận lấy sự chỉ dẫn một cách tôn trọng. Vì một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khéo giỏi và siêng năng tham gia làm những công việc này nọ (ở chỗ tu, trong chùa, như những việc Tăng sự, Phật sự...) thay cho các Tỳ kheo khác; người đó có được sự tìm hiểu thích hợp ở đó, và có khả năng thực hiện và sắp xếp mọi thứ một cách phù hợp. Vì một Tỳ kheo là khéo giỏi vãng siêng năng ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo yêu mến Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức nói về những giáo lý; vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. Vì một Tỳ kheo yêu mến Giáo Pháp ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn) để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện và tích tạo những phẩm chất thiện; người đó là mạnh mẽ, vững vàng trong sự cố gắng, không lơ lãng bỏn phận tu dưỡng những phẩm chất thiện. Vì một Tỳ kheo đã phát khởi nỗ-lực ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. Vì một Tỳ kheo biết

hài lòng với mọi thứ y áo ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo là có chánh-niệm, có được sự chánh-niệm cao nhất, là người nhớ và nhớ lại điều đã được làm và nói từ lâu. Vì một Tỳ kheo là có chánh-niệm ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo là khôn trí; người đó có được trí-tuệ để nhìn thấy sự khởi sinh và biến-diệt, (loại trí-tuệ) đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập và dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Vì một Tỳ kheo là khôn trí ... đây là một nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười nguyên tắc hòa-hợp tạo ra sự thân mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.”

[Năm Mười Kinh Thứ Hai]

NHÓM 1 TÂM CỦA MÌNH

51 (1) *Tâm Của Mình*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(*) “Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình.’ Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

“Và theo cách nào là một Tỳ kheo thiện khéo về những đường lối của tâm mình? Giống như một người nữ hay nam—trẻ, trẻ tuổi, và thích đồ trang sức—sẽ nhìn vào khuôn mặt mình phản chiếu trong một cái gương sạch sáng [hay một chậu nước trong]. Nếu họ thấy có vết dơ hay khuyết điểm nào trên đó, họ sẽ cố gắng loại bỏ nó. Nhưng nếu họ không thấy vết dơ hay ố nhiễm nào trên đó, họ sẽ vui mừng về điều đó; và mong muốn của họ được thỏa mãn, họ sẽ nghĩ: ‘Thật phúc lành ta được sạch sẽ!’¹⁹⁴⁴ Cũng giống như vậy, sự tự xem xét mình (phản quan tự kỷ)

là rất có ích lợi cho một Tỳ kheo [để tăng trưởng] về những phẩm chất thiện lành.

“[Một người nên hỏi chính mình:] (1) ‘Ta thường sống có (chướng ngại) tham-dục hay không tham-dục? (2) Ta thường sống có ác-ý hay không ác-ý? (3) Ta thường sống bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn hay không có sự buồn-ngủ và đờ-đẫn? (4) Ta thường sống bất-an hay bình-tĩnh? (5) Ta thường bị ám muội bởi nghi-ngờ hay không có nghi-ngờ? (6) Ta thường tức-giận hay không có sân-giận? (7) Tâm của ta thường bị ô-nhiễm hay không bị ô-nhiễm? (8) Thân của ta thường bị kích-động hay không bị kích-động? (9) Ta thường lười-biếng hay nỗ-lực? (10) Ta thường không đạt-định hay đạt-định?’¹⁹⁴⁵

“Nếu, bằng cách tự xem xét chính mình (phản quan tự kỷ) như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta thường sống có (chướng ngại) tham-dục, thường sống có ác-ý, bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, bị bất-an, bị ám muội bởi nghi-ngờ, có tức-giận, bị ô-nhiễm trong tâm, bị kích-động trong thân, có lười-biếng, và không đạt-định’ thì người đó nên đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó sẽ (lập tức) đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết phi thường để dập tắt [lửa cháy] trên quần áo hay trên đầu đó; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nên đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết phi thường để dẹp bỏ những phẩm chất bất thiện đó.

“Nhưng nếu, bằng sự tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta thường sống không có tham-dục, thường sống không có ác-ý, không bị chi phối bởi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, không bị bất an, không bị ám muội bởi nghi-ngờ, không tức-giận, không bị ô-nhiễm

trong tâm, không bị khích-động trong thân, không lười-biếng, và đạt định’ thì người đó sẽ dựa bản thân vào những phẩm chất thiện đó và tạo thêm nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).”

52 (2) *Xá-lợi-phát*

Lúc đó Ngài Xá-lợi-phát đã nói với các Tỳ kheo: “Này đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đáp lại. Thầy Xá-lợi-phát đã nói điều này:

[Tiếp tục giống hết kinh 10:51 kể trên từ chỗ () đến hết kinh, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phát nói.]*

53 (3) *Sự Ngưng Trệ*

“Này các Tỳ kheo, ta không đề cao sự ngưng trệ (không gia tăng, không tiến triển) trong những phẩm chất thiện lành, càng không đề cao sự sa sút. Ta chỉ khen ngợi sự tăng trưởng trong những phẩm chất thiện lành, không phải sự ngưng trệ hay sự suy đồi.¹⁹⁴⁶

“Và theo cách nào là có sự suy đồi—không phải sự ngưng trệ hay tăng trưởng—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. Những phẩm chất đó của người đó không duy trì hay tăng trưởng. Ta nói, đây là sự suy đồi chứ không phải duy trì hay tăng trưởng trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là có sự duy đồi—không phải sự ngưng trệ hay tăng trưởng—trong những phẩm chất thiện lành.

“Và theo cách nào là có sự ngưng trệ—không phải sự suy đồi hay tăng trưởng—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo

có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. Những phẩm chất đó của người đó không suy đồi cũng không tăng trưởng. Ta nói, đây là sự ngưng trệ chứ không phải suy đồi hay tăng trưởng trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là có sự ngưng trệ—không phải sự suy đồi hay tăng trưởng—trong những phẩm chất thiện lành.

“Và theo cách nào là có sự tăng trưởng—không phải sự suy đồi hay ngưng trệ—trong những phẩm chất thiện lành? Ở đây, một Tỳ kheo có một mức độ nào đó của niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự từ-bỏ, trí-tuệ, và sự nhận-biết. Những phẩm chất đó của người đó tăng trưởng không duy trì cũng không suy đồi. Ta nói, đây là sự tăng trưởng chứ không phải ngưng trệ hay suy đồi trong những phẩm chất thiện lành. Như vậy là có sự tăng trưởng—không phải sự ngưng trệ hay suy đồi—trong những phẩm chất thiện lành.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người không thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [nên tu tập]: ‘Ta sẽ thiện khéo trong những đường lối của tâm mình.’ Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

... [Tiếp tục giống như kinh 10:51 cho đến hết kinh].”

54 (4) Sự Tĩnh Lặng

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình.’ Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

“Và theo cách nào là một Tỳ kheo thiện khéo về những đường lối của tâm mình? Giống như một người nữ hay nam—trẻ, trẻ tuổi, và thích đồ trang sức—sẽ nhìn vào khuôn mặt mình phản chiếu trong một cái

gương sạch sáng [hay một chậu nước trong]. Nếu họ thấy có vết dơ hay khuyết điểm nào trên đó, họ sẽ cố gắng loại bỏ nó. Nhưng nếu họ không thấy vết dơ hay ố nhiễm nào trên đó, họ sẽ vui mừng về điều đó; và mong muốn của họ được thỏa mãn, họ sẽ nghĩ: ‘Thật phúc lành ta được sạch sẽ!’ Cũng giống như vậy, sự tự xem xét mình (phản quan tự kỷ) là rất có ích lợi cho một Tỳ kheo [đề tăng trưởng] về những phẩm chất thiện lành: ¹⁹⁴⁷ ‘Ta có đạt *sự tĩnh-lặng bên trong của tâm* (định), hay không có? Ta có đạt được *trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng* (tuệ), hay không có?’

(1) “Nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được {phần định} [nguyên văn: *sự tĩnh-lặng bên trong của tâm*], nhưng không đạt được {phần tuệ} [nguyên văn: *trí-tuệ bậc cao của sự minh-sát nhìn thấu những hiện-tượng*],¹⁹⁴⁸ thì người đó nên dựa [mình] vào {phần định} (đã đạt được), và nỗ lực tu để đạt được {phần tuệ}. Rồi đến lúc người đó sẽ đạt cả {phần định} và {phần tuệ}.

(2) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Ta đạt được {phần tuệ}, nhưng không đạt được {phần định}, thì người đó nên dựa [mình] vào {phần tuệ}, và nỗ lực để đạt được {phần định}. Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả {phần tuệ} và {phần định}.

(3) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỳ kheo biết: ‘Tôi không đạt được {phần định}, cũng không đạt được {phần tuệ}, thì người đó nên đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Giống như một người có quần áo hay đầu tóc đang bị cháy thì người đó phải có mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết phi thường để dập tắt ngay [lửa cháy] trên quần áo hay đầu tóc của mình; cũng giống như vậy, loại người thứ ba

nên đặt ra sự mong muốn phi thường, sự nỗ lực, sự nhiệt huyết, sự nhiệt thành, sự không biết mệt mỏi, sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tinh giác) phi thường để đạt được cả hai (phần) phẩm chất thiện đó. Rồi đến một lúc người đó sẽ đạt cả hai {phần định} và {phần tuệ}.

(4) “Nhưng nếu, bằng cách tự xem xét chính mình như vậy, một Tỷ kheo biết: ‘Ta đạt được cả hai {phần định} và {phần tuệ}, thì người đó nên dựa mình trên cả hai phần đó, và tạo thêm sự nỗ-lực (tinh tấn) để đạt tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu tận).’¹⁹⁴⁹

“[a] Những y phục, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt (hai phương diện, hai lần): y phục nên được dùng và y phục không nên được dùng. Cũng vậy, [b] những thức ăn khát thực, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt. [c] Những chỗ ở, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: chỗ ở nên được dùng và chỗ ở không nên được dùng. [d] Những khu làng hay phố thị, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: làng hay phố thị nên được trú ở và làng hay phố thị không nên được trú ở. [e] Những xứ sở hay vùng miền, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: xứ sở hay vùng miền nên được trú ở và xứ sở hay vùng miền không nên được trú ở. [f] Những người, ta nói, nên được hiểu theo hai mặt: người nên được giao lưu và người không nên được giao lưu.¹⁹⁵⁰

(5) “Khi điều [a] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một y-phục (cà sa): ‘Khi ta dùng y phục này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng y phục như vậy. Nhưng nếu người A biết về một y-phục: ‘Khi tôi dùng y phục này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng y phục như vậy.

“Khi điều [a] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(6) “Khi điều [b] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về thứ thức-ăn khát thực nào: ‘Khi ta dùng thức ăn

khất thực này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng thức ăn khất thực như vậy. Nhưng nếu người A biết về một thức-ăn khất thực: ‘Khi tôi dùng thức ăn khất thực này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng thức ăn khất thực như vậy.

“Khi điều [b] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(7) “Khi điều [c] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về chỗ-ở nào: ‘Khi ta dùng chỗ ở này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên dùng chỗ ở như vậy. Nhưng nếu người A biết về một chỗ-ở: ‘Khi tôi dùng chỗ ở này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên dùng chỗ ở như vậy.

“Khi điều [c] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(8) “Khi điều [d] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một khu làng hay phố thị nào: ‘Khi ta trú ở trong khu làng hay phố thị này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên trú ở trong khu làng hay phố thị như vậy. Nhưng nếu người A biết về một khu làng hay phố thị: ‘Khi tôi trú ở trong khu làng hay phố thị này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên trú ở trong khu làng hay phố thị như vậy.

“Khi điều [d] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(9) “Khi điều [e] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một xứ sở hay vùng miền: ‘Khi ta trú ở trong xứ sở hay vùng miền này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện giảm sút’, thì người đó không nên trú ở trong xứ sở hay vùng miền như vậy. Nhưng nếu người A biết về một

xứ sở hay vùng miền: ‘Khi tôi trú ở trong xứ sở hay vùng miền này, những phẩm chất thiện khởi sinh và những phẩm chất bất thiện giảm sút, thì người đó nên trú ở trong xứ sở hay vùng miền như vậy.

“Khi điều [e] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.

(10) “Khi điều [f] được nói ra, vì lý do gì nó được nói như vậy? Nếu người A biết về một người: ‘Khi ta giao lưu (gặp gỡ, ở gần, sống chung, tu chung, hay tu theo) với người này, những phẩm chất bất thiện khởi sinh trong ta và những phẩm chất thiện thì giảm sút’ thì người A không nên giao lưu với một người như vậy. Nhưng nếu người A biết về một người: ‘Khi ta giao lưu với người này, những phẩm chất bất thiện giảm đi và những phẩm chất thiện gia tăng’ thì người A nên giao lưu với một người như vậy.

“Khi điều [f] được nói ra, vì lý do này nên nó được nói như vậy.”

55 (5) *Sự Sa Sút*

Ở đó Ngài Xá-lợi-phát đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phát đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, thường nghe nói: ‘Một người sẽ bị sa sút, một người sẽ bị sa sút.’ Theo cách nào đức Thế Tôn đã nói một người sẽ bị sa sút và một người sẽ không bị sa sút?”

“Này đạo hữu, chúng tôi từ xa đến đây để học ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phát. Sẽ tốt lành nếu thầy làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ thầy, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ nó trong tâm.”

“Được rồi, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, theo cách nào đức Thế Tôn đã nói về một người sẽ bị sa sút? Ở đây, (a) một Tỳ kheo không biết lắng nghe một giáo lý mình chưa được nghe trước đó, (b) quên mất những giáo lý mình đã nghe trước đó, (c) không đưa đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc, và (d) không (tìm) hiểu điều người đó chưa hiểu được. Chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về một người sẽ bị sa sút.¹⁹⁵¹

“Này các đạo hữu, theo cách nào đức Thế Tôn đã nói về một người sẽ không bị sa sút? Ở đây, (a) một Tỳ kheo biết lắng nghe một giáo lý mình chưa được nghe trước đó, (b) không quên những giáo lý mình đã nghe trước đó, (c) đưa đến tâm những giáo lý mà người đó đã quen thuộc, và (d) (tìm) hiểu điều người đó chưa hiểu được. Chính theo cách này đức Thế Tôn đã nói về một người sẽ không bị sa sút.

(*) “Này các đạo hữu, một Tỳ kheo không được thiện khéo về những đường lối của tâm của những người khác [nên tu tập]: ‘Tôi sẽ thiện khéo về những đường lối của tâm mình.’ Chính theo cách này các thầy nên tu tập bản thân.

[*Tiếp tục giống hệt kinh 10:51 ở trên từ chỗ (*) đến hết kinh, chỉ khác là kinh này do thầy Xá-lợi-phất nói cho các Tỳ kheo (“Này các đạo hữu.”)*]

56 (6) Những Nhận Thức (1)

“Này các Tỳ kheo, mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của nó.¹⁹⁵² Mười đó là gì? (1) Nhận thức về sự không hấp-dẫn (không sạch; của thân), (2) nhận thức về cái chết, (3) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự

không còn thích-thú trong toàn bộ thể gian, (5) nhận-thức về sự vô-thường, (6) nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, (7) nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, (8) nhận-thức về sự đẹp-bỏ, (9) nhận-thức về sự chán-bỏ, và nhận-thức về sự chấm-dứt. Đây là mười nhận-thức, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của chúng.”

57 (7) Những Nhận Thức (2)

“Này các Tỳ kheo, mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của nó. Mười đó là gì? (1) Nhận-thức về sự vô-thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã, (3) nhận-thức về cái chết, (4) nhận-thức về sự gớm-ghiếc của thức ăn, (5) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thể gian, (6) nhận-thức về một bộ xương, (7) nhận-thức về thi thể bị giòi đục, (8) nhận-thức về một thi thể đã tím xanh, (9) nhận-thức về một thi thể bị nứt chảy, và (10) nhận-thức về một thi thể bị trương sinh.¹⁹⁵³ Mười nhận-thức này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao, dẫn tới đỉnh cao là sự bất-tử, có sự bất-tử là chung-cuộc của nó.”

58 (8) Những Góc Rẽ

“Này các Tỳ kheo, những du sĩ các giáo phái khác (ngoại đạo) có thể hỏi các thầy:

(1) ‘Này bạn hữu, mọi thứ (tất cả mọi pháp) bắt rễ (có gốc rễ) từ cái gì? (2) Thông qua cái gì chúng trở thành hiện hữu? (3) Chúng khởi sinh từ cái gì? (4) Chúng hội tụ trên cái gì? (5) Chúng được dẫn đầu bởi cái gì? (6) Những sự thực hành nào là thẩm quyền đối với chúng? (7) Cái gì là người giám sát của chúng? (8) Cái gì là cốt lõi của chúng? (9)

Chúng dẫn tới đỉnh cao là cái?, và (10) cái gì là chung-cuộc của chúng?’
Nếu được hỏi như vậy, các thầy sẽ trả lời họ ra sao?”¹⁹⁵⁴

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này bạn hữu, mọi thứ bắt rễ từ cái gì? ... Cốt lõi của chúng là gì?’ thì các thầy nên trả lời họ như sau:

“‘Này các hữu, (1) mọi thứ đều bắt rễ từ sự tham-muốn. (2) Chúng trở thành hiện hữu thông qua sự chú-tâm (tác ý). (3) Chúng khởi sinh từ sự tiếp-xúc. (4) Chúng hội tụ trên cảm-giác. (5) Chúng được dẫn đầu bởi sự định-tâm. (6) Những sự thực hành chánh-niệm là thâm quyền đối với chúng. (7) Trí-tuệ là người giám sát của chúng. (8) Sự giải-thoát là cốt lõi của chúng.¹⁹⁵⁵ (9) Chúng dẫn đến đỉnh cao là sự bất-tử. (10) Chung-cuộc của chúng là Niết-bàn.’¹⁹⁵⁶

“Nếu các thầy được hỏi những câu hỏi đó, thì các thầy nên trả lời những du sĩ khác đạo đó theo cách như vậy.”

59 (9) Xuất Gia

“Vi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Tâm chúng ta sẽ được củng cố (được làm mạnh hơn) theo như [tinh thần của] sự xuất gia của chúng ta, và những phẩm chất bất thiện sẽ không ám muội tâm của chúng ta.¹⁹⁵⁷ (1) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố (được tăng cường, được làm mạnh) trong nhận-thức về vô

thường. (2) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về vô-nã. (3) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự không hấp-dẫn (của thân). (4) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự nguy-hại. (5) Chúng ta sẽ biết những đường lối bằng-phẳng và đường lối ghồ-ghề trong thế gian,¹⁹⁵⁸ và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (6) Chúng ta sẽ biết sự hình thành hiện-hữu và sự diệt-vong của thế giới,¹⁹⁵⁹ và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (7) Chúng ta sẽ biết sự khởi-sinh và sự biến-diệt của thế giới, và tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức này. (8) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự đẹp-bỏ. (9) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự chán-bỏ. (10) Tâm của chúng ta sẽ được củng cố trong nhận-thức về sự chấm-dứt.’¹⁹⁶⁰ Chính theo cách như vậy các thầy nên tu tập bản thân.

“Khi tâm của một Tỳ kheo đã được củng cố theo như [tinh thần của] sự xuất gia, và những phẩm chất bất thiện đã khởi sinh không ám muội tâm của người đó—khi tâm của người đó được củng cố trong nhận-thức về sự vô-thường khi tâm của người đó được củng cố trong nhận-thức về sự chấm-dứt—thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả đối với người đó: hoặc là trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn chút tàn dư, là trạng thái Bất-lai.”

60 (10) *Girimānanda*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Girimānanda đang bị bệnh, đau nặng, và bệnh yếu như sắp chết.¹⁹⁶¹

Rồi Ngài Ananda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào Phật, ngồi xuống một bên, và thưa với Phật:

“Thưa Thế Tôn, thầy Girimānanda bị bệnh, đau nặng, và bệnh yếu

như sắp chết. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn đến thăm thầy ấy, vì lòng bi mẫn.”

“Này Ananda, nếu thầy có đến thăm Tỳ kheo Girimānanda và nói với thầy ấy về mười sự nhận-thức, thì có thể rằng sau khi nghe những điều đó, bệnh đau của thầy ấy sẽ lặn ngay. Mười đó là gì?

“(1) Nhận-thức về vô-thường, (2) nhận-thức về vô-ngã, (3) nhận-thức về sự không-hấp-dẫn (của thân), (4) nhận-thức về sự nguy-hại (trong thân), (5) nhận-thức về sự dẹp-bỏ, (6) nhận-thức về sự chán-bỏ, (7) nhận-thức về sự chấm-dứt, (8) nhận-thức về sự không-còn thích-thú trong toàn bộ thế gian, (9) nhận-thức về sự vô-thường trong mọi hiện-tượng có điều-kiện (hữu vi), và (10) sự chánh-niệm về hơi-thở.”

(1) “Và này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về vô-thường*? Ở đây, sau khi đã đi vô rừng, đến một gốc cây, hoặc một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét (quán chiếu, thiền quán) như vậy: ‘Sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố-ý là vô thường, thức là vô thường.’ Vì vậy người đó sống quán niệm tính vô-thường trong năm uẩn bị dính chấp đó. Đây được gọi là sự nhận-thức về vô-thường.”

(2) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự vô-ngã*? Ở đây, sau khi đi vô rừng, tới một gốc cây, hay một chòi trống, một Tỳ kheo suy xét như vậy: ‘Mắt là vô ngã, những hình-sắc là vô ngã; tai là vô ngã, những âm-thanh là vô ngã; mũi là vô ngã, những mùi-hương là vô ngã; lưỡi là vô ngã, những mùi-vị là vô ngã; thân là vô ngã, những đối-tượng chạm-xúc là vô ngã; tâm là vô ngã, những hiện-tượng thuộc tâm là vô ngã.’ Như vậy người đó sống quán xét tính vô-ngã trong sáu cơ-sở giác-quan bên trong và bên ngoài. Đây được gọi là sự nhận-thức về vô-ngã.”

(3) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự không-hấp-dẫn* (của thân)? Ở đây, một Tỳ kheo xem xét lại chính thân này từ gót chân lên đỉnh đầu và từ đỉnh đầu xuống gót chân, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ không-sạch: ‘Trong thân này có tóc, lông, móng, răng,

da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng phổi, lá lách, phổi, ruột, màng treo ruột (mỡ sa), bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ, nước mũi, chất nhớt các khớp, nước tiểu.’ Như vậy người đó sống quán niệm về tính không-hấp-dẫn trong thân này. Đây được gọi là sự nhận-thức về sự không-hấp-dẫn.”

(4) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự nguy-hại*? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây hay một chòi trống, một Tỳ kheo quán xét như vậy: ‘Thân này là nguồn khổ đau và nguy hại; bởi tất cả mọi thứ bệnh đau đều khởi sinh trong thân này, đó là: bệnh mắt, bệnh tai trong, bệnh mũi, bệnh lưỡi, bệnh thân, bệnh đầu, bệnh tai ngoài, bệnh miệng, bệnh răng,¹⁹⁶² bệnh ho, bệnh hen suyễn, bệnh viêm chảy, bệnh sốt thường, bệnh sốt cao, bệnh bao tử, bệnh ngất xỉu, bệnh kiết lỵ, bệnh đau thắt, bệnh dịch tả, bệnh phong cùi, bệnh nhọt, bệnh chàm bội nhiễm, bệnh lao phổi, bệnh động kinh, bệnh ngứa da, bệnh ngứa gãi, bệnh vẩy nến, bệnh thủy đậu, bệnh ghẻ lở, bệnh xuất huyết, bệnh trĩ, bệnh ung thư, bệnh lở rò; những bệnh bắt nguồn từ mật, đờm, gió, hoặc sự kết hợp bởi chúng; những bệnh do thay đổi thời tiết; những bệnh do hành vi bất cẩn; những bệnh do hành hung; hoặc những bệnh do nghiệp quả; và lạnh, nóng, đói, khát, tiểu tiện, và đại tiện.’ Như vậy người đó sống quán xét sự nguy-hại trong thân này. Đây được gọi là nhận-thức về sự nguy-hại.”

(5) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự dẹp-bỏ*? Ở đây, một Tỳ kheo không dung dưỡng một ý nghĩ tham-dục đã khởi sinh; người đó từ bỏ nó, xua tan nó, chấm dứt nó, và tiêu diệt nó. Người đó không dung dưỡng một ý nghĩ ác-ý đã khởi sinh . . . không dung dưỡng một ý nghĩ gây-hại (chúng sinh khác) đã khởi sinh . . . không dung dưỡng những trạng thái xấu ác bất thiện mỗi khi chúng khởi sinh; người đó dẹp bỏ chúng, xua tan chúng, chấm dứt chúng, và tiêu diệt chúng. Đây được gọi là sự nhận-thức về sự dẹp-bỏ.”

(6) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự chán-bỏ* (sự ngao ngán, quay lưng, không còn quan tâm). Ở đây, sau khi đi vô rừng,

đến một gốc cây hay một còi trống, một Tỳ kheo quán chiếu như vậy: ‘Đây là bình an, đây là siêu phàm, chính là, sự làm lắng lặng tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), sự dẹp bỏ mọi sự dính-chấp (chấp thủ), sự tiêu diệt dục vọng, *sự chán-bỏ*, Niết-bàn.’ Đây được gọi là sự nhận-thức về sự chán-bỏ.”¹⁹⁶³

(7) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự chấm-dứt*? Ở đây, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây hay một còi trống, một Tỳ kheo quán chiếu như vậy: ‘Đây là bình an, đây là siêu phàm, chính là, sự làm lắng lặng tất cả mọi sự tạo-tác cố-ý (các hành), sự dẹp bỏ mọi sự dính-chấp (chấp thủ), sự tiêu diệt dục vọng, *sự chấm dứt*, Niết-bàn.’ Đây được gọi là sự nhận-thức về sự chấm-dứt.”

(8) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về sự không-còn thích-thú trong toàn bộ thế gian*? Ở đây, một Tỳ kheo sống kiêng cử¹⁹⁶⁴ mọi sự tham-gia và sự dính-chấp, mọi quan-điểm này nọ, mọi sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên, trong tâm) đối với thế giới; dẹp bỏ chúng, không còn dính chấp vào chúng. Đây được gọi là sự nhận-thức về sự không-còn thích-thú trong toàn bộ thế giới.”

(9) “Và, này Ananda, cái gì là sự *nhận-thức về tính vô-thường trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện*? Ở đây, một Tỳ kheo thấy dội ngược, thấy nhục nhã, và ghê tởm với tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện (mọi pháp hữu vi). Đây được gọi là sự nhận-thức về tính vô-thường trong tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện.”¹⁹⁶⁵

(10) “Và, này Ananda, cái gì là *chánh-niệm hơi-thở*? Ở đây, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tếp chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh niệm *ngay trước mặt*, cứ chánh niệm người đó thở vào, chánh niệm người đó thở ra.

Nhóm Đối Tượng Thứ Nhất (Quán sát Thân)

(i) “Thở vào dài, người đó biết, ‘Tôi thở vào dài’; hoặc thở ra dài,

người đó biết, ‘Tôi thở ra dài’.

(ii) “Thở vào ngắn, người đó biết, ‘Tôi thở vào ngắn’; hoặc thở ra ngắn, người đó biết, ‘Tôi thở ra ngắn’.

(iii) “‘Trải nghiệm toàn thân [-hơi thở], tôi thở vào’, người đó luyện tập mình như vậy; ‘trải nghiệm toàn thân [-hơi thở], tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(iv) “‘Làm dịu sự tạo-tác của thân (thân hành), tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘làm dịu sự tạo tác của thân, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

Nhóm Đối Tượng Thứ Hai (Quán sát Cảm Giác)

(v) “‘Trải nghiệm niềm hoan-hỷ (hỷ), tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm niềm hoan-hỷ, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(vi) “‘Trải nghiệm niềm hạnh-phúc (lạc), tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm niềm hạnh-phúc, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(vii) “‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(viii) “‘Làm dịu sự tạo-tác của tâm, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘làm dịu sự tạo-tác của tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.¹⁹⁶⁶

Nhóm Đối Tượng Thứ Ba (Quán sát Tâm)

(ix) “‘Trải nghiệm tâm (trạng thái của tâm), tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘trải nghiệm tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(x) “‘Làm sáng khoái (làm vui) tâm, tôi thở vào’, người đó tập

luyện mình như vậy; ‘làm sáng khoái tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xi) “‘Tập trung tâm, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘tập trung tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xii) “‘Giải thoát tâm, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘giải thoát tâm, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.¹⁹⁶⁷

Nhóm Đối Tượng Thứ Tư (Quán sát Các Pháp)

(xiii) “‘Quán sát tính vô-thường, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát tính vô thường, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xiv) “‘Quán sát sự phai-biến, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự phai-biến, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xv) “‘Quán sát sự chấm-dứt, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự chấm-dứt, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

(xvi) “‘Quán sát sự từ-bỏ, tôi thở vào’, người đó tập luyện mình như vậy; ‘quán sát sự từ-bỏ, tôi thở ra’, người đó tập luyện mình như vậy.

“Đây được gọi là sự chánh-niệm hơi-thở.

“Này Ananda, nếu thầy đến thăm thầy Girimānanda và nói với thầy ấy về mười sự nhận-thức này, thì có thể rằng, sau khi nghe những điều đó, thầy ấy sẽ lập tức bình phục khỏi bệnh đau.”

Rồi, sau khi thầy Ananda đã học mười sự nhận-thức đó từ đức Thế Tôn, thầy ấy đi đến chỗ thầy Girimānanda và nói lại cho thầy Girimānanda nghe về chúng. Sau khi thầy Girimānanda đã nghe xong về mười sự nhận-thức đó, sự đau bệnh của thầy đã lập tức lặn mất. Thầy Girimānanda đã hồi phục khỏi sự đau bệnh đó, và đó là cách thầy ấy

được chữa trị khỏi sự đau bệnh của mình.

NHÓM 2

CÁC CẶP ĐÔI

61 (1) Vô Minh

“Này các Tỳ kheo, thường nghe rằng: ‘Này các Tỳ kheo, điểm khởi đầu của vô-minh là không nhìn thấy được để nói trước điểm này là không có vô-minh và sau điểm này có vô-minh.’¹⁹⁶⁸ Tuy vậy, vô-minh vẫn được nhìn thấy có một điều-kiện (duyên) rõ rệt (cụ thể).

(I) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) vô-minh có một dưỡng chất;¹⁹⁶⁹ nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất của vô-minh? Nên nói đó là: (2) năm chướng-ngại. Ta nói, năm chướng-ngại này cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho năm chướng-ngại? Nên nói đó là: (3) ba loại hành-vi sai trái (tà hạnh). Ta nói, ba loại hành-vi sai trái cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho ba loại hành-vi sai trái? Nên nói đó là: (4) sự không kiểm-chế các giác-quan. Ta nói, sự không kiểm-chế các giác-quan cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự không kiểm-chế các giác-quan? Nên nói đó là: (5) sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tinh giác). Ta nói, sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết? Nên nói đó là: (6) sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý). Ta nói, sự chú-tâm không kỹ càng cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự chú-tâm không kỹ càng? Nên nói đó là: (7) sự thiếu niềm-tin. Ta nói,

sự thiếu niềm-tin cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự thiếu niềm-tin? Nên nói đó là: (8) sự không nghe Giáo Pháp tốt lành. Ta nói, sự không nghe Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự không nghe Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).¹⁹⁷⁰

“Như vậy là, (9) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi (yếu tố này) có đầy, sẽ làm đầy (yếu tố) sự không nghe Giáo Pháp thiện lành. (8) Sự không nghe Giáo Pháp thiện lành, khi có đầy, sẽ làm đầy sự thiếu niềm-tin. (7) Sự thiếu niềm-tin, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý). (6) Sự chú-tâm không kỹ càng, khi có đầy, sẽ làm đầy sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (5) Sự thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không kiềm-chế các giác-quan. (4) Sự không kiềm-chế các giác-quan, khi có đầy, sẽ làm đầy sự ba loại hành-vi sai trái (tà hạnh). (3) Ba loại hành-vi sai trái, khi có đầy, sẽ làm đầy năm chướng-ngại. (2) Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) sự vô-minh. Như vậy là có dưỡng chất cho sự vô-minh, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp thiện lành ... Năm chướng-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy sự vô-minh. Như vậy là có dưỡng chất cho sự vô-minh, và theo cách này nó được làm đầy.

(II) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) trí-biết đích-thực (chân trí) và sự giải-thoát có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát? Nên nói đó là: (2) bảy yếu-tố (trợ giúp) giác-ngộ (thất giác chi). Ta nói, bảy yếu-tố giác-ngộ cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho bảy yếu-tố giác-ngộ? Nên nói đó là: (3) bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). Ta nói, bốn nền tảng chánh-niệm cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho bốn nền tảng chánh-niệm? Nên nói đó là: (4) ba loại hành-vi thiện (thiện hạnh). Ta nói, ba loại hành-vi thiện cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho ba loại hành-vi thiện? Nên nói đó là: (5) sự biết kiểm-chế các giác-quan. Ta nói, sự kiểm-chế các giác-quan cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự kiểm-chế các giác-quan? Nên nói đó là: (6) sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Ta nói, sự chánh-niệm và sự rõ-biết cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự chánh-niệm và sự rõ-biết? Nên nói đó là: (7) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Ta nói, sự chú-tâm kỹ càng cũng có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự chú-tâm kỹ càng? Nên nói đó là: (8) niềm-tin. Ta nói, niềm-tin cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho niềm-tin? Nên nói đó là: (9) sự nghe được Giáo Pháp tốt lành. Ta nói, sự nghe được Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự nghe được Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).

“Nhu vậy là, (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi (yếu tố này) có đầy, sẽ làm đầy (yếu tố) sự nghe Giáo Pháp thiện lành. (9) Sự nghe Giáo Pháp thiện lành, khi có đầy, sẽ làm đầy niềm-tin. (8) Niềm-

tin, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). (7) Sự chú-tâm kỹ càng, khi có đầy, sẽ làm đầy sự chánh-niệm và sự rõ-biết. (6) Sự sự chánh-niệm và sự rõ-biết, khi có đầy, sẽ làm đầy sự biết kiểm-chế các giác-quan. (5) Sự kiểm-chế các giác-quan, khi có đầy, sẽ làm đầy sự ba loại hành-vi thiện (thiện hạnh). (4) Ba loại hành-vi thiện, khi có đầy, sẽ làm đầy bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ). (2) Bốn nền tảng chánh-niệm, khi có đầy, sẽ làm đầy bảy yếu-tố (giúp) giác-ngộ (thất giác chi). (1) Bảy yếu-tố giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực (chân trí, sự giác ngộ) và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe Giáo Pháp thiện lành ... Bảy yếu-tố giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.”

62 (2) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, thường nghe rằng: ‘Này các Tỳ kheo, điểm khởi đầu của dục-vọng muốn hiện-hữu (hữu dục) là không nhìn thấy được để nói trước điểm này là không có dục-vọng muốn hiện-hữu và sau điểm này có dục-vọng muốn hiện-hữu.’ Tuy vậy, dục-vọng muốn hiện-hữu vẫn được nhìn thấy có một điều-kiện (duyên) rõ rệt (cụ thể).

(I) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) đục-vọng muốn hiện-hữu có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho đục-vọng muốn hiện-hữu? Nên nói đó là: (2) sự vô-minh. Ta nói, sự vô-minh cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự vô-minh? Nên nói đó là: (3) năm chương-ngại ... [*Tiếp tục chỗ này giống như kinh 10:61 kể trên:*] ... Và cái gì là dưỡng chất cho sự không nghe Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).

“Nhu vậy là, (10) (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp tốt lành ... (3) Năm Chương-ngại, khi có đầy, sẽ làm đầy sự vô-minh. (2) Sự vô-minh, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) đục-vọng muốn hiện-hữu. Như vậy là có dưỡng chất cho đục-vọng muốn hiện-hữu, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (10) (yếu tố) sự không giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự không nghe Giáo Pháp tốt lành ... và (2) sự vô-minh, khi có đầy, sẽ làm đầy (1) đục-vọng muốn hiện-hữu. Như vậy là có dưỡng chất cho đục-vọng muốn hiện-hữu, và theo cách này nó được làm đầy.

(II) “Này các Tỳ kheo, ta nói rằng, (1) trí-biết đích thực (chân trí) và sự giải-thoát có một dưỡng chất; chúng không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát? Nên nói đó là: (2) bảy yếu-tố (trợ giúp) giác-ngộ (thất giác chi) ... Ta nói,

sự nghe được Giáo Pháp tốt lành cũng có một dưỡng chất; nó không phải không có dưỡng chất. Và cái gì là dưỡng chất cho sự nghe được Giáo Pháp tốt lành? Nên nói đó là: (10) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt (thiện tri thức).

“Nhu vậy là, (10) (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe được Giáo Pháp tốt lành ... (2) Bảy yếu-tố giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.

“Giống như, khi trời đang mưa và mưa trút xuống những hạt mưa lớn trên đỉnh núi, nước chảy xuống sườn dốc và đổ đầy những khe núi, khe suối, và lạch suối; những chỗ này, khi đã đầy, lại đổ đầy những con suối; những con suối, khi có đầy, lại đổ đầy những ao hồ; những ao hồ, khi đã đầy, lại đổ đầy những sông ngòi; và những sông ngòi, khi có đầy, lại đổ đầy đại dương; như vậy là, có dưỡng chất cho đại dương, và theo cách này nó được làm đầy. Cũng giống như vậy, (10) (yếu tố) sự giao lưu gặp gỡ những người tốt, khi có đầy, sẽ làm đầy sự nghe được Giáo Pháp tốt lành ... (2) Bảy yếu-tố giác-ngộ, khi có đầy, sẽ làm đầy trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Như vậy là có dưỡng chất cho trí-biết đích thực và sự giải-thoát, và theo cách này nó được làm đầy.”

63 (3) Sự Chắc Chắn

“Này các Tỳ kheo, tất cả những ai đã đạt tới sự chắc-chắn (tin chắc) về ta họ đều thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Trong số những người đã thành tựu về cách-nhìn, năm đạt được mục tiêu trong thế gian này;¹⁹⁷¹ năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục tiêu trong thế gian này? Người chứng ngộ (Niết-bàn) ‘trong tối đa bảy kiếp’, người chứng ngộ sau khi ‘từ gia đình này tới gia đình kia’ (tức tái sinh trong 2-3 kiếp), người chứng ngộ

một hạt-giống (tức trong 1 kiếp nữa là chứng ngộ),¹⁹⁷² bậc Nhất-lai, và người, ngay trong kiếp này, là A-la-hán. Đây là năm đạt được mục tiêu trong thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này? Người chứng ngộ niết-bàn trong nửa kiếp sau, người chứng ngộ niết-bàn ngay sau khi tái sinh, người chứng ngộ niết-bàn không cần cố-gắng (thêm), người chứng ngộ niết-bàn nhờ cố-gắng (thêm), và người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 5 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho những bậc thánh Bất-lai).¹⁹⁷³ Đây là năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Này các Tỳ kheo, tất cả những ai đã đạt tới sự chắc-chắn về ta họ đều thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến). Trong số những người đã thành tựu về cách-nhìn, năm đạt được mục tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.”

64 (4) Không Lay Chuyển

“Này các Tỳ kheo, tất cả những người có niềm-tin không lay chuyển vào ta họ đều là những bậc Nhập-lưu.¹⁹⁷⁴ Trong số những bậc Nhập-lưu đó, năm đạt được mục tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục tiêu trong thế gian này? Người chứng ngộ (Niết-bàn) ‘trong tối đa bảy kiếp’, người chứng ngộ sau khi ‘từ gia đình này tới gia đình kia’ (tức tái sinh trong 2-3 kiếp), người chứng ngộ một hạt-giống (tức trong 1 kiếp nữa là chứng ngộ), bậc Nhất-lai, và người, ngay trong kiếp này, là A-la-hán. Đây là năm đạt được mục tiêu trong thế gian này.

“Ai là năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này? Người

chứng ngộ niết-bàn trong nửa kiếp sau, người chứng ngộ niết-bàn ngay sau khi tái sinh, người chứng ngộ niết-bàn không cần cố-gắng (thêm), người chứng ngộ niết-bàn nhờ cố-gắng (thêm), và người hướng thượng lưu, hướng lên cõi trời Akanitṭha (Sắc cứu kính thiên: là cõi trời cao nhất trong 5 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho những bậc thánh Bất-lai). Đây là năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.

“Này các Tỳ kheo, tất cả những người có niềm-tin không lay chuyển vào ta họ đều là những bậc Nhập-lưu. Trong số những bậc Nhập-lưu đó, năm đạt được mục tiêu trong thế gian này; năm đạt được mục tiêu sau khi rời khỏi thế gian này.”

65 (5) Hạnh Phúc (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha) ở làng Nālaka (Nālakagāmaka). Lúc đó có du sĩ tên Sāmaṇḍakāni đã đi đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Thiện hữu Xá-lợi-phất, cái gì là hạnh phúc? Cái gì là khổ?”

“Này thiện hữu, tái sinh là khổ. Không tái sinh là hạnh phúc. Khi có tái sinh, (các) khổ này được trông đợi: lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện; bị đau đốn bởi lửa, gậy gộc, hay dao kiếm; và những họ hàng và bạn bè hòa nhau chửi mắng một người. Khi có tái sinh, khổ này được trông đợi.

“Khi không có tái sinh, hạnh phúc này được trông đợi: không lạnh, không nóng, không đói, không khát, không đại tiện và không tiểu tiện; không bị đau đốn bởi lửa, gậy gộc, hay dao kiếm; và những họ hàng và bạn bè hòa nhau chửi mắng một người. Khi không có tái sinh,

hạnh phúc này được trông đợi.”

66 (6) Hạnh Phúc (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha) ở làng Nālaka (Nālakagāma). Lúc đó có du sĩ tên Sāmaṇḍakāni đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Xá-lợi-phất. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Thiện hữu Xá-lợi-phất, cái gì hạnh phúc trong Giáo Pháp và giới-luật này, và cái gì là khổ?”

“Này thiện hữu, sự bất mãn là khổ trong Giáo Pháp và giới-luật này. Sự vui thích là hạnh phúc. Khi có sự bất mãn, (các) khổ này được trông đợi. (1) Khi đi, người tu không thấy hạnh phúc hay dễ chịu. (2) Khi đứng ... (3) Khi ngồi ... (4) Khi nằm ... (5) Khi ở trong làng ... (6) Khi ở trong rừng ... (7) Khi ở dưới gốc cây ... (8) Khi ở trong chòi trống ... (9) Khi ở ngoài trời ... (10) Khi ở giữa những Tỳ kheo, người tu không thấy hạnh phúc hay dễ chịu. Khi có sự bất mãn, khổ này được trông đợi.

“Khi có sự vui thích, hạnh phúc này được trông đợi. (1) Khi đi, người tu thấy hạnh phúc và dễ chịu. (2) Khi đứng ... (3) Khi ngồi ... (4) Khi nằm ... (5) Khi ở trong làng ... (6) Khi ở trong rừng ... (7) Khi ở dưới gốc cây ... (8) Khi ở trong chòi trống ... (9) Khi ở ngoài trời ... (10) Khi ở giữa những Tỳ kheo, người tu thấy hạnh phúc hay dễ chịu. Khi có sự vui thích, hạnh phúc này được trông đợi.”

67 (7) Naḷakapāna (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang đi du hành giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một Tăng Đoàn lớn nhiều Tỳ kheo, lúc đó vừa tới một thị trấn của họ tên là Naḷakapāna. Ở Naḷakapāna đó đức Thế

Tôn đã trú trong rừng cây Juda. Bấy giờ, vào lúc đó nhằm ngày bố-tát (uposatha), đức Thế Tôn đang ngồi giữa Tăng Đoàn các Tỳ kheo ngồi xung quanh. Sau khi đã hướng dẫn, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ Tăng Đoàn các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp gần hết cả đêm, và sau khi quan sát sự im lặng phăng phắc của Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn mới nói với Ngài Xá-lợi-phất:

“Này Xá-lợi-phất, Tăng Đoàn các Tỳ kheo không bị sự đờ-đần và buồn-ngủ. Thầy hãy nói một bài Giáo Pháp cho các Tỳ kheo. Lưng ta đang đau, ta sẽ đi nằm đuổi nó ra.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Xá-lợi-phất đáp lại.

Rồi đức Thế Tôn đã gấp tư áo cà sa và nằm xuống nghiêng bên phải trong tư thế nằm của sư tử, với chân trái để trùng lên chân phải, có chánh-niệm và rõ-biết, sau khi đã lưu ý trong tâm về sự (thời điểm) ngồi dậy. Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(I) “Này các đạo hữu, đối với ai không có niềm-tin vào [sự tu tập] những phẩm chất thiện, là người không có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... người không có trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trời tối, thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin ... trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện.

(1) “Này các Tỳ kheo, ‘một người không có niềm-tin’: đây là một

trường hợp sa-sút. (2) ‘Một người không biết xấu-hổ về mặt đạo đức’ ... (3) ‘Một người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức’ ... (4) ‘Một người lười biếng’ ... (5) ‘Một người vô trí’ ... (6) ‘Một người sân giận’ ... (7) ‘Một người hung dữ’ ... (8) ‘Một người có tham-muốn xấu ác’ ... (9) ‘Một người có những bạn xấu’ ... (10) ‘Một người nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến)’: đây là một trường hợp sa-sút

(II) “Này các đạo hữu, đối với ai có niềm-tin vào [sự tu tập] những phẩm chất thiện, là người có cảm-nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... người biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... người có trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và suy-đòi trong những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trời sáng, thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin ... trí-tuệ trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đòi trong những phẩm chất thiện.

(1) “Này các Tỳ kheo, ‘một người có niềm-tin’: đây là một trường hợp không sa-sút. (2) ‘Một người biết xấu-hổ về mặt đạo đức’ ... (3) ‘Một người biết sợ-hãi về mặt đạo đức’ ... (4) ‘Một người nỗ lực (tinh tấn)’ ... (5) ‘Một người có trí’ ... (6) ‘Một người không sân giận’ ... (7) ‘Một người không hung dữ’ ... (8) ‘Một người không có tham-muốn xấu ác’ ... (9) ‘Một người có những bạn tốt’ ... (10) ‘Một người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)’: đây là một trường hợp không sa-sút.

Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, đối với ai không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện ... [*Phật lặp lại toàn bộ lời giảng của thầy Xá-lợi-phất*] ... (10) ‘Một người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)’: đây là một trường hợp không sa-sút.”

68 (8) *Naḷakapāna* (2)

[*Mở đầu giống kinh 10:67 kể trên, cho tới:*] Rồi thầy Xá-lợi-phất nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ đạo hữu!”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(I) “Này các đạo hữu, đối với ai là (1) người không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, (2) người không có cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... (3) người không biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... (4) người không có sự nỗ-lực (tinh tấn) ... (5) người không có trí-tuệ ... (6) người không lắng tai lắng nghe Giáo Pháp ... (7) người không lưu giữ trong tâm những những giáo lý mình đã học được ... (8) người không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm ... (9) người không thực hành đúng theo Giáo Pháp ... (10) người không chuyên chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trời tối, thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ suy giảm về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, đối với người không có niềm-tin ... không chuyên chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện trí-tuệ, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự suy-đồi và không phải sự tăng-trưởng trong những phẩm chất thiện.

(II) “Này các đạo hữu, đối với ai là (1) người có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, (2) người có cảm nhận biết xấu-hổ về mặt đạo đức ... (3) người biết sợ-hãi về mặt đạo đức ... (4) người có sự nỗ-lực (tinh tấn) ... (5) người có trí-tuệ ... (6) người lắng tai lắng nghe Giáo Pháp ... (7) người lưu giữ trong tâm những những giáo lý mình đã học được ... (8) người biết xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm ... (9) người biết thực hành đúng theo Giáo Pháp ...

(10) người chuyên chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đồi trong những phẩm chất thiện. Giống như trong hai tuần trời sáng, thì dù đêm tới hay ngày tới, mặt trăng chỉ gia tăng về vẻ đẹp, sự tròn đầy, và sự tỏa sáng của nó, về đường kính và chu vi của nó; cũng giống như vậy, đối với người có niềm-tin ... chuyên chú trong [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện trí-tuệ, thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đồi trong những phẩm chất thiện.”

Rồi đức Thế Tôn ngồi dậy và nói với thầy Xá-lợi-phất: “Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, đối với ai không có niềm-tin về [sự tu dưỡng] những phẩm chất thiện ... [*Phật lặp lại toàn bộ lời giảng của thầy Xá-lợi-phất*] ... thì dù đêm hay ngày, chỉ có thể trông đợi sự tăng-trưởng và không phải sự suy-đồi trong những phẩm chất thiện.”

69 (9) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (1)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi đã đi khát thực trong thành Sāvathī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ tham gia vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ, đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính; nói chuyện về những đội quân, những hiểm họa, và chiến tranh; nói về thức ăn, thức uống, trang phục, và giường chiếu; nói về những vòng hoa và phấn sáp; nói về những người họ hàng, xe cộ, làng xóm, thị trấn, thị thành, và đất nước; nói về những phụ nữ và nói về những an hùng; nói chuyện ngoài đường và chuyện quanh giếng; nói chuyện người đã khuất; nói chuyện lung tung; suy đoán về thế giới và biển cả; nói chuyện về sự (tái sinh) trở

thành này trở thành nọ.

Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến hội trường, tới đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, sự thảo luận gì các thầy đã tham gia vào mới trước đây khi các thầy đang ngồi với nhau ở đây? Sự thảo luận gì đang dang dở vậy?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, sau khi đã đi khát thực, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, chúng con đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó chúng con tham gia vào vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ, đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính ... nói chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nọ.

“Này các Tỳ kheo, có mười chủ-đề để thảo luận. Mười đó là gì? Sự nói chuyện về sự ít tham-muốn (thiểu dục), về sự biết hài-lòng (tri túc), về sự sống (tu) một-mình, về sự không bị trói-buộc với những người khác, về sự phát khởi nỗ-lực (tinh tấn), về giới-hạnh, về sự định-tâm, về trí-tuệ, về sự giải-thoát, về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là mười chủ đề để thảo luận.

“Này các Tỳ kheo, nếu các thầy tham gia thảo luận chủ-đề nào trong mười chủ-đề này, thì sự sáng ngời của các thầy thậm chí còn hơn sự sáng ngời của mặt trời và mặt trăng, uy lực và uy dũng như chúng, vậy thì nhiều hơn (sự sáng ngời của) những du sĩ các đạo khác đến mức nào!”

70 (10) Những Chủ Đề Để Thảo Luận (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó, sau khi đã đi khát thực trong thành

Sāvattthī, sau khi trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, một số Tỳ kheo đã tụ tập trong hội trường và ngồi với nhau khi đó họ tham gia vào đủ loại sự nói chuyện vô bổ, đó là: nói chuyện về những vua chúa, những kẻ trộm, và những quan lại triều chính ... nói chuyện về sự (tái sinh) trở thành này trở thành nọ..¹⁹⁷⁵

“Này các Tỳ kheo, có mười nền-tảng để khen ngợi. Mười đó là gì?”

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo tự mình có ít tham-muốn và nói với những Tỳ kheo khác về sự ít tham-muốn (thiểu dục). Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình có ít tham-muốn và nói với những Tỳ kheo khác về sự ít tham-muốn.’”

(2) “Người đó tự mình biết hài-lòng và nói với những Tỳ kheo khác về sự biết hài-lòng (tri túc). Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình biết hài-lòng và nói với những Tỳ kheo khác về sự biết hài-lòng.’”

(3) “Người đó tự mình sống (tu) một-mình và nói với những Tỳ kheo khác về sự sống một-mình. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình sống một-mình và nói với những Tỳ kheo khác về sự sống một-mình.’”

(4) “Người đó tự mình không bị trói-buộc với những người khác và nói với những Tỳ kheo khác về sự không bị trói-buộc với những người khác. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình không bị trói-buộc với những người khác và nói với những Tỳ kheo khác về sự không bị trói-buộc với những người khác.’”

(5) “Người đó tự mình nỗ-lực (tinh tấn) và nói với các Tỳ kheo khác về sự phát khởi nỗ-lực. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỳ kheo đó tự mình nỗ-lực và nói với các Tỳ kheo khác về sự phát khởi nỗ-lực.’”

(6) “Người đó tự mình thành tựu giới-hạnh và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu giới-hạnh. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỷ kheo đó tự mình thành tựu giới-hạnh và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu giới-hạnh.’

(7) “Người đó tự mình thành tựu sự định-tâm (thiền định) và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu sự định-tâm. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỷ kheo đó tự mình thành tựu sự định-tâm và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu sự định-tâm.’

(8) “Người đó tự mình thành tựu trí-tuệ (thiền tuệ, thiền quán) và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu trí-tuệ. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỷ kheo đó tự mình thành tựu trí-tuệ và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu trí-tuệ.’

(9) “Người đó tự mình thành tựu sự giải-thoát và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu sự giải-thoát. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỷ kheo đó tự mình thành tựu sự giải-thoát và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu sự giải-thoát.’

(10) “Người đó tự mình thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát. Đây là một nền tảng để khen ngợi: ‘Tỷ kheo đó tự mình thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát và nói với các Tỷ kheo khác về sự thành tựu trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát.’

“Này các Tỷ kheo, đây là mười nền-tảng để khen ngợi.”

NHÓM 3

ƯỚC NGUYỆN

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, hãy tuân giữ giới-hạnh và tuân giữ Pātimokkha (Giới Bản Tỳ kheo), có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó.

(1) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình được hài lòng và đáng mến đối với những Tỳ kheo đồng đạo, được tôn trọng và kính trọng bởi họ’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh, hết mình cho (sự tu tập) sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ lửng những tầng thiền định (jhāna), có được sự minh-sát (quán tuệ), và lánh về (sống tu) ở những chòi trống.

(2) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình có được y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống.

(3) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho sự phụng sự của những người cúng dường những y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh mà mình sử dụng sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao cho họ’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống. (tức là, cách trả ơn cho những thí chủ cúng dường là phải tu tập giới, định, tuệ cho hoàn thiện)

(4) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Khi những người trong gia đình và thân thuộc, sau khi chết, tưởng nhớ mình với sự tự-tin trong tâm họ thì điều đó sẽ mang lại ích lợi và phước quả lớn lao cho họ’, thì người đó

hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống. (tức là, nếu muốn người thân yêu của mình khi qua đời tưởng nhớ đến mình sẽ có được phước quả thì mình phải lo tu tập hoàn thiện để trở thành bậc chân tu hay thánh tăng, vì sự tưởng nhớ bậc chân tu hay thánh tăng mới đem lại phước quả cho họ, chứ người họ tưởng nhớ là một người tu giả hay tục tăng thì không mang lại phước quả gì)

(5) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống.

(6) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình kiên nhẫn chịu đựng sự nóng lạnh, đói khát; sự tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít; chịu đựng những lời nói thô tục và nhục mạ (bởi người ngoài, người xấu). Cầu cho mình chịu nổi những cảm-giác thân đã khởi sinh là đau đốn, đau buốt, nhức nhối, đau thương, khó chịu nổi, làm suy kiệt sức sống đã khởi sinh trong thân’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống.

(7) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình trở thành người chiến thắng sự bất mãn (sân) và khoái thích (tham), và cầu cho sự bất mãn và sự khoái thích không thắng được mình. Cầu cho mình chinh phục được sự bất mãn và sự khoái thích mỗi khi chúng khởi sinh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống.

(8) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình trở thành người chiến thắng sự sợ hãi và khủng khiếp, và cầu cho sự sợ hãi và khủng khiếp không thắng được mình. Cầu cho mình chinh phục được sự sợ hãi và khủng khiếp mỗi khi chúng khởi sinh’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống.

(9) “Nếu một Tỳ kheo ước: ‘Cầu cho mình, nếu muốn, thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng nhập bốn tầng thiền định (sắc giới,

jhāna), (bốn tầng thiền định đó) tạo nên phần tâm cao hơn và chúng là những sự an trú hạnh phúc (lạc trú) ngay trong kiếp này’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh ...lánh về ở những chòi trống.

(10) “Nếu một Tỷ kheo ước: ‘Cầu cho mình, với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, mình an trú trong đó’, thì người đó hãy nên hoàn thiện giới-hạnh, hết mình cho (sự tu tập) sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, không lơ lãng những tầng thiền định (jhāna), có được sự minh-sát (quán tuệ), và lánh về (sống tu) ở những chòi trống.

“Khi điều này được nói ra: ‘Này các Tỷ kheo, hãy tuân giữ giới-hạnh và tuân giữ Pātimokkha, có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó’ thì chính vì (những) điều này nên nó được nói ra như vậy.”

72 (2) Những Gai Nhọn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong ngôi đền mái nhọn trong khu Rừng Lớn cùng với một số vị đệ tử trưởng lão rất nổi tiếng như: Ngài Cāla, Ngài Upacāla, Ngài Kakkata, Ngài Kaṭimbha, Ngài Kaṭa, Ngài Kaṭissaṅga, và những vị đệ tử trưởng lão nổi tiếng khác.

Bấy giờ, vào lúc đó có một số người Licchavi rất nổi tiếng đã đi vô khu Rừng Lớn để gặp mặt đức Thế Tôn, và khi họ nói đuôi nhau trên những xe ngựa đẹp nhất của họ, họ đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Rồi ý này đã xảy đến với những vị (đệ tử, Tỷ kheo) đó: “Một số người Licchavi rất nổi tiếng đã đi vô khu Rừng Lớn để gặp mặt đức Thế Tôn, và khi họ nói đuôi nhau trên những xe ngựa đẹp nhất của họ, họ đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Giờ đức Thế Tôn đã gọi những tiếng ồn là cái

gai nhọn đối với những tầng thiên định. Vậy chúng ta hãy đi qua khu Rừng Sa-la Gosiṅga. Ở đó chúng ta có thể trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không đông người.” Rồi những vị đó đã đi đến khu Rừng Sa-la Gosiṅga, ở đó họ trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không đông người.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, Cāla ở đâu? Upacāla ở đâu? Kakkata ở đâu? Kaṭimbha ở đâu? Kaṭa ở đâu? Kaṭissaṅga ở đâu? Những đệ tử trưởng lão đó đã đi đâu?

“Thưa Thế Tôn, ý này đã xảy đến với những vị (đệ tử) đó: ‘Một số người Licchavi ... đã gây ra tiếng ồn và huyên náo. Vậy chúng ta hãy đi qua khu Rừng Sa-la Gosiṅga. Ở đó chúng ta có thể trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không đông người.’ Do vậy họ đã đi đến khu Rừng Sa-la Gosiṅga, ở đó họ trú ở yên ổn, không có tiếng ồn và không đông người

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Những vị đại đệ tử đó đã nói đúng khi họ nói ta đã gọi tiếng ồn là cái gai nhọn đối với những tầng thiên định. Này các Tỳ kheo, có mười gai nhọn. Mười đó là gì? (1) Sự thích gặp gỡ tụ tập là gai nhọn đối với người thích ở (tu) một-mình. (2) Sự theo đuổi một đối-tượng hấp dẫn là gai nhọn đối với người chủ ý thiên quán về những hình tướng không hấp-dẫn. (3) Kịch tuồng (phim ảnh, biểu diễn) là gai nhọn đối với người canh phòng các cửa của các giác-quan (các căn cảm nhận). (4) Gặp gỡ phụ nữ là gai nhọn đối với đối với đời sống độc-thân. (5) Tiếng ồn là gai nhọn đối với những tầng thiên định. (6) Ý nghĩ (tâm) và sự soi xét (tứ) là gai nhọn (cản trở) đối với tầng thiên định thứ hai. (7) Sự hoan hỷ (hỷ) là gai nhọn đối với tầng thiên định thứ ba. (8) Sự thở vô-thở ra là gai nhọn đối với tầng thiên định thứ tư (trạng thái không còn sự thở, sự thở đã tạm ngưng). (9) Nhận-thức và cảm-giác là gai nhọn đối với sự chứng đắc sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng). (10) Tham là một gai nhọn, sân là một gai nhọn,

si là một gai nhọn. Hãy sống không bị gai nhọn, này các Tỳ kheo! Hãy sống không có gai nhọn, này các Tỳ kheo! Những A-la-hán là không bị gai nhọn. Những A-la-hán là không có gai nhọn. Những A-la-hán là không bị gai nhọn và không có gai nhọn.”

73 (3) Thường Được Ước...

“Này các Tỳ kheo, đây là mười điều thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. Mười đó là gì? (1) Sự giàu-có là thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (2) Sắc-đẹp ... (3) Sức-khỏe ... (4) Giới-hạnh ... (5) Sự độc-thân ... (6) Bạn-bè ... (7) Sự học-hiểu ... (8) Trí-tuệ ... (9) Những phẩm-chất tốt ... (10) Những cõi-trời là thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. Đây là mười điều thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian

“Này các Tỳ kheo, có mười điều [khác] là những cản trở cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (1) Sự lơ là và sự thiếu phát tâm (không chủ động làm, không tháo vát) là những cản trở đối với [sự đạt được] sự giàu-có. (2) Sự không tô điểm và sự không làm đẹp bản thân là những cản trở đối với sắc-đẹp. (3) Sự làm những điều bất lợi là một sự cản trở đối với sức-khỏe. (4) Sự có bạn-xấu là một sự cản trở đối với giới-hạnh. (5) Sự không kiềm chế các giác-quan là một sự cản trở đối với sự sống độc-thân. (6) Sự hai mặt giả dối là một cản trở đối với (sự có) bạn-tốt. (7) Sự không đọc thuộc là một sự cản trở đối với sự học-hiểu. (8) Sự không muốn lắng nghe và không hỏi những câu hỏi là những sự cản trở đối với trí-tuệ. (9) Sự không áp dụng bản thân và sự thiếu suy xét quán chiếu là những cản trở đối với những phẩm chất tốt. (10) Sự tu-tập sai trái là một cản trở đối với (sự tái sinh trong) những cõi trời. Đây là mười điều

thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian.

“Này các Tỳ kheo, có mười điều [khác] là những dưỡng chất cho mười điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian. (1) Sự siêng năng và phát tâm (chủ động, tháo vát) là những dưỡng chất cho [sự đạt được] sự giàu-có. (2) Sự tô điểm và sự làm đẹp bản thân là những dưỡng chất cho sắc-đẹp. (3) Sự làm những điều có lợi là một dưỡng chất cho sức-khỏe. (4) Sự có bạn-tốt là một dưỡng chất cho giới-hạnh. (5) Sự kiềm chế các giác-quan là một dưỡng chất cho sự sống độc-thân. (6) Sự chân thành là một dưỡng chất cho (sự có) bạn-tốt. (7) Sự đọc thuộc là một dưỡng chất cho sự học-hiểu. (8) Sự muốn lắng nghe và hỏi những câu hỏi là những dưỡng chất cho trí-tuệ. (9) Sự áp dụng bản thân và sự biết suy xét quán chiếu là những dưỡng chất cho những phẩm chất tốt. (10) Sự tu-tập đúng đắn là một dưỡng chất cho (sự tái sinh trong) những cõi trời. Đây là mười điều [khác] là những dưỡng chất cho những điều đó thường được ước, được muốn, được thích, nhưng hiếm khi đạt được trong thế gian.”

74 (4) Sự Tăng Trưởng¹⁹⁷⁷

“Này các Tỳ kheo, tăng trưởng theo mười cách là một thánh đệ tử (tại gia) tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này. Mười đó là gì? (1) Người đó tăng trưởng về ruộng đồng và đất đai; (2) về sự giàu có và lúa gạo; (3) về những thê thiếp và con cái; (4) về những nô lệ, người làm, và người hầu; (5) về gia súc; (6)–(10) về niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự bố-thí, và trí-tuệ. Tăng trưởng theo mười cách này là một thánh đệ tử (tại gia) tăng trưởng bằng sự tăng trưởng thánh thiện, và người đó hấp thu được tinh hoa và điều tốt nhất trong kiếp này.”

Một người tăng trưởng ở đây về sự giàu-có và lúa gạo,

Về con cháu, thê thiếp và gia súc,
Là giàu có và nổi tiếng, được tôn vinh bởi
Những người thân, bạn bè, và vua chúa.

Một người nhận biết sáng suốt như vậy—
Là người tăng trưởng ở đây về niềm-tin và giới-hạnh,
Về trí-tuệ, bố-thí, và sự học-hiểu—
Tăng trưởng cả hai cách (thế tục và tâm linh) trong đời này.

75 (5) *Migasālā* ¹⁹⁷⁸

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, và đi đến nhà của nữ đệ tử tại gia tên là Migasālā, tới nơi thầy ấy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Rồi nữ đệ tử tại gia Migasālā đã ra gặp thầy Ānanda, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa

“Thưa thầy Ānanda, lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc thân và người không sống độc thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau? Cha của con là Purāṇa sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử tính dục, kiêng cử những thói tật cá nhân phạm tục. Khi cha chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai¹⁹⁷⁹ và đã tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).’ Chú của con¹⁹⁸⁰ là Isidatta¹⁹⁸¹ không sống độc thân mà sống một đời sống hôn nhân mãn nguyện. Khi chú chết, đức Thế Tôn đã tuyên bố: ‘Ông ấy đã chứng đắc trạng thái Nhất-lai và đã tái sinh trong số những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất).’ Thưa thầy Ānanda, vậy lời dạy này của đức Thế Tôn nên được hiểu ra sao, trong đó người sống độc thân và người không sống độc thân đều có cùng nơi-đến trong kiếp sau?”

“Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.”¹⁹⁸²

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã nhận-thức ăn cúng dường từ nhà Migasālā, thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về. Sau khi trở về sau một vòng đi khát thực đó, sau khi ăn trưa, thầy Ānanda đã đến gặp Đức Thế Tôn, thầy kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà của nữ đệ tử tại gia Migasālā ... [*thầy ấy kể lại toàn bộ chuyện như trên, cho tới:*] ... Khi cô ấy hỏi con điều này, con đã trả lời: ‘Thưa chị, đức Thế Tôn tuyên bố sao thì nó là vậy.’”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ ngu dốt kém tài với trí của một phụ nữ?¹⁹⁸³ Và ai là những người có sự hiểu-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?¹⁹⁸⁴ (về những sự ưu và sự nhược của những người khác nhau, tính theo các căn của mỗi người)

“Này Ānanda, có mười loại người được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, này Ānanda, có một người là thất-đức (thiếu giới-hạnh) và không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự thất-đức của người đó sẽ chắm-dứt không còn tàn dư.¹⁹⁸⁵ Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý], không học hiểu [từ chúng], không thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*thất đức và không có trí tu*)

(2) “Rồi, này Ānanda, có một người là thất-đức, nhưng hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự thất-đức của người đó sẽ chắm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập

[chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*thất đức nhưng có trí tu*)

- “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ: ‘Người này có cùng phẩm chất như người kia. Tại sao người này là kém hơn và người kia là ưu hơn?’ Sự phán xét đó của họ¹⁹⁸⁶ sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (2)] là thất-đức, nhưng hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự thất-đức của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư; và người đã lắng nghe [những giáo lý], học hiểu [từ chúng], thâm nhập [chúng] bằng cách-nhìn (chánh kiến), và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (1)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi.¹⁹⁸⁷ Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta. Đừng phán xét này nọ về người ta. Những ai phán xét về người ta là tự làm hại chính mình. Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.

(3) “Ở đây, này Ānanda, có một người là đức-hạnh (có giới-hạnh), nhưng không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự đức-hạnh (giới hạnh) của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*đức hạnh nhưng không có trí tu*)

(4) “Rồi, này Ānanda, có một người là đức-hạnh (có giới-hạnh), và hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự đức-hạnh (giới hạnh) của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*đức hạnh và có trí tu*)

- “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (4)] là đức-hạnh, và hiểu được và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (3)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.

(5) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về (dễ dính) tham, và không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó tham-dục của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*nhieu dục và không có trí tu*)

(6) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về tham, nhưng hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó tham-dục của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát nhất

thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*nhieu dục nhưng có trí tu*)

- “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (6)] tính nghiêng về tham, nhưng hiểu được ... và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (5)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.

(7) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về (dễ dính) sân, và không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự sân-hận của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đòi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đòi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*nhieu sân và không có trí tu*)

(8) “Rồi, này Ānanda, có một người tính nghiêng về sân, nhưng hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự sân-hận của người đó sẽ chấm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đòi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đòi. (*nhieu sân nhưng có trí tu*)

- “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (8)] tính nghiêng về sân, nhưng hiểu được ... và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (7)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.

(9) “Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, và không hiểu đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự bất-an của người đó sẽ chầm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã không lắng nghe [những giáo lý] ... và không đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) nào. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự suy-đồi, không hướng tới sự khác-biệt (tiến bộ) nào; người đó là người đi tới sự suy-đồi, không đi tới sự khác-biệt nào. (*bất an và không có trí tu*)

(10) “Rồi, này Ānanda, có một người bất-an, nhưng hiểu được đúng như nó thực là sự giải-thoát của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, ở đó sự bất-an của người đó sẽ chầm-dứt không còn tàn dư. Và người đó đã lắng nghe [những giáo lý] ... và đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó hướng tới sự khác-biệt, không hướng tới sự suy-đồi nào; người đó là người đi tới sự khác-biệt, không đi tới sự suy-đồi. (*bất an nhưng có trí tu*)

- “Này Ānanda, những người hay phán xét sẽ phán xét về họ ... sẽ thực sự dẫn đến nguy-hại và khổ-đau dài lâu mà thôi.

- “Này Ānanda, giữa hai người đó thì cái người [thứ (10)] bất-an, nhưng hiểu ... và người đạt tới sự giải-thoát nhất thời (tạm thời) là vượt trên và siêu xuất hơn người [thứ (9)] kia. Vì lý do gì? Vì dòng chảy Giáo Pháp mang (chở) người đó đi. Nhưng ai ngoài Như Lai có thể biết được sự khác nhau này (giữa họ)?

- “Bởi vậy, này Ānanda, đừng có phán xét đối với người ta ... Chỉ có ta, hay bậc giống ta, thì có thể phán xét về người ta.

“Đích thị ai là nữ đệ tử tại gia tên Migasālā, một phụ nữ ngu dốt kém tài với trí của một phụ nữ? Và ai là những người có sự hiểu-biết về ai là ưu hơn, ai là kém hơn?

“Đây là mười loại người được thấy có trong thế gian.

“Này Ānanda, cho dù chú Isidatta có được cùng loại giới-hạnh mà bậc Purāṇa đã có, thì ngay cả bậc Purāṇa lúc đó còn không thể biết về nơi-đến (tái sinh) của mình. Và cho dù bậc Purāṇa có được cùng loại trí-tuệ mà chú Isidatta đã có, thì ngay cả chú Isidatta lúc đó còn không thể biết về nơi-đến của mình.¹⁹⁸⁸ Này Ānanda, theo cách này thì hai người này mỗi người đều kém hơn (người kia) một phương diện.” (tức là, Purāṇa kém hơn Isidatta về trí-tuệ, Isidatta kém hơn Purāṇa về giới-hạnh)

76 (6) Không Khả Năng

(I) (1) “Này các Tỷ kheo, nếu ba điều này¹⁹⁸⁹ không được thấy có trong thế gian, thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã không khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy sẽ không soi sáng trong thế gian. Ba đó là gì? Sinh, già, và chết. Nếu ba điều này không được thấy có trong thế gian, thì Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác không khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy không soi sáng trong thế gian. Nhưng bởi vì ba điều này được thấy có trong thế gian, nên Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian, và Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi bậc ấy soi sáng trong thế gian.

(2) “Chưa trừ bỏ ba điều này, một người là không khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. Ba đó là gì? Tham, sân, si. Chưa trừ bỏ ba điều này, thì

một người là không khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.

(3) “Chưa trừ bỏ ba điều này, một người không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Ba đó là gì? Cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm thủ). Chưa trừ bỏ ba điều này, thì một người không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si.

(4) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm ... thì một người không có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm thủ).¹⁹⁹⁰

(5) “Chưa trừ bỏ ba điều này... sự rối-mờ của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và sự xao lãng của tâm ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm.

(6) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán (tìm lỗi, chỉ trích...) này nọ ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự rối-mờ của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao lãng của tâm.

(7) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự bất-chấp, sự không kiểm-chế, và sự thất-đức ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán (tìm lỗi, chỉ trích...) này nọ.

(8) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp, sự không kiểm-chế, và sự thất-đức.

(9) “Chưa trừ bỏ ba điều ... sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin,

sự không bố-thí, và sự lười-biếng.

(10) “Chưa trừ bỏ ba điều này ... sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, và sự không chuyên chú ... thì một người không có khả năng trừ bỏ sự bất kính trọng, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu.

“Này các Tỳ kheo, một người là người không biết xấu-hổ về mặt đạo đức và không biết sợ-hãi về mặt đạo đức thì không chuyên-chú. Người không chuyên chú thì không có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu. Người có bạn-xấu thì không có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng. Người lười biếng là không có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp, sự không kiềm-chế, và sự thất-đức. Người thất đức là không có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê-phán này nọ. Người có một cái tâm hay phê phán này nọ là không có khả năng trừ bỏ sự rối-mờ của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao-lãng của tâm. Người có tâm bị xao lãng là không có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý), sự đi theo đường-sai (tà đạo), và sự trì-trệ thụ động của tâm. Người có tâm trì trệ thụ động là không có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm thủ). Người có sự nghi ngờ là không có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Chưa trừ bỏ tham, sân, si, thì một người không có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.

(II) (1) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết. Ba đó là gì? Tham, sân, si. Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, thì một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.

(2) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, một người có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Ba đó là gì? Cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm

thủ). Sau khi đã trừ bỏ ba điều này, thì một người có khả năng trừ bỏ tham, sân, si.

(3) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm ... thì một người có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm thủ).¹⁹⁹¹

(4) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự rối-mờ của tâm (thất niệm), sự thiếu rõ-biết (thiếu tỉnh giác), và sự xao lãng của tâm ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý), sự đi theo đường sai (tà đạo), và sự trì trệ thụ động của tâm.

(5) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán (tìm lỗi, chỉ trích...) này nọ ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự rối-mờ của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao lãng của tâm.

(6) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự bất-chấp, sự không kiểm-chế, và sự thất-đức ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán (tìm lỗi, chỉ trích...) này nọ.

(7) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp, sự không kiểm-chế, và sự thất-đức.

(8) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự không bố-thí, và sự lười-biếng.

(9) “Sau khi đã trừ bỏ ba điều này ... sự không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự không biết sợ-hãi về mặt đạo đức, và sự không chuyên chú ... thì một người có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự

có bạn-xấu.

(10) “Này các Tỳ kheo, một người là người biết xấu-hổ về mặt đạo đức và biết sợ-hãi về mặt đạo đức thì chuyên-chú. Người chuyên chú thì có khả năng trừ bỏ sự bất kính, sự khó tu sửa, và sự có bạn-xấu. Người có bạn-tốt (thiện tri thức) thì có khả năng trừ bỏ sự thiếu niềm-tin, sự bố-thí, và sự lười-biếng. Người nỗ-lực (tinh tấn) là có khả năng trừ bỏ sự bất-chấp, sự kiểm-ché, và sự thất-đức. Người đức-hạnh là có khả năng trừ bỏ sự ít muốn gặp những bậc thánh thiện, ít muốn nghe Giáo Pháp thánh thiện, và một cái tâm hay phê phán này nọ. Người có một cái tâm không phê phán này nọ là có khả năng trừ bỏ sự rối-mờ của tâm, sự thiếu rõ-biết, và sự xao-lãng của tâm. Người có tâm không bị xao lãng là có khả năng trừ bỏ sự chú-tâm kỹ càng (vô như lý tác ý), sự đi theo đường-sai (tà đạo), và sự trì-trệ thụ động của tâm. Người có tâm không trì-trệ thụ động là có khả năng trừ bỏ cách-nhìn có sự hiện-hữu cá thể (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự chấp-thủ những lễ nghi và luật lệ mê tín (giới cấm thủ). Người không có sự nghi ngờ là có khả năng trừ bỏ tham, sân, si. Sau khi đã trừ bỏ tham, sân, si, thì một người có khả năng trừ bỏ sinh, già, chết.”

77 (7) Con Quạ

“Này các Tỳ kheo, một con quạ có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Bó phá hoại và hỗn xược, ham ăn và háu ăn, tàn bạo và tàn nhẫn, yếu nhược và khò khè, tâm trí rối rắm và hám lợi. Một con quạ có mười phẩm chất này. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo xấu ác (ác tăng) có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó phá hoại và bất kính, ham ăn và háu ăn, tàn bạo và tàn nhẫn, yếu nhược và nói khàn, có tâm rối-mù và hám lợi. Một Tỳ kheo xấu ác có mười phẩm chất này.”

78 (8) Những Ni-kiên-tử

“Này các Tỳ kheo, những Ni-kiền-tử có mười phẩm chất xấu. Mười đó là gì? (1) Những Ni-kiền-tử là không có niềm-tin, (2) không có giới-hạnh (thất đức), (3) không biết xấu-hổ về mặt đạo đức, (4) bất chấp về mặt đạo đức, (5) và tận tụy phụng sự cho những người xấu. (6) Họ khen ngợi mình và chê bai những người khác. (7) Họ nắm giữ những quan-điểm của mình, nắm chặt chúng, và khó từ bỏ chúng. (8) Họ là những người lừa dối (9) có những tham muốn xấu ác, và (10) nắm giữ những cách-nhìn sai trái (tà kiến).¹⁹⁹² Những Ni-kiền-tử có mười phẩm chất xấu.”

79 (9) Những Căn Cớ (1) ¹⁹⁹³

“Này các Tỳ kheo, có mười căn cớ cho (tạo ra) sự oán-giận. Mười đó là gì? (1) [Do nghĩ:] ‘Người đó đã làm hại mình’, nên người chấp chứa oán giận. (2) [Do nghĩ:] ‘Người đó đang làm hại mình’, nên người chấp chứa oán giận. (3) [Do nghĩ:] ‘Người đó sẽ làm hại mình’, nên người chấp chứa oán giận. (4) [Do nghĩ:] ‘Người đó đã làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (5) [Do nghĩ:] ‘Người đó đang làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (6) [Do nghĩ:] ‘Người đó sẽ làm hại người thân của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (7) [Do nghĩ:] ‘Người đó đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (8) [Do nghĩ:] ‘Người đó đang làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (9) [Do nghĩ:] ‘Người đó sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình’, nên người chấp chứa oán giận. (10) Và một người tức giận không vì lý do gì.¹⁹⁹⁴

“Này các Tỳ kheo, đây là mười căn cớ cho sự oán giận.”

80 (10) Những Căn Cớ (2) ¹⁹⁹⁵

“Này các Tỳ kheo, có mười cách loại bỏ (căn cứ tạo ra) sự oán-giận. Mười đó là gì? (1) [Nhờ nghĩ:] ‘Người đó đã làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’,¹⁹⁹⁶ nên người nguôi oán giận. (2) [Nhờ nghĩ:] ‘Người đó đang làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (3) [Nhờ nghĩ:] ‘Người đó sẽ làm hại mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (4) [Nhờ nghĩ:] ‘Người đó đã làm hại người thân của mình ... (5) ... ‘Người đó đang làm hại người thân của mình ... (6) ... ‘Người đó sẽ làm hại người thân của mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (7) [Nhờ nghĩ:] ‘Người đó đã làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình ... (8) ... ‘Người đó đang làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình ... (9) ... ‘Người đó sẽ làm lợi cho kẻ khó ưa và đáng ghét của mình, nhưng biết làm sao được?’, nên người nguôi oán giận. (10) Và một người không tức giận khi chẳng có lý do gì.

“Này các Tỳ kheo, đó là mười cách loại bỏ sự oán giận.”

NHÓM 4 CÁC TRƯỞNG LÃO

81 (1) Bāhuna

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggara. Lúc đó có Ngài Bāhuna đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, Như Lai được giải phóng, được tách ly, và được giải thoát khỏi bao nhiêu thứ để bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những hạn giới?”

“Này Bāhuna, chính do Như Lai đã được giải phóng, được tách

ly, được giải thoát khỏi mười điều, nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những hạn giới. Mười đó là gì? (1) Chính bởi vì Như Lai được giải phóng, được tách ly, được giải thoát khỏi (thân) sắc nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những hạn giới. (2)–(5) Chính bởi vì Như Lai được giải phóng, được tách ly, được giải thoát khỏi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những hạn giới. (6)–(10) Chính bởi vì Như Lai được giải phóng, được tách ly, được giải thoát khỏi sự sinh ... già ... chết ... sự khổ ... những ô-nhiễm nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những hạn giới.

“Giống như một bông sen xanh, sen hồng, hay sen trắng, dù được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nó đã mọc lên khỏi nước và không dính nước dơ;¹⁹⁹⁷ thậm chí hơn vậy, chính bởi vì Như Lai được giải phóng, được tách ly, được giải thoát khỏi mười điều này, nên bậc ấy an trú với một cái tâm thoát khỏi những hạn giới.”

82 (2) *Ānanda*

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

(1) “Này Ānanda, không thể nào một Tỳ kheo không có niềm-tin sẽ đạt được tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn (chín muồi, trưởng thành) trong Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Không thể nào một Tỳ kheo thiếu giới-hạnh ... (3) ... một Tỳ kheo ít học-hiểu ... (4) ... một Tỳ kheo là khó tu sửa ... (5) ... một Tỳ kheo là người có những bạn-xấu ... (6) ... một Tỳ kheo lười-biếng ... (7) ... một Tỳ kheo có tâm rồi-mờ (thất niệm) ... (8) ... một Tỳ kheo không biết hài-lòng (với những thứ mình có được) ... (9) ... một Tỳ kheo có những tham-muốn xấu ác ... (10) ... một Tỳ kheo nắm giữ cách-nhìn sai trái (tà kiến) sẽ đạt được tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Không thể nào

một Tỳ kheo có những phẩm chất này mà sẽ đạt được tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.

(1) “Này Ānanda, có thể rằng một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin sẽ đạt được tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. (2) Có thể rằng một Tỳ kheo có giới-hạnh ... (3) ... một Tỳ kheo đã học-hiểu nhiều ... (4) ... một Tỳ kheo là dễ tu sửa ... (5) ... một Tỳ kheo là người có những bạn-tốt ... (6) ... một Tỳ kheo nỗ-lực (tinh tấn) ... (7) ... một Tỳ kheo có chánh-niệm ... (8) ... một Tỳ kheo biết hài-lòng (tri túc) ... (9) ... một Tỳ kheo có ít tham-muốn (thiểu dục) ... (10) ... một Tỳ kheo nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) sẽ đạt được tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Có thể rằng một Tỳ kheo có được những phẩm chất này thì sẽ đạt được tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

83 (3) *Puṇṇiya*¹⁹⁹⁸

Lúc đó có Ngài Puṇṇiya đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

(I) “Thưa Thế Tôn, tại sao có những lúc Như Lai dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp và có những lúc Như Lai không dành thời gian để chỉ dạy Giáo Pháp?”¹⁹⁹⁹

(1) “Này Puṇṇiya, khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin nhưng không đến gặp Như Lai, thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. (2) Nhưng khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy. (3) “Khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin và đến gặp Như Lai, nhưng không chú tâm nghe Như Lai ... (4) Khi người đó chú tâm nghe Như Lai nhưng không hỏi những câu hỏi ... (5) ... Khi người đó hỏi những câu hỏi nhưng lại không lắng tai lắng nghe Như Lai (trả lời) ... (6) Khi người đó lắng tai lắng nghe

Như Lai, nhưng sau khi nghe xong, người đó không lưu giữ chúng trong tâm ... (7) Khi người đó, sau khi nghe xong lưu giữ chúng trong tâm, nhưng không xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm ... (8) Khi người đó xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm, nhưng không hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp cho nên không thực hành đúng theo Giáo Pháp ... (9) Khi người đó hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp và rồi thực hành đúng theo Giáo Pháp, nhưng người đó không phải là một người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; không phải là một người được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa ... (10) Khi người đó là một người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; người đó được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa, nhưng người đó không chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo của mình (bằng những bài giảng Giáo Pháp), thì Như Lai không dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp.

(II) “Nhưng, này Punṇiya, (1) khi một Tỳ kheo được phú cho niềm-tin, (2) đến gặp Như Lai, (3) chú tâm nghe Như Lai, (4) hỏi những câu hỏi, và (5) lóng tai lắng nghe Giáo Pháp; và (6) sau khi nghe xong Giáo Pháp, người đó lưu giữ chúng trong tâm, (7) xem xét ý nghĩa của những giáo lý mình đã lưu giữ trong tâm, và (8) hiểu được ý-nghĩa và Giáo Pháp và thực hành đúng theo Giáo Pháp, và (9) người đó là một người là người giỏi thuyết pháp có sự truyền đạt tốt; là người được phú cho giọng nói được trau chuốt, rõ ràng, trôi chảy, diễn tả được ý nghĩa; và (10) người đó chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ những Tỳ kheo đồng đạo (bằng những bài giảng Giáo Pháp), thì Như Lai dành lúc để chỉ dạy Giáo Pháp. Này Punṇiya, khi một người có được mười phẩm chất này, thì Như Lai sẽ dành lúc chỉ dạy Giáo Pháp.”²⁰⁰⁰

Ở đó Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) đã nói với các Tỳ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Đạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Mục-kiền-liên đã nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng (tức sự giác-ngộ) như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiên định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác—sẽ hỏi người đó, thăm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thăm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bế tắt hay rối trí. Người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn.

(ii) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiên định ... —sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?’

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được:

(1) “‘Vị này tính nghiêng về (dễ dính) sân và tâm của vị này thường bị ám muội bởi sân. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sân là một trường hợp sa-sút.

(2) “‘Vị này là hung hăng và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự hung hăng. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết

bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự hung hăng là một trường hợp sa-sút.

(3) “‘Vị này hay chê bai và tâm của vị này thường bị ám muội bởi sự chê bai. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự chê bai là một trường hợp sa-sút.

(4) “‘Vị này là xấu xược và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự xấu xược. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi sự xấu xược là một trường hợp sa-sút.

(5) “‘Vị này là ghen tỵ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự ghen tỵ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính ghen tỵ là một trường hợp sa-sút.

(6) “‘Vị này là keo kiệt và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự keo kiệt. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính keo kiệt là một trường hợp sa-sút.

(7) “‘Vị này là xảo kế và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự xảo kế. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính xảo kế là một trường hợp sa-sút.

(8) “‘Vị này là lừa dối và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự lừa dối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tính lừa dối là một trường hợp sa-sút.

(9) “‘Vị này có những tham muốn xấu ác và tâm vị này thường bị ám muội bởi tham muốn xấu ác. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật được tuyên thuyết bởi Như Lai thì sự bị ám muội bởi tham muốn là một trường hợp sa-sút.

(10) “‘Trong khi còn thêm điều cần phải làm,²⁰⁰¹ vị này dừng lại giữa đường sau khi mới chứng đắc một số sự khác-biệt còn thấp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự dừng lại giữa đường là một trường hợp sa-sút.’

“Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

85 (5) Người Khoát Lác

Trong một lần có Ngài Đại Cunda đang sống giữa xứ dân Ceti ở Sahajāti. Ở đó thầy Đại Cunda đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Cunda đã nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo là một người khoáng lác, người khoe khoang về những thành tựu như: ‘Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất ... tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư ... cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ) ... cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ) ... cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ) ... cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ). Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi sự chám-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng).’

(i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác—sẽ hỏi người đó, thăm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thăm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bế tắt hay rối trí. Người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn.

(ii) “Nhu Lai hoặc đệ tử của Nhu Lai là một người chứng đắc tầng thiền định ... —sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này là một người khoác lác, người khoe khoang về những thành tựu như: “Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất ... tôi chứng đắc và thoát ra khỏi sự chám-dứt nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tưởng)”?’

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Nhu Lai hoặc đệ tử của Nhu Lai hiểu được:

(1) ““Từ lâu đức-hạnh của vị này đã bị sút mẻ, bị khuyết điểm, bị dính nhiễm, và bị vết đốm, và vị này không kiên trì tuân giữ và theo đúng giới-hạnh. Vị này là thiếu giới-hạnh. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự thiếu giới-hạnh là một trường hợp sa-sút.

(2) ““Vị này không có niềm-tin. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự thiếu niềm-tin là một trường hợp sa-sút.

(3) ““Vị này ít học-hiểu. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự ít học-hiểu là một trường hợp sa-sút.

(4) ““Vị này là khó tu sửa. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự khó tu sửa là một trường hợp sa-sút.

(5) ““Vị này có bạn-xấu. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự có bạn-xấu là một trường hợp sa-sút.

(6) ““Vị này là lười-biếng. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Nhu Lai, sự lười-biếng là một trường hợp sa-sút.

(7) ““Vị này có tâm mờ-rối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật

này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự mờ-rối của tâm là một trường hợp sa-sút.

(8) “Vị này là một người lừa-dối. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự lừa-dối là một trường hợp sa-sút.

(9) “Vị này là khó (được) trợ-giúp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự khó (được) trợ-giúp là một trường hợp sa-sút.

(10) “Vị này là không có trí. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu trí-tuệ là một trường hợp sa-sút.’

“Này các đạo hữu, giả sử một người A nói với bạn thân B của mình: ‘Này bạn, khi nào anh cần tiền mua thứ gì, chỉ cần hỏi tôi, tôi sẽ đưa cho anh.’ Khi người bạn thân B cần tiền, B nói với A: ‘Này bạn, tôi cần tiền. Hãy đưa cho tôi ít tiền.’ (i) A nói: ‘Này bạn, nếu vậy hãy đào chỗ này.’ B đào nhưng không thấy gì. Nên B nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ này.’ (ii) A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Vậy hãy đào chỗ kia.’ B đào lại chỗ kia, cũng không thấy gì. Nên B lại nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ kia.’ (iii) A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Vậy hãy đào chỗ kia.’ B lại đào chỗ kia, cũng không thấy gì. Nên B lại nói với A: ‘Này bạn, anh đã nói láo để tôi đào chỗ kia.’²⁰⁰² A nói: ‘Này bạn, tôi không nói láo, tôi không nói sai. Tôi đã điên, tôi mất trí.’²⁰⁰³

“Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, một Tỳ kheo là một người khoát lác, người khoe khoang về những thành tựu như: ‘Tôi chứng đắc và thoát ra khỏi tầng thiên định thứ nhất ... [*tiếp tục giống hệt ở trên cho tới: ...*

(10) “Vị này là không có trí. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thiếu trí-tuệ là một trường hợp

sa-sút.’

“Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiến, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

86 (6) Trí Biết Cuối Cùng

Trong một lần đức có Ngài Đại Ca-diếp (Mahākassapa) đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ kiếm ăn của bầy sóc. Ở đó thầy Đại Ca-diếp đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Ca-diếp đã nói điều này:

“Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”’

(i) Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định (jhāna)—thiện khéo về sự chứng đắc, thiện khéo về tâm của những người khác—sẽ hỏi người đó, thẩm vấn người đó, và đối xét người đó. Khi người đó đang được hỏi, được thẩm vấn, được đối xét bởi Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai, người đó đi đến bé tắt hay rối trí. Người đó gặp phải tai họa, gặp phải thảm nạn, gặp phải tai họa và thảm nạn.

(ii) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiền định ... —sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng:

‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?’

(iii) Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: ‘Vị này đánh giá quá cao bản thân, tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân mình là đúng, nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và do tự đánh giá cao bản thân nên vị này mới tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”’

(iv) “Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai là một người chứng đắc tầng thiên định ... —sẽ bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó và suy xét: ‘Tại sao vị này đánh giá quá cao bản thân, tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân mình là đúng; tại sao nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và tại sao, bằng sự đánh giá cao bản thân, vị này tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”’”’

(v) ... Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được: ‘Vị này đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm. Do vậy vị này đã đánh giá quá cao bản thân và tưởng tượng sự đánh giá cao bản thân của mình là đúng, nghĩ mình đã chứng đắc điều mình chưa chứng đắc, đã hoàn thiện điều mình chưa hoàn thiện, và đã thành tựu điều mình chưa thành tựu, và do tự đánh giá cao bản thân nên vị này mới tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: “Tôi hiểu rằng: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”’

(vi) ... Sau khi bằng tâm mình bao trùm tâm của vị đó, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai hiểu được:

(1) “Vị này có đầy tham-muốn và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự tham-muốn. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi tham-dục là một trường hợp sa-sút.

(2) “Vị này có đầy ác-ý và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự ác-ý. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi ác-ý là một trường hợp sa-sút.

(3) “Vị này dễ bị sự đờ-đẫn và buồn-ngủ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ là một trường hợp sa-sút.

(4) “Vị này là bất-an và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự bất-an. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự bất-an là một trường hợp sa-sút.

(5) “Vị này dễ bị sự nghi-ngờ và tâm vị này thường bị ám muội bởi sự nghi-ngờ. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này, sự ám muội bởi sự nghi-ngờ là một trường hợp sa-sút.

(6) “Vị này thích làm công việc, thích thú làm công việc, dành nhiều cho công việc. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú làm những công việc này nọ là một trường hợp sa-sút. (bốn phạm chính của xuất gia là tu tập, không phải xuất gia để làm lụng những công việc)

(7) “Vị này thích nói chuyện, thích thú nói chuyện, dành nhiều cho sự nói chuyện. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú nói chuyện này nọ là một trường hợp sa-sút.

(8) “Vị này thích ngủ, thích thú sự ngủ, dành nhiều cho sự ngủ.

Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú ngũ là một trường hợp sa-sút.

(9) “Vị này thích gặp gỡ bè bạn, thích thú gặp gỡ bè bạn, dành nhiều cho sự gặp gỡ bè bạn. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự thích thú gặp gỡ bè bạn là một trường hợp sa-sút.

(10) “‘Trong khi còn thêm điều cần phải làm,²⁰⁰⁴ vị này dừng lại giữa đường sau khi mới chứng đắc một số sự khác-biệt còn thấp. Nhưng trong Giáo Pháp và giới-luật này này được tuyên thuyết bởi Như Lai, sự dừng lại giữa đường là một trường hợp sa-sút.’

“Thật vậy, này các đạo hữu, không thể nào một Tỳ kheo là người chưa trừ bỏ mười điều này có thể thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này. Nhưng có thể rằng một Tỳ kheo là người đã trừ bỏ mười điều này sẽ thành tựu sự tăng trưởng, sự tu tiên, và sự chín chắn trong Giáo Pháp và giới-luật này.”

87 (7) Những Vấn Đề Thuộc Giới Luật

Ở đó đức Thế Tôn, khi đề cập tới Tỳ kheo Kalandaka, đã nói với các Tỳ kheo:²⁰⁰⁵ “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(I) (1) “Ở đây, một Tỳ kheo là một người làm (gây, đặt, tạo) ra những vấn-đề (tranh cãi thuộc) giới-luật và người đó không nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề giới-luật đó. Khi một Tỳ kheo là người làm ra những vấn-đề (tranh cãi thuộc) giới-luật và người đó không nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề giới-luật đó, thì đây là một phẩm chất không dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự đồng thuận, hay sự đoàn kết.²⁰⁰⁶

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo không mong muốn tu tập và người đó không nói lời đề cao sự đảm nhận việc tu tập. Khi một Tỳ kheo không mong muốn tu tập ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo có những tham-muốn xấu ác và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ những tham-muốn xấu ác. Khi một Tỳ kheo có những tham muốn xấu ác ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo tính nghiêng về (dễ dính) sân và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ sự sân-giận. Khi một Tỳ kheo tính nghiêng về sân ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo là người hay chê-bai [người khác] và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính hay chê-bai. Khi một Tỳ kheo là người hay chê-bai ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo là xảo-kế và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính xảo-kế. Khi một Tỳ kheo là xảo-kế ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo là lừa-dối và người đó không nói lời đề cao sự loại bỏ tính lừa-dối. Khi một Tỳ kheo là lừa dối ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo không ngã hướng về ‘sự chú tâm tới những giáo lý’ và người đó không nói lời đề cao ‘sự chú tâm tới những giáo lý’. Khi một Tỳ kheo không ngã hướng về ‘sự chú tâm tới những giáo lý’ ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo không ngã hướng về ‘sự sống tách-ly’ (ẩn dật, ẩn tu) và người đó không nói lời đề cao ‘sự sống tách-ly’. Khi

một Tỳ kheo không ngã hướng về ‘sự sống tách-ly’ ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo không thể hiện ‘sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo’ và người đó không nói lời đề cao ‘sự hiếu-khách (tiếp đón, chỗ ở, cơm nước...)’ đối với những Tỳ kheo đồng đạo’. Khi một Tỳ kheo không thể hiện ‘sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo’ ... thì đây cũng là một phẩm chất không dẫn tới ... sự đoàn kết.

“Cho dù một Tỳ kheo như vậy có ước muốn: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó chưa trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.”

“Giả sử một con ngựa non có ước muốn: ‘Ôi, cầu cho người ta xếp ta vào chỗ ngựa thuần chủng, cho ta ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho ta như cho ngựa thuần chủng!’, thì người ta vẫn không xếp nó vào chỗ ngựa thuần chủng, cho nó ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho nó như cho ngựa thuần chủng. Vì lý do gì? Bởi vì những người có trí nhìn thấy nó chưa dẹp bỏ những trò xạo của nó, những mảnh lời, những trò lieù, và những mưu toan của nó.²⁰⁰⁷ Cũng giống như vậy, cho dù một Tỳ kheo như vậy có ước muốn: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó chưa trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.”

(II) (1) “Ở đây, một Tỳ kheo không phải là người làm (gây, đặt, tạo) ra những vấn-đề (tranh cãi thuộc) giới-luật và người đó nói lời đề

cao sự giải-quyết những vấn-đề giới-luật đó. Khi một Tỳ kheo không phải là người làm ra những vấn-đề giới-luật và người đó nói lời đề cao sự giải-quyết những vấn-đề giới-luật đó, thì đây là một phẩm chất dẫn tới sự cảm mến, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự đồng thuận, hay sự đoàn kết.

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo mong muốn tu tập và người đó nói lời đề cao sự đảm nhận việc tu tập. Khi một Tỳ kheo mong muốn tu tập ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(3) “Lại nữa, một Tỳ kheo không có những tham-muốn xấu ác và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ những tham-muốn xấu ác. Khi một Tỳ kheo không có những tham muốn xấu ác ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(4) “Lại nữa, một Tỳ kheo tính không nghiêng về sân và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ sự sân giận. Khi một Tỳ kheo tính không nghiêng về sân ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(5) “Lại nữa, một Tỳ kheo không là người hay chê-bai [người khác] và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính hay chê-bai. Khi một Tỳ kheo không là người hay chê-bai ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(6) “Lại nữa, một Tỳ kheo không xảo-kế và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính xảo-kế. Khi một Tỳ kheo không xảo-kế ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(7) “Lại nữa, một Tỳ kheo không lừa-dối và người đó nói lời đề cao sự loại bỏ tính lừa-dối. Khi một Tỳ kheo không lừa dối ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(8) “Lại nữa, một Tỳ kheo ngã hướng về ‘sự chú tâm tới những giáo lý’ và người đó nói lời đề cao ‘sự chú tâm tới những giáo lý’. Khi một Tỳ kheo ngã hướng về ‘sự chú tâm tới những giáo lý’ ... thì đây

cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(9) “Lại nữa, một Tỳ kheo ngã hướng về ‘sự sống tách-ly’ (ẩn dật, ẩn tu) và người đó nói lời đề cao ‘sự sống tách-ly’. Khi một Tỳ kheo ngã hướng về ‘sự sống tách-ly’ ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo thể hiện ‘sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo’ và người đó nói lời đề cao ‘sự hiếu-khách (tiếp đón, chỗ ở, cơm nước...) đối với những Tỳ kheo đồng đạo’. Khi một Tỳ kheo thể hiện ‘sự hiếu-khách đối với những Tỳ kheo đồng đạo’ ... thì đây cũng là một phẩm chất dẫn tới ... sự đoàn kết.

“Cho dù một Tỳ kheo như vậy không ước muốn: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó đã trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.”

“Giả sử một con ngựa thuần chủng xuất sắc không ước muốn: ‘Ôi, cầu cho người ta xếp ta vào chỗ ngựa thuần chủng, cho ta ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho ta như cho ngựa thuần chủng!’, thì người ta vẫn xếp nó vào chỗ ngựa thuần chủng, cho nó ăn thức ăn dành cho ngựa thuần chủng, và chăm sóc chải lông cho nó như cho ngựa thuần chủng. Vì lý do gì? Bởi vì những người có trí nhìn thấy nó đã dẹp bỏ những trò xạo của nó, những mảnh lời, những trò lừa, và những mưu toan của nó. Cũng giống như vậy, cho dù một Tỳ kheo như vậy không ước muốn: ‘Ôi, ước gì những Tỳ kheo đồng đạo của ta sẽ tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính ta!’, thì những Tỳ kheo đồng đạo vẫn tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính người đó. Vì lý do gì? Bởi vì những Tỳ kheo đồng đạo có trí của người đó nhìn thấy người đó đã trừ bỏ được mười phẩm chất bất thiện này.”

88 (8) *Người Sĩ Nhục*²⁰⁰⁸

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này. Mười đó là gì? (1) Người đó không thành tựu điều chưa thành tựu. (2) Người đó rớt khỏi điều mình đã thành tựu. (3) Những phẩm chất tốt của người đó không được làm sáng bóng.²⁰⁰⁹ (4) Người đó đánh giá quá cao những phẩm chất của mình, hoặc (5) sẽ dẫn tới đời sống tâm linh không được thỏa mãn, hoặc sẽ phạm vào tội ô nhiễm nào đó, hoặc (7) dính bệnh ngặt nghèo, hoặc (8) bị điên khùng hay bị loạn trí. (9) Người đó chết với tâm ngu mờ. (10) Khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Khi một Tỳ kheo là người sĩ nhục và chê bai những Tỳ kheo đồng đạo, người chửi rủa những thánh nhân, thì không thể nào và không thể hình dung rằng người đó sẽ không gặp phải [xảy ra] một trong mười tai nạn này.”

89 (9) *Kokālika*²⁰¹⁰

Lúc đó có Tỳ kheo Kokālika đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những tham-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những tham-muốn xấu ác.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika!²⁰¹¹ Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành (hành xử thiện khéo).”

Lần thứ hai Tỳ kheo Kokālika lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa

Thế Tôn, mặc dù con coi đức Thế Tôn là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, [con vẫn nói rằng] thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những tham-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những tham-muốn xấu ác.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

Lần thứ ba Tỳ kheo Kokālika lại nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, mặc dù con coi đức Thế Tôn là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, [con vẫn nói rằng] thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên có những tham-muốn xấu ác và đã bị chi phối bởi những tham-muốn xấu ác.”

[Đức Thế Tôn nói:] “Đừng nói vậy, này Kokālika! Đừng nói vậy, này Kokālika! Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

Rồi Tỳ kheo Kokālika đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải, và đi ra. Không lâu sau khi Tỳ kheo Kokālika đi ra, toàn thân của thầy ấy bị đầy mụn nhọt cỡ bằng hạt cải. Rồi chúng lớn thành cỡ hạt đậu xanh; rồi lớn thành cỡ hạt đậu gà; rồi lớn thành cỡ lỗ cuống của táo tàu; rồi lớn thành cỡ trái táo tàu; rồi lớn thành cỡ trái *myrobalan*; rồi lớn thành cỡ trái táo gỗ (*belli*) chưa chín;²⁰¹² rồi lớn thành cỡ trái táo gỗ đã chín. Khi chúng đã lớn thành cỡ trái táo gỗ đã chín, chúng nở bung, xì ra mủ và máu. Rồi thầy ấy chỉ nằm trên lá chuối giống như một con cá nuột phải chết độc.

Lúc đó có một vị trời (*brahmā*) độc lập tên là Tudu đã đến gặp Tỳ kheo Kokālika,²⁰¹³ đứng hóng trên không, và nói với thầy ấy: “Hãy đặt niềm-tin vào Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, này Kokālika. Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là thiện hành.”

“Ông là ai, này thiện hữu?”

“Ta là trời Tudu độc lập.”

“Không phải đức Thế Tôn đã tuyên bố ngài là một bậc Bất-lai hay sao, này thiện hữu? Vậy tại sao ngài còn quay lại đây? Hay ngài đã làm nhiều điều sai quấy.”²⁰¹⁴

Rồi vị trời Tudu độc lập mới nói cho Tỳ kheo Kokālika bằng những lời thi kệ này:

“Khi một người được sinh ra
Với một lưỡi rìu được sinh ra trong miệng
Với nó người đó cắt chính mình,
Bằng cách thốt ra những lời sai trái.

“Người đó khen người đáng bị chê²⁰¹⁵
Hoặc chê người đáng được khen
Với (tà) khẩu ném một cú ném xui rủi
Do đó không tìm thấy an lạc.

“Chỉ là một cú ném con súc sắc không may
Nhưng kết quả thua sạch tài sản,
[Mất sạch] tất cả, kể cả bản thân mình;
Nhưng cú ném này còn xui rủi hơn nhiều:
Là sự chấp chứa sự thù ghét đối với những bậc thánh.”²⁰¹⁶

Người vu khống những thánh nhân,
Và phỉ báng họ bằng những lời lẽ và ý nghĩ tà ác,
Thì bị đọa địa ngục lâu thăm thẳm,
Suốt thời gian 436 ngàn *nirabbuda*, cộng 5 *abbuda*.”²⁰¹⁷

Rồi Tỳ kheo Kokālika đã chết vì căn bệnh đó, và bởi do sự thù oán của thầy ấy đối với thầy Xá-lợi-phát và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy ấy bị tái sinh trong địa ngục sen-đỏ.²⁰¹⁸

Rồi, khi đêm đã khuya, có vị trời Brahmā Sahampati, với vẻ đẹp tuyệt vời, chiếu sáng toàn Khu Vườn Jeta, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính

chào đức Thế Tôn, đứng qua một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Kokālika đã chết, và bởi do sự thù oán của thầy ấy đối với thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên, sau khi chết thầy ấy bị tái sinh trong địa ngục sen-đỏ.” Đây là lời vị trời Brahmā Sahampati đã nói. Rồi vị trời đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và biến mất ngay tại đó.

Rồi, khi đêm đã qua, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, tối qua, khi đêm đã khuya, có vị trời Brahmā Sahampati đã đến gặp ta và thưa với ta ... [*Phật kể lại toàn bộ như đoạn kể trên*] ... và biến mất ngay tại đó.”

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, kiếp hạn trong địa ngục sen-đỏ dài bao nhiêu?”²⁰¹⁹

“Thời hạn trong địa ngục sen-đỏ là dài, này Tỳ kheo. Không dễ gì tính được nó để nói theo kiểu nó dài nhiều năm, hay nhiều trăm năm, hay nhiều ngàn năm, hay nhiều trăm ngàn năm.”

“Vậy có thể nào cho một ví dụ về nó không, thưa Thế Tôn?”

“Có thể, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn nói.

“Giả sử có một chiếc xe của một người Kosala chở 20 gia hột mè. Cứ hết 100 năm một người lấy ra một hột mè. Theo cách này, thời gian để lấy ra hết số hột mè của 20 gia hột mè còn ngắn hơn thời gian của (1) một kiếp trong chỉ một địa ngục *abbuda*. (2) Một kiếp trong địa ngục *nirabbuda* là bằng 20 kiếp trong địa ngục *abbuda*; (3) một kiếp trong địa ngục *ababa* là bằng 20 kiếp trong địa ngục *nirabbuda*; (4) một kiếp trong địa ngục *ahaha* là bằng 20 kiếp trong địa ngục *ababa*; (5) một kiếp trong địa ngục *aṭaṭa* là bằng 20 kiếp trong địa ngục *ahaha*; (6) một kiếp trong địa ngục hoa-súng là bằng 20 kiếp trong địa ngục *aṭaṭa*; (7) một kiếp

trong địa ngục hương-thơm là bằng 20 kiếp trong địa ngục hoa-súng; (8) một kiếp trong địa ngục sen-xanh là bằng 20 kiếp trong địa ngục hương-thơm; (9) một kiếp trong địa ngục sen-trắng là bằng 20 kiếp trong địa ngục sen-xanh; và (10) một kiếp trong địa ngục sen-đỏ là bằng 20 kiếp trong địa ngục sen-trắng. Giờ, bởi do thầy ấy chấp chứa sự oán thù với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, nên Tỳ kheo Kokālika đã bị tái sinh trong địa ngục sen-đỏ.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy: [*Lặp lại bốn đoạn thi hệ giống ở trên.*]

90 (10) Những Năng Lực²⁰²⁰

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn ... Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có bao nhiêu năng-lực mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’?”

“Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được mười năng-lực mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’ Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng ‘mọi hiện-tượng có điều kiện (mọi pháp hữu vi) đều là vô-thường’, đúng như nó thực là. Đây là một năng-lực của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’

(2) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí-tuệ chánh đúng rằng ‘những khoái-lạc giác-quan’ (dục lạc) giống như một hố than đang cháy’, đúng như nó thực là. Đây cũng là một năng-lực của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ...

(3) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là ngã về, đổ về, và hướng về sự sống tách-ly (ẩn tu, ẩn dật); nó thu-mình (thu tâm, lánh trần, lui về),²⁰²¹ nó vui thích sự từ-bỏ, và đã dứt-bỏ với mọi thứ là cơ sở tạo ra ô-nhiễm. Đây là cũng một năng-lực của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ...

(4) “Lại nữa, tâm của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu tập ‘bốn nền tảng chánh-niệm’. Đây là cũng một năng-lực của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm ...

(5)–(10) “Lại nữa, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm là đã tu tập và khéo tu tập (5) ‘bốn sự phân-đầu đúng đắn’ (tứ chánh cần) ... (6) ‘bốn cơ-sở (tạo ra) thần-thông’ (tứ thần túc) ... (7) ‘năm căn tâm-linh’ (ngũ căn) ... (8) ‘năm năng-lực’ (ngũ lực) ... (9) ‘bảy yếu-tố (trợ giúp) giác-ngộ’ (thất giác chi) ... (10) con-đường tám phần tu thánh thiện (bát thánh đạo). Đây cũng là một năng-lực của một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’

Thưa Thế Tôn, khi những ô-nhiễm của một Tỳ kheo đã bị tiêu diệt, người đó có được mười năng-lực này mà nhờ lý do đó người đó có thể tuyên bố: ‘Những ô-nhiễm của tôi đã bị tiêu diệt.’”

NHÓM 5

UPĀLI²⁰²²

91 (1) *Người Thụ Hưởng Khoái Lạc Giác Quan*²⁰²³

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi ông) Cấp Cô Độc. Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn,

kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, có mười loại người thụ hưởng những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) được thấy có trong thế gian. Mười đó là gì?²⁰²⁴

[I. *Mô Tả*]

[A. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:*]

(1) “Ở đây, này gia chủ, có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách bất chính, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(2) “Có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách bất chính, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và hài lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(3) “Và còn có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách bất chính, bằng bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và người đó chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức.

[B. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:*]

(4) “Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(5) “Có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui

lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(6) “Và còn có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính, cả bằng bạo lực và không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức.

[C. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:]

(7) “Kế tiếp, này gia chủ, có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách chân chính, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, cũng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(8) “Có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo cách chân chính, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng không chia sẻ của-cải và không làm những việc công-đức.

(9) “Và còn có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo chân chính, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức. (tuy là tốt) Nhưng người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự giải-thoát khỏi nó.

(10) “Và còn có người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải theo chân chính, không bạo lực. Sau khi làm vậy, người đó làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức. (Và còn tốt hơn nữa là:) Và người này biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó; không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự giải-thoát khỏi nó.

[II. *Đánh Giá*]

[A. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cách bất chính:*]

(1) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách bất chính, bằng bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a), (b), (c).²⁰²⁵ Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách bất chính, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a) và (c). Căn cứ để khen: (b). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ.

(3) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách bất chính, bằng bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a). Căn cứ để khen: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ.

[B. *Loại người tìm kiếm của-cải theo cả cách chân chính và bất chính:*]

(4) “Kể tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách chân chính và bất chính, bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và cũng không làm những

việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 03 căn cứ này.

(2) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách chân chính và bất chính, bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a) và (c). Căn cứ để khen: (b). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ.

(3) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cả cách chân chính và bất chính, bằng bạo lực và không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a). Căn cứ để khen: (b) và (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ.

[C. Loại người tìm kiếm của-cải theo cách chân chính:]

(7) “Kế tiếp, này gia chủ, người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) không làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (b) và (c). Căn cứ để khen: (a). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 02 căn cứ và được khen dựa trên 01 căn cứ.

(8) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a)

theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, nhưng (c) không chia sẻ của-cải và cũng không làm những việc công-đức thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (c). Căn cứ để khen: (a) và (b). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 02 căn cứ.

(9) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, nhưng (d) người này sử dụng tài sản trong khi bị trói buộc vào nó, mê đắm với nó, bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; không nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, không hiểu được sự giải-thoát khỏi nó, thì có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 03 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (d). Căn cứ để khen: (a), (b), (c). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể bị chê trách dựa trên 01 căn cứ và được khen dựa trên 03 căn cứ.

(10) “Người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan tìm kiếm của-cải (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) làm bản thân mình hạnh phúc và vui lòng, và (c) cũng chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức, và (d) người này sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự giải-thoát khỏi nó, thì có thể được khen dựa trên 04 căn cứ. Căn cứ để chê trách: (a), (b), (c), (d). Đây là người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan có thể được khen dựa trên 04 căn cứ.

[D. *Kết Luận:*]

“Này gia chủ, đây là mười loại người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan được thấy có trong thế gian. Trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại người thụ

hưởng khoái-lạc giác-quan (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự giải-thoát khỏi nó. Giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng giống như vậy, trong mười loại người này, bậc nhất, tốt nhất, ưu việt nhất, tối thượng, và tinh anh nhất là loại người thụ hưởng khoái-lạc giác-quan (a) theo cách chân chính, không bạo lực, và (b) sau khi có được của-cải, người đó làm bản thân mình hạnh phúc; và (c) chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức; và (d) biết sử dụng tài sản mà không bị trói buộc vào nó, không mê đắm với nó, không bị cuốn hút một cách mù quáng trong nó; nhìn thấy sự nguy-hại trong nó, hiểu được sự giải-thoát khỏi nó.”

92 (2) *Sự Thù Ghét*²⁰²⁶

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

Lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông:

“Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ ‘năm hiểm-họa và sự thù-ghét’, và (II) có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’, và (III) đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ bằng trí-tuệ, thì người đó, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình rằng: ‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đầy đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, hết bị nơi đến xấu dữ, hết bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] trong cõi dưới,

đã định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.’²⁰²⁷

(I) “Cái gì là năm hiểm-họa và sự thù-ghét đã được loại bỏ? (1) Này gia chủ, một người sát-sinh, với sự sát-sinh là điều kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-ghét thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-ghét thuộc kiếp sau²⁰²⁸ và người đó cũng trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Một người kiêng cữ sát-sinh thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-ghét như vậy thuộc kiếp này, và hiểm-họa và sự thù-ghét như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ sát-sinh, hiểm-họa và sự thù-ghét đã được loại bỏ.

(2) “Một người gian-cấp ... (3) Một người có tà-dâm tà dục ... (4) Một người nói-dối nói láo ... (5) Một người uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, với những (hành vi) đó là điều kiện (duyên), tạo ra hiểm-họa và sự thù-ghét thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-ghét thuộc kiếp sau và người đó cũng trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Một người kiêng cữ gian-cấp ... kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì không tạo ra hiểm-họa và sự thù-ghét như vậy thuộc kiếp này và hiểm-họa và sự thù-ghét như vậy thuộc kiếp sau, và người đó cũng không trải nghiệm sự khổ tâm và ưu phiền. Như vậy đối với người kiêng cữ gian-cấp ... kiêng cữ uống rượu nặng, rượu nhẹ, và dùng những chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì hiểm-họa và sự thù-ghét đã được loại bỏ.

“Đây là ‘năm hiểm-họa và sự thù-ghét’ đã được loại bỏ.

(II) “Và cái gì là bốn yếu-tố (của một bậc) Nhập-lưu mà người đó đã có được?²⁰²⁹

(6) Ở đây, này gia chủ, người người đệ tử thánh thiện đã có được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: **‘Đức Thế Tôn là một bậc A-**

la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc Phúc Lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, bậc thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’

(7) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi những người trí hiền.’

(8) “Người đó có được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của Đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) cao nhất ở thế gian.’

(9) “Người đó có được đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng (tức, năm giới hạnh)—không bị sút mẻ, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết ố, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.²⁰³⁰

“Đây là ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ mà người đó có được.

(III) “Và cái gì là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy rõ ràng và thâm nhập thấu suốt bằng trí-tuệ?²⁰³¹ (10) Ở đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đó quán chiếu như vậy: ‘Do có thứ này, nên có [sinh ra] thứ kia; do khởi sinh thứ này, nên thứ kia khởi sinh. Khi thứ này không có thì không có [không sinh ra] thứ kia; khi chấm dứt thứ này thì thứ kia chấm dứt.’²⁰³²

• “Đó là: ‘Do có vô-minh là điều kiện, nên có [sinh ra] những sự

tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức; do có thức là điều kiện, nên có phần danh-sắc; do có phần danh-sắc là điều kiện, nên có sáu giác-quan [cơ-sở cảm nhận]; do có sáu giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp-xúc; do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác' do có cảm-giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục-vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp; do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện, nên mới xảy ra sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Đây là nguồn-gốc của toàn bộ đống khổ này.' (chiều khởi sinh)

“Nhưng: ‘Với sự phai biến và chấm dứt vô-minh thì chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; khi chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý, thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức, thì chấm dứt phần danh-sắc; khi chấm dứt phần danh-sắc, thì chấm dứt sáu giác-quan; khi chấm dứt sáu giác-quan, thì chấm dứt sự tiếp-xúc; khi chấm dứt sự tiếp-xúc, thì chấm dứt cảm-giác; khi chấm dứt cảm-giác, thì chấm dứt sự dục-vọng; khi chấm dứt dục-vọng, thì chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp, thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi chấm dứt sự hiện-hữu, thì chấm dứt sự sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra, thì chấm dứt chấm dứt sự già và chết; sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Đây là sự chấm-dứt của toàn bộ đống khổ này.’ (chiều hoàn diệt)

“Đây là ‘phương pháp thánh thiện’ mà người đó đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt bằng trí-tuệ.

“Này gia chủ, khi một đệ tử thánh thiện (I) đã loại bỏ ‘năm hiểm-họa và sự thù-ghét’ này, và (II) có được ‘bốn yếu-tố Nhập-lưu’ này, và (III) đã nhìn thấy một cách rõ ràng và thâm nhập một cách thấu suốt ‘phương pháp thánh thiện’ này, thì nếu muốn, người đó có thể tuyên bố về mình rằng: ‘Tôi đã hết bị địa ngục, cõi súc sinh, và cõi ngạ quỷ đầy đọa; tôi đã hết bị cảnh giới khổ đau, hết bị nơi đến xấu dữ, hết bị cõi dưới; tôi là bậc Nhập-lưu, không còn bị [tái sinh] trong cõi dưới, đã

định xong vận mệnh, đang hướng tới sự giác-ngộ.”

93 (3) Cách Nhìn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc đi ra khỏi (thành) Sāvattthī vào giữa trưa để đến gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: “Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ăn dật hay đến gặp những Tỷ kheo đáng kính cũng đang ăn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác.”

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã đến khu ở của những du sĩ các giáo phái khác. Bấy giờ, vào lúc đó những du sĩ khác đạo đó đã tụ tập và đang tạo nên sự huyên náo khi họ đang ngồi lớn tiếng và om sòm thảo luận những đề tài vô nghĩa khác nhau. Những du sĩ khác đạo đó đã nhìn thấy gia chủ Cấp Cô Độc đang đi tới từ xa và họ đã nhắc nhau im lặng: “Các vị, hãy yên lặng. Các vị, đừng làm ồn ào. Ở đây đang có gia chủ Cấp Cô Độc, một đệ tử của sa-môn Cồ-đàm, một trong những đệ tử tại gia áo trắng cư ngụ ở Sāvattthī. Số là, những vị (đệ tử tại gia của Phật) đó vốn thích sự yên lặng, tuân thủ sự yên lặng, và nói lời đề cao sự yên lặng. Có lẽ nếu ông ta (gia chủ Cấp Cô Độc) thấy hội của chúng ta đang yên lặng thì ông ta nghĩ sẽ đến gần chúng ta.” Rồi những du sĩ ngoài đạo đó đều im lặng.

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đến gần những du sĩ đó và chào hỏi qua lại với họ. *Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông:

“Này gia chủ, cái gì là cách-nhìn của sa-môn Cồ-đàm?”

“Thưa ngài tôi không biết hết toàn bộ cách-nhìn của đức Thế Tôn.”

“Như vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết toàn bộ cách nhìn của sa-môn Cồ-đàm. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là cách-nhìn của các Tỳ kheo?”

“Thưa ngài, tôi cũng không biết hết toàn bộ cách-nhìn của những Tỳ kheo.”

“Như vậy, này gia chủ, ông nói ông không biết toàn bộ cách nhìn của sa-môn Cồ-đàm và ông không biết toàn bộ cách-nhìn của những Tỳ kheo. Vậy hãy nói cho chúng tôi, cái gì là cách-nhìn của ông?”

“Không khó để tôi giải thích cách-nhìn của tôi, thưa ngài. Nhưng trước tiên hãy giải thích những cách-nhìn của ngài. Sau đó sẽ không khó để tôi giải thích cách-nhìn của tôi.”

Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

(1) “‘Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: vậy là cách-nhìn của tôi, này gia chủ.” (2) Một du sĩ khác nói: “‘Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: vậy là cách-nhìn của tôi, này gia chủ.” (3)–(4) Du sĩ khác lại nói: “‘Thế giới là hữu hạn’ ... ‘Thế giới là vô hạn’ ... (5)–(6) ‘Linh hồn và thể xác là một’ ... ‘Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác’ ... (7)–(10) ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ ... ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ ... ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: như vậy là cách-nhìn của tôi, này gia chủ.”²⁰³³

Sau khi điều này được nói ra, gia chủ Cấp Cô Độc đã nói với các du sĩ đó:

“Thưa ngài vị này nói như vậy: ‘(1)’ ... ‘(10)’ [*nguyên bản kinh thì gia chủ Cấp Cô Độc lặp lại từng câu từ (1) ... (10) và sau mỗi câu ông nói thêm:*] Cách-nhìn này của vị ấy đã khởi sinh do tự mình chú-

tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý) hoặc do bị điều-kiện tác động (duyên) bởi lời nói của người khác. Giờ cách-nhìn này đã được hình thành và nó là do điều-kiện, là một sản phẩm của sự cố-ý, là đã khởi sinh một cách tùy thuộc, là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Đây đơn giản là sự khổ mà vị ấy dính vào và chấp giữ.

“Thưa ngài, mọi thứ đã hình thành và có điều-kiện (hữu vi), là sản phẩm của sự cố-ý, đã khởi sinh một cách tùy thuộc (duyên khởi), đều là vô thường. Mọi thứ vô thường đều là khổ. Sau khi đã nhìn thấy rõ ràng thứ gì là khổ đúng như nó thực là bằng trí-tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’; ta không phải là này; đây không phải là cái ‘ta’ của ta (tự ngã).’ Tôi hiểu được đích thực sự thoát-ly siêu xuất khỏi nó, đúng như nó là.”

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Cấp Cô Độc sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng ... và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó.

[Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng ‘sự luận giải hữu lý’ như vậy.”²⁰³⁴ Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ gia chủ Cấp Cô Độc bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp. Rồi, sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi gia chủ Cấp Cô Độc đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi

hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới-luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng ‘sự luận giải hữu lý’, người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Cấp Cô Độc đã làm.”

94 (4) *Vajjiyamāhita*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Campā bên bờ Hồ Sen Gaggarā. Lúc đó có gia chủ Vajjiyamāhita đi khỏi Campā vào giữa trưa để đến gặp đức Thế Tôn. Rồi ý này đã xảy đến với ông: “Giờ không phải lúc phù hợp để đến gặp đức Thế Tôn đang ăn dật hay đến gặp những Tỳ kheo đáng kính cũng đang ăn dật. Vậy ta hãy đến khu ở của những du sĩ của những giáo phái khác.”

[*Tiếp tục hoàn cảnh y hệt kinh kể 10:93 trên, chỉ khác ở đây là gia chủ Vajjiyamāhita thay vì gia chủ Cấp Cô Độc, cho đến:*] ... *Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên. Rồi các du sĩ đó đã nói với ông:

“Này gia chủ, có đúng như đã nói, rằng sa-môn Cồ-đàm phê phán mọi sự khổ hạnh và ông ta không ngót lên án và chê trách mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh?”

“Không phải vậy, thưa ngài, đức Thế Tôn không phê phán tất cả mọi sự khổ hạnh và đức Thế Tôn không lên án và chê trách hết tất mọi người sống đời sống khắc khổ và khổ hạnh. Đức Thế Tôn chỉ phê phán những gì đáng phê phán và khen ngợi những gì đáng khen ngợi. Bằng sự chê những gì đáng chê và khen những gì đáng khen như vậy, đức Thế Tôn nói về cơ-sở của những sự khác-biệt; đức Thế Tôn không nói về những vấn đề đó theo cách nhất nhất một chiều.”²⁰³⁵

Sau khi điều này được nói ra, một du sĩ đã nói với gia chủ Vajjiyamāhita:

“Khoan đã, này gia chủ! (Ý ông nói là) sa-môn Cồ-đàm mà ông

khen ngợi là một người chủ trương bãi bỏ, người không chịu có những tuyên bố dứt dặc, phải không.”

“Về điểm này cũng vậy, tôi sẽ lý giải cho quý vị nghe, thưa ngài. Đức Thế Tôn thường tuyên bố một cách hiệu lực rằng: ‘Đây là thiện’ và: ‘Đây là bất thiện’. Như vậy, khi đức Thế Tôn tuyên bố điều gì là thiện và điều gì là bất thiện, bậc ấy có những tuyên bố dứt dặc. Đức Thế Tôn không phải là người chủ trương bãi bỏ, không phải là người không chịu có những tuyên bố dứt dặc.”

Sau khi điều này được nói ra, những du sĩ đó ngồi im lặng, cúi đầu, chùn xuống, chán nản, và không nói gì. Rồi gia chủ Vajjiyamāhita sau khi hiểu được những du sĩ đó đã [ngồi] im lặng ... và không nói gì, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và đi đến chỗ đức Thế Tôn. Ông kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa lại với đức Thế Tôn toàn bộ cuộc nói chuyện của ông với những du sĩ đó.

[Đức Thế Tôn nói:] “Tốt, tốt, này gia chủ! Chính theo cách như vậy những người nông cạn đó có những lúc nên bị (người khác) bác bỏ hoàn toàn bằng ‘sự luận giải hữu lý’ như vậy.”

(1)–(2) “Này gia chủ, ta không nói tất cả mọi sự khổ hạnh nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự khổ hạnh không nên được thực hành. (3)–(4) Ta không nói tất cả mọi sự tuân-thủ (giữ giới) nên được thực hành; ta cũng không nói tất cả mọi sự tuân-thủ không nên được thực hành. (5)–(6) Ta không nói một người nên phấn đấu (tinh cần) theo mọi cách (tu búa xua, đủ mọi cách); ta cũng không nói một người không nên phấn đấu theo cách nào. (7)–(8) Ta không nói một người nên thực hiện mọi sự từ-bỏ; ta cũng không nói một người không nên thực hiện sự từ-bỏ nào. (9)–(10) Ta không nói một người nên chứng đắc tất cả mọi loại giải-thoát; ta cũng không nói một người không nên chứng đắc loại giải-thoát nào.

(1)–(2) “Nếu, này gia chủ, khi một người thực hành một sự khổ

hạnh nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên thực hành sự khổ hạnh đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự khổ hạnh nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự khổ hạnh đó.

(3)–(4) “Nếu, này gia chủ, khi một người đảm nhận một sự tuân-thủ nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên đảm nhận sự tuân-thủ đó. Ngược lại, nếu khi một người thực hành một sự tuân-thủ nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên thực hành sự tuân-thủ đó.

(5)–(6) “Nếu, này gia chủ, khi một người phấn đấu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên phấn đấu theo cách đó. Ngược lại, nếu khi một người phấn đấu theo một cách nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên phấn đấu theo cách đó.

(7)–(8) “Nếu, này gia chủ, khi một người từ bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên từ bỏ điều đó. Ngược lại, nếu khi một người từ bỏ một điều gì, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên từ bỏ điều đó.

(9)–(10) “Nếu, này gia chủ, khi một người chứng đắc một sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện tăng, những phẩm chất thiện giảm, thì, ta nói, người đó không nên chứng đắc loại (tà) giải-thoát như vậy. Ngược lại, nếu khi một người chứng đắc sự giải-thoát nào, những phẩm chất bất thiện giảm, những phẩm chất thiện tăng, thì, ta nói, người đó nên chứng đắc loại (chánh) giải-thoát như vậy.”

Rồi, sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã được chỉ dạy, khích lệ, tạo

cảm hứng, và làm hoan hỷ bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, ông ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, đi vòng ra giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, và đi về.

Rồi, không lâu sau khi gia chủ Vajjiyamāhita đã đi về, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào, dù là người đã thụ giới (tuổi hạ) được 100 năm trong Giáo Pháp và giới-luật này, muốn hoàn toàn bác bỏ những du sĩ ngoài đạo bằng ‘sự luận giải hữu lý’, người đó chỉ cần bác bỏ họ như gia chủ Vajjiyamāhita đã làm.”

95 (5) Uttiya

Lúc đó có du sĩ tên Uttiya đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

(1) “Thầy Cò-đàm, có phải thế giới là bất diệt? và có phải chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?”

“Này Uttiya, ta đã không tuyên bố: ‘Thế giới là bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”

(2) “Vậy thì, Thầy Cò-đàm, có phải thế giới là không bất diệt? và có phải chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai?”

“Này Uttiya, ta đã không tuyên bố: ‘Thế giới là không bất diệt; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”

(3)–(4) “Vậy là sao, Thầy Cò-đàm, có phải thế giới là hữu hạn? ... Thế giới là vô hạn? ... (5)–(6) Linh hồn và thể xác là một? ... Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác? ... (7)–(10) Như Lai hiện hữu sau khi chết? ... Như Lai không hiện hữu sau khi chết? ... Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết? ... Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều

khác đều sai?”

“Này Uttiya, ta cũng không tuyên bố: ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai.’”²⁰³⁶

“Khi tôi hỏi Thầy Cò-đàm: [*câu hỏi* (1) ... (10)] ... thì Thầy Cò-đàm đều trả lời: “Này Uttiya, ta đã không tuyên bố (1) ... (10) ... (*Nguyên bản gốc thì du sĩ Uttiya lặp lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch Việt ghi tóm lược*). Vậy thì Thầy Cò-đàm đã tuyên bố điều gì?”

“Này Uttiya, thông qua sự hiểu-biết trực tiếp, ta chỉ dạy cho những đệ tử của ta vì mục đích ‘để (vì sự) thanh-lọc những chúng sinh; để vượt qua sự buồn sâu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng; để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn.’”

“Nhưng, khi Thầy Cò-đàm, thông qua sự hiểu-biết trực tiếp, chỉ dạy cho những đệ tử của ta vì mục đích ‘để thanh-lọc những chúng sinh; để vượt qua sự buồn sâu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng; để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để thành tựu phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn’ như vậy, thì toàn thế gian sẽ được giải thoát, hay một nửa thế gian, hay chỉ một phần ba thế gian?”

Khi điều (câu hỏi) bày được nói ra, Đức Thế Tôn chỉ im lặng. Rồi ý này đã xảy đến với Ngài Ānanda: “Sẽ tốt hơn nếu du sĩ Uttiya không chấp chứa quan điểm tà ác (ác kiến) như vậy: ‘Khi tôi hỏi sa-môn Cò-đàm câu hỏi leo cao nhất trong tất cả, ông ta lưỡng lự và không trả lời.’²⁰³⁷ Chắc hẳn là ông ta không khả năng trả lời.’ (Nếu du sĩ này nghĩ như vậy thì) điều này sẽ dẫn du sĩ Uttiya tới sự nguy hiểm và khổ đau dài lâu cho ông ta.”

Rồi thầy Ānanda mới nói với du sĩ Uttiya:

“Được rồi, này thiện hữu Uttiya, tôi sẽ cho chú một ví dụ. Có

những người thông minh ở đây hiểu được ý nghĩa của điều được nói ra bằng một ví dụ. Giả sử một nhà vua có một thành trì ở biên cương, nó có những thành lũy, tường thành, những tháp canh, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh; người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hổng hay kẽ hở nào trên tường thành thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: ‘Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó thôi.’”²⁰³⁸ Cũng giống như vậy, này thiện hữu Uttiya, Như Lai không quan tâm đến việc liệu toàn bộ thế gian sẽ được giải thoát, hay một nửa thế gian, hay chỉ một phần ba thế gian. Nhưng Như Lai có thể chắc chắn rằng tất cả những ai đã được giải thoát, hay những ai đang được giải thoát, hay những ai sẽ được giải thoát khỏi thế gian đều trước tiên phải trừ bỏ năm chướng-ngại, đó là những sự suy đồi của tâm luôn làm suy yếu trí-tuệ, và sau đó, với cái tâm đã được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm (tứ niệm xứ), tu tập một cách chánh đúng bảy yếu-tố (trợ giúp) giác-ngộ (thất giác chi). Chính theo cách này họ đã được giải thoát, hay đang được giải thoát, hay sẽ được giải thoát khỏi thế gian.

“Này thiện hữu Uttiya, chú đã hỏi đức Thế Tôn theo một góc độ khác nhưng cũng cùng loại những câu hỏi (không hợp lệ, không ích lợi) mà chú đã hỏi đức Thế Tôn trước đó.”²⁰³⁹ Vì vậy đức Thế Tôn đã không trả lời chú.”

96 (6) *Kokanada*²⁰⁴⁰

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trong Khu Suối Nóng. Lúc đó, khi đêm sắp tàn, Ngài Ānanda thức dậy

và đi ra suối nước nóng để tắm. Sau khi tắm xong và lên khỏi đó, thầy ấy đứng lau khô chân tay. Du sĩ tên Kokanada cũng thức dậy khi đêm sắp tàn và đi ra khu suối nóng để tắm. Ông ta nhìn thấy thầy từ xa và đã nói với thầy ấy:

“Đây là ai vậy, này thiện hữu?”

“Tôi là một Tỳ kheo, này thiện hữu.”

“Từ nhóm Tỳ kheo nào vậy, này thiện hữu?”

“Từ nhóm những sa-môn tu theo người con họ Thích-Ca.”

“Nếu ông bỏ chút thời gian trả lời, tôi muốn hỏi ông về một số điều.”

“Ông có thể hỏi, này thiện hữu. Khi tôi nghe câu hỏi của ông, tôi sẽ biết [rằng tôi có thể trả lời được không].”

“Điều này ra sao, thưa ông, ông có giữ quan-điểm: (1) ‘Thế gian là bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’ hay không?”

“Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.”

“Vậy ông có giữ quan-điểm: (2) ‘Thế gian là không bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’ hay không?”

“Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.”

“Ông có giữ quan-điểm: (3)–(4) ‘Thế gian là hữu hạn’ ... ‘Thế gian là vô hạn’ ... (5)–(6) ‘Linh hồn và thể xác là một’ ... ‘Linh hồn là một thứ, thể xác là thứ khác’ ... (7)–(10) ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết? ... ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết? ... ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết? ... ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’ hay không?”

“Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.”

“Vậy có thể là ông không biết và thấy?”

“Không phải là trường hợp tôi không biết và thấy, này thiện hữu. Tôi có biết và thấy.”

“Khi tôi hỏi ông: [*câu hỏi* (1) ... (10)] ... thì ông đều trả lời: ‘Tôi không giữ một quan-điểm như vậy, này thiện hữu.’ (*Nguyên bản kinh thì du sĩ Uttiya lặp lại từng câu hỏi ở trên, ở đây người dịch Việt ghi tóm lược*). Rồi khi tôi hỏi ông: ‘Vậy có thể là ông không biết và thấy?’ thì ông lại nói: ‘Không phải là trường hợp tôi không biết và thấy, này thiện hữu. Tôi có biết và thấy.’ Này thiện hữu, vậy câu này nên được hiểu nghĩa theo cách nào?”

“Này thiện hữu, (1) ‘Thế gian là bất diệt; chỉ điều này đúng, mọi điều khác đều sai’: đây là một quan-điểm do suy đoán ... (10) ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết; chỉ điều này là đúng, mọi điều khác đều sai’: đây là một quan-điểm do suy đoán. (*Nguyên bản kinh lặp lại từng điều (1)-(10), ở đây người dịch Việt ghi tóm lược.*)

“Này thiện hữu, tới mức độ có một quan-điểm do suy đoán, một cơ-sở cho những quan-điểm,²⁰⁴¹ một nền tảng cho những quan-điểm, sự ám muội bởi những quan-điểm, nguồn gốc những quan-điểm, và sự bùng nổ những quan-điểm, tôi đều biết và thấy. Khi tôi biết và thấy như vậy, vậy sao ông lại nói tôi không biết và thấy. Này thiện hữu, tôi có biết và thấy.”

“Tên ông là gì? Những Tỳ kheo đồng đạo của ông biết ông theo cách nào?”

“Tên tôi là Ānanda, và những Tỳ kheo đồng đạo của tôi biết tôi là Ānanda.”

“Thật tình, tôi đã không nhận ra tôi đang tham vấn một vị thầy lớn, thưa Ngài Ānanda! Nếu tôi đã nhận ra đó chính là Ngài Ānanda, tôi sẽ không nói như vậy. Vậy xin Ngài Ānanda vui lòng tha lỗi cho tôi.”

97 (7) Đáng Được Tặng Quà

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất (phước điền vô thượng) trong thế gian. Mười đó là gì?²⁰⁴²

(1) “Ở đây, một Tỳ kheo là có giới-hạnh; người đó sống được kiểm chế trong Pātimokkha [Giới-luật Tỳ kheo], có được đức-hạnh tốt và nơi nương-tựa tốt, nhìn thấy sự nguy-hại trong từng lỗi nhỏ nhất. Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó.

(2) “Người đó đã học-hiểu nhiều, ghi nhớ những điều mình đã học, và tích lũy những điều mình đã học. Những giáo lý đó là tốt lành ở phần đầu, tốt lành ở phần giữa, và tốt lành ở phần cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, tuyên bố (cho thấy) đời sống tâm linh toàn thiện và tinh khiết—những giáo lý đó người đó đã học nhiều, đã lưu giữ trong tâm, đã tụng đọc bằng miệng, đã điều tra bằng tâm, và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến).

(3) “Người đó có những bạn tốt, đồng môn tốt, đồng đạo tốt.

(4) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).

(5) “Người đó (có thể đạt được và) vận dụng được nhiều loại thần thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; hiện hình và biến hình; đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành lũy, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng

thân bay xa tới tận cõi trời Brahma.

(6) “Với yếu-tố tai thiên thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nghe được cả những âm thanh cõi trời và cõi người, dù ở xa hay ở gần.

(7) “Người đó hiểu được tâm của những chúng sinh và người khác (*tha tâm thông*), sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ. Người đó hiểu được một cái tâm có tham (dục) là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một cái tâm có sân là tâm có sân, một tâm không có sân là tâm không có sân; một cái tâm có si là tâm có si, một tâm không có si là tâm không có si; một cái tâm thụ động [co lại] là tâm thụ động, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng; một cái tâm cao thượng là tâm cao thượng, và một cái tâm không cao thượng là tâm không cao thượng; một cái tâm chưa vô thượng [còn có thể vượt trên] là tâm chưa vô thượng, và một cái tâm vô thượng [không thể vượt trên] là tâm vô thượng; một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định; một cái tâm được giải thoát là tâm được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là tâm chưa được giải thoát.”²⁰⁴³

(8) “Người đó có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ của mình (*túc mạng minh*); đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại (tan hoại), nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra (tiến hóa), nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như

kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’ Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.

(9) “Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó *nhìn thấy* những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó *hiểu được* cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến), thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

(10) “Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*), ngay trong kiếp này, bằng sự hiểu-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Có được có mười phẩm chất này, một Tỳ kheo là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính lễ, là ruộng gieo trồng công đức tốt nhất trong thế gian.”

98 (8) Một Trưởng Lão

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão sống thư thái ở bất cứ phương nào vị đó sống. Mười đó là gì? (1) Một trưởng lão là thâm niên, xuất gia đã lâu. (2) Người đó là có giới-hạnh ... Sau khi đã thụ nhận những giới-luật tu hành, người đó tu tập theo những điều luật đó. (3) Người đó đã học-hiểu nhiều ... và đã thâm nhập một cách thiện khéo bằng cách-nhìn (chánh kiến). (4) Cả hai (bộ) Pātimokkha (dành cho Tỳ kheo và Tỳ kheo ni) đã được truyền thụ cho người đó một cách chi tiết, đã được phân tích kỹ, được nắm vững kỹ, được xác định kỹ về những điều khoản của những giới-luật cùng với sự giảng giải chi tiết của chúng. (5) Người đó giỏi khéo về sự nguồn-gốc và cách giải-quyết những vấn-đề (phạm tội, kết tội) thuộc giới-luật. (6) Người đó yêu mến Giáo Pháp và vui lòng nói về những điều đó (tức những giáo lý; tức vui lòng chỉ dạy Giáo Pháp cho những người khác), tràn đầy niềm-vui cao độ về Giáo Pháp và giới-luật. (7) Người đó biết hài-lòng với mọi thứ y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh. (8) Người đó khoan-thai khi đi tới và đi lui, và cũng khéo kiểm-chế khi đang ngồi giữa các gia đình. (9) Người đó, nếu muốn thì không khó khăn hay rắc rối gì, có thể chứng đắc những tầng thiên định (jhāna), (những tầng thiên định đó) tạo nên phần tâm bậc cao và là những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này. (10) Với sự đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó. Có được mười phẩm chất này, một Tỳ kheo trưởng lão sống thư thái ở bất cứ phương nào vị đó sống.”

99 (9) Upāli

Lúc đó có Ngài Upāli đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, con muốn về ở những chỗ xa lánh trong rừng núi.”

“Những chỗ ở xa xôi trong rừng núi là khó chịu nổi, này Upāli. Sự sống một-mình là khó đảm trách và khó ưa thích. Khi một người ở một-mình, rừng núi sẽ đánh cắp tâm của một Tỷ kheo là người không đạt sự định-tâm. Có thể trông đợi rằng: một người nói ‘Tôi không đạt định, nhưng tôi sẽ về ở những nơi xa lánh trong rừng núi’ sẽ bị chìm, hoặc bị trôi mất.²⁰⁴⁴

“Này Upāli, giả sử có một hồ nước lớn, và một con voi to cỡ bảy hay tám cubit đến đó. Nó nghĩ: ‘Ta sẽ xuống hồ này và rửa tai và lưng cho đã thích. Ta sẽ tắm và uống nước, rồi lên bờ, và lên đường đến bất cứ chỗ nào ta muốn.’ Rồi nó xuống hồ nước và rửa tai và lưng cho đã thích. Nó tắm và uống nước, rồi lên bờ, và lên đường đến chỗ nó muốn. Làm sao như vậy? Là bởi vì thân hình to lớn của nó tìm được chỗ đứng dưới hồ sâu.

“Rồi một con thỏ hay con mèo đến đó. Nó nghĩ: ... (*lặp lại nghĩ như con voi*) ... Rồi, không suy xét, nó vội vã xuống hồ sâu. Điều này có thể trông đợi nó sẽ bị chìm hoặc bị trôi mất. Tại sao như vậy? Bởi vì thân hình nhỏ bé của nó không tìm được chỗ đứng dưới hồ sâu. Cũng giống như vậy, có thể trông đợi rằng: một người nói ‘Tôi không đạt định, nhưng tôi sẽ về ở những nơi xa lánh trong rừng núi’ sẽ bị chìm, hoặc bị trôi mất.

“Này Upāli, giả sử có một đứa bé trai, đang nằm ngựa, chơi đùa với phân và nước tiểu của chính nó. Thầy nghĩ sao, đó có phải là một trò vui hoàn toàn ngu ngốc hay không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Rồi thời gian sau, khi đứa bé đó lớn lên và các căn (giác quan) của nó trưởng thành, nó sẽ chơi những trò chơi dành cho những con trai—như trò chơi kéo cày, trò chơi bằng roi cây, trò chơi lộn nhào, trò chơi chong chóng gió, trò chơi những (đồ) đo đếm bằng lá, trò chơi bằng xe, trò chơi bằng cung. Thầy nghĩ sao, đó có phải là những trò vui hay hơn và siêu đẳng hơn trò vui trước đó hay không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Rồi thời gian sau nữa, khi đứa trai tiếp tục lớn lên và các căn của nó trưởng thành hơn nữa, nó sẽ thụ hưởng năm khoái-lạc giác-quan được phú và được chu cấp: với những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn; với những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Thầy nghĩ sao, có phải những thú vui đó là hay hơn và siêu đẳng hơn loại trò vui trước đó hay không?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.” ²⁰⁴⁵

(*) “Ở đây, này Upāli, Như Lai khởi sinh trong thế gian này, là một bậc A-la-hán, đã giác-ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết đích-thực (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người huấn luyện của những người cần được thuần phục, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác-Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự chứng ngộ bằng trí-biết trực-tiếp trong thế gian này có những thiên thần, Ma-vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy chỉ lại cho những người khác biết. Bậc ấy chỉ dạy Giáo Pháp tốt từ lúc đầu, lúc giữa, và lúc cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy công khai (cho thấy) đời sống tâm linh tinh khiết và toàn thiện.

(.1) “Một gia chủ [hay con trai ông ta] được sinh ra trong những họ tộc khác nghe được Giáo Pháp này. Rồi người đó có được niềm-tin vào Như Lai, và suy xét như vậy: ‘Đời sống tại gia là chật chội và bụi bặm; đời sống xuất gia là rộng mở. Nếu sống ở nhà thì không dễ gì dẫn dắt một đời sống tâm linh cho toàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch bóng. Hay ta nên cạo bỏ râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành.’ Rồi một dịp sau đó, người đó đã từ bỏ gia sản lớn nhỏ, từ bỏ gia quyến lớn nhỏ, người đó cạo râu tóc, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

(.2) “Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu-tập và lối-sống của hàng Tỷ kheo, (i) sau khi đã dẹp bỏ sự *sát-sinh*, người đó kiêng cử sát-sinh; bỏ hết bỏ roi gậy và vũ khí, đầy lương tâm và từ tế, người đó sống tha thương bi mẫn đối với tất cả mọi chúng sinh. (ii) Sau khi dẹp bỏ sự *gian-cắp*, người đó kiêng cử lấy những thứ không được cho; người đó chỉ lấy thứ được cho, chỉ trông đợi thứ được cho, và sống một cách thanh liêm, không trộm cắp gian lận. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ *tà-dâm tà dục*, người đó giữ giới sống độc thân, sống tách ly, kiêng cử tất cả mọi dạng dâm dục, kiêng cử những thói tật tính dục cá nhân.

(iv) “Sau khi dẹp bỏ (a) *lời nói dối nói láo*, người đó kiêng cử nói dối nói láo; người đó nói sự thật, nói theo sự thật; người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải là người dối gạt trong thế gian. Sau khi dẹp bỏ (b) *lời nói gây chia rẽ*, người đó kiêng cử lời nói gây chia rẽ; người đó không nói đi nói lại những gì đã nghe thấy nhằm gây chia rẽ người này với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người ủng hộ sự đoàn kết, người vui thích sự hòa đồng, người nói những lời để xúc tiến sự hòa hợp. Sau khi dẹp bỏ (c) *lời nói gắt gỏng khó nghe*, người đó kiêng cử lời nói gắt gỏng khó nghe; người đó nói những lời nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ mến, những lời đi vào lòng người nghe, những lời khích lệ an ủi mà nhiều người muốn nghe

và những lời dễ chịu đối với nhiều người. Sau khi đã dẹp bỏ (d) *lời nói tầm phào vô ích*, người đó kiêng cử lời nói tầm phào vô ích; người đó nói lúc thích hợp, nói điều sự thật, nói điều có ích, nói về Giáo Pháp và giới-luật; vào lúc thích hợp người đó nói những lời đáng lưu nhớ, hữu lý, gọn rõ, và có ích.

(.3) “Người đó kiêng cử làm hư hại những hạt giống và cây trồng. Người đó ăn một bữa [lần, thời] mỗi ngày,²⁰⁴⁶ kiêng cử ăn ban đêm và ăn ngoài giờ quy định (tức: không ăn phi thời, không ăn ngoài giờ ăn của giới luật). Người đó kiêng cử việc nhảy múa, ca hát, nhạc trống, tuồng kịch không thích hợp. Người đó kiêng cử việc trang điểm và làm đẹp bản thân như đeo vòng hoa, súc nước hoa, phấn sáp. Người đó kiêng cử giường rộng, ghế cao. Người đó kiêng cử việc nhận vàng bạc, gạo sống, thịt sống, phụ nữ và con gái, nô lệ nam hay nữ, dê và cừu, gia cầm và heo, voi, ngựa, và ngựa cái, ruộng đồng và đất đai. Người đó kiêng cử làm những việc vặt ngoài đời (không phải Phật sự hay tu sự) hay việc đưa tin báo tin; kiêng cử mua bán; kiêng cử gian lận qua cân, đo, tiền giả kim; kiêng cử việc nhận tiền lo lót, việc lừa dối, gian lận, và lừa lọc. Người đó kiêng cử việc làm thương hại, giết hại, trói người, chiếm đoạt, cướp bóc, và bạo hành.

(.4) “Người đó hài lòng với mấy y phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khát thực để giữ bụng yên ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo những thứ này (y phục và bình bát) với mình. Giống như chim trời, dù bay đi đâu, nó cũng bay đi với hai cánh chứ không mang theo gánh nặng nào; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo biết hài lòng với mấy y phục để bảo vệ thân thể và thức ăn khát thực để giữ bụng yên ổn, và dù có đi đâu người đó cũng chỉ mang theo mấy y phục và bình bát mà thôi.

“Có được đồng (uẩn) *giới-hạnh* thánh thiện này, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc phi tội lỗi.

(.5) “Khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và tướng nét của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-mắt không được kiểm chế, thì những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiểm chế nó; người đó phòng hộ căn-mắt, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-mắt. Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai... Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi ... Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... Khi cảm thấy một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... Khi nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và tướng nét của nó. Bởi vì nếu người đó để căn-tai ... căn-tâm không được kiểm chế, những trạng thái bất thiện xấu ác như tham-thích (tham) hay phiền-bực (u) sẽ xâm chiếm người đó, cho nên người đó tu tập sự kiểm chế nó; người đó phòng hộ căn-tai ... căn-tâm, người đó đảm trách việc kiểm chế căn-tai ... căn-tâm.

“Có được đồng *sự kiểm-chế* thánh thiện này đối với các căn, một Tỳ kheo trải nghiệm bên trong mình niềm chân-phúc tinh khiết (không bị dính nhiễm).

(.6) “Khi đang đi tới và (khi) đang đi lui, người đó làm với sự rõ-biết (tỉnh giác); khi đang nhìn trước và đang nhìn ngang, người đó làm với sự rõ-biết; đang khi đang co và đang giãn chân tay, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang mặc quần áo và đang mang theo bình bát và cà sa, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang ăn, đang uống, đang nhai thức ăn, và đang nếm thức ăn, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đại tiện và đang tiểu tiện, người đó làm với sự rõ-biết; khi đang đi, đang đứng, đang ngồi, đang nằm chưa ngủ, đang thức dậy, đang nói, và đang im lặng, người đó làm với sự rõ-biết. (sống luôn tỉnh giác)

(.7) “Có được đồng *giới-hạnh* thánh thiện như vậy, và đồng *kiểm-chế* thánh thiện như vậy đối với các căn, và *sự chánh-niệm* và *sự thường rõ-biết* như vậy, người đó lánh về một nơi tách ly ân dật: như một chỗ

trong rừng, chỗ một gốc cây, một ngọn núi, một khe núi, một hang động ngang sườn núi, một nghĩa địa, một nơi ngoài trời, một đồng rom.

“Sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa xong, người đó ngồi xuống, hai chân chéo nhau, giữ thân thẳng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. (i) Sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) đối với thế giới, người đó sống với một cái tâm không còn thèm-muốn; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự thèm-muốn. (ii) Sau khi đã dẹp bỏ sự ác-ý và thù-ghét (sân), người đó sống với một cái tâm không còn ác-ý, đầy tha thương bi-mẫn đối với mọi chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác-ý và thù-ghét. (iii) Sau khi đã dẹp bỏ sự buồn-ngủ và đờ-đẫn (hôn trầm), người đó sống không còn sự buồn-ngủ và đờ-đẫn, nhận-thức ánh sáng, có chánh-niệm và rõ-biết; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự buồn-ngủ và đờ-đẫn. (iv) Sau khi đã dẹp bỏ sự bất-an và hối-tiếc (trạo hối), người đó sống không còn sự khích-động, với một cái tâm hướng nội bình-an; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất-an và hối-tiếc. (v) Sau khi đã dẹp bỏ sự nghi-ngờ, người đó sống sau khi đã vượt qua sự nghi-ngờ, không còn hoài nghi về những phẩm chất thiện lành; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

(1) “Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng-ngại như vậy, đó là những ô-nhiễm của tâm, là những phẩm chất làm suy yếu trí-tuệ, vị Tỳ kheo đó: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất [Nhất thiền], trạng thái có đi kèm với ý nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Đạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa

đạt tới mục-tiêu của họ.²⁰⁴⁷

(2) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ và sự soi-xét, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai [Nhị thiền] ...’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(3) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ ... người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba [Tam thiền].’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(4) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự dẹp bỏ sự sợ hãi và khổ, và với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư [Tứ thiền] ...’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(5) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [nhận-thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ (cơ sở) vô biên của không gian (không vô biên xứ).’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(6) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, [nhận-thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ).’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(7) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận-thức rằng:] ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ).’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ

tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(8) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ trống-không, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ).’ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

(9) “Lại nữa, này Upāli, Tỳ kheo đó: ‘Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, người đó chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng).’ (10) Và sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ, những ô-nhiễm của hoàn toàn bị tiêu diệt.²⁰⁴⁸ Thầy nghĩ sao, có phải sự an trú này là hay hơn và siêu đẳng hơn trạng thái trước đó?”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Chính khi nhìn thấy phẩm chất này ở bên trong họ nên những đệ tử của ta mới lánh về những chỗ ở trong rừng núi. Nhưng họ vẫn chưa đạt tới mục-tiêu của họ.

“Này Upāli, hãy sống trong Tăng Đoàn. Khi thầy sống bên trong Tăng Đoàn thầy sẽ được an ổn (thư thái).”²⁰⁴⁹

100 (10) Không Khả Năng

“Này các Tỳ kheo, chưa dẹp bỏ mười điều này, một người không có khả năng chứng ngộ A-la-hán. Mười đó là gì? Tham, sân, si, sự tức-

giận, sự hung-dữ, sự chê-bai, sự xác-xược, sự ghen-ty, sự keo-kiệt, và sự tự-đại. Chưa dẹp bỏ mười điều này, một người không có khả năng chứng ngộ A-la-hán.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ mười điều này, một người có khả năng chứng ngộ A-la-hán. Mười đó là gì? Tham, sân, si, sự tức-giận, sự hung-dữ, sự chê-bai, sự xác-xược, sự ghen-ty, sự keo-kiệt, và sự tự-đại. Sau khi dẹp bỏ mười điều này, một người có khả năng chứng ngộ A-la-hán.”

[Năm Mười Kinh Thứ Ba]

NHÓM 1

NHỮNG NHẬN-THỨC CỦA MỘT SA-MÔN

101 (1) *Những Nhận-Thức Của Một Sa-Môn*

“Này các Tỳ kheo, khi ba nhận-thức của sa-môn²⁰⁵⁰ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều. Ba đó là gì?

(1) “Ta đã bước vào tình trạng vô giai cấp.²⁰⁵¹ (2) Sự sống của ta phụ thuộc vào những người khác.²⁰⁵² (3) Hành vi phong cách của ta phải khác.²⁰⁵³ Khi ba nhận-thức của sa-môn này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều. Bảy đó là gì?

(4) “Người đó kiên định hành động và hành vi đúng theo giới-hạnh. (5) Người đó không có tham-muốn, (6) không có ác-ý, (7) không có sự kiêu-ngạo. (8) Một đó mong muốn sự tu-tập. (9) Người đó sử dụng ‘những thứ thiết yếu để duy trì sự sống’ với sự ý thức rõ về mục đích của chúng. (10) Người đó nỗ lực (tinh tấn). Này các Tỳ kheo, khi ba nhận-thức của sa-môn này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện bảy điều này.”

102 (2) *Những Yếu Tố Giác Ngộ*

“Này các Tỳ kheo, khi bảy yếu-tố (trợ giúp) giác-ngộ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực (chân trí,

minh). Bảy đó là gì?

(1) “Yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm, (2) yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các hiện-tượng (trạch pháp), (3) yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn), (4) yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ, (5) yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm, và (7) yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả. Khi bảy yếu-tố giác-ngộ (thất giác chi) này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực. Ba đó là gì?

(8) “Ở đây, một Tỳ kheo có thể nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ (*túc mạng minh*), đó là một lần sinh, hai lần sinh ... Người đó nhớ lại nhiều cõi kiếp quá khứ với những tổng quan và chi tiết như vậy.²⁰⁵⁴

(9) “Với yếu-tố mắt thiên thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người ... người đó hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những nghiệp của mình, như vậy.

(10) “Với đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm (*lậu tận minh*), ngay trong kiếp này, bằng trí-biết trực-tiếp, người đó đã tự mình chứng ngộ sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, và sau khi đã chứng nhập trong đó, người đó an trú trong đó.

“Này các Tỳ kheo, khi bảy yếu-tố giác-ngộ này được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ hoàn thiện ba trí-biết đích thực.”

103 (3) Đường Sai

“Này các Tỳ kheo, phụ thuộc vào đường sai (tà đạo) thì có thất bại, không có thành công. Và theo cách nào thì phụ thuộc vào đường sai thì có thất bại, không có thành công?

(I) (1) “Do người có cách-nhìn sai lạc (tà kiến), nên (2) ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. Do người có ý-định sai lạc, nên (3) lời-nói (tà ngữ) phát sinh, (4) hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. Do người

có hành-động sai trái nên, (5) sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) phát sinh. Do người có sự mưu-sinh sai trái, nên (6) nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. Do người có sự nỗ-lực sai lạc, nên (7) sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) phát sinh. Do người có sự chú-tâm sai lạc, nên (8) sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. Do người có sự định-tâm sai lạc, nên (9) sự hiểu-biết sai lạc (tà tri) phát sinh. Do người có sự hiểu-biết sai lạc, nên (10) sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) phát sinh.²⁰⁵⁵ Theo cách này, phụ thuộc vào đường sai thì có thất bại, không có thành công.

“Phụ thuộc vào đường đúng (chánh đạo) thì có thành công, không có thất bại. Và theo cách nào thì phụ thuộc vào đường đúng thì có thành công, không có thất bại?”

(II) (1) “Do người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), nên (2) ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. Do người có ý-định đúng đắn, nên (3) lời-nói (chánh ngữ) khởi sinh, (4) hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. Do người có hành-động đúng đắn nên, (5) sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) khởi sinh. Do người có sự mưu-sinh đúng đắn, nên (6) nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. Do người có sự nỗ-lực đúng đắn, nên (7) sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. Do người có sự chú-tâm đúng đắn, nên (8) sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh. Do người có sự định-tâm đúng đắn, nên (9) sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) khởi sinh. Do người có sự hiểu-biết đúng đắn, nên (10) sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) khởi sinh.²⁰⁵⁶ Theo cách này, phụ thuộc vào đường đúng thì có thành công, không có thất bại.”

104 (4) Một Hạt Giống²⁰⁵⁷

(1) “Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc,

và sự giải-thoát sai lạc, thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp người đó xúi hay làm theo cách-nhìn đó, và mọi ý-định, mong-muốn, khuynh-hướng, và những hành-vi có-ý đều dẫn tới những điều (hậu quả) không muốn, không mong và khó khổ, dẫn tới sự nguy hại và khó đau. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu.

“Này các Tỳ kheo, giống như khi một hạt giống cây sấu đậu, dưa đắng, hay khổ qua được gieo xuống đất ẩm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị đắng, vị gắt, và vị khó chịu. Vì lý do gì? Vì giống hạt đó vốn là đắng. Cũng giống như vậy, người có cách-nhìn sai lạc ... sự giải-thoát sai lạc ... đều dẫn tới những điều (hậu quả) không muốn, không mong, và khó khổ, dẫn tới sự nguy hại và sự khổ. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là xấu.”

(2) “Này các Tỳ kheo, đối với người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn, thì mọi thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp người đó khuyến khích hay làm theo cách-nhìn đó, và mọi ý-định, mong-muốn, khuynh-hướng, và những hành-vi có-ý đều dẫn tới những điều (hậu quả) đáng muốn, đáng mong, và dễ chịu, dẫn tới sự an-sinh và hạnh-phúc. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là tốt.

“Này các Tỳ kheo, giống như giống cây mía, hạt giống lúa nương, hay hạt giống nho được trồng trên đất ẩm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị ngọt, dễ chịu, và ngon miệng. Vì lý do gì? Vì giống hạt đó vốn là ngọt. Cũng giống như vậy, đối với người có cách-nhìn đúng đắn ... sự giải-thoát đúng đắn ... đều dẫn tới những điều (hậu quả) đáng muốn, đáng mong, và dễ chịu, dẫn tới sự an-sinh và hạnh-phúc. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn đó là tốt.”

105 (5) Trí Biết Đích Thực

(I) “Này các Tỳ kheo, vô-minh²⁰⁵⁸—đi kèm với sự không biết xấu-hổ và sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái bất-thiện.²⁰⁵⁹ (1) Đối với người ngu bị chìm đắm trong vô-minh thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) cứ phát sinh. (2) Người có cách-nhìn sai lạc thì ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. (3) Người có ý-định sai lạc thì lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh. (4) Người có lời-nói sai trái thì hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. (5) Người có hành-động sai trái thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) phát sinh. (6) Người có sự mưu-sinh sai trái thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. (7) Người có sự nỗ-lực sai lạc thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) phát sinh. (8) Người có sự chú-tâm sai lạc thì sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh. (9) Người có sự định-tâm sai lạc thì trí-biết sai lạc (tà trí) phát sinh. (10) Người có trí-biết sai lạc thì sự giải-thoát sai lạc phát sinh.

(II) “Này các Tỳ kheo, sự hiểu-biết đích thực (minh)—đi kèm với sự biết xấu-hổ và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái thiện-lành. (1) Đối với người có trí đã đạt tới sự hiểu-biết đích thực thì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) khởi sinh. (2) Người có cách-nhìn đúng đắn thì ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. (3) Người có ý-định đúng đắn thì lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh. (4) Người có lời-nói đúng đắn thì hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. (5) Người có hành-động đúng đắn thì sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) khởi sinh. (6) Người có sự mưu-sinh đúng đắn thì sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. (7) Người có sự nỗ-lực đúng đắn thì sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. (8) Người có sự chú-tâm đúng đắn thì sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh. (9) Người có sự định-tâm đúng đắn thì trí-biết đúng đắn (chánh trí) phát sinh. (10) Người có trí-biết đúng đắn thì sự giải-thoát

đúng đắn (chánh giải-thoát).”²⁰⁶⁰

106 (6) Phai Mòn

“Này các Tỳ kheo, có mười trường hợp này của sự phai-mòn.²⁰⁶¹
Mười đó là gì?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) sẽ phai mòn, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng phai mòn, và với cách-nhìn đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) sẽ phai mòn ...

(3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) sẽ phai mòn ...

(4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) sẽ phai mòn ...

(5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) sẽ phai mòn ...

(6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) sẽ phai mòn ...

(7) “Đối với người có sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) sẽ phai mòn ...

(8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) sẽ phai mòn ...

(9) “Đối với người có sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự hiểu-biết sai lạc (tà tri) sẽ phai mòn ...²⁰⁶²

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) sẽ phai mòn, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do sự giải-thoát sai lạc là điều kiện (duyên) cũng phai mòn, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Đây là mùi trường hợp của sự phai mòn.”

107 (7) Dhovana

“Này các Tỳ kheo, có một nước ở phía nam tên là nước ‘Rửa’ [Dhovana]²⁰⁶³, ở đó (trong lễ rửa xương?) họ có thức ăn, thức uống, những bữa ăn, đồ bổ dưỡng, đồ giải khát, cũng như có nhảy múa, ca hát và âm nhạc. Có sự ‘Rửa’ như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng sự ‘Rửa’ này là thấp hèn, thông tục, dành cho những người phạm tục, là không thánh thiện, không ích lợi; nó không dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự hiểu-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một sự rửa thánh thiện nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự hiểu-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Nhờ (tùy thuộc) vào sự rửa này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự rửa thánh thiện đó?”

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị rửa đi, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị rửa đi, và với cách-nhìn đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị rửa đi ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị rửa đi ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị rửa đi ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) bị rửa đi ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị rửa đi ... (7) “Đối với người có sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) bị rửa đi ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị rửa đi ... (9) “Đối với người có sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự hiểu-biết sai lạc (tà tri) bị rửa đi ... ²⁰⁶⁴

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị rửa đi, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do sự giải-thoát sai lạc là điều kiện (duyên) cũng bị rửa đi, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự rửa thánh thiện dẫn nhất hướng dẫn tới sự tinh-ngộ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự hiểu-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Và nhờ vào sự rửa này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng.”

108 (8) Những Thầy Thuốc (thuốc xổ)

“Này các Tỳ kheo, những thầy thuốc kê toa thuốc xổ để loại bỏ những bệnh từ mật, đờm, gió. Có thuốc xổ như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng thuốc xổ này có lúc thành công, có lúc thất bại.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một thuốc xổ thánh thiện luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Nhờ (tùy thuộc) vào thuốc xổ này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một thuốc xổ thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị xô bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị xô bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị xô bỏ ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị xô bỏ ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị xô bỏ ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) bị xô bỏ ... (6) “Đối với người

có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tân) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tân) bị xô bỏ ... (7) “Đối với người có sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) bị xô bỏ ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị xô bỏ ... (9) “Đối với người có sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự hiểu-biết sai lạc (tà tri) bị xô bỏ ...

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị xô bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do sự giải-thoát sai lạc là điều kiện (duyên) cũng bị xô bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là thuốc xổ thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Và nhờ vào thuốc xổ này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng.”

109 (9) Thuốc Ói

“Này các Tỳ kheo, những thầy thuốc kê toa thuốc ói để loại bỏ những bệnh từ mật, đờm, gió. Có thuốc ói như vậy, này các Tỳ kheo; ta không chối cãi. Nhưng thuốc ói này có lúc thành công, có lúc thất bại.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta sẽ chỉ dạy một thuốc ói thánh thiện luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Nhờ (tùy thuộc) vào thuốc ói này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sinh, những chúng sinh phải bị già được thoát khỏi già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu,

than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là một thuốc ói thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị ói bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị ói bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị ói bỏ ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị ói bỏ ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị ói bỏ ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) bị ói bỏ ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tân) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị ói bỏ ... (7) “Đối với người có sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) bị ói bỏ ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị ói bỏ ... (9) “Đối với người có sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự hiểu-biết sai lạc (tà tri) bị ói bỏ ...

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị ói bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do sự giải-thoát sai lạc là điều kiện (duyên) cũng bị ói bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là thuốc ói thánh thiện đó luôn luôn thành công, không bao giờ thất bại. Và nhờ vào thuốc ói này, những chúng sinh phải bị (tái) sinh được thoát khỏi sinh, những chúng sinh phải bị

già được thoát khỏi già, những chúng sinh phải bị chết được thoát khỏi chết; những chúng sinh phải bị sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng được thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng.”

110 (10) Tổng Bỏ

“Này các Tỳ kheo, có mười điều sẽ bị tổng bỏ. Mười đó là gì?

(1) “Đối với người có cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) bị tổng bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên) cũng bị tổng bỏ, và với cách-nhìn đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

(2) “Đối với người có ý-định đúng đắn (chánh tư duy) thì ý-định sai lạc (tà tư duy) bị tổng bỏ ... (3) “Đối với người có lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) thì lời-nói sai trái (tà ngữ) bị tổng bỏ ... (4) “Đối với người có hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) thì hành-động sai trái (tà nghiệp) bị tổng bỏ ... (5) “Đối với người có sự mưu sinh đúng đắn (chánh hạnh) thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) bị tổng bỏ ... (6) “Đối với người có sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh-tấn) thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) bị tổng bỏ ... (7) “Đối với người có sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) bị tổng bỏ ... (8) “Đối với người có sự định-tâm đúng đắn (chánh định) thì sự định-tâm sai lạc (tà định) bị tổng bỏ ... (9) “Đối với người có sự hiểu-biết đúng đắn (chánh tri) thì sự hiểu-biết sai lạc (tà tri) bị tổng bỏ ...

(10) “Đối với người có sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát) thì sự giải-thoát sai lạc (tà giải thoát) bị tổng bỏ, và nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do sự giải-thoát sai lạc là điều kiện (duyên) cũng bị tổng bỏ, và với sự giải-thoát đúng đắn là điều kiện, nhiều phẩm chất thiện khởi sinh nhờ sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, đây là mười điều sẽ bị tổng bỏ.”

111 (11) Vô Học Nhân (1)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô học nhân, vô học nhân’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một Tỳ kheo là vô học nhân?”²⁰⁶⁵

“Ở đây, một Tỳ kheo có được (1) cách-nhìn đúng đắn của một vô học nhân. Người đó có được (2) ý-định đúng đắn ... (3) lời-nói đúng đắn ... (4) hành-động đúng đắn ... (5) sự mưu-sinh đúng đắn ... (6) sự nỗ-lực đúng đắn ... (7) sự chú-tâm đúng đắn ... (8) sự định-tâm đúng đắn ... (9) sự hiểu-biết đúng đắn ... (10) sự giải-thoát đúng đắn của một vô học nhân. Chính theo cách này một Tỳ kheo là bậc vô học nhân.”

112 (12) Vô Học Nhân (2)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất của bậc vô học nhân. Mười đó là gì? (1) Cách-nhìn đúng đắn của một vô học nhân. Người đó có được (2) ý-định đúng đắn ... (3) lời-nói đúng đắn ... (4) hành-động đúng đắn ... (5) sự mưu-sinh đúng đắn ... (6) sự nỗ-lực đúng đắn ... (7) sự chú-tâm đúng đắn ... (8) sự định-tâm đúng đắn ... (9) sự hiểu-biết đúng đắn ... (10) sự giải-thoát đúng đắn của một vô học nhân. Đây là mười phẩm chất của bậc vô học nhân.”

NHÓM 2

LỄ PACCOROHANĪ

113 (1) Phi Giáo Pháp (1)

“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu.²⁰⁶⁶ Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự muu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây là điều được nói là phi Giáo Pháp và nguy-hại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp và ích-lợi? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự muu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là điều được nói là Giáo Pháp và ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi’ là do chiếu theo sự (8 tà đạo, 2 sự tà quả và 8 chánh đạo, 2 sự chánh quả) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

114 (2) Phi Giáo Pháp (2)

“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp

và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi?

(1) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Ý-định sai lạc là phi Giáo Pháp; ý-định đúng đắn là Giáo Pháp ...

(3) “Lời-nói sai trái là phi Giáo Pháp; lời-nói đúng đắn là Giáo Pháp ...

(4) “Hành-động sai trái là phi Giáo Pháp; hành-động đúng đắn là Giáo Pháp ...

(5) “Sự mưu-sinh sai trái là phi Giáo Pháp; sự mưu-sinh đúng đắn là Giáo Pháp ...

(6) “Sự nỗ-lực sai lạc là phi Giáo Pháp; sự nỗ-lực đúng đắn là Giáo Pháp ...

(7) “Sự chú-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự chú-tâm đúng đắn là Giáo Pháp ...

(8) “Sự định-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự định-tâm đúng đắn là Giáo Pháp ...

(9) “Sự hiểu-biết sai lạc là phi Giáo Pháp; sự hiểu-biết đúng đắn là Giáo Pháp ...²⁰⁶⁷

(10) “Sự giải-thoát sai lạc là phi Giáo Pháp; sự giải-thoát đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự giải-

thoát sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi’ là do chiếu theo sự (8 tà đạo, 2 sự tà quả và 8 chánh đạo, 2 sự chánh quả) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

115 (3) Phi Giáo Pháp (3)

{“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở.²⁰⁶⁸ Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo suy xét: “Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu ... một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.’ Giờ ai sẽ giảng giải ý nghĩa của nó một cách chi tiết?” Rồi ý này đã xảy đến với họ: “Ngài Ānanda được khen bởi Vị Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo; thầy ấy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải

thích lời dạy đó cho chúng ta.”

Rồi các Tỳ kheo đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói: “Đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này. Rồi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở, không giảng nghĩa một cách chi tiết. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, chúng tôi đã suy xét: “Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này ... [*lập lại như trên*] ... Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Ānanda và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.’ Vậy mong thầy Ānanda giảng giải lời dạy đó cho chúng tôi.”

[Thầy Ānanda trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như là, mặc dù một người đang cằn gổ lõi đang tìm gổ lõi, đang đi tìm kiếm gổ lõi, mà lại bỏ qua phần gốc và thân của một cây to có phần gổ lõi, nghĩ rằng gổ lõi nên được tìm kiếm trong những cành những lá. Và điều này cũng giống với các thầy. Khi các thầy đang mặt đối mặt với đức Thế Tôn lại bỏ qua đức Thế Tôn, và nghĩ tới chuyện đến gặp tôi để hỏi về ý nghĩa (của lời dạy đó). Này các đạo hữu, về sự biết, đức Thế Tôn biết; về sự thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành tầm-nhìn, bậc ấy đã trở thành sự hiểu-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành trời Brahmā,²⁰⁶⁹ bậc ấy là người giảng giải, người tuyên thuyết, người làm rõ ý nghĩa, người ban cho sự bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, Như Lai. Đó là lúc khi các thầy đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra các thầy nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi có lẽ các thầy đã lưu nhớ trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho các thầy.”

“Này đạo hữu Ānanda, chắc chắn rằng, về sự biết, đức Thế Tôn biết; về sự thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành tầm-nhìn ... Như Lai. Đó là lúc khi chúng tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra chúng tôi nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vắn tắt đó). Rồi chúng

tôi sẽ lưu nhớ trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng tôi. Nhưng thầy Ānanda được khen ngợi bởi Vị Thầy và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. Thầy có khả năng là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy mong thầy Ānanda hãy giảng giải nó mà không thấy phiền hà gì.”

“Vâng, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi sẽ.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết của nó: ‘... [*lặp lại câu Phật đã nói*]...’ Giờ, này các đạo hữu, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích-lợi?} (*Tiếp tục 10 điều bên dưới là giống hệt như kinh 10:114 kể trên, như sau:*)

(1) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Ý-định sai lạc là phi Giáo Pháp; ý-định đúng đắn là Giáo Pháp ...

(3) “Lời-nói sai trái là phi Giáo Pháp; lời-nói đúng đắn là Giáo Pháp ...

(4) “Hành-động sai trái là phi Giáo Pháp; hành-động đúng đắn là Giáo Pháp ...

(5) “Sự mưu-sinh sai trái là phi Giáo Pháp; sự mưu-sinh đúng đắn là Giáo Pháp ...

(6) “Sự nỗ-lực sai lạc là phi Giáo Pháp; sự nỗ-lực đúng đắn là

Giáo Pháp ...

(7) “Sự chú-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự chú-tâm đúng đắn là Giáo Pháp ...

(8) “Sự định-tâm sai lạc là phi Giáo Pháp; sự định-tâm đúng đắn là Giáo Pháp ...

(9) “Sự hiểu-biết sai lạc là phi Giáo Pháp; sự hiểu-biết đúng đắn là Giáo Pháp ...²⁰⁷⁰

(10) “Sự giải-thoát sai lạc là phi Giáo Pháp; sự giải-thoát đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự giải-thoát sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có sự giải-thoát đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. Giờ, nếu muốn, các thầy có thể đến gặp trực tiếp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của (lời dạy) này. Rồi các thầy sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Ānanda, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau đó đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: ... [*họ kể lại toàn bộ câu chuyện*] ... Thầy Ānanda đã giảng cho chúng con ý nghĩa theo những cách như vậy, với những từ ngữ và câu chữ như vậy.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Thầy Ānanda là có trí. Thầy Ānanda có trí-tuệ lớn. Nếu các thầy có đến gặp ta và hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giải thích nó cho các thầy đúng như cách của thầy Ānanda. Đó chính là ý nghĩa của điều này, và do vậy các thầy nên lưu giữ trong tâm.”

116 (4) Ajita ²⁰⁷¹

Lúc đó có du sĩ tên Ajita đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, tôi có một đồng đạo tên là Paṇḍita.²⁰⁷² Người đó đã nghĩ ra năm trăm luận cứ²⁰⁷³ mà vì chúng những tu sĩ giáo phái khác, khi bị bác bỏ, biết được ‘Minh đã bị bác bỏ.’” (tức là tâm phục khẩu phục khi bị bác bỏ)

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ trường hợp của Paṇḍita không?”

“Thưa Thế Tôn, đây là lúc! Thưa bậc Phúc Lành, đây là lúc cho điều này! Sau khi nghe được điều này từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ lưu giữ trong tâm mọi điều đức Thế Tôn nói.”

“Vậy thì, này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(i) “Ở đây, có người bác bỏ và bài xích (từ chối, bài bác, chứng minh sai) một triết lý trái với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực là hiền trí!’²⁰⁷⁴

(ii) “Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực là hiền trí!’

(iii) “Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp và cả một triết lý trái với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý trái với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực là hiền trí!’.”²⁰⁷⁵

[(iv) “Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp và cả một triết lý trái với Giáo Pháp bằng phương tiện là một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng trái với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng trái với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực là hiền trí!’.”

(v) “Có người bác bỏ và bài xích một triết lý hợp với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng hợp với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng hợp với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực là hiền trí!’.”²⁰⁷⁶

“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và điều gì là Giáo Pháp thì nên được hiểu, và điều gì là nguy-hại và điều gì là ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu điều gì là phi Giáo Pháp và điều gì là Giáo Pháp, điều gì là nguy-hại và điều gì là ích-lợi, thì một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi?”

[*Tiếp tục bài kinh y hệt như kinh 10:114, và kết thúc bằng đoạn kết này:*]

“Khi điều đó được nói: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi’ là do chiếu theo sự (8 tà đạo, 2 sự

tà quả và 8 chánh đạo, 2 sự chánh quả) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

117 (5) *Saṅgāra*

Lúc đó có bà-la-môn Saṅgāra đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)?”

“Này bà-la-môn, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia. (2) Ý-định sai lạc là bờ bên này, ý-định đúng đắn là bờ bên kia. (3) Lời-nói sai trái là bờ bên này, lời-nói đúng đắn là bờ bên kia. (4) Hành-động sai trái là bờ bên này, hành-động đúng đắn là bờ bên kia. (5) Sự mưu-sinh sai trái là bờ bên này, sự mưu-sinh đúng đắn là bờ bên kia. (6) Sự nỗ-lực sai lạc là bờ bên này, sự nỗ-lực đúng đắn là bờ bên kia. (7) Sự chú-tâm sai lạc là bờ bên này, sự chú-tâm đúng đắn là bờ bên kia. (8) Sự định-tâm sai lạc là bờ bên này, sự định-tâm đúng đắn là bờ bên kia. (9) Sự hiểu-biết sai lạc là bờ bên này, sự hiểu-biết đúng đắn là bờ bên kia. (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ bên này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ bên kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ bên này, cái kia là bờ bên kia.”

Chỉ một số ít người²⁰⁷⁷

Đi qua bờ bên kia.

Số còn lại chỉ chạy đi chạy lại,

Dọc theo bờ [bên này].

Khi Giáo Pháp được thuyết giảng một cách chân chính

Những ai thực hành đúng theo đó

Họ sẽ vượt qua được,

Cõi Tử Thân vốn rất khó vượt qua.

Sau khi đã bỏ lại những phẩm chất tối,
 Người có trí tu tập những phẩm chất sáng.
 Sau khi đã từ tại gia đến xuất gia,
 (Xuất gia) là chỗ khó (hiếm ai) thích thú—

Ở đó người tu nên tìm sự vui thích trong sự sống tách ly,
 Sau khi đã giục bỏ những khoái-lạc giác-quan.
 Không sở hữu gì, người có trí thanh tẩy bản thân
 Khỏi những ô-nhiễm của tâm.

Những ai có tâm được khéo tu tập đúng đắn
 Trong ‘bảy yếu-tố giác-ngộ’,
 Là người thông qua ‘sự không còn dính-chấp’,
 Tìm thấy niềm vui thích trong ‘sự từ-bỏ sự nắm-giữ’:
 Sáng ngời, với những ô-nhiễm đã bị tiêu diệt,
 Họ là những người đã giải cơn khát trong thế gian.²⁰⁷⁸

118 (6) Bên Này

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên này và bờ bên kia. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, những Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bờ bên này và cái gì là bờ bên kia? Này các Tỳ kheo, (1) cách-nhìn sai lạc là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia ... (10) Sự giải-thoát sai lạc là bờ bên này, sự giải-thoát đúng đắn là bờ bên kia.”

[*Tiếp tục phân thi kệ giống hệt thi kệ của kinh kể trên.*]

119 (7) Lễ *Paccorohaṇī* (1)

{Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát [uposatha], bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông:

“Này bà-la-môn, vì sao vào ngày lễ bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?”

“Thưa Thầy Cò-đàm, hôm nay là ngày lễ hội *paccorohaṇī* của họ tộc bà-la-môn.”²⁰⁷⁹

“Nhưng theo cách nào những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*?”

“Ở đây, Thầy Cò-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh *kusa* này đây lại, và nằm xuống giữa đường kẻ biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và chấp tay đánh lễ ngọn lửa: ‘Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.’²⁰⁸⁰ Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cò-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*.”

“Này bà-la-môn, lễ *paccorohaṇī* theo giới-luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn.”

“Nhưng, Thầy Cò-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo giới-luật của Thánh Nhân thì được tuân thủ theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cò-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta

sẽ nói.”

“Dạ, thưa thầy”, bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:}

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của cách-nhìn sai lạc là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của ý-định sai lạc ... (3) ... lời-nói sai trái ... (4) hành-động sai trái ... (5) ... sự mưu-sinh sai trái ... (6) sự nỗ-lực sai lạc ... (7) ... sự chú-tâm sai lạc ... (8) ... sự định-tâm sai lạc ... (9) ... sự hiểu-biết sai lạc ...²⁰⁸¹ (10) sự giải-thoát sai lạc là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc.

“Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo Giới-luật của Thánh Nhân.”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo Giới-luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn. Và lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ *paccorohaṇī* theo Giới-luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp bằng nhiều cách, cứ như Người đã dựng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở những điều bị che giấu, chỉ đường cho những kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được hình sắc. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

120 (8) Lễ Paccorohaṇī (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy lễ *paccorohaṇī* [bước xuống] thánh thiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lễ *paccorohaṇī* thánh thiện? Ở đây, (1) người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của cách-nhìn sai lạc là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của ý-định sai lạc ... (3) ... lời-nói sai trái ... (4) hành-động sai trái ... (5) ... sự mưu-sinh sai trái ... (6) sự nỗ-lực sai lạc ... (7) ... sự chú-tâm sai lạc ... (8) ... Sự định-tâm sai lạc ... (9) ... sự hiểu-biết sai lạc ...²⁰⁸² (10) sự giải-thoát sai lạc là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là lễ *paccorohaṇī* thánh thiện.”

121 (9) Thứ Dẫn Trước

“Này các Tỳ kheo, giống như bình minh là cái dẫn trước và tiền thân của mặt trời mọc, cách-nhìn đúng đắn là thứ dẫn trước và tiền thân của những phẩm chất thiện lành. Với người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn khởi sinh. Với người có ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn khởi sinh. Với người có lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn khởi sinh. Với người có hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn khởi sinh. Với người có sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn khởi sinh. Với người có sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn khởi sinh. Với người có sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn khởi sinh. Với

người có sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn khởi sinh. Với người có sự hiểu-biết đúng đắn, sự giải-thoát đúng đắn khởi sinh.”

122 (10) Những Ô Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm.”

NHÓM 3

THANH LỘC

123 (1) Thứ Nhất

“Này các Tỳ kheo, mười điều này không được thanh lọc và thanh tẩy ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Mười điều này không được thanh lọc và thanh tẩy ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành.”

124 (2) Thứ Hai

“Này các Tỳ kheo, mười điều này nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

125 (3) Thứ Ba

“Này các Tỳ kheo, mười điều này không mang lại phước quả và ích lợi lớn lao ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

126 (4) Thứ Tư

“Này các Tỳ kheo, mười điều này không đạt tới đỉnh cao là sự loại bỏ tham, sân, si ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

127 (5) Thứ Năm

“Này các Tỳ kheo, mười điều này không nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự hiểu-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

128 (6) Thứ Sáu

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

129 (7) Thứ Bảy

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, không mang lại phước quả và ích lợi lớn lao ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát

đúng đắn. Đây là mười điều.”

130 (8) Thứ Tám

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, không đạt tới đỉnh cao là sự loại bỏ tham, sân, si ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

131 (9) Thứ Chín

“Này các Tỳ kheo, mười điều này, nếu được tu tập và tu dưỡng, không nhất hướng dẫn tới sự tỉnh-ngộ (không còn mê thích), sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, sự hiểu-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn ở đâu ngoài giới-luật của bậc Phúc Lành. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười điều.”

132 (10) Thứ Mười

“Này các Tỳ kheo, có mười đường sai (tà đạo)? Mười đó là gì? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự mưu-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây là mười đường sai.”

133 (11) Thứ Mười Một

“Này các Tỳ kheo, có mười đường đúng (chánh đạo). Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây là mười đường đúng.”

NHÓM 4

TỐT

134 (1) Tốt

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy điều gì là tốt và điều gì là xấu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là xấu? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự muru-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là xấu. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là tốt? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự muru-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là tốt.” (*mười phần chánh đạo*)

135 (2) — 144 (11) Giáo Pháp Thánh Thiện...

(135) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy Giáo Pháp thánh thiện và Giáo phi Pháp thánh thiện ... (136) ... điều thiện lành và điều bất thiện ... (137) ... điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại ... (138) ... điều gì là Giáo Pháp và điều gì là phi Giáo Pháp ... (139) ... Giáo Pháp vô nhiễm và Giáo Pháp bị ô nhiễm ... (140) ... Giáo Pháp không đáng bị chê trách (tội lỗi) và Giáo Pháp không bị chê trách (phi tội lỗi) ... (141)

... Giáo Pháp không hành xác và Giáo Pháp hành xác ... (142) ... Giáo Pháp dẫn tới sự phá bỏ và Giáo Pháp dẫn tới sự tạo lập (nghệp, tái sinh...) ²⁰⁸³ ... (143) ... Giáo Pháp có khổ là hậu quả của nó và Giáo Pháp có hạnh phúc là hậu quả của nó ... (144) ... Giáo Pháp có kết quả là khổ và Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là khổ? Cách-nhìn sai lạc ... và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là khổ. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là hạnh-phúc? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc.” (*mười phần chánh đạo*)

NHÓM 5

ĐƯỜNG THÁNH THIỆN

145 (1) Đường Thánh Thiện...

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con đường thánh thiện (thánh đạo) và con đường không thánh thiện (phi thánh đạo). ²⁰⁸⁴ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ...

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là con đường không thánh thiện? Cách-nhìn sai lạc ... và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là con đường không thánh thiện. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường thánh thiện? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là con đường thánh thiện.” (*mười phần chánh đạo*)

146 (2) — 154 (10) Đường Sáng...

(146) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường sáng và con đường tối²⁰⁸⁵ ... (147) Giáo Pháp tốt và Giáo Pháp xấu ... (148) Giáo Pháp của một người tốt và Giáo Pháp của một người xấu ... (149) Giáo Pháp cần được phát khởi và Giáo Pháp không cần được phát khởi ... (150) Giáo Pháp cần được theo đuổi và Giáo Pháp không cần được theo đuổi ... (151) Giáo Pháp cần được tu tập và Giáo Pháp không cần được tu tập ... (152) ... Giáo Pháp cần được tu dưỡng và Giáo Pháp không cần được tu dưỡng ... (153) Giáo Pháp cần được tưởng niệm và Giáo Pháp không cần được tưởng niệm ... (154) Giáo Pháp cần được chứng ngộ và Giáo Pháp không cần được chứng ngộ ...²⁰⁸⁶

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp không cần được chứng ngộ? Cách-nhìn sai lạc ... và sự giải-thoát sai lạc. Đây được gọi là Giáo Pháp không cần được chứng ngộ. (*mười phần tà đạo*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp cần được chứng ngộ? Cách-nhìn đúng đắn ... và sự giải-thoát đúng đắn. Đây được gọi là Giáo Pháp cần được chứng ngộ.” (*mười phần chánh đạo*)

[Năm Mười Kinh Thứ Tư]

NHÓM 1

NHÓM “NGƯỜI”

155 (1) *Gặp Gỡ*

“Này các Tỳ kheo, một người không nên giao lưu gặp gỡ với một người có mùi phẩm chất. Mùi đó là gì? Cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai trái, hành-động sai trái, sự muru-sinh sai trái, sự nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, sự định-tâm sai lạc, sự hiểu-biết sai lạc, và sự giải-thoát sai lạc. (*mười phần tà đạo*). Một người không nên giao lưu gặp gỡ với người có mùi phẩm chất này.

“Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu gặp gỡ với một người có được mùi phẩm chất. Mùi đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự muru-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (*mười phần chánh đạo*). Một người nên giao lưu gặp gỡ với người có mùi phẩm chất này.”

156 (2) — 166 (12) *Nương Dựa...*

(156) “Này các Tỳ kheo, một người không nên nương dựa vào một người có mùi phẩm chất ... một người nên nương dựa vào một người có được mùi phẩm chất ... (157) ... một người không nên nghe

theo ... một người nên nghe theo ... (158) ... một người không nên kính trọng ... một người nên kính trọng ... (159) ... một người không nên khen ngợi ... một người nên khen ngợi ... (160) ... một người không nên tôn kính ... một người nên tôn kính ... (161) ... một người không nên thể hiện sự tôn trọng người có mười phẩm chất ... một người nên thể hiện sự tôn trọng người có được mười phẩm chất ... (162) Một người có mười phẩm chất không thành công ... có được mười phẩm chất thành công ... (163) ... không được thanh lọc (thanh tịnh) ... được thanh lọc ... (164) ... không vượt qua sự tự-ta (ngã mạn) ... vượt qua sự tự-ta ... (165) ... không tăng trưởng về trí-tuệ ... tăng trưởng về trí-tuệ ... (166) ... tạo ra nhiều thất-phước ... tạo ra nhiều phước-đức. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. (*mười phần chánh đạo*). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều phước đức.”

NHÓM 2

BÀ-LA-MÔN JĀṄUSSONĪ

167 (I) *Lē Paccorohaṇī* (I)²⁰⁸⁷

{Bấy giờ, vào lúc đó, nhằm ngày lễ bố-tát [uposatha], bà-la-môn Jāṇussoṇī đứng một bên không xa đức Thế Tôn, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt. Đức Thế Tôn nhìn thấy ông đứng đó và nói với ông:

“Này bà-la-môn, vì sao vào ngày lễ bố-tát ông đứng qua một bên, với đầu đã gội sạch, mặc một bộ đồ mới bằng vải lanh, cầm một nắm cỏ *kusa* ướt như vậy? Điều gì đang xảy ra với họ tộc bà-la-môn?”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, hôm nay là ngày lễ hội *paccorohaṇī* của hộ tộc bà-la-môn.”

“Nhưng theo cách nào những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*?”

“Ở đây, Thầy Cồ-đàm, vào ngày lễ bố-tát, những bà-la-môn gội sạch đầu tóc và mặc bộ đồ mới mới bằng vải lanh. Rồi họ trét phân bò lên nền đất, rồi lấy nắm cỏ xanh *kusa* này đập lại, và nằm xuống giữa đường biên và nhà lửa. Trong suốt đêm, họ dậy ba lần, và chắp tay đánh lễ ngọn lửa: ‘Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính. Chúng tôi bước xuống tôn vinh bậc được tôn kính.’ Họ cúng vào lửa nhiều ván bơ, dầu, và bơ. Sau khi đêm đã qua, họ cúng nhiều loại thức ăn ngon cho những bà-la-môn. Thầy Cồ-đàm, chính theo cách này những bà-la-môn tuân thủ lễ hội *paccorohaṇī*.”

“Này bà-la-môn, lễ *paccorohaṇī* theo giới-luật của Thánh Nhân thì hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo giới-luật của Thánh Nhân thì được tuân thủ theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp bằng cách giảng giải cách lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Được rồi, này bà-la-môn, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa thầy”, bà-la-môn Jāṇussoṇī đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này: }²⁰⁸⁸

(1) “Ở đây, này bà-la-môn, người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự sát-sinh là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của

sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm tà dục ... (4) sự nói dối-nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gồng ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dúc vô ích ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ...²⁰⁸⁹ (10) cách-nhìn sai lạc là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc.

“Này bà-la-môn, chính theo cách này lễ *paccorohaṇī* được tuân thủ theo Giới-luật của Thánh Nhân.”

“Thưa Thầy Cồ-đàm, lễ *paccorohaṇī* theo Giới-luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn. Và lễ *paccorohaṇī* của những bà-la-môn không đáng bằng 1/16 của lễ *paccorohaṇī* theo Giới-luật của Thánh Nhân.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... [như đoạn cuối song hành 10:119] ... Mong Thầy Cồ-đàm hãy ghi nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y từ hôm nay cho đến hết đời.”

168 (2) Lễ Paccorohaṇī (2)

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy lễ *paccorohaṇī* [bước xuống] thánh thiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lễ *paccorohaṇī* thánh thiện? Ở đây, (1) người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự sát-sinh là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ sự sát-sinh; người đó bước xuống khỏi sự sát-sinh.

(2) “Người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Hậu quả của sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm tà dục ... (4) sự nói dối-nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gồng ... (7) sự nói chuyện

tâm-phào tán dóc vô ích ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ...²⁰⁹⁰ (10) cách-nhìn sai lạc là xấu trong kiếp này và cả những kiếp sau.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó dẹp bỏ cách-nhìn sai lạc; người đó bước xuống khỏi cách-nhìn sai lạc. Đây được gọi là lễ *paccorohanī* thánh thiện.”

169 (3) *Saṅgārava*²⁰⁹¹

Lúc đó có bà-la-môn Saṅgārava đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, cái gì là bờ bên này (bờ gần, thử ngạn)? Cái gì là bờ bên kia (bờ xa, bỉ ngạn)?”

“Này bà-la-môn, (1) sự sát-sinh là bờ bên này, sự kiêng cử sát-sinh là bờ bên kia. (2) sự gian-cấp là bờ bên này, sự kiêng cử gian-cấp là bờ bên kia. (3) sự tà-dâm tà dục là bờ bên này, sự kiêng cử tà-dâm tà dục là bờ bên kia. (4) sự nói dối-nói láo là bờ bên này, sự kiêng cử nói-dối nói láo là bờ bên kia. (5) sự nói lời gây chia-rẽ là bờ bên này, sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ là bờ bên kia. (6) sự nói lời gắt-gỏng là bờ bên này, sự kiêng cử nói lời gắt-gỏng là bờ bên kia. (7) sự nói chuyện tâm-phào tán dóc vô ích là bờ bên này, sự kiêng cử nói chuyện tâm-phào là bờ bên kia. (8) sự tham-dục [thèm muốn] là bờ bên này, sự vô-tham là bờ bên kia. (9) sự ác-ý là bờ bên này, sự thiện-ý là bờ bên kia. (10) cách-nhìn sai lạc là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia. Này bà-la-môn, một cái là bờ bên này, cái kia là bờ bên kia.”

[*Tiếp tục phần thi kệ giống thi kệ ở kinh 10:117*]

170 (4) *Bên Đây*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bờ bên này và bờ bên

kia. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bờ bên này và cái gì là bờ bên kia? Này các Tỳ kheo, (1) sự sát-sinh là bờ bên này, sự kiêng cử sát-sinh là bờ bên kia ... (10) Cách-nhìn sai lạc là bờ bên này, cách-nhìn đúng đắn là bờ bên kia.”

[*Tiếp tục phần thi kệ giống thi kệ ở kinh 10:117.*]

171 (5) Phi Giáo Pháp (1)²⁰⁹²

“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại? Sự sát-sinh, sự gian-cấp, sự tà-dâm tà dục, sự nói dối-nói láo, sự nói lời gây chia-rẽ, sự nói lời gắt-gồng, sự nói chuyện tầm-phào tán dóc, sự tham-dục [thèm muốn], sự ác-ý, và cách-nhìn sai lạc. Đây là điều được nói là phi Giáo Pháp và nguy-hại.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp và ích-lợi? Sự kiêng cử sát-sinh, kiêng cử sự gian-cấp, sự kiêng cử tà-dâm tà dục, sự kiêng cử nói dối-nói láo, sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, sự kiêng cử nói lời gắt-gồng, sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc, sự vô-tham, sự thiện-ý, và cách-nhìn đúng đắn. Đây là điều được nói là Giáo Pháp và ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại,

và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi' là do chiếu theo sự (10 điều bất thiện và 10 điều thiện) như vậy nên nó được nói ra như vậy."

172 (6) *Phi Giáo Pháp (2)*

{“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở.²⁰⁹³ Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, các Tỳ kheo suy xét: “Các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là Giáo Pháp và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu ... một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi.’ Giờ ai sẽ giảng giải ý nghĩa của nó một cách chi tiết?” Rồi ý này đã xảy đến với họ: “Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) được khen bởi Vị Thầy (Phật) và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo; thầy ấy là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vắn tắt này. Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.”

Rồi các Tỳ kheo đã đến gặp và chào hỏi qua lại với thầy Đại Ca-chiên-diên, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói: “Đạo hữu Đại Ca-chiên-diên, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này. Rồi đức Thế Tôn đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi về chỗ ở, không giảng nghĩa một cách chi tiết. Không lâu sau khi đức Thế Tôn đã đi, chúng tôi đã suy xét: “các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này ... [*lặp lại như trên*]

... Vậy chúng ta hãy đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên và hỏi thầy ấy về ý nghĩa của điều này. Chúng ta sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi thầy ấy giải thích lời dạy đó cho chúng ta.’ Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên giảng giải lời dạy đó cho chúng tôi.”

[Thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời:] “Này các đạo hữu, điều này giống như là, mặc dù một người đang cần gỗ lõi đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm kiếm gỗ lõi, mà lại bỏ qua phần gốc và thân của một cây to có phần gỗ lõi, nghĩ rằng gỗ lõi nên được tìm kiếm trong những cành những lá. Và điều này cũng giống với các thầy. Khi các thầy đang mặt đối mặt với đức Thế Tôn lại bỏ qua đức Thế Tôn, và nghĩ tới chuyện đến gặp tôi để hỏi về ý nghĩa (của lời dạy đó). Này các đạo hữu, về sự biết, đức Thế Tôn biết; về sự thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành tầm-nhìn, bậc ấy đã trở thành sự hiểu-biết, bậc ấy đã trở thành Giáo Pháp, bậc ấy đã trở thành trời Brahmā; bậc ấy là người giảng giải, người tuyên thuyết, người làm rõ ý nghĩa, người ban cho sự bất-tử, chúa tể của Giáo Pháp, Như Lai. Đó là lúc khi các thầy đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra các thầy nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vấn tất đó). Rồi có lẽ các thầy đã lưu nhớ trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho các thầy.”

“Này đạo hữu Đại Ca-chiên-diên, chắc chắn rằng, về sự biết, đức Thế Tôn biết; về sự thấy, đức Thế Tôn thấy; bậc ấy đã trở thành tầm-nhìn ... Như Lai. Đó là lúc khi chúng tôi đã đến gặp đức Thế Tôn và lẽ ra chúng tôi nên hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa (của lời dạy vấn tất đó). Rồi chúng tôi sẽ lưu nhớ trong tâm sau khi đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng tôi. Nhưng thầy Đại Ca-chiên-diên được khen ngợi bởi Vị Thầy và được kính trọng bởi những Tỳ kheo đồng đạo hiền trí của mình. Thầy có khả năng là có khả năng giảng giải một cách chi tiết ý nghĩa của lời dạy vấn tất này. Vậy mong thầy Đại Ca-chiên-diên hãy giảng giải nó mà không thấy phiền hà gì.”

“Vậy, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Tôi

sẽ.”

“Dạ, đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Đại Ca-chiên-diên đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn đã dạy lời dạy vắn tắt này mà không giảng giải ý nghĩa chi tiết của nó: ‘... [*lặp lại câu Phật đã nói*]...’ Giờ, này các đạo hữu, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích-lợi? }²⁰⁹⁴ (*Tiếp tục 10 điều bên dưới là giống như kinh 10:173 kể dưới, như sau:*)

(1) “Sự sát-sinh là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử sát-sinh là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có sự kiêng cử sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Sự gian-cấp sai lạc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử gian-cấp là Giáo Pháp ...

(3) “Sự tà-dâm tà dục là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử tà-dâm tà dục là Giáo Pháp ...

(4) “Sự nói-dối nói láo là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói-dối nói láo là Giáo Pháp ...

(5) “Sự nói lời gây chia-rẽ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ là Giáo Pháp ...

(6) “Sự nói lời gắt-gông là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gắt-gông là Giáo Pháp ...

(7) “Sự nói chuyện tầm-phào tán dóc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc là Giáo Pháp ...

(8) “Sự tham-dục [thèm muốn] là phi Giáo Pháp; sự vô-tham là Giáo Pháp ...

(9) “Sự ác-ý là phi Giáo Pháp; sự thiện-ý là Giáo Pháp ...²⁰⁹⁵

(10) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Này các đạo hữu, chính theo cách này tôi hiểu ý nghĩa chi tiết của lời dạy vắn tắt của đức Thế Tôn. Giờ, nếu muốn, các thầy có thể đến gặp trực tiếp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn về ý nghĩa của (lời dạy) này. Rồi các thầy sẽ lưu nhớ nó trong tâm khi đức Thế Tôn giảng giải cho các thầy.”

“Dạ, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Đại Ca-chiên-diên, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi họ kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa: ... [*họ kể lại toàn bộ câu chuyện*] ... Thầy Đại Ca-chiên-diên đã giảng cho chúng con ý nghĩa theo những cách như vậy, với những từ ngữ và câu chữ như vậy.”

“Tốt, tốt, này các Tỳ kheo! Thầy Đại Ca-chiên-diên là có trí. Thầy Đại Ca-chiên-diên có trí-tuệ lớn. Nếu các thầy có đến gặp ta và hỏi ta về ý nghĩa của điều này, ta cũng giải thích nó cho các thầy đúng như cách của thầy Đại Ca-chiên-diên. Đó chính là ý nghĩa của điều này, và do vậy các thầy nên lưu giữ trong tâm.”

173 (7) Phi Giáo Pháp (3)

“Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo

điều ích-lợi.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phi Giáo Pháp và cái gì là Giáo Pháp? Và cái gì là nguy-hại và cái gì là ích lợi?

(1) “Sự sát-sinh là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử sát-sinh là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có sự sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có sự kiêng cử sát-sinh là điều-kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

(2) “Sự gian-cắp sai lạc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử gian-cắp là Giáo Pháp ...

(3) “Sự tà-dâm tà dục là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử tà-dâm tà dục là Giáo Pháp ...

(4) “Sự nói-dối nói láo là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói-dối nói láo là Giáo Pháp ...

(5) “Sự nói lời gây chia-rẽ là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ là Giáo Pháp ...

(6) “Sự nói lời gắt-gông là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói lời gắt-gông là Giáo Pháp ...

(7) “Sự nói chuyện tầm-phào tán dóc là phi Giáo Pháp; sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc là Giáo Pháp ...

(8) “Sự tham-dục [thèm muốn] là phi Giáo Pháp; sự vô-tham là Giáo Pháp ...

(9) “Sự ác-ý là phi Giáo Pháp; sự thiện-ý là Giáo Pháp ...²⁰⁹⁶

(10) “Cách-nhìn sai lạc là phi Giáo Pháp; cách-nhìn đúng đắn là Giáo Pháp. Nhiều phẩm chất bất thiện phát sinh do có cách-nhìn sai lạc là điều-kiện (duyên): những thứ này là nguy-hại. Nhiều phẩm chất thiện lành đạt tới sự hoàn thiện nhờ tu-tập do có cách-nhìn đúng đắn là điều-

kiện (duyên): những thứ này là ích-lợi.

“Khi điều đó được nói: ‘Này các Tỳ kheo, điều gì là phi Giáo Pháp và nguy-hại nên được hiểu, và điều gì là Giáo Pháp và ích-lợi cũng nên được hiểu. Sau khi đã hiểu được điều là phi Giáo Pháp và nguy-hại, và cả điều là Giáo Pháp và ích-lợi, một người nên thực hành đúng theo Giáo Pháp và đúng theo điều ích-lợi’ là do chiếu theo sự (10 điều bất thiện và 10 điều thiện) như vậy nên nó được nói ra như vậy.”

174 (8) Những Nguyên Nhân Của Nghiệp

“Này các Tỳ kheo, (1) sự sát-sinh, ta nói, là do ba thứ: do tham gây ra, do sân gây ra, và do si gây ra. (2) Sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm tà dục ... (4) sự nói dối-nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gỏng ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ...²⁰⁹⁷ và (10) cách-nhìn sai lạc, ta nói, là do ba thứ: do tham gây ra, do sân gây ra, và do si gây ra.

“Vậy đó, này các Tỳ kheo, tham là một nguồn và gốc của nghiệp; sân là một nguồn và gốc của nghiệp; si là một nguồn và gốc của nghiệp. Khi diệt hết tham, nguồn gốc của nghiệp bị dập tắt. Khi diệt hết sân, nguồn gốc của nghiệp bị dập tắt. Khi diệt hết si, nguồn gốc của nghiệp bị dập tắt.”

175 (9) Tránh Bỏ

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này cung cấp một phương tiện để tránh bỏ (tránh né, tránh đi). Nó không phải không có [thiếu] một phương tiện để tránh bỏ. Và theo cách nào Giáo Pháp này đưa ra một phương tiện để tránh bỏ và không phải không có một phương tiện để tránh bỏ?

(1) Người sát-sinh có sự kiêng cử sát-sinh là phương tiện để tránh

nó. (2) Sự gian-cấp ... (3) sự tà-dâm tà dục ... (4) sự nói dối-nói láo ... (5) sự nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự nói lời gắt-gông ... (7) sự nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) sự tham-dục [thèm muốn] ... (9) sự ác-ý ... và (10) cách-nhìn sai lạc có cách-nhìn đúng đắn là phương tiện để tránh nó.

“Chính theo cách này, này các Tỳ kheo, là Giáo Pháp này cung cấp một phương tiện để tránh bỏ và không phải không có phương tiện để tránh bỏ.”

176 (10) Cunda

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Pāvā trong khu vườn xoài của Cunda, con trai của thợ rèn.²⁰⁹⁸ Rồi Cunda, con trai người thợ rèn, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với anh ta:

“Này Cunda, những nghi lễ thanh-lọc²⁰⁹⁹ của ai anh ưa thích hơn?”

“Thưa Ngài, con thích những nghi lễ thanh-lọc được quy định bởi những bà-la-môn ở miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước.”

“Và, này Cunda, theo cách nào những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh-lọc của họ?”

“Ồ đây, thưa Ngài, những bà-la-môn miền tây chỉ thị cho một đệ tử như vậy: ‘Này, người tốt, sau khi thức dậy sớm, từ trên giường nên dậm chân xuống đất. Nếu không dậm chân xuống đất, nên dậm phân bò ướt. Nếu không dậm phân bò ướt, anh nên dậm cỏ xanh. Nếu không dậm cỏ xanh, anh nên đốt giữ lửa thiêng. Nếu không đốt giữ lửa thiêng, anh nên chấp tay kính lễ mặt trời. Nếu không chấp tay kính lễ mặt trời,

anh nên ngâm mình trong nước ba lần kể cả buổi tối.’ Chính theo cách này những bà-la-môn miền tây quy định những nghi lễ thanh lọc của họ. Đây là những nghi lễ thanh-lọc của họ mà con ưa thích.”

“Này Cunda, sự thanh-lọc theo giới-luật của Thánh Nhân là hoàn toàn khác với những nghi lễ thanh lọc được quy định bởi những bà-la-môn miền tây, là những người mang theo những chậu nước, đeo vòng hoa làm bằng những cây sống dưới nước, đốt giữ lửa thiêng, và ngâm mình trong nước.”

“Nhưng thưa Thế Tôn, theo giới-luật của Thánh Nhân thì sự thanh-lọc xảy đến theo cách nào? Sẽ tốt lành nếu Ngài chỉ dạy cho con Giáo Pháp theo một cách giảng giải sự thanh lọc xảy đến theo cách nào theo giới-luật của Thánh Nhân.”

“Được rồi, này Cunda, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng.”

“Dạ, thưa Ngài”, Cunda, con trai người thợ rèn đã đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(A) “Này Cunda, sự không trong-sạch (bất tịnh) bằng thân có ba phần. Sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần.

(I) “Và, này Cunda, theo cách nào sự không trong-sạch bằng thân có ba phần?

(1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh.

(2) “Người đó gian-cấp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng mạc hay trong rừng.

(3) “Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt

(pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.²¹⁰⁰

“Chính theo cách này sự thanh lọc bằng thân có ba phần như vậy.

(II) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần?

(4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) “Người đó nói lời gắt-gỏng; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không dẫn tới sự tập trung (định tâm).

(7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

“Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng lời-nói có bốn

phần như vậy.

(III) “Và, này Cunda, theo cách nào là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần?

(8) “Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’

(9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vậy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát,²¹⁰¹ bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và một kiểu quan điểm như vậy: (đối với người đó) ‘Không thứ gì (nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc bố thí, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự phát tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’

“Chính theo cách này là sự không trong-sạch bằng tâm có ba phần như vậy.

- “Này Cunda, đây là mười đường nghiệp bất thiện. Nếu ai dính vào mười đường nghiệp bất thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dậm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch, và nếu người đó không dậm chân xuống đất, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dậm phân bò ướt, người đó không trong-sạch, và nếu người đó không dậm phân bò ướt, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó dậm cỏ tươi, người đó không trong-sạch, và nếu

người đó không dậm cỏ tươi, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó không trong-sạch, nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó chấp tay kính lễ mặt trời, người đó không trong-sạch, nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng không trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó không trong-sạch, nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng không trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp bất thiện là không trong-sạch và làm ô-nhiễm. Chính bởi vì người ta dính vào mười đường nghiệp bất thiện này nên mới gặp địa ngục, cõi súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ, và những nơi-đến xấu dữ khác.

(B) (I) “Này Cunda, sự trong-sạch (thanh tịnh) bằng thân có ba phần. Sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần. Sự trong-sạch bằng tâm có ba phần.

“Và, này Cunda, theo cách nào sự trong-sạch bằng thân có ba phần?

(1) “Ồ đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cử sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cử sự quan hệ tính dục với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

“Chính theo cách này sự trong-sạch bằng thân có ba phần.

(II) “Và, này Cunda, theo cách nào sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần?

(4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘VẬY, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhất nào đó.

(5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gông, người đó kiêng cử lời nói gắt-gông; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi.

“Chính theo cách này sự trong-sạch bằng lời-nói có bốn phần như

vậy.

(III) “Và, này Cunda, theo cách nào sự trong-sạch bằng tâm có ba phần?”

(8) “Ở đây, có người không có tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’.

(9) “Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vậy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vậy: (đối với người đó) ‘Có thứ (cần) được cho đi (vì có phước quả từ việc bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được hy sinh dâng hiến; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự phát tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’

“Chính theo cách này là sự trong-sạch bằng tâm có ba phần như vậy.”

- “Này Cunda, đây là mười đường nghiệp thiện. Nếu ai tham gia vào mười đường nghiệp thiện này, thì, nếu người đó có thức dậy sớm và từ trên giường dậm chân xuống đất, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dậm chân xuống đất, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dậm phân bò ướt, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dậm phân bò ướt, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó dậm cỏ tươi, người đó trong-sạch, và nếu người đó không dậm cỏ tươi, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó đốt giữ lửa, người đó trong-sạch, nếu người đó không đốt giữ lửa, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó

chấp tay kính lễ mặt trời, người đó trong-sạch, nếu người đó không chấp tay kính lễ mặt trời, người đó cũng trong-sạch. Nếu người đó ngâm mình trong nước, người đó trong-sạch, nếu người đó không ngâm mình trong nước, người đó cũng trong-sạch. Vì lý do gì? Vì bản thân mười đường nghiệp thiện là trong-sạch và làm thanh-lọc. Chính bởi vì người ta tham gia vào mười đường nghiệp hiện này nên mới gặp những thiên thần, loài người, và những nơi-đến tốt lành khác.”

Sau khi lời này được nói ra, Cunda, con trai người thợ rèn, đã thưa với đức Thế Tôn: “Thật hay khéo, thưa Thế Tôn! ... Mong đức Thế Tôn chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết đời.”

177 (11) Bà-la-môn Jāṇussoṇī

Lúc đó có bà-la-môn Jāṇussoṇī đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, chúng tôi là những bà-la-môn cúng dường phẩm vật và thực hiện những lễ cúng tưởng nhớ người chết²¹⁰² với ý nghĩ: ‘Cầu cho đồ cúng của chúng tôi sẽ ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết.’ Thưa Thầy Cồ-đàm, liệu những đồ cúng của chúng tôi có thực sự làm ích lợi cho những người thân trong gia đình và họ tộc đã chết hay không? Liệu những người trong gia đình và họ tộc có thể dự hưởng đồ cúng của chúng tôi hay không?”

“Này bà-la-môn, điều đó có thể làm ích lợi nếu vào dịp (điều kiện, trường hợp) đúng, không làm ích lợi vào dịp sai.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, cái gì là dịp đúng và cái gì là dịp sai?”

(i) “Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà

dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong địa ngục.²¹⁰³ Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức ăn của những chúng sinh trong địa ngục. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh ở địa ngục không hưởng được đồ cúng*)

(ii) “Có người khác sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cõi súc sinh. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức ăn của những súc sinh. Đây là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là súc vật không hưởng được đồ cúng*)

(iii) “Lại có người biết kiêng cử sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức ăn của con người. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là người còn sống không được cúng đồ cúng*)

(iv) “Lại có người khác biết kiêng cử sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức ăn của những thiên thần. Đây cũng là dịp sai, khi đó đồ cúng không làm ích lợi cho một chúng sinh sống ở đó. (*chúng sinh là thiên thần không hưởng được đồ cúng*)

(v) “Lại có người khác nữa sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong cảnh hồn ma ngạ quỷ (quỷ đói). Người đó sống còn và tồn tại ở đó nhờ vào thức

ăn của những nga quý thống khổ, hoặc nếu không người đó người đó sống còn ở đó nhờ vào những đồ cúng mà những bạn bè, đồng nghiệp, những người thân trong họ tộc hay gia đình trong thế gian này cúng cho người đó. Đây là dịp đúng, khi đó đồ cúng sẽ làm ích lợi cho một chúng sinh ở đó.” (*chúng sinh là nga quý, cô hồn có thể hưởng được đồ cúng*)

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng không bị tái sinh vào chỗ đó (cảnh nga quý)?”

“Những người thân đã chết của những người khác đã bị tái sinh²¹⁰⁴ vào chỗ đó (cảnh nga quý) sẽ hưởng đồ cúng đó.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, vậy ai sẽ dự hưởng đồ cúng nếu người thân đã chết của người cúng và người thân của những người khác đều không bị tái sinh vào chỗ đó (cảnh nga quý)?”

“Này bà-la-môn, trong suốt khoảng thời gian dài thăm thẳm [trong vòng luân hồi, saṃsāra] không thể nào và không thể hình dung rằng chỗ đó (cảnh nga quý) không có những người thân nào trong họ tộc và những người trong gia đình của một người. Thêm nữa, đối với người bố thí thì không phải không quả gì.”

“Có phải Thầy Cồ-đàm đặt ra [giá trị của sự bố thí] là cũng có ngay cả vào dịp sai?”²¹⁰⁵

“Này bà-la-môn, ta đặt ra [giá trị của sự bố thí] là cũng có trong dịp sai.

(vi) “Ở đây, này bà-la-môn, có người sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông, nói lời tầm-phào tán dúc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn thắp. Khi thân

tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Ở đó người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi).

“Do ở đây người đó sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài voi. Nhưng do người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho voi).

(vii) “Có người khác sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa ... trâu bò ... chó. Ở đó người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa và những đồ trang trí khác (cho con vật đó).

“Do ở đây người đó sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn sai lạc, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số loài ngựa ... trâu bò ... chó. Nhưng do người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thấp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có được thức ăn và nước uống, vòng hoa, và những đồ trang trí khác (cho con vật đó).

(viii) “Lại có người biết kiêng cử sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà-dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gồng, nói lời tầm-phào tán dúc; người đó không có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn và nước uống; quần áo và xe cộ; vòng hoa, dầu thơm, và phấn sáp; giường chiếu, chỗ ở, và đèn thấp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Ở đó người đó có được (hưởng) năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan (năm thứ dục lạc) của cõi người.

“Do ở đây người đó đã kiêng cử sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn

đúng đắn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số loài người. Và do người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thắp, nên người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan của cõi người.

(ix) “Lại có người khác biết kiêng cữ sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Người đó bố thí cho một tu sĩ hay một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thắp. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Ở đó người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan của cõi trời.

“Do ở đây người đó đã kiêng cữ sát-sinh ... và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những thiên thần. Và do người đó đã bố thí cho một tu sĩ và một bà-la-môn thức ăn ... và đèn thắp, nên người đó có được năm đối-tượng khoái-lạc giác-quan của cõi trời. [Đây là lý do tại sao ta nói:] ‘Thêm nữa, đối với người bố thí thì không phải không quả gì.’”

“Thật đáng ngạc nhiên và tuyệt vời, thưa Thầy Cồ-đàm, rằng có lý do để bố thí cúng dường và thực hiện những nghi lễ tưởng nhớ cho người chết, vì đối với người bố thí thì không phải không quả gì.”

“Đúng là vậy, này bà-la-môn! Đúng là vậy, này bà-la-môn! Thêm nữa, đối với người bố thí thì không phải không quả gì.”

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cồ-đàm! ... Mong Thầy Cồ-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến cuối đời.”

NHÓM 3

TỐT²¹⁰⁶

178 (I) Tốt

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy điều gì là tốt và điều gì là xấu. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là xấu? Sự sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng, nói lời tầm-phào tán dóc; tham-dục [thèm muốn], ác-ý, và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là xấu. (*Mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, điều gì là tốt? Sự kiêng cử sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng, nói lời tầm-phào tán dóc; sự vô-tham [không thèm muốn], thiện-ý, và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là tốt.” (*Mười đường nghiệp thiện*)

179 (2) — 188 (II) Giáo Pháp Thánh Thiện...

(179) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về Giáo Pháp thánh thiện và Giáo Pháp phi thánh thiện ... (180) ... điều thiện lành và điều bất thiện ... (181) ... điều gì là ích lợi và điều gì là nguy hại ... (182) ... điều gì là Giáo Pháp và điều gì là phi Giáo Pháp ... (183) ... Giáo Pháp không bị ô nhiễm và Giáo Pháp bị ô nhiễm ... (184) ... Giáo Pháp không bị chê trách (phi tội lỗi) và Giáo Pháp đáng bị chê trách (tội lỗi) ... (185) ... Giáo Pháp không hành xác và Giáo Pháp hành xác ... (186) ... Giáo Pháp dẫn tới sự phá bỏ và Giáo Pháp dẫn tới sự tạo lập (nghiệp, tái sinh...) ... (187) ... Giáo Pháp có khổ là hậu quả của nó và Giáo Pháp có hạnh phúc là hậu quả của nó ... (188) ... Giáo Pháp có kết quả là khổ và Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc ... ²¹⁰⁷

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là khổ? Sự

sát-sinh ... và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là khổ.” (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp có kết quả là hạnh-phúc? Sự kiêng cữ sát-sinh ... và cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp có kết quả là hạnh phúc.” (*mười đường nghiệp thiện*)

NHÓM 4

ĐƯỜNG THÁNH THIỆN²¹⁰⁸

189 (1) Đường Thánh Thiện...

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường thánh thiện (thánh đạo) và con đường không thánh thiện (phi thánh đạo). Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng ...

“Và này các Tỳ kheo, cái gì là con đường không thánh thiện? Sự sát-sinh ... và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là con đường không thánh thiện. (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường thánh thiện? Sự kiêng cữ sát-sinh ... cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là con đường thánh thiện.” (*mười đường nghiệp thiện*)

190 (2) — 198 (10) Đường Sáng ...

(190) “Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về con đường sáng và con đường tối ...²¹⁰⁹ (191) Giáo Pháp tốt và Giáo Pháp xấu ... (192) Giáo Pháp của một người tốt và Giáo Pháp của một người xấu ... (193) Giáo Pháp nên được phát khởi và Giáo Pháp không nên được phát khởi

... [194] ... Giáo Pháp nên được theo đuổi và Giáo Pháp không nên được theo đuổi ... (195) Giáo Pháp nên được tu tập và Giáo Pháp không nên được tu tập ... (196) ... Giáo Pháp nên được tu dưỡng và Giáo Pháp không nên được tu dưỡng ... (197) Giáo Pháp nên được nhớ lại và Giáo Pháp không nên được nhớ lại ... (198) Giáo Pháp nên được chứng ngộ và Giáo Pháp không nên được chứng ngộ ...

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ? Sự sát-sinh ... và cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp không nên được chứng ngộ. (*mười đường nghiệp bất thiện*)

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Giáo Pháp nên được chứng ngộ? Sự kiêng cử sát-sinh ... cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Đây được gọi là Giáo Pháp nên được chứng ngộ.” (*mười đường nghiệp thiện*)

NHÓM 5

THÊM NHÓM “NHỮNG NGƯỜI”²¹¹⁰

199 (1) Gặp Gỡ

“Này các Tỳ kheo, một người không nên giao lưu gặp gỡ với một người có mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó có sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gỏng, nói lời tầm-phào tán dúc; người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], có một cái tâm ác-ý, và nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) (*mười đường nghiệp bất thiện*). Một người không nên giao lưu gặp gỡ với người có mười phẩm chất này.”

“Này các Tỳ kheo, một người nên giao lưu gặp gỡ với một người có được mười phẩm chất. Mười đó là gì? Người đó kiêng cử sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-

gông, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [sự thèm muốn], có thiện-ý, nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) (*mười đường nghiệp thiện*). Một người nên giao lưu gặp gỡ với người có mười phẩm chất này.”

200 (2) — 210 (12) *Nương Dựa...* ²¹¹¹

(200) “Này các Tỳ kheo, một người không nên nương dựa vào một người có mười phẩm chất ... một người nên nương dựa vào người có được mười phẩm chất ... (201) ... một người không nên nghe theo ... một người nên nghe theo ... (202) ... một người không nên kính trọng ... một người nên kính trọng ... (203) ... một người không nên khen ngợi ... một người nên khen ngợi ... (204) ... một người không nên tôn kính ... một người nên tôn kính ... (205) ... một người không nên thể hiện sự tôn trọng ... một người nên thể hiện sự tôn trọng một người có được mười phẩm chất ... (205) ... một người có mười phẩm chất không thành công ... có được mười phẩm chất thành công ... (206) Một người có mười phẩm chất không thành công ... có được mười phẩm chất thành công ... (207) ... không được thanh lọc (thanh tịnh) ... được thanh lọc ... (208) ... không vượt qua sự tự-ta ... vượt qua sự tự-ta ... (209) ... không tăng trưởng về trí-tuệ ... tăng trưởng về trí-tuệ ... (210) ... tạo ra nhiều thất phước ... tạo ra nhiều phước đức. Mười đó là gì? Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn (*mười phần chánh đạo*). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều phước đức.” Người đó kiêng cử sự sát-sinh, gian-cấp, tà-dâm tà dục, nói-dối nói láo, nói lời gây chia-rẽ, nói lời gắt-gông, nói lời tầm-phào tán dóc; người đó không có tham-dục [thèm muốn], có thiện-ý, và nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). (*mười đường nghiệp thiện*). Một người có được mười phẩm chất này tạo ra nhiều công đức.”

[Năm Mười Kinh Thêm]

NHÓM 1

THÂN SINH RA TỪ NGHIỆP

211 (1) Địa Ngục (1)

(I) “Này các Tỳ kheo, có mười phạm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì?

(1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh.

(2) “Người đó gian-cấp, lấy của không được cho. Người đó trộm cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng mạc hay trong rừng.

(3) “Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

(4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vây, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích

của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) “Người đó nói lời gắt-gông; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không dẫn tới sự tập trung (định tâm).

(7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

(8) “Ồ đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’

(9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vậy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và một kiểu quan điểm như vậy: (đối với người đó) ‘Không thứ gì (nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc bố thí, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một

cách tự phát tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’

“Người có mùi phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

(II) “Này các Tỳ kheo, có mùi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Mùi đó là gì?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiên cố sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gây gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cấp, người đó kiên cố sự gian-cấp. Người đó không lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiên cố quan hệ tính dục với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

(4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiên cố sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘VẬY, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích

của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhất nào đó.

(5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói găt-gông, người đó kiêng cử lời nói găt-gông; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi.

(8) “Ở đây, có người không có tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’.

(9) “Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vậy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vậy: (đối với người đó) ‘Có thứ (cần) được cho đi (vì có phước quả từ việc bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được hy sinh dâng hiến; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự phát tự nhiên (theo nghiệp); có

những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’²¹¹²

“Người có mùi phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”²¹¹³

212 (2) Địa Ngục (2)

(I) “Này các Tỳ kheo, có mùi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mùi đó là gì??²¹¹⁴

(1) “Ở đây, có người sát-sinh. Người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với chúng sinh. (2) Người đó gian-cấp ... (3) Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục ... (4) Người đó nói-dối nói láo ... (5) Người đó nói lời gây chia-rẽ ... (6) Người đó nói lời gắt-gồng ... (7) Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) Người đó có đầy tham-dục [sự thèm muốn] ... (9) Người đó có một cái tâm ác-ý ... (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và một kiểu quan điểm như vậy: (đối với người đó) ‘Không thứ gì (nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc bố thí, không cần phải bố thí) ... không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’

“Người có mùi phẩm chất này bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

(II) “Này các Tỳ kheo, có mùi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Mùi đó là gì?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ

khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. (2) Sau khi dẹp bỏ sự gian-cấp, người đó kiêng cử sự gian-cấp ... (3) Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cử sự quan hệ tính dục với những ... (4) Sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo ... (5) Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ ... (6) Sau khi dẹp bỏ lời nói gắt-gông, người đó kiêng cử lời nói gắt-gông ... (7) Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dúc, người đó kiêng cử lời nói tầm-phào tán dúc ... (8) Người đó không có tham-dục [sự thèm muốn] ... (9) Người đó có thiện-ý ... (10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vậy: (đối với người đó) ‘Có thứ (cần) được cho đi (vì có phước quả từ việc bố thí) ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’

“Người có được mười phẩm chất này được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

213 (3) Phụ Nữ

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, những phụ nữ bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Họ sát-sinh ... [*tiếp tục mười đường nghiệp bất thiện như kinh kể trên*] ... và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, những phụ nữ bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, những phụ nữ được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) Họ kiêng cử sự sát-sinh ... [*tiếp tục mười đường nghiệp thiện*] ... và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, những phụ nữ được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

214 (4) *Nữ Đệ Tử Tại Gia*

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh ... và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) Người đó kiêng cử sự sát-sinh ... và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

215 (5) *Sự Tự Tin*

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà không có sự tự-tin. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh ... [*tiếp tục mười đường nghiệp bất thiện*] ... và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được mười phẩm chất, một nữ đệ tử tại gia sống ở nhà với sự tự-tin. Mười đó là gì? (1) Người đó kiêng cử sự sát-sinh ... và (10) nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một nữ đệ tử tại gia được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

216 (6) *Bò Trườn*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy một bài thuyết giảng

Giáo Pháp về sự bò trườn.²¹¹⁵ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bò trườn? Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó.

(I) (1) “Ồ đây, có người sát-sinh; người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống. Người đó bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm.²¹¹⁶ Nghiệp thân của người đó bị cong queo; nghiệp lời-nói của người đó bị cong queo; nghiệp tâm của người đó bị cong queo. Nơi-đến của người đó bị cong queo; sự tái sinh của người đó bị cong queo. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh bị cong queo, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những địa ngục toàn đau đớn hoặc một loài động vật bò trườn (khi rình mò và lẩn trốn). Và cái gì là một loài động vật bò trườn? Rắn, bò cạp, rít, chồn, mèo, chuột, và cú,²¹¹⁷ hay một loài động vật nào bò trườn trốn đi khi nhìn thấy người ta. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

(2) “Có người gian-cấp ... (3) ... dính vào tà-dâm tà dục ... (4) ... nói-dối nói láo ... (5) ... nói lời gây chia-rẽ ... (6) nói lời gắt-gông ... (7) nói lời tầm-phào tán dúc; (8) có đầy tham-dục [thèm muốn] ... (9) có một cái tâm ác-ý và ý-định thù ghét ... (10) ... nắm giữ cách-nhìn sai lạc và có một quan-điểm không đúng như vậy: (đối với người đó)

‘Không thứ gì (nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc bố thí, không cần phải bố thí) ... không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’ Người đó bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của họ bị cong queo ... Nơi-đến của người đó bị cong queo; sự tái sinh của người đó bị cong queo. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

“Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó.

(II) (1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đập và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống. Người đó không bò trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của người đó là chính thẳng; nghiệp lời-nói của người đó là chính thẳng; nghiệp tâm của người đó là chính thẳng. Nơi-đến của người đó là chính thẳng; sự tái sinh của người đó là chính thẳng. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh là chính thẳng, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những cõi trời toàn sướng hoặc những gia đình danh giá, như những gia đình thuộc giai cấp chiến-sĩ giàu có, thuộc bà-la-môn giàu có, thuộc gia chủ giàu có, giàu, có nhiều tài sản và của cải, nhiều vàng bạc, nhiều châu báu và vật sở hữu, nhiều tài sản và lúa gạo. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh

theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

(2) “Có người, sau khi đẹp bỏ sử gian-cấp, người đó kiêng cử gian-cấp ... (3) ... kiêng cử tà-dâm tà dục ... (4) ... kiêng cử nói-dối nói láo ... (5) ... kiêng cử nói lời gây chia-rẽ ... (6) kiêng cử nói lời gắt-gông ... (7) kiêng cử nói lời tầm-phào tán dóc; (8) không có tham-dục [thèm muốn] ... (9) có thiện-ý ... (10) ... nắm giữ cách-nhìn đúng đắn và có một quan-điểm chánh đúng như vậy: (đối với người đó) ‘Có thứ (cần) được cho đi (vì có phước quả từ việc bố thí) ... có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’ Người đó không bờ trườn bằng thân, lời-nói, và tâm. Nghiệp thân của người đó là chính thẳng ... Nơi-đến của người đó là chính thẳng; sự tái sinh của người đó là chính thẳng. Nhưng đối với người có nơi-đến và sự tái sinh là chính thẳng, ta nói, thì có một trong hai nơi-đến: những cõi trời toàn sướng hoặc những gia đình danh giá ... nhiều tài sản và lúa gạo. Như vậy một chúng sinh tái sinh từ một chúng sinh; một người tái sinh theo những nghiệp của mình. Khi một người đã tái sinh, những sự tiếp-xúc ảnh hưởng. Chính theo cách này, ta nói, chúng sinh là những người thừa tự của nghiệp của mình.

“Này các Tỳ kheo, chúng sinh là những chủ nhân của nghiệp của mình, là những người thừa tự của nghiệp của mình; họ có nghiệp là nguồn gốc của họ, nghiệp là người thân thuộc của họ, nghiệp là chỗ dựa của họ; dù họ làm nghiệp gì, tốt hay xấu, họ là những người thừa tự của nó.

“Này các Tỳ kheo, đây là bài thuyết giảng Giáo Pháp về sự bờ trườn.”

217 (7) Cố Ý (I)

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý²¹¹⁸ đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.²¹¹⁹

(A) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân,²¹²⁰ khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ; một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ; một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ.

(I) “Và giờ, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân (thân nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ?

(1) “Ở đây, có người sát-sinh, người đó giết hại, tay vấy máu, đánh đập và bạo lực, tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống.

(2) “Người đó gian-cấp. Người đó trộm cắp cửa cái và đồ đạc của người khác trong làng mạc và trong rừng.

(3) “Người đó dính hành vi tà-dâm tà dục. Người quan hệ tính dục với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với người gần như đã hứa hôn.

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân (thân nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu

quả và kết quả đau khổ.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp lời-nói (ngữ nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ?

(4) “Ở đây, có người nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới nói có mặt những người họ tộc của mình, tới đoàn thể (bang hội) của mình, hay tới một toà án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì không biết người đó nói biết, hoặc biết người đó nói không biết; không nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, hoặc nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy người đó nói dối một cách có ý thức vì nhu cầu của mình, hoặc vì nhu cầu của người khác, hoặc vì lý do nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Người đó nói lời gây chia-rẽ. Sau khi nghe chuyện, người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đang đoàn kết, là kẻ tạo ra những sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa (phe phái).

(6) “Người đó nói lời gắt-gông; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phần nộ, không dẫn tới sự tập trung (định tâm).

(7) “Người đó nói chuyện tầm-phào tán dóc; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi.

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp lời-nói (ngữ nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một

hậu quả và kết quả đau khổ.

(III) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm (tâm nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ?

(8) “Ở đây, có người có đầy tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’

(9) “Người đó có một cái tâm ác-ý và những ý-định thù ghét như vậy: ‘Cầu cho những chúng sinh này bị giết, bị tàn sát, bị chém đầu, bị hủy diệt, hay bị diệt vong!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến) và một kiểu quan điểm như vậy: (đối với người đó) ‘Không thứ gì (nên) được cho đi (vì không có phước quả từ việc bố thí, không cần phải bố thí), không thứ gì được cúng dường, không thứ gì được hiến tặng hay hy sinh; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu nào cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự phát tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã từng tự mình giác ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’²¹²¹

“Chính theo cách này là có sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm (tâm nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, có một hậu quả và kết quả đau khổ.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ

sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục; hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

“Giống như hột súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống,²¹²² cũng giống như vậy, chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân ... hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(B) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng; một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng; một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân (thân nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện

lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng?

(1) “Ở đây, có người, sau khi dẹp bỏ sự sát-sinh, người đó kiêng cử sự sát-sinh, tay không vấy máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với những chúng sinh đang sống; dẹp bỏ mọi gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, nhân từ, người đó sống bi mẫn với mọi chúng sinh đang sống.

(2) “Sau khi dẹp bỏ sự gian-cắp, người đó kiêng cử sự gian-cắp. Người đó không lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng.

(3) “Sau khi dẹp bỏ sự tà-dâm tà dục; người đó kiêng cử quan hệ tính dục với (i) phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, mẹ và cha, anh, chị, và họ hàng; (ii) phụ nữ được bảo vệ bởi Giáo Pháp; (iii) phụ nữ đã có chồng; (iv) với phụ nữ mà nếu phạm vào (tà dâm với cô ta) sẽ dẫn tới hình phạt (pháp luật), hoặc (v) thậm chí với phụ nữ đã hứa hôn.

“Chính theo cách này là có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói (ngữ nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng?

(4) “Ở đây, có người sau khi dẹp bỏ sự nói-dối nói láo, người đó kiêng cử sự nói-dối nói láo. Nếu người đó được triệu tập tới một hội đồng, tới nơi có mặt những người họ tộc của mình, tới phường hội (đoàn thể, bang hội) của mình, hay tới một tòa án, và được hỏi: ‘Vậy, này người tốt, hãy nói điều ông biết’ thì biết người đó nói biết, và không biết người đó nói không biết; nhìn thấy người đó nói nhìn thấy, và không nhìn thấy người đó nói không nhìn thấy. Như vậy, người đó không nói dối một cách có ý thức vì lợi ích của mình, hoặc vì lợi ích của người khác, hoặc vì lợi ích vật chất nhỏ nhặt nào đó.

(5) “Sau khi dẹp bỏ lời nói gây chia-rẽ, người đó kiêng cử lời nói gây chia-rẽ; người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện làm chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người đang bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận.

(6) “Sau khi dẹp bỏ lời nói găt-gồng, người đó kiêng cử lời nói găt-gồng; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói lời lễ độ, được nhiều người muốn nghe, và được nhiều người hài lòng.

(7) “Sau khi dẹp bỏ lời nói tầm-phào tán dóc, người đó kiêng cử nói lời tầm-phào tán dóc; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi.

“Chính theo cách này là có một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng.

(III) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm (tâm nghiệp), đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng?

(8) “Ở đây, có người không có tham-dục [sự thèm muốn]. Người đó không thèm muốn sự giàu có và của cải của người khác như vậy: ‘Ôi, ước gì những gì của họ là của ta!’.

(9) “Người đó có thiện-ý và những ý-định của người đó không có sự thù-ghét, như vậy: ‘Cầu cho mọi chúng sinh sống hạnh phúc, không còn thù hận, khổ đau, và lo lắng!’

(10) “Người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) như vậy: (đối với người đó) ‘Có thứ (cần) được cho đi (vì có phước quả từ việc bố thí), có thứ được cúng dường, có thứ được hy sinh dâng hiến; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự phát tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và tuyên bố lại (cho những người khác) về thế giới này và thế giới khác.’

“Chính theo cách này là có một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời; hoặc chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời; hoặc chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Giống như hạt súc sắc (nặng), khi quăng lên, nó chắc chắn sẽ nằm yên ngay chỗ nó rớt xuống; cũng giống như vậy, chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân ... hoặc chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-

ý đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.”

218 (8) Cố Ý (2)²¹²³

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(A) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ; một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ; một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm, khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, có một hậu quả và kết quả đau khổ.

(I) Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân ... có một hậu quả và kết quả đau khổ? (1)-(3) ... (II) có một sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói ...? (4-7) ... (III) có một sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp tâm... ? (8)–(10) ... [giống như phần (A) kinh kể trên] ...

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần của nghiệp thân hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc chính bởi vì sự suy đồi và thất bại về ba phần

của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý bất thiện, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh sẽ bị tái sinh trong cảnh giới đày đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chấm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(B) “Về vấn đề này, này các Tỳ kheo, có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng; một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng; một sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, có một hậu quả và kết quả sung sướng.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có một sự thành công về ba phần của nghiệp thân ... có một hậu quả và kết quả sung sướng? (1)-(3) ... (II) có một sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói ...? (4-7) ... (III) có một sự thành công ba phần của nghiệp tâm...? (8)-(10) ... [giống như phần (B) kinh kể trên] ...

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp thân hoặc chính bởi vì sự thành công về bốn phần của nghiệp lời-nói ... hoặc chính bởi vì sự thành công về ba phần của nghiệp tâm, đã khởi sinh từ sự cố-ý thiện lành, nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp

này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chãm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.”

219 (9) Thân Sinh Từ Nghiệp

— “Này các Tỳ kheo, ta không nói có sự kết-thúc của nghiệp cố-ý đã được làm xong và được tích lũy cho tới khi một người chưa ném trái [những quả của nghiệp], và sự kết-thúc đó có thể ngay trong kiếp này, hay trong kiếp tái sinh [kế tiếp], hay trong một thời kiếp nào sau đó. Nhưng ta không nói có [sự làm nên] sự chãm-dứt khổ (chỉ) sau khi một người đã ném trái [những quả của] nghiệp cố-ý đã được làm và được tích lũy.

(i) “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện này, là người không có tham-dục [sự thèm muốn] như vậy, không có ác-ý, không bị ngu-mờ, thường rõ-biết, luôn có chánh-niệm, sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thắm đẫm sự từ-ái (tâm từ); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm từ-ái, quảng đại, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó hiểu như vậy: ‘Trước đây tâm của ta bị hạn chế và không được tu tập, nhưng giờ nó được tu tập một cách vô lượng và hay khéo. Không nghiệp hữu lượng nào còn hay còn sót ở đó.’²¹²⁴

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, nếu một người trẻ tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ từ khi còn nhỏ, liệu người đó có làm nghiệp xấu hay không?”²¹²⁵

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Sự khổ đau có ảnh hưởng người đó nếu người đó không làm nghiệp xấu?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì dựa vào lý gì mà sự khổ đau ảnh hưởng người không làm nghiệp xấu?”²¹²⁶

“Một người nữ hay nam nên tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ. Một người nữ hay nam không thể mang theo thân này khi họ đi. Những người sống phải chết (hữu tử) có tâm là phần cốt yếu của họ.²¹²⁷ (thân chỉ là tạm bợ, khi chết là bỏ, chỉ có tâm là phần quan trọng của một người).

“[Người đệ tử thánh thiện] hiểu được: ‘Mọi nghiệp xấu ta đã làm ở đây trong quá khứ bằng cái cái ‘thân sinh từ nghiệp’ này²¹²⁸ đều được nếm trải ở đây. Nó sẽ không đi theo (tới chỗ tái sinh kế tiếp).’²¹²⁹ Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ đã được tu tập theo cách này, nó sẽ dẫn tới thánh quả Bất-lai cho một Tỳ kheo có trí ở đây²¹³⁰ (ngay trong kiếp này) nếu người đó không thâm nhập tới một sự giải-thoát xa hơn đó.²¹³¹ (tức nếu Tỳ kheo đó chưa chứng luôn A-la-hán)

(ii) “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện này, là người không có tham-dục [sự thèm muốn] như vậy, không có ác-ý, không bị ngu-mờ, thường rõ-biết, luôn có chánh-niệm, sống bao trùm một phương bằng một cái tâm thấm đẫm sự bi-mẫn (tâm bi) ... (iii) bằng một cái tâm thấm đẫm sự tùy-hỷ (tâm hỷ) ... (iv) bằng một cái tâm thấm đẫm sự buông-xả (tâm xả); cũng giống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy trên dưới, dọc, ngang, và khắp nơi, và đối với tất cả cũng như đối với chính mình, người đó sống với một cái tâm bi-mẫn ... tùy-hỷ ... buông-xả, quảng đại, cao thượng, vô lượng, không thù ghét, không ác ý. Người đó hiểu như vậy: ‘Trước đây tâm của ta bị hạn chế và không được tu tập, nhưng giờ nó được tu tập một cách vô lượng và hay khéo. Không nghiệp hữu lượng nào còn hay còn sót ở đó.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, nếu một người trẻ tu tập sự

giải-thoát của tâm bằng tâm-bi ... tâm-hỷ ... tâm-xả từ khi còn nhỏ, liệu người đó có làm nghiệp xấu hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Sự khổ đau có ảnh hưởng người đó nếu người đó không làm nghiệp xấu?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì dựa vào lý gì mà sự khổ đau ảnh hưởng người không làm nghiệp xấu?”

“Một người nữ hay nam nên tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả. Một người nữ hay nam không thể mang theo thân này khi họ đi. Những người sống phải chết có tâm là phần cốt yếu của họ.

“[Người đệ tử thánh thiện] hiểu được: ‘Mọi nghiệp xấu ta đã làm ở đây trong quá khứ bằng cái cái ‘thân sinh từ nghiệp’ này đều được nếm trải ở đây. Nó sẽ không đi theo (tâm tái sinh).’ Khi sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi ... tâm-hỷ ... tâm-xả đã được tu tập theo cách này, nó sẽ dẫn tới thánh quả Bất-lai cho một Tỳ kheo có trí ở đây (ngay trong kiếp này) nếu người đó không thâm nhập tới một sự giải-thoát xa hơn đó.”

220 (10) Hành Vi Trái Với Giáo Pháp

Lúc đó có một bà-la-môn đã đến gặp và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục?”

“Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong

cõi dưới, trong địa ngục.

“Thầy Cò-đàm, tại sao có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời?”

“Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.”

“Tôi không hiểu được một cách chi tiết ý nghĩa lời tuyên bố của Thầy Cò-đàm được nói ra một cách vắn tắt như vậy. Mong Thầy Cò-đàm hãy chỉ dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách để tôi có thể hiểu được ý nghĩa một cách chi tiết.”

“Được, này bà-la-môn, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa ngài, bà-la-môn đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(A) “Này bà-la-môn, hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm.

“Và, này bà-la-môn, (I) theo cách nào là hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân? (1)-(3) ... (II) là bốn phần theo cách của lời-nói? (4)-(7) ... (III) là ba phần theo cách của tâm? (8)-(10)... [*Giống hết mười điều (1)-(10) thuộc phần (A) kinh 10:217*] ... Chính theo cách này hành vi bất chính, hành vi trái với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của tâm.

“Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi bất chính như vậy, hành vi trái với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục.

(B) “Này bà-la-môn, hành vi chân chính, hành vi đúng theo Giáo Pháp, là ba phần theo cách của thân, bốn phần theo cách của lời-nói, và ba phần theo cách của tâm.

“Và, này bà-la-môn, (I) theo cách nào là hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp là ba phần theo cách của thân? (1)-(3) ... (II) là bốn phần theo cách của lời-nói? (4)-(7) ... (III) là ba phần theo cách của tâm? (8)-(10)... [*Giống hết mười điều (1)-(10) thuộc phần (B) kinh 10:217*] ... Chính theo cách này hành vi chân chính, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, là ba phần theo cách của tâm.

“Này bà-la-môn, chính bởi vì hành vi chân chính như vậy, hành vi đúng theo với Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.

“Thật hay khéo, thưa Thầy Cò-đàm! ... Mong Thầy Cò-đàm chấp nhận con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay đến hết đời.”

NHÓM 2

TƯƠNG TỰ

221 (I)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Mười đó là gì? (1) Người đó sát-sinh, (2) gian-cấp, (3) tà-dâm tà dục, (4) nói-dối nói láo, (5) nói lời gây chia-rẽ, (6) nói lời gắt-gông, (7) nói lời tầm-phào tán dóc; (8) người đó có đầy tham-dục [thèm muốn], (9) có một cái tâm ác-ý, và (10) nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến). Có mười phẩm chất này, một người bị

ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Có được mười phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Mười đó là gì? (1) sự kiêng cử sát-sinh ... (2) kiêng cử sự gian-cấp ... (3) sự kiêng cử tà-dâm tà dục ... (4) sự kiêng cử nói dối-nói láo ... (5) sự kiêng cử nói lời gây chia-rẽ ... (6) sự kiêng cử nói lời gắt-gông ... (7) sự kiêng cử nói chuyện tầm-phào tán dóc ... (8) sự vô-tham ... (9) sự thiện-ý ... (10) cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến). Có được mười phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

222 (2)

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Hai mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, và (2) xúi giục người khác sát-sinh ... (19) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), và (20) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc. Có hai mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được hai mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Hai mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cử sát-sinh, và (2) khuyến khích người khác kiêng cử sát-sinh ... (19) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), và (20) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn. Có được hai mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

223 (3)

“Này các Tỳ kheo, có ba mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba mươi đó là gì? (1)

Người đó tự mình sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, và (3) đồng tình với sự sát-sinh ... (28) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (29) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc, và (30) đồng tình với cách-nhìn sai lạc. Có ba mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được ba mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, và (3) đồng tình với sự kiêng cữ sát-sinh ... (28) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (29) khuyến khích người khác nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và (30) đồng tình với cách-nhìn đúng đắn. Có được ba mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

224 (4)

“Này các Tỳ kheo, có bốn mươi phẩm chất, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình sát-sinh, (2) xúi giục người khác sát-sinh, (3) đồng tình với sự sát-sinh, và (4) nói lời khen ngợi sự sát-sinh ... (37) người đó nắm giữ cách-nhìn sai lạc (tà kiến), (38) xúi giục người khác nắm giữ cách-nhìn sai lạc, (39) đồng tình với cách-nhìn sai lạc, và (40) nói lời khen ngợi sự sát-sinh. Có bốn mươi phẩm chất này, một người bị ký thác trong địa ngục cứ như bị đưa thẳng xuống đó.

“Này các Tỳ kheo, có được ba mươi phẩm chất, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó. Ba mươi đó là gì? (1) Người đó tự mình kiêng cữ sát-sinh, (2) khuyến khích người khác kiêng cữ sát-sinh, (3) đồng tình với sự kiêng cữ sát-sinh, và (4) nói lời khen ngợi sự kiêng cữ sát-sinh ... (37) người đó nắm giữ cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), (38) khuyến khích người khác nắm giữ cách-

nhìn đúng đắn, (39) đồng tình với cách-nhìn đúng đắn, và nói lời khen ngợi cách-nhìn đúng đắn. Có được bốn mươi phẩm chất này, một người được ký thác trong cõi trời cứ như được đưa thẳng lên đó.”

225 (5)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người luôn làm bản thân trong tình trạng bị tổn thương và tổn hại (*mười đường nghiệp bất thiện*) ...

“Có được mười phẩm chất, một người duy trì bản thân trong tình trạng không bị tổn thương và tổn hại (*mười đường nghiệp thiện*) ...”

226 (6) – 228 (8) ²¹³²

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, một người luôn làm bản thân trong tình trạng bị tổn thương và tổn hại ...

“Có được hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, một người duy trì bản thân trong tình trạng không bị tổn thương và tổn hại ...”

229 (9)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục (*mười đường nghiệp bất thiện*) ...

“Có được mười phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời (*mười đường nghiệp thiện*) ...”

230 (10) — 232 (12)

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục ...

“Có được hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi-đến tốt lành, trong một cõi trời.”

233 (13)

“Này các Tỳ kheo, có mười phẩm chất, một người được hiểu là người ngu (*mười đường nghiệp bất thiện*) ...

“Có được mười phẩm chất, một người được hiểu là người trí (*mười đường nghiệp thiện*) ...”

234 (14) — 236 (16)

“Này các Tỳ kheo, có hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi phẩm chất, một người được hiểu là người ngu ...

“Có được hai mươi ... ba mươi ... bốn mươi, một người được hiểu là người trí ...”

NHÓM 3

NHÓM “THAM” LẬP LẠI & TÓM LƯỢC²¹³³

237 (I)²¹³⁴

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều này cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự không hấp-dẫn (không sạch; của thân), (2) nhận-thức về cái chết, (3) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về sự vô-thường, (6) nhận-thức về sự khổ trong những thứ vô-thường, (7) nhận-thức về sự vô-ngã trong những thứ khổ, (8) nhận-thức về sự đẹp-bỏ, (9) nhận-thức về sự chán-bỏ, và nhận-thức về sự chấm-dứt. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều này nên được tu tập.”

238 (2)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều này cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: (1) nhận-thức về sự vô-thường, (2) nhận-thức về sự vô-ngã, (3) nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn, (4) nhận-thức về sự không còn thích-thú trong toàn bộ thế gian, (5) nhận-thức về một bộ xương, (6) nhận-thức về một tử thi bị giòi đục, (7) nhận-thức về thi thể bị giòi đục, (8) nhận-thức về một thi thể tím xanh, (9) nhận-thức về một thi thể bị nứt chảy, và (10) nhận-thức về một thi thể bị trương. Để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều này nên được tu tập.”

239 (3)

“Này các Tỳ kheo, để có *sự trực-tiếp biết* về tham, mười điều cần được tu tập. Mười đó là gì? Đó là: Cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn, sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Để có *sự trực-tiếp biết* về

tham, mười điều này cần được tu tập.”²¹³⁵

240 (4) — 266 (30)

“Này các Tỳ kheo, để có sự *hoàn-toàn hiểu* về tham ... sự *phá-sạch* tham ... sự *đẹp-bỏ* tham ... sự *tiêu-diệt* tham ... sự *biến-mất* tham ... sự *phai-biến* tham ... sự *chấm-dứt* tham ...²¹³⁶ sự *buông-bỏ* tham ... sự *từ-bỏ* tham ... , mười điều này cần được tu tập.”

267 (31) — 746 (510)

“Này các Tỳ kheo, để có sự *trực-tiếp biết* ... sự *hoàn-toàn hiểu* ... sự *phá-sạch* ... sự *đẹp-bỏ* ... sự *tiêu-diệt* ... sự *biến-mất* ... sự *phai-biến* ... sự *chấm-dứt* ... sự *buông-bỏ* ... sự *từ-bỏ* sân ... si ... sự *tức-giận* ... sự *hung-bạo* ... sự *chê-bai* ... sự *hỗn-xược* ... sự *ganh-ty* ... sự *ti-tiện* ... sự *lừa-dối* ... sự *muu-mẹo* ... sự *bướng-bỉnh* ... sự *thái-quá* (quá đáng, quá lớn, dữ dội) ... sự *tự-ta* (ngã mạn) ... sự *kiêu-ngạo* ... sự *niễm-độc* ... sự *lơ-tâm phóng dật* ... , mười điều này cần được tu tập.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của đức Thế Tôn.

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH AN & CHÚ GIẢI CHÍNH:

AN *Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Tăng Chi*

Be: *phiên bản tiếng Miến Điện (= Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka, bản điện tử)*

Ee: *phiên bản tiếng Anh (ấn bản PTS)*

Ce: *phiên bản Tích Lan (= Buddha Jayanti Tripitaka Series, bản in giấy)*

Mp *Manorathapūraṇī: Luận Giảng Bộ Kinh AN*

Mp-ṭ *Manorathapūraṇī-ṭīkā: Tiểu Luận Giảng Bộ Kinh AN*

NDB = Numerical Discourses of Buddha: bản dịch Pali-Anh của **AN** bởi Tỳ Kheo Bò-Đề.

SC = trang SuttaCentral: bản dịch Pāli-Anh các bộ kinh Nikāya bởi nhà sư Ajahn Sujato.

► Lưu Ý: Khi chữ **Be** và **Ce** được dùng để chỉ phiên bản của luận giảng **Mp**, là chúng tương ứng chỉ ấn bản *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* bản điện tử 4.0 (dựa trên phiên bản Miến Điện và được ấn hành bởi *Viện Nghiên Cứu Thiền Minh Sát Igatpuri, Ấn Độ*) và ấn bản Tích Lan *Simon Hewavitarne Bequest* (1923–31). Nếu chỉ ghi **Mp** không thôi thì đó là luận giảng **Mp** thuộc ấn bản điện tử của *Chaṭṭha Saṅgāyana*.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = *Aṅguttara Nikāya: Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = *Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): Chú Giải tập Dhs*

Dhp = *Dhammapada: tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = *Dhammapada-aṭṭhakathā: Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tự Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja: = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddeśa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddeśa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsīnī (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-tīkā (Dīgha Nikāya-tīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như VẬY* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo BỒ-ĐỀ)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams’ Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiên sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pali Text Society (Hội Kinh Điển Pali)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

▶ Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các

luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

1831 (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào*, hay *cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

1832 [Nguyên văn câu cuối là: *Iti kho, Ānanda, kusalāni sīlāni anupubbena aggāya parenti*. **Mp** giải nghĩa chữ *aggāya* là *arahattatthāya* (nghĩa là: chỗ cao nhất hay tối thượng là thánh quả A-la-hán).] (1964)

1833 [‘*Đó là tự nhiên*’ là tạm dịch câu ‘*Dhammatā esā*’. **Mp** giải thích: “*Đây là bản chất tự nhiên của mọi thứ, là trật tự nhân duyên*” (*dhammasabhāvo eso kāraṇaniyamo ayam*) (ý là: nhân đã thiện thì quả không gì phải hôi-tiếc)...] (1965)

1834 [Nguyên văn đoạn cuối là: *Iti kho, bhikkhave, dhammā dhamme abhisandenti, dhammā dhamme paripūrenti apārā pāraṃ gamanāyā*. **Mp** giải nghĩa: “*Để đi từ bờ bên này tới bờ bên kia*: ‘bờ bên này’ là vòng luân hồi hiện-hữu trong 03 cõi (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới), tới ‘bờ bên kia’ là tới ‘Niết-bàn’ (*orimatīrabhūtā tebhūmakavaṭṭā nibbānapāraṃ gamanatthāya*). Ở đây có chữ gốc là *dhammā* (pháp, các pháp) mà tôi dịch là các “*giai đoạn*” hình như diễn tả tiến trình tu tập sẽ cho thấy những nguyên lý tự nhiên là ‘một giai đoạn tu này làm điều-kiện (duyên) để khởi sinh giai đoạn tu kế tiếp suốt từ đầu của con-đường cho đến chung-cuộc của nó. Một dãy các giai đoạn này tạo thành một chuỗi sự kiện khởi-sinh tùy-thuộc. Chúng ta sẽ gặp lại chuỗi nhân-duyên ‘tích cực’ này trong kinh “*Những Nguyên-Nhân Kế Trước*” (*Upanisā Sutta*, tức **SN 12:23**). Mời quý vị coi bài tham luận của tôi về bài kinh này, trong tập **Bodhi 1980**.] (1966)

1835 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của các kinh **5:24, 6:50, 7:65**, và **8:81**.] (1967)

1836 [**Mp** giải thích câu này là: “Người đó sẽ không lấy đất là đối-tượng và không nhận thức thông qua nhận-thức đã khởi sinh là ‘đất’.” Dường như câu

này phủ định có một tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) dựa trên đối-tượng thiền (*kasīna*) là đất. Giải thích tương tự đối với những *kasīna* là nước, lửa, và khí. Ý này đã được xác nhận bởi 04 bước tiếp theo, cũng phủ định luôn 04 tầng chứng đức vô-sắc giới. Nói cách khác, sự định-tâm này không phải là một tầng thiền định sắc-giới dựa trên những *kasīna* (đất, nước, lửa, khí) cũng không phải là những tầng chứng đức vô-sắc giới.] (1968)

1837 (Do nội dung câu hỏi dài nên người dịch Việt đánh dấu trong ngoặc {...} để người đọc dễ thấy.)

1838 [**Mp** nhận dạng đây là sự (trạng thái) định-tâm của sự chứng thánh quả (*phalasaṃpattisaṃādhi*). Sự chứng đắc này không phải là thánh quả xảy ra lập tức trong vài khoảnh-khắc (sát-na) sau thánh đạo, mà là một trạng thái thiền định đặc biệt chỉ có thể tiếp cận được bởi những người đã chứng đắc một trong 04 thánh đạo và thánh quả theo nó. Sự chứng đắc này, như được thấy trong bài kinh này, không lấy bất kỳ đối-tượng thiền thế tục có điều-kiện (hữu vi) nào làm sự trợ giúp cho nó; sự trợ giúp của nó là Niết-bàn không còn điều-kiện (vô vi), được trải nghiệm trực tiếp và tức thì. Các luận giảng thì cho rằng sự chứng đắc này được xếp loại là bốn-tầng theo bốn giai đoạn chứng đắc [từ Nhập-lưu đến A-la-hán].] (1969)

1839 [Nguyên văn câu kép này là: *Bhavanirodho nibbānaṃ bhavanirodhaṃ nibbānaṃ*. **Mp** diễn giải nghĩa là: “*Này đạo hữu, trong lúc đó tôi đã có nhận thức bằng nhận-thức của sự chứng quả.*” Chỗ này đang nói về loại trí-biết hồi nhớ (*paccavekkhaṇā*) để chỉ ra rằng sự chứng đắc này đã có đi kèm bởi tâm.” Nói cách khác, do nhận-thức (tưởng) vẫn có mặt, nên trạng thái này không phải là “sự chấm-dứt nhận-thức và cảm-giác” (diệt thọ tưởng) (*saññāvedayitanirodha*).] (1970)

1840 [Đây là một kinh song hành dựa trên kinh **8:71**. Coi thêm kinh **9:04** cũng có một phần song hành tương đương.] (1971)

1841 (Sự “*học-hiểu*” (như học thức) được dịch ở đây nghĩa là: học, học biết, học hiểu về những giáo lý, kinh, luật... nhưng không nhất thiết đồng nghĩa với chữ “*hiểu được ý-nghĩa*” hay các thuật ngữ “*hoàn-toàn hiểu*” (liễu tri), “*trực-tiếp biết*” (tự trí, thấy biết).)

1842 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh **8:72**.] (1972)

1843 (Tên bài kinh là “*những trí-biết đích thực*” (minh) là chỉ 03 loại trí-biết:

(8) túc mạng minh, (9) thiên nhãn minh, và (10) lậu tận minh).

1844 [Đây là một kinh do kết-hợp thành kinh 10-điều. 05 điều đầu tiên là năm điều trong kinh **5:53**.] (1973)

1845 (Ví dụ, dù người tu đã lánh về ở nơi hẻo lánh hay rất xa như ở trong rừng hay trên núi... nhưng bên ngoài rừng hay dưới chân núi cũng có làng mạc để người đó có thể đi đến để khát thực thức ăn để nuôi thân để tu.)

1846 [Đây cũng là một kinh kết-hợp để thành kinh 10-điều.] (1974)

1847 ► (Về số “mười” và tên *Quyển* “Mười”: coi chú thích đầu tiên của *Quyển* “Một”, sự giải thích tương tự về các số thứ tự và tên của *QUYỂN* kinh từ “Một” ... “Mười”.)

1848 [Đây là một kinh kết-hợp, gồm các phần song hành trong các kinh **5:205–206** và **9:71–72**.] (1975)

1849 [Lẽ ra nên làm theo **Be** ở đây ghi là *susamucchinnā*, nhưng tôi làm theo **Ce** và **Ee**, ở đây chỉ ghi đơn giản là *samucchinnā*, mặc dù bên dưới thì vẫn ghi chữ *susamucchinnā*.] (1976)

1850 [Lời kinh chỗ này giống như ở đầu đoạn (1) của kinh **4:34**. Loạt ví dụ (1)-(9) này cũng lần lượt có trong các kinh **SN 45:139–147** (*Quyển* 5), trong đó còn ví dụ thứ (10) là ví dụ về vải (kinh **SN 45:48**); còn trong kinh **AN** này ví dụ thứ (10) là ví dụ về đại dương.] (1977)

1851 [Đây là một kinh song hành với kinh **9:10**.] (1978)

1852 (Về nghĩa của chữ ‘*người họ tộc*’ (*gotrabhū*): trong kinh **9:10** có một chú thích rất dài nên không tiện trích dẫn ra đây. Mời quý vị coi lại chú thích trong kinh đó.)

1853 [*Nāthakaranā dhammā*. **Mp** giải thích: “*Chúng như những người bảo hộ* (bảo vệ, phò hộ, hộ trì) *cho một người, có nghĩa chúng là những sự hộ giúp* (hộ trợ, trợ giúp)” (*attano sanāthabhāvakarā patiṭṭhākarā ti attho*).] (1979)

1854 [**Mp** giải thích chữ *piyasamudāhāro* có nghĩa nói là: “*Người đó lắng nghe cẩn thận khi người khác đang chỉ dạy, và bản thân mình cũng muốn chỉ dạy cho những người khác.*” Ở đây có hai chữ là *abhidhamme* và *abhivinaye*: tôi hiểu 02 chữ này chỉ đơn giản là nói về Giáo Pháp (chứ không phải về phần Vi

Diệu Pháp hay phần Vi Diệu Luật nào cả như tôi cũng đã giải thích trong chú thích ở kinh **5:79**, đoạn (3). Tuy nhiên, **Mp** thì phân biệt cứng nhắc rằng chữ *dhamma* (giáo pháp) là thuộc Kinh Tạng (*Sutta Piṭaka*) và chữ *abhidhamma* (giáo pháp bậc cao, vi diệu pháp) là thuộc bảy phần của *Vi Diệu Pháp Tạng* (*Abhidhamma Piṭaka*); và chữ *vinaya* (luật) là thuộc hai phần *Phân Tích Giới Bốn* (*Suttavibhaṅga*) và chữ *abhivinaya* (luật bậc cao, vi diệu luật) là thuộc những phần *Hợp Phần* (*Khandhaka*) và *Tập Yếu* (*Parivāra*) của Luật Tạng (*Vinaya Piṭaka*). Kiểu chú giải như vậy của **Mp** coi như đã giả định sự có-trước của (những Tạng và phần đó của) kinh điển, nhưng thực tế thì chúng chỉ được phân xếp và kết tập sau trong 07 thế hệ sau khi Phật mất; (nhưng những chữ trong lời kinh này thì đã được Đức Phật nói ra đầu tiên, từ khi Phật còn sống, tức trước xa những phân phân xếp sau đó mà **Mp** đã nói tới.) (1980)

1855 [Nguyên văn kinh gốc dùng ba thể quá khứ, hiện tại, và ương lai của động từ *āvasati* (trú, ở). Vì nếu dịch nguyên văn vậy thì sẽ hơi lợm thợm, nên tôi đã diễn dịch cụm chữ ra theo từng nghĩa riêng như vậy.] (1981)

1856 [Lời đoạn (2) này giống trong kinh **6:01**.] (1982)

1857 [Từ chỗ này trở đi là lặp lại 06 điều trong kinh song hành **6:64**. Điều (1)-(6) trong kinh **6:64** là điều (1), (2) và (7), (8), (9), (10) trong kinh này, và kinh này được mở rộng thêm 04 điều là điều (3), (4), (5), và (6).

- Quý vị coi những chú thích kể bên dưới về năng-lực thứ nhất, thứ hai, và thứ bảy của Như Lai. 10 năng-lực của Như Lai cũng được nói trong kinh **MN 12.9–20**, và cũng được phân tích chi tiết trong **Vibh 336–344** [của **Be** §§809–831.] (1983)

1858 (Ngay chỗ này trong kinh **6:64**, đoạn (1), có chú thích như vậy: [Một số ví dụ về ‘điều có thể’ (*thāna*) và ‘điều không thể’ (*aṭṭhāna*) có ghi trong các kinh **1:268–295**; **MN 115.12–19**; và trong **Vibh 335–338** (của **Be** §809).] (1423).)

1859 (Ngay chỗ này trong kinh **6:64**, đoạn (2) có chú thích như vậy: [‘*Tính theo những sự có-thể (xây ra) và những nguyên nhân*’ là tạm dịch cụm chữ ‘*thānaso hetuso*’. **Mp** giải thích chữ ‘*sự có-thể*’ (xây ra) (*thāna*) là điều-kiện (duyên, *paccaya*). Coi theo **Vibh 338–339** (của **Be** §810), nó coi đây là trí-biết về những điều-kiện làm cho nghiệp đưa đến một kết-quả trong sự liên kết với bốn yếu-tố có thể tăng cường hay cản trở sự chín-muồi của nghiệp, bốn yếu-tố đó là: cõi giới (*gati*, là nơi tái sinh của một người), những sự dính-chấp (*upadhi*, là thân và tâm của một người), thời gian (*kāla*), và sự cố-gắng (*payoga*). Còn

‘nguyên nhân’ (*hetu*) thì chính là nghiệp (*kamma*).] (1424.)

1860 [Nguyên văn mệnh đề này: *sabbatthagāminiṃ paṭipadam yathābhūtam ñāṇam*. **Vibh 339** (**Be** §811) đã nhận dạng đây là trí-biết (minh) của Phật về những con đường dẫn tới địa-ngục, cõi súc-sinh, cảnh giới hồn ma ngạ quỷ, cảnh giới con người, cảnh giới thiên thần, và Niết-bàn. Coi thêm kinh **MN 12.37–43.**] (1984)

1861 [Nguyên văn mệnh đề này là: ‘*anekadhātunānādhātulokaṃ yathābhūtam ñāṇam*’. **Vibh 339** (**Be** §812) định nghĩa đây là trí-biết (minh) của Phật về sự đa-dạng của *những uẩn, những cơ-sở cảm-nhận* (căn xứ, giác quan), và *những yếu-tố* (giới).] (1985)

1862 [Nguyên văn mệnh đề này là: ‘*Sattānaṃ nānādhimuttikataṃ yathābhūtam ñāṇam*’. **Vibh 339** (§813) giải thích đây là trí-biết (minh) của Phật về những chúng sinh có những khuynh hướng căn cơ cao thấp, ưu nhược khác nhau, và Phật hiểu cách mà những người có những khuynh hướng căn cơ giống nhau thường (tốt) giao lưu, giao kết, học hỏi nhau, hay (xấu) kết hội, kết bè phái, xúi giục nhau.] (1986)

1863 [Nguyên văn mệnh đề này là: ‘*Parasattānaṃ parapuggalānaṃ indriyaparopariyattaṃ yathābhūtam ñāṇam*’. **Vibh 340–42** (§§814–27) giải thích đây là trí-biết của Phật về tình-trạng của những chúng sinh hữu tình: từ (*tam dịch Việt*) những xu-hướng khác nhau, những khuynh-hướng tiềm ẩn (tùy miên), những tính khí, những căn cơ, các căn, những tính cách, khả năng tiếp thu, và tiềm năng. Những thuật ngữ này đều được **Vibh** giảng giải một cách chi tiết. **Mp** thì giải thích ngắn gọn hơn, chỉ định nghĩa đơn giản đây là trí-biết của Phật về năm-căn của chúng sinh (*căn niềm-tin ... căn chánh-niệm*) của họ là đang tăng hay giảm.] (1987)

1864 (Ngay chỗ này trong kinh **6:64**, đoạn (3) có chú thích như vậy: [Bốn tầng thiền định (*jhāna*) được nói nhiều trong các bộ kinh *Nikāya*. 08 sự giải-thoát (*vimokkha*) có ghi trong kinh **8:66**. 03 loại định-tâm (*samādhi*) có ghi trong kinh **8:63**: đó là trạng thái (i) định-tâm có tầm [ý-nghi], có tứ [sự soi-xét]; (ii) định-tâm không tầm, chỉ có tứ; và (iii) định-tâm không tầm, không tứ. 09 sự chứng-định hay siêu-định (*samāpatti*) chính là 09 sự an-trú từ thấp tới cao (*anupubbavihārā*) như đã được nói trong kinh **9:32**. Sự ô-nhiễm (*saṃkilesa*) là một phẩm chất dẫn tới sự suy-đồi; sự thanh-tẩy (*vodāna*) là một phẩm chất làm nên sự khác-biệt (tức sự tiên-bộ về thiền định, về tâm linh); và sự thoát-ra (*vuṭṭhāna*), theo **Vibh 342–43** (của **Be** §828), chính là sự thanh-tẩy và sự thoát-

ra. *Sự thanh-tẩy* ở đây có nghĩa là sự thiện-thạo trong tầng thiên định thấp hơn (ví dụ Nhất thiên) chính là nền tảng tốt cho tầng thiên định cao hơn (ví dụ Nhị thiên); bản thân *sự thoát-ra* có nghĩa là sự thoát ra khỏi (trạng thái) tầng thiên định.] (1425).)

1865 [“*Những điều hay những pháp (ye te dhammā)*: chính là *10 năng-lực*, hoặc chính là *những điều thuộc sự hiểu-biết tất cả khoa-học* (sự toàn-tri). *Những nguyên lý học thuyết (adhivuttipadānam)*: là *những nguyên lý được quy ước* (là những nguyên lý được chế định, tức là những học lý, nguyên lý học thuyết (đã được Phật đặt tên hay quy ước) để trình bày, để giảng dạy, phát triển một học thuyết khoa học (ở đây là Phật giáo); nói cụ thể luôn, các học nguyên lý học thuyết đó là năm-uẩn (thân và tâm), sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu giác quan, sáu căn xú), và những yếu-tố (giới), chúng là những nền tảng cho những nguyên lý của Giáo Pháp.”] (1988)

1866 [Nguyên văn cả câu này là: *Etadānuttariyaṃ, Ānanda, ñāṇānaṃ yadidaṃ tattha tattha yathābhūtañāṇaṃ. Mp* giải thích câu này nghĩa là: “*Sự hiểu-biết về những hiện-tượng khác nhau đúng theo bản-chất bản thể của nó; nhờ có sự hiểu-biết này, Phật cho thấy ‘sự hiểu-biết về tất cả khoa-học’ (trí toàn-tri của Phật)*” (*tesu tesu dhammesu yathāsabhāvañāṇaṃ; iminā sabbaññutaññāṇaṃ dasseti*).] (1989)

1867 [Cụm chữ này **Ce** và **Ee** ghi là *paññāya disvā disvā. Be* không lặp lại chữ *disvā*, nhưng **Mp** (của **Be**) hình như ủng hộ cách ghi của **Ce** và **Ee** với lời giải thích của nó là: *sahavipassanāya maggapaññāya passivā passivā pahātabbā (nên được dẹp bỏ sau khi đã tái tục nhìn thấy bằng trí-tuệ của đạo cùng với trí-tuệ của minh-sát (thiền quán))*.”] (1990)

1868 [Ác-ghen: *pāpikā issā*. Khó mà tính vai trò của tính từ *pāpikā*, vì trong toàn kinh điển đâu có chỗ nào nói tới loại thiện-ghen hay ghen-lành nào (vì tính ghen ty là thuộc ác rồi).] (1991)

1869 [Nguyên văn cụm chữ này là: *abhibhuyya iriyati (chi phối và cứ tiếp diễn)*, **Mp** giải nghĩa là *vattati*.] (1992)

1870 [**Mp** diễn dịch đây là những lời tuyên bố về ‘trí-biết’, về ‘sự tu-tập’, và về ‘trí-biết và sự tu-tập’, về ba phần riêng biệt như vậy, tất cả đều là những tuyên bố về thánh quả A-la-hán.] (1993)

1871 [‘*Chi phối và duy trì tiếp diễn*’ là dịch mức độ cụm chữ gốc ‘*abhibhuyya*

tiṭṭhati. Cụm chữ này dường như không khác với cụm chữ *abhibhuyya iriyati* (chi phối và cứ tiếp diễn) trong kinh kể trước.] (1994)

1872 [“*Cơ-sở (xứ) kasinā*” (*kasināyatanāni*). Những *kasina* (*kasina* tạm dịch là một vật thể làm đối-tượng thiền định; thầy Thích Minh Châu dịch là ‘thiền án xứ’) là những cái đĩa thể hiện những thành-tố hay màu-sắc được dùng làm những đối-tượng để thiền định-tâm (*samādhi*). Ví dụ, *kasina đất* là một cái đĩa được đựng đầy đất sét màu nâu đỏ; *kasina nước* là một bát nước; những *kasina màu* là những đĩa được sơn màu riêng. Mặc dù những người thiền định thường bắt đầu với một đĩa vật chất, khi người đó có thể nhìn thấy *kasina* đó một cách rõ ràng bằng con mắt của tâm, người đó sẽ loại bỏ cái đĩa vật chất và chỉ chú tụ duy nhất vào hình ảnh trong tâm (tâm ảnh) của nó mà thôi. Khi sự định-tâm được thâm sâu, một hình ảnh khác được gọi là một hình-ảnh đối ngược hay một đối-tượng (*paṭibhāganimitta*) nổi lên như một cái neo của sự chú-tâm. Trong Thanh Định Đạo [**Vism**, chương 4 và 5 có đưa ra sự giảng giải chi tiết về những *kasina*. Theo hệ thống Thanh Tịnh Đạo, *kasina không gian* [nguyên thủy là ‘cảnh giới vô biên của không gian’ (không vô biên xứ)] được thay thế bằng *kasina không gian hữu hạn*, và *kasina thức* thì được thay bằng *kasina ánh sáng*.] (1995)

1873 [Chữ “*vô nhị*” (*advaya*) ở đây đơn giản nói về sự thể-hiện của đối-tượng chứ không nói về nghĩa bất nhị hay nhất thể theo nghĩa bản thể học của nó. **Mp** giải thích: “Nói như vậy là bởi vì một *kasina* không tích thêm bản chất của một đối tượng khác. Giống như, khi một người lội xuống (trong) nước, thì lúc đó chỉ toàn nước và bốn phía không có gì ngoài nước; cũng giống như vậy, *kasina đất* chỉ là *kasina* đất. Nó không lẫn trộn với những *kasina* khác. Cách giải thích tương tự đối với những *kasina* khác.” Về chữ *appamāṇa* (*vô lượng*), **Mp** nói rằng: “Đó là nói theo cách của *sự bao trùm vô lượng* của đối-tượng này hay đối-tượng khác. Do bao trùm nó bằng cái tâm, người tu bao trùm toàn thể nó; người đó không nắm chấp biên giới, không nghĩ ‘*Đây là phần đầu; đây là phần giữa...*’ gì gì cả.] (1996)

1874 [Trong kinh **1:267** cô Kālī được gọi là “*đệ nhất trong những người có niềm-tin dựa vào những tin tức bên ngoài*” (tức chỉ cần nghe nói về Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng Đoàn là đã đạt được niềm-tin). Rõ ràng cô chưa bao giờ gặp Đức Phật nhưng dựa trên niềm tin-tưởng vào Phật do suy xét từ những thông tin mà cô đã nghe được từ những người khác nói lại.] (1997)

1875 [Chỗ này muốn chỉ kinh **SN 4:25** (Quyển 1). Chữ “*những thiếu nữ*” là chỉ những con gái của Ma-vương (Māra), là những ma nữ đã cố dụ dỗ quyến rũ

Phật sau khi Phật đã giác ngộ. Câu hỏi ở đây đặc biệt được hỏi bởi ma nữ nhi có tên là Dục-vọng (Tanhā).] (1998)

1876 [Ce và Ee ghi là: *atthābhiniabbattesaṃ*. Be ghi là: *attho ti abhinibbattesaṃ*. Mp giải nghĩa là: “Họ tạo ra nó, nghĩ rằng sự chứng đắc về *kaṣiṇa* là tối thượng, coi đó là mục tiêu tốt cùng.”] (1999)

1877 [Chỗ này Ce và Ee ghi là: *ādimaddasa*; Be ghi là: *assādamaddasa*. Cách ghi của Ce và Ee chỗ này là bất bình thường. Thuật ngữ ‘3-sự’ theo công thức tiêu chuẩn chúng ta quen thấy là “*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*” (*assāda, ādīnava, nissaraṇa*), như đã được ghi trong Be. Bản kinh tương đương trong Hán tạng [SĀ 549 (T II 143a2–b17)] là chỗ chúng ta có thể đối chiếu về 02 cách ghi khác nhau này. Mặc dù kinh SĀ 549 khác nhau ít nhiều về mấy chỗ, như nó ghi ra những sự minh-sát đối với những *kaṣiṇa* như vậy: “[*Bậc ấy*] đã nhìn thấy nguồn-gốc, đã nhìn thấy sự nguy-hại, đã nhìn thấy sự chấm-dứt, đã nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm-dứt” (見其本. 見患. 見滅. 見滅道跡). Chữ 本 của tiếng Hán là tương ứng với chữ *ādi* [không phải chữ *assāda*] trong tiếng Pāli, do vậy nó ủng hộ cách ghi của Ce và Ee hơn là Be; Be có thể đã ‘*thông thường hóa*’ cách ghi của mình (bằng thuật ngữ ‘3-sự’ đó).] (2000)

- (Người dịch Việt chưa hiểu vì sao câu hỏi này của cô Kālī lại được thầy Đại Ca-chiên-diên trả lời bằng cách nói về những sự chứng đắc *kaṣiṇa* như vậy.)

1878 [‘*Tất cả mọi hiện-tượng*’ hay ‘*mọi pháp*’ (*sabbam dhammaṃ*); tôi hiểu thể số ít này có vai trò diễn đạt cho thể số nhiều là *sabbe dhamme*.] (2001)

1879 [Ce và Ee ghi câu này là *sabbam dhammaṃ abhiññāya abhiññāya*. Be thì không lặp lại chữ cuối hai lần.] (2002)

1880 [Chỗ này, cho dù về văn phạm các câu kinh gốc đã ghi rõ rệt, nhưng tôi đã diễn dịch chỗ này như vậy và hy vọng đã diễn tả đúng hơn với ý lời kinh. Tức là, câu “*một*” đầu tiên thì đúng nghĩa đen, nhưng từ câu “*hai*” ... câu “*mười*” không phải nghĩa là ‘*hai câu hỏi*’ ... ‘*mười câu hỏi*’ mà có nghĩa là “*một câu hỏi về hai điều*” ... “*một câu hỏi về mười điều*”.] (2003)

1881 (Nguyên văn kinh gốc ghi lần lượt mỗi câu từ một đến mười; người dịch Việt ghi tóm lược.)

1882 [Về bài kinh này, khi tra cứu với phiên bản Hán tạng tương đương ở [EĀ

46.8 (T II 778b17] thì rất thú vị khi nhận thấy những điểm tương phản. Phiên bản Pāli thì rất rõ rệt đối với những điều mục, đặc biệt ở mục ‘bốn điều’, ‘năm điều’, ‘sáu điều’, và ‘mười điều’; còn ở đây **EĀ 46.8** lại ghi là bốn điều để, năm căn tâm linh, sáu nguyên-tắc để hòa hợp cộng đồng, và mười loại chánh-niệm (gồm 10 chi mục là: sáu sự tưởng-niệm, sự chánh-niệm về thân, về cái chết, về hơi-thở, và về sự bình-an). **EĀ 46.8** có giảng giải thêm về các chi mục này trong mỗi điều mục đó, điều này làm chúng ta chú ý tới khả năng những chi mục này đã bị bỏ mất trong phiên bản Pāli. Phiên bản Pāli tuyên thuyết ba nội dung trong mỗi điều mục là—*câu hỏi (pañha)*, *tuyên bố rõ gọn (uddesa)*, và *sự giảng giải (veyyākaraṇa)*—nhưng trong phiên bản Hán tạng bài kinh ghi 02 nội dung là *câu hỏi* và *tuyên bố rõ gọn*, chứ không có *sự giảng giải*. Trong chương *Kumārapañha* (chương thứ tư) của tập *Khuddakapāṭha (Kinh Tiểu Tụng)*, phần (4), có phần trùng lặp với danh sách này nhưng nó không ghi những phẩm chất như “sự tỉnh-ngộ”, “sự chán-bỏ”, và nó lại ghi những đề mục khác là (4) bốn điều để, (7) bảy yếu-tố giác-ngộ, (8) tám thánh đạo, và (10) mười yếu-tố của một A-la-hán.] (2004)

1883 [Nguyên văn câu này: *Sabbe sattā āhāraṭṭhitikā*. (Về ‘bốn dưỡng-chất’ giúp duy trì sự liên tục hiện hữu, coi thêm chú thích ở điều (4) bên dưới).] (2005)

1884 [Cảm-giác sướng, cảm-giác khô, và cảm-giác trung tính.] (2006)

1885 [Thức ăn, sự tiếp xúc, sự cố-ý của tâm (ý hành), và thức. Đây được gọi là những dưỡng chất (*āhāra*) theo cái nghĩa chúng (góp phần) duy trì sự liên tục hiện hữu.] (2007)

1886 [Về ‘bảy trạm-trú của thức’, coi lại kinh **7:44**.] (2008)

1887 [Về ‘tám tình trạng thế tục’, coi lại kinh **8:6**.] (2009)

1888 [Về ‘chín cõi chúng sinh’, coi lại kinh **9:24**.] (2010)

1889 [Chỗ này tôi làm theo **Be** và **Ee** ghi là *dasasu akusalesu kammapathesu*, khác với **Ce** ghi là *dasasu akusalesu dhammesu*. Phiên bản **Ce** thì có câu *dasasu kusalesu kammapathesu* trong kinh **10:28**, đoạn (10).] (2011)

1890 [*Kajaṅgalikā bhikkhunī: Tỳ kheo ni (từ) Kajaṅgalā*. Rất khó xác định đây là tên riêng của ni này, hay nghĩa kinh là ni này là người vùng *Kajaṅgalikā*. Tuy nhiên, nếu đây là một tên riêng thì lời kinh có lẽ đã ghi thêm chữ *nāma*

(tên là) thành *Kajaṅgalikā nāma bhikkhunī*.] (2012)

1891 [Để ý: trong các đoạn (1), (2), (3) thì lời kinh có ghi đoạn [*hoàn toàn tinh-ngộ về một điều, hoàn toàn chán-bỏ đối với nó, hoàn toàn được giải-thoát khỏi nó*.] (*sammā nibbindamāno sammā virajjamāno sammā vimuccamāno*); nhưng tới điều (4) thì khúc này lại được đổi thành {*có một cái tâm hoàn toàn được khéo tu-tập về bốn điều*.} (*sammā subhāvitacitto*), và điều (5), (6), (8), và (10) cũng đổi theo tương tự như vậy. (Nhưng riêng điều (9) thì quay lại khúc [...] giống như điều (1), (2), (3).] (2013)

1892 [Kinh gốc Pāli đã ghi trích lược các điều (5)-(8) y như vậy.] (2014)

1893 [Coi lại ‘*sáu yếu-tố làm nên sự thoát-khỏi*’ trong kinh **6:13**.] (2015)

1894 (Để ý riêng điều (9) thì quay lại khúc [...] như ở điều (1), (2), (3).)

1895 [Về các hệ vũ trụ, coi thêm kinh **3:80**.] (2016)

1896 [Nguyên văn câu cuối này: *Yebhuyyena sattā ābhassarasaṃvattanikā bhavanti*. Câu này dường như có nghĩa là họ được tái sinh trong số những thiên thần chiếu hào quang thành dòng (*ābhassara deva*), là hạng cảnh giới cao nhất tương ứng với tầng thiên định thứ hai. Ở đây thì vẫn còn, trong khi những cảnh giới hiện hữu thấp hơn đều bị sự tan hoại.] (2017)

1897 [Cả đoạn này giống kinh **10:25**, mời coi lại kinh và những chú thích trong đó.] (1995)

1898 [Nguyên điều (5) này lời kinh giống cả bài kinh **8:65**, (chỉ khác một chút là trong các đoạn từ (v)-(viii) ở đây có thêm ví dụ).

- Mời quý vị coi lại chú thích đầu tiên ngay chỗ này của kinh **8:65** để hiểu thêm nghĩa của cụm từ “*những cơ-sở để vượt qua*”).] (2019)

1899 (Để hiểu thêm ý nghĩa của điều (i) này: mời quý vị đọc lại phần chú thích dài ở kinh **8:65**, chỗ điều (1).)

1900 (Để hiểu thêm ý nghĩa của điều (ii) này: mời quý vị đọc lại phần chú thích dài ở kinh **8:65**, , chỗ điều (2).)

1901 (Để hiểu thêm ý nghĩa của điều (iii) này: mời quý vị đọc lại phần chú thích dài ở kinh **8:65**, chỗ điều (3).)

1902 (Để hiểu thêm ý nghĩa của điều (v) này: mời quý vị đọc lại phần chú thích dài ở kinh **8:65**, chỗ điều (5).)

1903 [Giống tương tự các kinh **4:161** và **4: 162.**] (2020)

1904 [**Mp** không chú giải về chỗ này, nhưng tôi giả định 04 nhận-thức này lần lượt là: nhận-thức trong (cõi) dục-giới, nhận-thức trong (cảnh) bốn tầng thiền định sắc-giới, và nhận-thức trong hai tầng chứng đắc vô-sắc giới đầu tiên, và nhận-thức trong cảnh xứ trống-không.] (2021)

1905 [Về ý nghĩa câu mật ngữ này: coi chú thích ở đoạn (1), kinh **7:55**, chú thích số đuôi (1532).] (2022)

1906 [Nguyên văn cả câu này là: *Yā cāyaṃ bhava appaṭikulyatā, sā c’assa na bhavissati, yā cāyaṃ bhavanirodhe pāṭikulyatā, sā c’assa na bhavissati.* Dường như luận điểm của lời kinh này muốn nói là: bởi vì ‘*tư tưởng tự hủy-diệt*’ khởi sinh từ ác-cảm đối với sự tiếp tục ‘sự hiện-hữu cá thể’, nên người có tư tưởng hủy-diệt này chào đón sự chấm-dứt hiện-hữu, mặc dù theo cách nhìn của Phật giáo thì tư tưởng diệt-vong này đã đi *quá xa* vì đã diễn dịch sự chấm-dứt đó là sự hủy diệt cái bản thân ‘bằng xương bằng thịt’, tức hủy diệt cái ‘sự hiện-hữu cá thể’ (thân) này. Coi thêm **It §49**, 43–44.] (2023)

1907 [Nguyên văn cụm chữ này: *paramatthavisuddhim paññāpentī.* **Mp** diễn dịch: “Đây là một cách chỉ ‘cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’ (phi tướng phi phi tướng xứ). Vì ‘cảnh xứ trống-không’ (vô sở hữu xứ) là cao nhất về ‘nền-tầng để minh-sát’ (để thiền quán), nhưng ‘cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận-thức’ là cao nhất về ‘tuổi thọ’ (trong các cõi trời vô-sắc).] (2024)

1908 [Nguyên văn cụm chữ này: *paramadiṭṭhadhammaṃ nibbānaṃ paññāpentī.* Coi kinh dài **DN 1.3.19–25**, trong đó có xem xét năm quan-điểm về “*niết-bàn tối thượng ngay trong kiếp này*”. Những người này nắm giữ quan điểm rằng ‘niết-bàn là sự thụ-hưởng hết mức (thỏa thích, không bị kiềm chế) năm loại khoái-lạc giác-quan (dục lạc), hoặc đó là mỗi tầng thiền định sắc giới (*jhāna*). Đức Phật đã phản đối những quan điểm này bằng cách khẳng định rằng: niết-bàn tối thượng được chứng ngộ bằng *sự hoàn-toàn hiểu* sáu cơ-sở cảm-nhận để tiếp-xúc (tức sáu giác quan). Điều này cũng được nói ở **DN 1.3.71.**] (2025)

1909 [**Mp** giải thích chữ “*hoàn-toàn hiểu*” (*pariññā*) ở đây là *vượt-qua* (*samat-ikkama*). *Sự hoàn-toàn hiểu* [hay *sự vượt-qua*] *những khoái-lạc giác-quan* (dục

lạc) xảy ra ở tầng thiên định thứ nhất; *sự hoàn-toàn hiểu thể-sắc* có được bằng những tầng chứng đắc vô-sắc giới (đã vượt trên sắc giới); *sự hoàn-toàn hiểu những cảm-giác* có được bằng sự chứng ngộ niết-bàn, ở đó *tất cả mọi cảm-giác đều đã được làm tỉnh lặn.*] (2026)

1910 [**Mp** giải thích về bối cảnh lịch sử lúc này là: khi Vua Kosala Đại Đế [là cha của Vua Pasenadi này] gả con gái Kosala Devi của mình cho Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) [là vua của xứ Magadha (Ma-kiệt-đà)], ông đã ban tặng cho công chúa đó ngôi làng Kāsi [nằm giữa hai vương quốc đó] làm món quà cưới. Những năm sau đó, sau khi Ajātasattu (A-xà-thế) giết cha mình là Bimbisāra, mẫu hậu của ông (tức công chúa Kosala Devi) cũng chết do sầu não (vì điều bất hiếu khủng khiếp đó). Lúc đó Vua Pasenadi đã quyết định: “Do Ajātasattu đã bất hiếu giết hại cha mẹ của mình như vậy, nên ngôi làng Kāsi thuộc về lại Vua cha Kosala Đại Đế của ta.” Còn Ajātasattu thì nghĩ: “Nó thuộc về mẹ của ta”, (tức đã thuộc về công chúa Kosala Devi, là con gái của Vua Kosala Đại Đế và là em gái của vua Pasenadi; tức vua Pasenadi là cậu ruột của vua Ajātasattu mới giết vua cha Bimbisāra để lên ngôi). Do vậy là hai bên, cậu và cháu ruột đánh nhau để giành lấy làng Kāsi. Vua Pasenadi đã hai lần chiến bại bởi Ajātasattu và phải bỏ trận trốn chạy, nhưng lần thứ ba thì ông thắng trận và bắt được cả Ajātasattu. Cho nên lời kinh đã nói lúc này “*mục đích của ông đã đạt được*” (*laddhāhippāyo*).] (2027)

1911 [Giống trong kinh **MN II 120**,1–4 chúng ta thấy Vua Pasenadi cũng thể hiện sự lễ lạy giống vậy đối với Phật và nói ra 10 lý do để kính lễ Phật với sự tôn vinh và mến mộ tối thượng như vậy. Tuy nhiên, những chi tiết nhỏ của sự lễ lạy thì ghi khác ít nhiều so với câu ở đây.] (2028)

1912 [Nguyên văn câu này: *Bahunō janassa ariye ñāye patiṭṭhāpitā yadidaṃ kalyāṇadhammatāya kusaladhammatāya*. **Mp** giải nghĩa chữ “*trong phương pháp thánh thiện*” là “*trong đạo cùng với minh-sát*” (*sahavipassanake magge*). Chỗ này tôi làm theo **PED** coi chữ *patiṭṭhāpitā* là một danh từ tác nhân trong thể số ít.] (2029)

1913 (Kinh gốc ghi đầy đủ chi tiết những trí-biết (minh) như túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh như trong kinh **6:02**, chứ không ghi trích lược như trong các kinh khác).

1914 [Mặc dù ở đây ghi chữ *sikkhāpadam* (điều giới luật) là số ít, tôi vẫn hiểu câu này muốn chỉ toàn bộ (tạng) những giới luật tu hành và do vậy tôi đã dịch theo nghĩa số nhiều. Trong Luật Tạng (Vinaya Piṭaka), câu này xảy ra liên quan

tới với việc đưa ra điều luật *pārājika* (ba-la-di) đầu tiên, và do vậy dùng số ít ở đây là đúng; coi thêm Luật Tạng **Vin III 21,15–23.**] (2030)

1915 [Phiên bản **Ee** đã sai lầm khi nhập kinh này vào kinh kế trước, do vậy số kinh của nó cũng giảm đi 1. Trong Luật Tạng, **Vin II 240–47**, *sự đình chỉ Pātimokkha* (*pātimokkhatṭhapana*) chỉ nói về sự hủy bỏ quyền của một cá nhân tham dự vào buổi tụng giảng hay tụng đọc Pātimokkha vào ngày bố-tát (*uposatha*). Tôi thấy hình như kinh này chỉ nói về *sự đình chỉ Pātimokkha* vì một Tỷ kheo nào đó và hoãn dời sự tụng giảng Pātimokkha đến khi đã loại bỏ điều kiện cản trở đó (ví dụ như có một Tỷ kheo đó phạm luật đang ở đó...). Mời đọc thêm chỗ nhà sư **Ṭhānissaro 2007b: 270–71**, để coi nói về loạt những điều kiện mà do đó sự tụng giảng hay tụng đọc Pātimokkha bị hoãn hay hủy bỏ.] (2031)

1916 [Nguyên văn mệnh đề này là: *Pārājikakathā vipakatā hoti*. **Mp** giải thích là: “Sự nói chuyện (thảo luận, đàm đạo) về sự việc ‘*một người nào đó có phạm một tội pārājika hay không?*’ đã được bắt đầu nói và chưa kết thúc (chưa kết luận, còn đang dang dở) (*asukapuggalo pārājikaṃ āpanno nu kho no’ ti evaṃ kathā ārabhitvā anitṭhāpitā hoti*).”

- Lưu ý đoạn kinh này ủng hộ cách dịch ‘nghĩa’ câu hỏi ‘khuôn-mẫu’ mà Phật thường hỏi khi Phật đến chỗ các Tỷ kheo hay một hội chúng đang ngồi đàm đạo với nhau về một đề tài gì đó, là câu—*kā ca pana vo antarā kathā vipakatā?*—{trong ngữ cảnh các kinh khác hay được dịch là: “*Cuộc nói chuyện* (thảo luận, đàm đạo) *mà các thầy đã đang nói là gì?*”; hoặc được dịch thành câu hỏi tương đương khác là: “*Cuộc nói chuyện của các thầy đã bị làm gián đoạn là gì?*” hay “*Cuộc nói chuyện của các thầy đã được kết thúc là gì?*”—tất cả mấy cách dịch như vậy đều không phù hợp với ngữ cảnh kinh này, và mỗi cách dịch đó đều bị mâu thuẫn bởi cách diễn dịch của những luận giảng: các luận giảng đều kiên định giải nghĩa chữ *vipakatā* là “*không được đưa đến kết luận, không được hoàn thành, đang dang dở*” (*apariniṭṭhitā sikhamaṃ appattā*, như trong **Sv I 49,27–28**, **Ps II 169,15–16**; *pariyantaṃ na gatā*, như trong **Ps III 226,1–4**; *apariyositā* như trong **Ud-a 104,26–30**).] (2032)

1917 [Chữ *paṇḍaka* (hoạn nhân) có nghĩa rộng hơn là ‘người bị thiếu’; như thường được hiểu. **Sp V 1016,1–9** đã mô tả 05 loại *paṇḍaka*. Trong số đó, có hai dạng chính là (i) người đã cắt thiếu (*opakkamikapaṇḍaka*) và (ii) người không xác định được giới tính từ bẩm sinh (*napuṃsakapaṇḍaka*). Sự phân biệt tương tự có thể tìm thấy trong quyển Matthew 19:12 (Phiên bản tiếng Anh): “Bởi vì (a) có những người là hoạn nhân từ bẩm sinh, và (b) có những hoạn

nhân là do bị cắt thien bởi người khác, và (c) có những hoạn nhân do tự mình cắt thien vì (muốn được sinh lên) cõi trời gì đó.” Dạng thứ nhất (a) tương ứng với những *napumsaka* (ii), dạng thứ hai (b) tương ứng với những *opakkamika* (i), và dạng thứ ba (c) có lẽ tương ứng với những người chọn cuộc sống độc-thân [hoặc tự thien mình] vì những lý do đạo giáo nào đó.] (2033)

1918 [Những nghĩa cụ thể của chữ *bhikkhunidūsaka* (tạm dịch chung là: người tán tỉnh một Tỷ kheo ni) đã không được nói rõ ra trong Kinh Tăng. Tuy nhiên, trong bộ Phụ Chú Giải về Luật Tăng (*Vinayavinicchaya-ṭīkā* I 121 [ấn bản VRI; **Be** §322]) có định nghĩa chữ này theo một cách áp dụng cho một Tỷ kheo đã có quan hệ tính dục với một Tỷ kheo ni, như vậy: “Người được cho là một *bhikkhunidūsaka* sau khi người đó đã làm ô uế một Tỷ kheo ni có tư cách tốt bằng cách quan hệ tính dục với ni đó” (*dūsako ti pakatattāya bhikkhuniyā methunaṃ paṭisevitvā tassā dūsitattā bhikkhuniṃ dūsetīti ‘bhikkhunidūsako’ ti vutto ca*). Như vậy chữ này không nhất thiết chỉ hàm nghĩa ‘hãm hiếp’, và do vậy ‘người tán tỉnh một Tỷ kheo ni’ có lẽ là cách diễn dịch ‘nghĩa chung’ là phù hợp cho chữ này.] (2034)

1919 [Chữ gốc là: *ubbāhikā*. **DOP** định nghĩa là “sự tham vấn [về một tranh cãi, vụ xử] cho một ủy ban các Tỷ kheo được bầu ra.” **Mp** giải thích: “*Sự phán quyết* có nghĩa là chọn ra, chọn lấy (ý kiến?) từ Tăng Đoàn để giải quyết một vấn đề (tranh chấp, vụ xử) thuộc giới-luật đá khởi sinh” (*sampatta-adhikaraṇaṃ vūpasametum saṅghato ubbāhitvā uddharitvā gahaṇatthāya*). Các thủ tục được mô tả chi tiết trong Luật Tăng **Vin II 95,25–97,16.**] (2035)

1920 [**Mp** nói đó là: *Bốn loại vấn đề thuộc giới-luật*. Bốn đó là: một sự tranh chấp, một sự buộc tội, một tội phạm, và những thủ tục (*vivādādhikaraṇa, anuvādādhikaraṇa, āpattādhikaraṇa, kiccādhikaraṇa*). (Như vậy câu kinh này có nghĩa là người đó phải biết rõ vấn đề ở đây thuộc loại vấn đề nào trong bốn loại trên). Coi thêm **MN 104.12–20.**] (2036)

1921 [**Mp** định nghĩa “cách” ở đây chính là 07 cách phân xử những vấn đề giới-luật (*satta adhikaraṇasamathā*).] (2037)

1922 [**Ee** nhập lại kinh này vào kinh kế trước, do vậy từ chỗ này sự đánh số kinh của tôi sẽ vượt quá **Ee 2 số.**] (2038)

1923 [Phiên bản **Ee** kết thúc bài kinh này ngay chẩm này. Phần còn lại bên dưới **Ee** tách ra thành một kinh riêng kế tiếp, và đánh số là kinh **38**. Như vậy sự đánh số kinh của **Ee** đã tăng thêm được một số, do vậy giờ nó chỉ còn chênh

lệch ít hơn số kinh của các phiên bản khác 1 số.] (2039)

1924 [Nguyên văn cả câu này là: *Kappaṭṭhiyaṃ kibbisam pasavati*. **Mp** giải nghĩa chữ *kibbisam* là *pāpaṃ* và nói rằng câu hỏi này liên quan tới nguyên nhân ở trong địa ngục suốt một *āyukappa* (một kiếp sống). Cách giải thích về chữ *kappa* như vậy không thấy có trong Kinh tạng Nikaya, và dường như đây chỉ là một sự sáng tạo của luận giảng mà thôi. Về chữ *kappa* (đại kiếp): mời quý vị coi lại chú thích chi tiết trong kinh **8:70**, chú thích thứ ba trong kinh, tức chú thích có ghi số đuôi là (1786).] (2040)

1925 [Tương tự như ở kinh **40:39** kể trên: phiên bản **Ee** kết thúc bài kinh này ngay chẩm này. Phần còn lại bên dưới **Ee** tách ra thành một kinh riêng kế tiếp, và đánh số là kinh **40**. Như vậy từ lúc này cách số kinh của **Ee** bắt đầu trùng lại với cách đánh số kinh của những phiên bản khác.] (2041)

1926 [Tôi đã thêm chữ “lẫn nhau” dựa trên sự giải nghĩa của **Mp** là: *aññamaññassa saṅgahānuggaho*.] (2042)

1927 (Trong dãy kinh **1:151-159** có chú thích về những tội này. Sẵn đây người dịch dẫn ra để khỏi mất thời gian tra cứu trong *Quyển “Một”*, như vậy:) [**Mp**: “Năm cấp tội được gọi là nhẹ (*lahuka*) và hai cấp tội được gọi là nặng (*gāruka*). Hai cấp tội là thô (phạm tội với tâm ý suy đồi) và năm cấp tội là không thô. Sáu cấp tội là có thể tu sửa được (sám hối được) và một cấp tội là không thể tu sửa được (không phải chỉ cần sám hối là có thể bỏ qua). Những tội có sự khôi phục thì cũng giống những tội có thể tu sửa được; những tội không có sự khôi phục thì giống những tội không thể tu sửa được.”

- Hai cấp tội nặng (trọng tội, tội ‘chết chóc’ (nghĩa đen)) là **(1)** những tội *pārājika*: tội bị trục xuất vĩnh viễn (triệt khai) khỏi Tăng Đoàn, và **(2)** những tội *saṅghādisesa*: tội cần phải có những cuộc họp hay hội nghị Tăng Đoàn quyết định (tăng tàng) và có một lộ trình để phục hồi.

- Năm cấp tội nhẹ là những tội *thullaccaya* (tội thông tục; thô suất), những tội *pācittiya* (tội chuộc lỗi được bằng cách nào đó, tội ung đối trị), *pātidesaṇīya* (cần được công nhận), *dukkata* (hành vi xấu, ác tác), và *dubbhāsita* (lời nói xấu, ác khẩu). Những tội này có thể được bỏ qua sau khi người phạm tội đã thú nhận với một Tỷ kheo khác. Những tội nặng cũng được gọi là tội “thô” (*duṭṭhulla*); những tội nhẹ là không thô (*aduṭṭhulla*). Những tội *pārājika* là những tội “không thể tu sửa được” (*anavasesa*) và “không có sự khôi phục” (*appaṭikamma*) bởi vì chúng không cho cơ hội để người phạm chuộc lỗi hay

bù đắp;

- Có sáu cấp tội “*có thể tu sửa được*” (*sāvasesa*) và “*có sự khôi phục*” (*sappatikamma*) bởi vì chúng có thể được xóa bỏ bằng cách chuộc lỗi và bù đắp lại được bằng cách nào đó.] (66.) (2043.)

1928 [Kinh này kết hợp 02 đoạn ‘05 điều’ để thành kinh ‘10 điều’.] (2044)

1929 [Chữ *guyhavantā* ghi trong **Ce** nên được sửa lại là *guyhamantā*, giống như trong **Be** và **Ee**. Ở đây chữ *guyhamantā* hầu như chắc chắn có nghĩa là *những mưu tính bí mật* hay *những điều cơ mật* chứ không có nghĩa là những ‘mật chú, bùa chú’.] (2045)

1930 [Trong đoạn này **Mp** giải nghĩa chữ *pattheti* là *māretum icchati* (sự muốn giết). Tôi không hiểu tại sao từ tiếng Pāli chữ này lại có thể có nghĩa là ‘*muốn giết*’, do vậy tôi nghĩ nên lấy nghĩa thông thường của chữ *pattheti* là “*muốn, ước, cầu*”. Tôi nghĩ ý của lời kinh ở đây là ‘có người là cha của con trai của một cung phi muốn gặp mặt con trai mình’ hoặc ‘một hoàng tử là con của một cung phi biết cha mình không phải là nhà vua nên muốn gặp cha ruột của mình’, và nhà vua nghi ngờ Tỳ kheo đó chính ‘cha’ đó, là ‘người mong gặp’ hay ‘người được mong gặp’ đó.] (2046)

1931 [**Ce** và **Be** ghi là *hatthisammaddam*; **Ee** ghi là *hatthisammadam* trong lời kinh, nhưng đuôi chữ *-sammaddam* và đuôi chữ *-sambādham* là những cách ghi thay thế tương đương nhau. **Mp** [của **Be**] đọc là *hatthisambādham*, và gút lại nghĩa là *hatthīhi sambādham* (có voi đông đúc). **Mp** [của **Ce**] cũng cho rằng cách đọc này là đúng, mặc dù lời kinh của nó có vẻ bị hư (không nguyên vẹn). Cả hai phiên bản đó của **Mp** đều nhận chữ thay thế tương đương là *hatthisammaddam*.] (2047)

1932 [Tám chi phân hay tám chi giới là tám giới-hạnh (bát quan trai giới) trong dịp bố-tát mà những đệ tử tại gia tuân giữ; về chi tiết tám giới này, mời coi lại kinh **8:41**.] (2048)

1933 [**Ce** và **Ee** chỉ ghi tới năm mươi *kahāpaṇa*, nhưng trong **Be** thì ghi thêm tới một trăm *kahāpaṇa*. Đồng *kahāpaṇa* là đơn vị tiền tệ của thời Phật đang sống.] (2049)

1934 [Nghĩa chữ gốc là: *một trăm lần một trăm năm* (*satampi vassasatāni*).] (2050)

1935 [Nghĩa chữ gốc là: *một trăm lần một trăm ngàn năm* (*satampi vassasata-sahassāni*).] (2051)

1936 [Bởi do sự ‘đa nghĩa’ của chữ *kamma* [vừa có nghĩa là “một việc làm, một hành động, một nghiệp” vừa có nghĩa là “những hậu quả tiềm năng của hành động hay việc làm đó”, cho nên câu hỏi và trả lời ở đây đang hàm nghĩa nói về những “nghiệp xấu, nghiệp ác”. Tương tự như vậy, đoạn bên dưới là hàm nghĩa nói về những “nghiệp tốt, nghiệp thiện”.] (2052)

1937 [Nguyên văn câu này: *Vevaññiy’amhi ajjhupagato*. Bốn giai cấp chính ở Ấn Độ thời Phật được gọi là bốn *vaṇṇa*, nghĩa gốc là “màu sắc”, và *vivanna*, có nghĩa là “không có giai cấp” hay vô giai cấp, phi giai cấp. Chữ *vevaññiya* là danh từ trừu tượng, nghĩa là “sự không có giai cấp”, nghĩa ở đây chỉ những người xuất gia là đã từ bỏ những giai cấp trước đó của mình như bà-la-môn, chiến-sĩ, nông thương, bần lao/hạ tiện, và trở thành chỉ là những tu sĩ (sa-môn) đi tu theo người con họ Thích-Ca (tức Phật) [coi thêm kinh **8:19**, đoạn (4)]. Vào thời sau đó các luận giảng dường như bỏ quên cái nghĩa gốc của chữ này, do vậy luận giảng **Mp** đã giải nghĩa chữ này là “đơn sơ” hay “không trang hoàng”, và diễn giải rằng: “*Vevaññiya* có hai nghĩa: nghĩa về thân và nghĩa về những vật dụng thường dùng. *Vevaññiya* về thân có nghĩa là cạo bỏ râu tóc. *Vevaññiya* về những vật dụng là mặc áo cà sa vàng úa được may từ những mảnh vải hay giẻ rách (nhặt được); ăn thức ăn trộn với nước trong bình bát bằng sắt hay đất nung; ngủ dưới gốc cây ... và nằm trên thảm lót bằng rom, rạ, hay cỏ ... ; ngồi trên miếng da lót hay giẻ lót ...; và dùng nước tiểu bò lên men ... để làm thuốc thang. Khi một người quán chiếu như vậy thì sự sân hay sự tự-đại sẽ được dẹp bỏ.”] (2053)

1938 [Nguyên văn câu này: *Parapaṭibaddhā me jīvikā*. Những tu sĩ thì không đi làm việc để có tiền có lương để có thể mua những thứ nhu yếu cần thiết cho mình mà họ phải nhận mọi thứ trợ giúp vật chất—y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh—từ cộng đồng tại gia. Người tu không sử dụng bốn loại đồ cúng dường này phải biết quán chiếu về những thứ cúng dường này như vậy.] (2054)

1939 [Nguyên văn câu này: *Añño me ākappo karaṇīyo*. (Nghĩa là, người xuất gia thì những hành vi, phong cách, biểu hiện, đi đứng, bộ dạng, thái độ, tư cách... phải khác với những người tại gia). **Mp** diễn tả luôn là: “Những người tại gia đi uốn ngược, ngắt đầu, tung tăng vui vẻ, bước nhanh bước chậm, bước cao bước thấp. Nhưng tư cách của mình thì phải khác. Mình phải bước đi với các giác-quan bình lặng, với một cái tâm bình lặng, từng bước chậm và đều,

giống như chiếc xe bò đi chậm rãi từng bước qua vũng nước hay nơi gồ ghề vậy.] (2055)

1940 [Ở đây và trong điều (5) kế tiếp thì ý của lời kinh sẽ được chuyển dịch rõ ràng hơn nếu bỏ qua không cần dịch chữ *na*.] (2056)

1941 [Về những sự quán chiếu về những lẽ-thực như vậy, có thể coi thêm lại kinh **5:57**.] (2057)

1942 [*Ponobhaviko bhavasāṅkhāro*. **Mp** giải thích: “Nghệp tạo ra sự hiện-hữu, sự chủ động sản sinh sự tái hiện-hữu” (*ponobbhaviko ti punabbhavanibbat-tako, bhavasāṅkhāro ti bhavasāṅkharanakkammaṃ*). Ở đây có thể hiểu, “*tồn tại qua/nhờ thân*” bởi vì thân là công cụ để lập thành và thể hiện sự cố-ý (hữu hành).] (2058)

1943 [Thể thức bài kinh giống như kinh **6:12**, mặc dù phần nội dung có khác nhau. 10 nguyên tắc này cũng giống với 10 phẩm chất “*như một người bảo hộ*” được nói trong kinh **10:18**.] (2059)

1944 [Chữ *paripunṇam* trong **Ce** nên được sửa lại là *parisuddham* như trong **Be** và **Ee**. **Ce** ghi đúng chữ *parisuddham* trong các đoạn song hành trong các bài kinh sau của NHÓM kinh này, như vậy rõ ràng chữ *paripunṇam* trong kinh này chỉ là lỗi do ghi chép mà thôi.] (2060)

1945 [Bản kinh tương đương trong Hán Tạng [**MĀ 110** (T I 598c21–599b7)] hơi khác với bản Pāli về danh sách những ô-nhiễm, và ngược lại với chúng, là những phẩm-chất thiện lành. Trong đó gồm có thiếu niềm-tin và niềm-tin, sự mờ-rối của tâm và sự chánh-niệm, và sự ngu-đần và trí-tuệ. Niềm-tin, sự chánh-niệm, và trí-tuệ—cùng với sự nỗ-lực và định-tâm [trùng với danh sách trong bản Pāli list]—tạo thành năm căn tâm linh, được tính là ‘không có mặt’ hay ‘có mặt’.] (2061)

1946 [Tôi dùng chữ “*sa sūt*” để dịch chữ *parihāni* và chữ “*suy đôi*” để dịch chữ *hāni*. Hai chữ này hầu như là đồng nghĩa.] (2062)

1947 [Kế tiếp sau đây là những điều tự xem xét lại chính mình, giống tương tự những lời chỉ dẫn được nói trong kinh **4:93**.] (2063)

1948 (Chữ {phân định} và {phân tuệ} trong ngoặc này là do người dịch Việt đặt ra để tạm thay cho hai cụm chữ trong ngoặc [...] cho đơn giản để người đọc

thấy nhanh ý nghĩa bài kinh.)

1949 [Tiếp tục bên dưới cho đến hết kinh là nội dung và lời kinh giống hết nội dung và khuôn mẫu của kinh **9:06**, chỉ khác trong kinh này thì điều ‘*giao lưu với người*’ được đặt sau cùng và chỉ nói tóm gọn ý chính chứ không phân tích chi tiết như trong kinh **9:06**.] (2064)

1950 (Ngay chỗ này có chú thích đầu tiên trong kinh **9:06** như vậy: [Mặc dù lời kinh ghi chủ ngữ ở dạng số ít, những tôi dùng số nhiều (những người), vì sẽ nghe thuận với tiếng Anh (và cả tiếng Việt). Lời kinh dùng cùng chữ tương lai phân từ là *sevitabbam* [và chữ phủ định của nó là *asevitabbam*] trong tương quan với mỗi chủ ngữ, nhưng tôi dịch khác đi để cho nghĩa được phù hợp nhất với mỗi trường hợp riêng. Động từ *sevati*, mà phân từ dựa trên nó, có một ‘tâm nghĩa’ rộng nhiều và có thể hộ giúp tất cả những cách dịch này.] (1844).)

1951 [Đầu kinh **6:51** có một đoạn giống với đoạn này ở thể ‘khẳng định’. Trong kinh này, **Be** và **Ee** điều thứ hai (b) ghi là *sammosam gacchanti*, nghĩa gốc là “đi đến sự quên”, có vẻ đúng hơn so với chữ ghi trong **Ce** là *sammoham gacchanti* nghĩa là “đi đến sự ngu mờ”. Trong kinh **6:51** thì tất cả 03 phiên bản đều ghi là *na sammosam gacchanti*, cách ghi này cũng được ủng hộ bởi **Mp** vì **Mp** đã giải nghĩa là *vināsam na gacchanti* (“chúng đã bị mất”). Ở đây và bên dưới, **Ce** và **Ee** ghi là *pubbe cetaso samphuṭṭhapubbā*, **Be** thì ghi ở thể “phủ định” là *pubbe cetaso asamphuṭṭhapubbā* (“với (những giáo lý) người đó đã quen thuộc trước đó”). Chỗ này có lẽ sai do lỗi ghi chép; trong kinh **6:51** thì **Be** ghi đúng với **Ce** và **Ee** là *pubbe cetaso samphuṭṭhapubbā*.] (2065)

1952 [Đây là một kinh được mở rộng từ các kinh song hành là **5:61**, **7:48**, và **9:16**.] (2066)

1953 [Đây là 05 đề-mục cuối trong số 10 đề-mục *thiền quán về sự ô-uế* được nói chi tiết trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism** chương 6.] (2067)

1954 [Đây là một kinh song hành, dựa theo kinh **8:83** (và thêm điều 9 và 10). Nó cũng có sự tương ứng nhiều với kinh **9:14**, trong đó đưa ra 09 trong số những câu hỏi, nhưng chủ đề khởi sự là “những ý-định và ý-nghĩ” (*saṅkappavitakkā*) thay vì “tất cả mọi thứ” (*sabbe dhammā*, mọi pháp).] (2068)

1955 (Ngay chỗ này, trong kinh **8:83** có ghi một chú thích dài của nhà sư Brahmāli. Mời coi lại chú thích đó, số đuôi (1801).)

1956 [Hai điều cuối là: *amatogadhā sabbe dhammā* và *nibbānapariyosānā sabbe dhammā*, dường như là đồng nghĩa. Nhân tiện, bản kinh tương đương trong Hán tạng, **MĀ 113** (ở T I 602c1–16) thì đưa ra những điều sau: “Mọi thứ đều bắt rễ từ tham-muốn; tất cả đến với nhau trong tiếp-xúc; tất cả hội tụ vào cảm-giác; tất cả phát rình từ sự chú-tâm (tác ý); tất cả bị dừng lại bởi sự chánh-niệm [coi **Sn 1035**]; tất cả được dẫn đầu bởi sự định-tâm; trí-tuệ là trên tất cả; sự giải-thoát là sự thật [hay cốt lõi] của tất cả; tất cả đều có Niết-bàn là chung-cuộc của nó.” Thật thú vị là, kinh **MĀ 113** còn tiếp tục (ở T I 602c17–28) bằng một đoạn mà trong **AN** tương ứng với bài kinh kế tiếp là **10:59**, mặc dù (ý kinh đó) thay vì bảo đảm người tu thực hành theo cách như vậy sẽ đạt được một trong hai thánh quả, nó lại ghi là người tu nhất định sẽ chứng quả A-la-hán.] (2069)

1957 [Nguyên văn cả câu này là: *Na c’uppannā pāpakā akusalā dhammā cittaṃ pariyādāya thassanti*. Như cách diễn tả, lời kinh dường như muốn nói những phẩm chất bất thiện đó có khởi sinh nhưng không nắm sự kiểm soát chi phối tâm của các Tỳ kheo đó. Tuy nhiên, cũng có thể ý lời kinh là những phẩm chất bất thiện đó không khởi sinh và không nắm sự kiểm soát chi phối tâm của những người đó.] (2070)

1958 [Nguyên văn cụm chữ này: *lokassa samañca visamañca*. **Mp** giải nghĩa hai nghĩa đó là: “hành vi tốt (thiện hạnh) và hành vi xấu (ác hạnh) trong thế giới chúng sinh” (*sattalokassa sucaritaduccaritāni*).] (2071)

1959 [Nguyên văn cụm chữ này: *lokassa bhavañca vibhavañca*. **Mp** giải nghĩa là “sự tăng trưởng và hoại diệt của nó, cũng có nghĩa là sự thành công và sự thất bại.”] (2072)

1960 [Những nhận-thức (8), (9), (10) sẽ được giảng giải trong kinh **10:60** kế dưới.] (2073)

1961 [Ngoài một bài kinh này ra, trong các kinh bộ Nikāya không thấy có kinh nào khác hay thông tin khác về Tỳ kheo Girimānanda. Những nước theo Phật giáo Trưởng Lão Bộ (*Theravāda*) coi kinh này là một kinh phòng-hộ hay hộ-niệm (*paritta*), các Tỳ kheo thường tụng đọc cho những người đang bị đau đớn vì bệnh.] (2074)

1962 [Riêng trong phiên bản **Be** ghi chỗ này là *bệnh môi (oṭṭharogo)*, nằm giữa *bệnh miệng (dantarogo)* và *bệnh ho (kāso)*.] (2076)

1963 [Sự nhận-thức này [và sự nhận-thức kế dưới] đều là những sự quán chiếu về Niết-bàn. Trong khuôn mẫu kinh điển của 40 chủ-đề thiền, thì 02 sự nhận-thức này có thể nằm trong phần “*quán tưởng về sự bình-an*” (*upasamānussati*), như đã được giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 293–294, Ppn 8:245–251.**] (2076)

1964 [Chỗ này **Ce** và **Ee** ghi là *pajahanto viramati anupādiyanto*, **Be** ghi *pajahanto viharati anupādiyanto*. **Mp** không giải thích gì chỗ này.] (2077)

1965 [Đoạn kinh (9) lời kinh diễn tả như vậy thì thật khó nhìn ra lý do gì nó liên quan tới tính *vô-thường*. Một số bản gốc chép ghi sự nhận-thức này là *sabbasaṅkhāresu anicchāsaññā: sự nhận-thức về sự không ước-muốn* (vô nguyện) [hay *sự không tham-muốn*] đối với tất cả mọi hiện-tượng có điều-kiện. Chủ đề “*về sự không ước-muốn...*” này có vẻ phù hợp hơn với định nghĩa của lời kinh diễn tả, (chứ không phải là “*về tính vô-thường trong...*”). (2078)

1966 [Sự tạo-tác của tâm (*citta-saṅkhāra*) ở đây chính là nhận-thức và cảm-giác, bởi nhận-thức và cảm-giác được cho là dính kết với tâm và xảy ra tùy thuộc theo tâm [coi thêm kinh **MN 44.15.**] (2079)

1967 [Đó là, sự giải thoát tâm khỏi những chướng-ngại để đạt tới sự thanh lọc của định và tuệ.] (2080)

1968 [Tôi đọc cả câu này như vậy: “*Purimā bhikkhave koṭi na paññāyati avijjāya, ito pubbe avijjā nāhosi atha pacchā samabhavī*” ti: *evametam bhikkhave vuccati*. Sự đánh dấu câu trong cả 03 phiên bản tạo ấn tượng cho ta rằng chỉ phần của câu từ *ito pubbe* đến *sambhavi* mới là câu trực tiếp được trích dẫn trong ngoặc, tôi nghĩ có lẽ cụm chữ *evametam bhikkhave vuccati* cũng nằm trong ngoặc để thành một câu trọn vẹn...] (2081)

1969 [**Mp** giải nghĩa “*có một dưỡng chất*” (*sāhāram*) là “*có một điều-kiện*” (*sapaccayam*)] (2082)

1970 [Mặc dù phần đầu (phần tiêu cực) của kinh chỉ có 09 thứ được nói ra, nhưng nó vẫn được kết tập như kinh ‘10-điều’ bởi trong phần thứ hai thì có 10 thứ (tích cực). Kinh tiếp theo dùng y hệt khuôn mẫu này nhưng phần đầu của nó đã được thêm vào ‘*dục-vọng muốn hiện-hữu*’ cho đủ 10-điều.] (2083)

1971 [Ở đây có một sự chơi chữ. “*Sau khi đã đạt tới sự chắc-chắn về ta*” (*mayi niṭṭham gatā*) là một thành ngữ có nghĩa một người đã thành tựu niềm-tin chắc

chấn về Phật, đây là dấu hiệu của một bậc Nhập-lưu. Nhưng chữ *niṭṭhā* cũng có nghĩa là mục tiêu, đó là, thánh quả A-la-hán. Như vậy sự ‘đạt tới sự chắc chắn về Phật’ là đánh dấu sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu [hoặc cao hơn], trong khi sự ‘đạt được mục tiêu’ là đánh dấu sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Dưới ánh sáng của sự phân biệt này, **Mp** đã giải nghĩa câu ‘đạt được mục tiêu trong thế gian này’ (*idha niṭṭhā*) là ‘đạt tới Niết-bàn ngay trong kiếp này’ (*imasmimyeva loke parinibbānam*). ‘Thế gian này’ (*idha*, nghĩa gốc là “ở đây, tại đây”) rõ ràng có nghĩa chỉ chung cõi dục-giới, vì bậc Nhập-lưu và Nhất-lai có thể ‘đạt được mục tiêu’ trong một cõi trời (thuộc dục giới), không nhất thiết phải từ cõi người. **Mp** nói ‘sau khi rời bỏ thế gian này’ (*idha vihāya*) có nghĩa là “khi đang ở trong những cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) thuộc cảnh trời brahmā (phạm thiên giới) (*suddhāvāsabrahmalokam*).] (2084)

1972 [Nguyên văn ba loại người này là: *ekabījī*, *kolamkola*, và *sattakkhattuparāma* (như cũng được nói trong kinh **3:88**, đoạn 3-). Đây là ba hạng của những bậc thánh Nhập-lưu xếp theo nghĩa kỹ thuật. Họ được phân biệt tùy theo sự sắc-bén của những căn tâm linh của họ. Sự phân biệt giữa họ cũng được nói tới trong kinh **3:89**.] (2085)

1973 [(05 hạng này cũng được nói trong kinh **3:88**, đoạn 2-). Để coi sự phân biệt giữ 05 hạng của những bậc Bất-lai, mời coi lại kinh **7:55**. Và 05 hạng này cũng được đề cập dựa trên mức độ của ba phân tu tập (giới, định, tuệ) trong kinh **3:87** và kinh **3:88**.] (2086)

1974 [Ở đây lời kinh dùng chữ *sotāpanna* (Tu-đà-hoàn, Nhập-lưu) theo một nghĩa lỏng lẻo. **Mp** nói chữ đó có nghĩa chỉ những người đã nhập vào “dòng” thánh đạo (*ariyamaggasotaṃ āpannā*). Như vậy chữ đó cũng áp dụng cho những đệ tử ở tất cả bốn bậc giác ngộ (vì ba bậc trên cũng từ bậc Nhập-lưu đi lên, và dĩ nhiên họ vẫn có niềm-tin bất lay chuyển vào Phật).] (2087)

1975 **Ee** bỏ đoạn giới thiệu này mặc dù nó thừa biết có đoạn này trong bản thảo chép từ đó nó kết tập. **Ce** và **Be** đều có ghi đoạn này.

- Kế tiếp trong kinh này, tự dung cụm chữ tên kinh “mười chủ-đề để thảo luận” chuyển thành “mười nền-tảng để khen ngợi” nghe không rõ lý do; trừ khi... chúng ta giả định rằng, trong bài kinh kế trước, do Phật đã đến chỗ các Tỷ kheo đó và đã ‘quở trách, chê trách’ họ vì đã tham gia nói chuyện những chủ-đề vô bổ lung tung cho nên giờ Phật mới nói lại những chủ-đề đối ngược nên Phật gọi là mười nền-tảng hay mười lý-do để khen ngợi.] (2088)

1976 [Kinh này như một phiên bản nén gọn của kinh **MN 6**. Kinh **MN 6** thì gồm có những phần nói về 03 bậc giác-ngộ đầu và năm sự biết trực-tiếp thuộc thế tục (tục trí) nhưng không có những điều (5) và (6) trong kinh này.] (2089)

1977 [Đây là một kinh song hành được mở rộng của kinh **5:63** và **5:64**.] (2090)

1978 [Đây là một kinh song-hành một phần (không hoàn toàn) đối với kinh **6:44**, khuôn mẫu bố cục của kinh là giống hệt, chỉ khác phần nội dung ở sau.] (2091)

1979 (Ngay chỗ này kinh song hành **6:44** có chú thích như vậy: [Chỗ này tôi chọn lời kinh gốc được ghi trong **Be** là *sakadāgānipatto* [thấy cũng giống cách ghi trong phiên bản viết tay Miến Điện] khác với cách ghi của **Ce** và **Ee** là *sakadāgāmī satto*. Sự nhầm lẫn của chữ *s* và *p* rất hiếm thấy trong phiên bản chép tay bằng tiếng Tích Lan cổ (Sinhala). Tuy nhiên, lời luận giải trong **Mp** là *sakadāgānipuggalo hutvā* cho thấy luận sư của **Mp** đã căn cứ theo nghĩa chữ gốc là *sakadāgāmī satto*. Không thể nào có sự chép sai hay sai đổi như vậy, vì thời đại của các luận giảng là sau thời đại của kinh gốc.] (1329).)

1980 (Ngay chỗ này kinh song hành **6:44** có chú thích như vậy: [Trong kinh **MN 89.18**, Purāṇa và Isidatta là hai quan thị vệ trong triều của Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của nước Kosala (Kiền-tát-la) nhưng họ có sự tôn kính đối với Phật hơn là đối với nhà vua. Lòng thương kính Phật của họ cũng được nói trong kinh **SN 55:06** (quyển 5).] (1330).)

1981 [Ở đây **Ce** ghi là *pettā pi yo*; **Be** ghi *pitāmaho*, **Ee** ghi *pettā piyo*. **PED** giải thích chữ *pitāmahā* (dưới *pitar*) là “ông nội” dường như là không đúng ở đây. **PED**, dưới chữ *pettāpiya* (tiếng Phạn *pitṛvya*) thì cho nghĩa là “em của cha, là chú”, nghĩa này ủng hộ **Ce** và **Ee** nếu những khoảng cách được bỏ đi. Coi thêm chú thích ở kinh **6:44** như kể trên.] (2092)

1982 (Ngay chỗ này kinh song hành **6:44** có chú thích như vậy: [**Mp** giải thích: “Thầy *Ānanda* nói vậy bởi vì thầy ấy cũng không biết lý do vì sao.” Nhà sư *Brahmāli* viết rằng: “Tôi hiểu thầy *Ānanda* chỉ đơn giản nói rằng điều đó nên được hiểu đúng theo lời Phật đã nói”, và thầy *Brahmāli* gợi ý diễn dịch câu đó là: “Thưa chị, thì nghĩa nó là vậy, như nó đã được tuyên bố bởi Đức Thế Tôn.” Tuy nhiên, lúc này lời tuyên bố của Phật về nơi-đến (của họ) vẫn chưa được giải thích. Lời giải thích chỉ nằm ở cuối kinh, khi Đức Phật tuyên bố về những ưu-điểm của hai vị đệ tử tại gia đã chết.] (1331).)

1983 (Ngay chỗ này kinh song hành **6:44** có chú thích như vậy: [Chỗ này **Ce**

ghi chữ *ambakapaññā*; **Be** ghi chữ *ammakasaññā*, nghĩa là: “nhận-thức của một phụ nữ”, hay “ý tưởng của một phụ nữ”, nhưng kinh **10:75** của phiên bản **Be** có ghi là *ammakapaññā*. Ở đây, **Ee** ghi chữ *ambakasaññā* ở đây nhưng trong đoạn kết lại ghi chữ *ambakapaññā*. Rõ ràng chữ ghi đầu tiên trong **Ee** là do lỗi ghi chép, có lẽ do sự chép nhầm chữ *s* và *p*. Chữ *ambaka* trong **Ce** và **Ee** (hoặc chữ *ammaka* trong **Be**) là xuất thân từ chữ *ammā* nghĩa là “mẹ”, nghĩa chung là chỉ “những phụ nữ”. **Mp-t** giải thích: “*Ammakā* (hay *ambakā*) có nghĩa là những phụ nữ [nghĩa gốc là hạng những người mẹ]. Đây là một chữ ẩn dụ. Đó là, những người mẹ, là hạng những người mẹ, là những người làm mẹ, được thấy có trong số những phụ nữ” (*Ammakāti mātugāmo. Upacāravacanañh’etaṃ. Itthīsu yadidaṃ ammakā mātugāmo jananī janikā*). **SED sv** nói rằng chữ *ambā* có nghĩa “một người mẹ, một phụ nữ tốt [dùng như đại từ để gọi một cách kính trọng].” Trong bản tương đương bên Hán tạng [**T II 258c8–9**] thì không có ý chê bai ‘những phụ nữ’ mà chỉ nói riêng về cá nhân của cô Migasālā mà thôi: “*Nữ đệ tử tại gia Migasālā là ngu dốt và ít trí tuệ*” (鹿住優婆夷愚癡少智.) (1332.)

1984 [Tôi nghĩ **Ce** đã ghi nhầm tiếp vĩ ngữ *-ñāṇo* ở đây thay vì đúng là *-ñāṇe*, chữ này cũng được ghi trong chỗ lặp lại lời tuyên thuyết cho đến cuối kinh. Trong kinh **6:44** thì **Ce** đã ghi đúng là *-ñāṇe* ở cả hai chỗ.] (2093)

1985 [Nguyên văn câu cuối: *Dussīlyam aparisesam nirujjhati*. **Mp** giải thích nghĩa là: “Ở đây, năm loại sự thất-đức được trừ bỏ bởi thánh đạo Nhập-lưu; mười [đường nghiệp bất thiện] được trừ bỏ bởi thánh đạo A-la-hán. Chúng được nói là đã được trừ bỏ ngay khoảng-khắc (sát-na) thánh quả. Với chữ *nirujjhati* lời kinh đề cập đến khoảng-khắc thánh quả. Một phạm nhân (phạm tăng) phá vỡ giới-hạnh theo 05 cách: bằng cách phạm tội *pārājika*, bằng cách bỏ tu, bằng cách chuyển qua đạo giáo khác, bằng cách chứng A-la-hán, và bằng cách chết. 03 cách đầu là sự sa-sút trong sự tu tập, cách thứ 4 là sự tiến triển của nó, và cách thứ 5 thì không sa sút hay thăng tiến gì cả. Nhưng theo cách nào giới-hạnh bị phá bỏ bởi sự đạt tới thánh quả A-la-hán? Bởi vì một phạm nhân có thể có giới-hạnh ‘cực kỳ thiện lành’, nhưng thánh đạo A-la-hán là dẫn tới sự tiêu diệt mọi nghiệp thiện và nghiệp ác, cho nên nó bị phá bỏ theo cách như vậy.” Nên chỉ ra rằng, cách giải thích này là theo quan điểm của Vi Diệu Pháp tạng (Abhidhamma), theo đó những hành-động của một A-la-hán, vốn chỉ là những sinh hoạt (*kiriya*) không mang nghiệp quả, thì không được xếp là thiện hay bất thiện. Tuy nhiên, theo ngôn ngữ của các kinh thì chúng được mô tả là ‘cực kỳ thiện lành’.] (2094)

1986 (Ngay chỗ này kinh song hành **6:44** có chú thích như vậy: [Lời kinh chỉ ghi là *tam hi tesam*, không chỉ rõ là *tam* nào được đề cập. **Mp** giải thích đó chính là sự [làm nên sự] phán xét (*tam pamānakaraṇam*).] (1335).)

1987 (Chỗ này kinh **6:44** có chú thích như vậy: [Nguyên văn câu cuối này: *Imaṃ puggalaṃ dhammasotaṃ nibbahati*. **Mp** diễn dịch là: “sự hiểu-biết của minh-sát, đang diễn ra mạnh mẽ, mang người đó đi; nó sẽ dẫn người đó đến cõi giới của những bậc thánh.”] (1336).)

1988 (Chỗ này kinh **6:44** có chú thích như vậy: [**Mp** giải nghĩa chỗ này là: “Purāṇa siêu xuất hơn về giới-hạnh, còn Isidatta thì siêu xuất hơn về trí-tuệ. (Bậc) giới-hạnh của Purāṇa là sánh ngang với (bậc) trí-tuệ bậc cao của Isidatta; (bậc) trí-tuệ của Isidatta là sánh ngang với (bậc) giới-hạnh bậc cao của Purāṇa.”] (1340).)

1989 [Tôi dịch dựa theo **Ce** và **Be** chỗ này ghi là *tayo me*. **Ee** thì nhất quyết chỉ ghi *tayo*, không có *me*.] (2095)

1990 (Kinh gốc ghi 10 điều với đầy đủ lời kinh như điều (2) và (3). Người dịch Việt ghi tóm lược từ điều (4)-(10) như vậy cho gọn hơn để người đọc dễ nắm ý bài kinh.)

1991 (Tương tự chsu thích kể trên: Ở đây kinh gốc ghi 10 điều với đầy đủ lời kinh như điều (1) và (2). Người dịch Việt ghi tóm lược từ điều (3)-(10) như vậy cho gọn hơn để người đọc dễ nắm ý bài kinh.)

1992 [Tôi đọc theo **Ce** và **Ee** là *micchādīṭṭhikā*, khác với **Be** là *pāpamittā* (có bạn tốt).] (2096)

1993 [Đây là kinh song hành của kinh **9:29**.] (2097)

1994 [Nguyên văn câu cuối: *Aṭṭhāne ca kuppati*. **Mp** giải thích: “Những sự oán giận kia đều có lý do ví dụ như khi người ta làm hại mình... Nhưng đây cũng không phải trường hợp do mình tự làm hại mình ví dụ như tự đi mình vấp gốc cây té hay khác... Vì vậy trong trường hợp này mới nói là tức giận không vì lý do gì (*aṭṭhāne āghāto*).] (2089)

1995 [Đây là kinh song hành được mở rộng từ kinh **9:30**, chỉ thêm điều thứ mười.] (2099)

1996 (Chỗ này kinh **9:30** có chú thích như vậy: [Câu này là: *Tam kut'ettha labbhā*. Tôi dịch câu thành ngữ này không theo kiểu dịch nguyên văn ngữ nghĩa. Cái ý ở đây là người đó không có sự chọn lựa nào mà chỉ biết cam chịu chấp nhận những tình huống như vậy. **Mp** giải nghĩa: “... *Sau khi suy xét rằng: ‘Một người làm hại (người khác) là do tâm tính của người đó’, người xua tan sự oán giận.*”.] (1899).)

1997 [Ví dụ hoa sen giống trong kinh **4:36**.] (2100)

1998 [Đây là một kinh song hành của kinh **8:82**.] (2101)

1999 (Ngay chỗ này kinh **8:82** có chú thích như vậy: [Nguyên văn câu này là: *Tathāgataṃ dhammadesanā paṭibhāti*. Ở đây, tôi diễn dịch thành ngữ Pāli đặc biệt này theo ngữ cảnh này là (tạm dịch Việt là) “*dành thời gian, dành lúc để chỉ dạy*”. Theo nguyên văn thì có thể dịch nghĩa là “*để một sự chỉ dạy Giáo Pháp ‘tỏa sáng’ [hay ‘xây ra với’] Như Lai.*”] (1798).)

2000 (Chỗ này kinh **8:82** có chú thích như vậy: [Nguyên văn câu cuối: *Ekantapaṭibhānā tathāgataṃ dhammadesanā hoti*.] (1799).)

2001 [Ở đây tôi đọc theo **Be** ghi là *Sati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye*, khác với **Ce** và **Ee** ghi là *Muṭṭhassati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye* (Vị này, là người có tâm mờ-rối, khi còn thêm điều cần phải làm thêm ...) Trong **Be** chữ *sati* là một hiện tại phân từ được dùng trong một cấu trúc sở cách tuyệt đối; nó hoàn toàn không liên quan gì đến danh từ *sati* có nghĩa là niệm (chánh niệm). Có lẽ cách ghi chữ *muṭṭhassati* là do bị ảnh hưởng bởi kinh **10:85**, điều (7) bên dưới.] (2102)

2002 [**Ce** ghi thêm một lần nói gạt nữa. Nhưng tôi làm theo **Be** và **Ee**, bỏ bớt lần lặp lại nữa.] (2103)

2003 (A và B do người dịch Việt đặt ra để người đọc dễ thấy người gạt và người bị gạt.)

2004 [Giống chú thích ở kinh **10:84**, điều (10) như vậy: [Ở đây tôi đọc theo **Be** ghi là *Sati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye*, khác với **Ce** và **Ee** ghi là *Muṭṭhassati kho pana ayamāyasmā uttari karaṇīye* (Vị này, là người có tâm mờ-rối, khi còn thêm điều cần phải làm thêm ...) Trong **Be** chữ *sati* là một hiện tại phân từ được dùng trong một cấu trúc sở cách tuyệt đối; nó hoàn toàn không liên quan gì đến danh từ *sati* có nghĩa là niệm (chánh niệm). Có lẽ cách

ghi chữ *muṭṭhassati* là do bị ảnh hưởng bởi kinh **10:85**, điều (7) bên dưới.] (2102.) (2104)

2005 [Đây là tên được ghi trong **Ce. Ee** ghi là *kālakam*, nó cũng được coi là một danh từ riêng. Nhưng **Be** thì ghi là *kālakataṃ*, có nghĩa là “người đã chết”.] (2105)

2006 [Nguyên văn cả câu là: *Ayampi dhammo na piyatāya na garutāya na bhāvanāya na sāmāññāya na ekībhāvāya samvattati. Mp* giải nghĩa chữ *na sāmāññāya* là *na samaṇadhammabhāvāya* (cũng không tới trạng thái [hay bốn phận] của một sa-môn). Rõ ràng **Mp** đã coi chữ *sāmāñña* là xuất thân từ chữ *samaṇa*. Tuy nhiên, chữ *sāmāñña* cũng là một danh từ trừu tượng từ chữ *samāna* (có nghĩa là: *thứ giống hết, giống nhau*) và tôi tin đây là nghĩa lời kinh ở đây. Tôi dịch nó là sự “*đồng thuận*” cũng rất phù hợp với chữ kế sau nó là *ekībhāvāya* (đoàn kết). Mời quý vị coi thêm lại chú thích ở đoạn (1), phần (II) của kinh **8:02**. Trong đó **Mp** không giải nghĩa chữ *bhāvanāya*, mà khi luận giải về kinh **8:02** nó đưa ra 02 hai nghĩa thay thế nhau là “*sự tu tập (thiền tập)*” và “*sự kính trọng đối với những đức-hạnh*”. Trong kinh này lấy nghĩa sau thì có vẻ phù hợp hơn. Bản kinh tương đương trong Hán tạng, **MĀ 94**, ở **T I 576a23–25**, có giải nghĩa chữ *bhāvanāya* là 不能令修習 (cũng không dẫn tới sự thiền tập); và giải nghĩa chữ *sāmāñña* là 不能令得沙門 (cũng không dẫn tới đạt được trạng thái sa-môn). Cho dù có sự tương đồng giữa luận giảng **Mp** và bản Hán tạng **MĀ 94**, tôi vẫn nghĩ rằng có thể những chữ đó đã bị hiểu sai ngay từ thời tiền thân (của Phật giáo), và tôi vẫn ưu tiên cách diễn dịch của mình.] (2106)

2007 (Về nghĩa câu này, mời quý vị đọc thêm kinh **8:13**, điều (5).)

2008 [Kinh này có một phần lặp lại kinh **5:211**, nhưng vì câu cú hành văn có sự khác nhau quá rõ nên khó có thể gọi là một kinh song hành được mở rộng từ kinh **5:211**. (Nhưng kinh này là kinh song hành của kinh **11:06**.)] (2107)

2009 [Theo **Ce, Be**, và **Mp** [của **Ce** và **Be**] tôi đọc chỗ này là *saddhammassa na vodāyanti. Ee* ghi động từ số ít là *vodāyati*, nhưng những ghi chú trong **Ee** cũng đề cập trong bản viết tay là *vodāyanti*. Chữ *saddhammassa* nên được ghi đúng lại là *saddhammā assa*. **Mp** giải thích: “*Những phẩm chất tốt của giáo lý, bao gồm trong ba phần tu tập (giới, định, tuệ), không được làm sáng bóng vì người đố*” (*sikkhāttayasāṅkhātā sāsanasaddhammā assa vodānaṃ na gacchanti*). (Có lẽ theo nghĩa là: nếu người tu là thiện tu và tu tiến thì những phẩm chất của giáo lý càng được sáng ngời; còn những người tu là tà tu và sa sút thì

những phẩm chất của giáo lý sẽ bị làm lu mờ.)]

2010 [Những phiên bản khác của kinh này là **SN 6:09–10** và **Sn 3:10**.] (2109)

2011 [Nguyên văn câu này là: *Mā h’evaṃ Kokālika, mā h’evaṃ Kokālika*. Trong tập kinh **Sn** [trang 124] cũng ghi giống vậy, nhưng trong kinh **SN 6:09** thì ghi là: *mā h’evaṃ Kokālika avaca, mā h’evaṃ Kokālika avaca*.] (2110)

2012 [Trái *belli* chưa chín thì khoảng bằng cỡ trái đào, trái chín rồi thì bằng cỡ trái lựu.] (2111)

2013 [Bài kinh đã đề cập tới vị trời Tudu [độc lập] như một vị Phật Độc Giác hay Duyên Giác (*paccekabrahmā*). Các luận giảng **Mp** và **Mp-ṭ** đều không định nghĩa chữ này, nhưng luận giảng **Spk-pt** I 213 [ấn bản VRI] khi luận giải về câu chuyện trong kinh **SN 6:09** đã giải thích đó là một vị trời đi lại một mình (độc hành), không phải thành viên của hội chúng nào (*paccekabrahmā ti ca ekacārī brahmā, na parisacārī brahmāti attho*). **Mp** nói rằng trong kiếp trước vị trời này chính là thầy hướng dẫn (giáo thọ hay y chỉ sư) của Tỳ kheo Kokālika. Vị ấy qua đời là một bậc Bất-lai và được tái sinh trong cõi trời brahmā (phạm thiên giới). Khi vị trời nghe thầy Kokālika đang nói xấu về thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vị ấy đã hiện xuống để yêu cầu thầy Kokālika hãy đặt niềm-tin vào hai vị thánh tăng.] (2112)

2014 [Vị Phật đã tuyên bố vị trời Tudu là một bậc Bất-lai, nên thầy Kokālika đã trách vị trời tại sao quay lại thế gian cõi người. Dĩ nhiên, khi đã là một bậc thánh Bất-lai thì không còn tái sinh thành người trong cõi người nữa, nhưng một vị thánh Bất-lai vẫn có thể hiện thị ở cõi người trước mặt con người (giống như những vị thiên thần ở cõi những thiên thần cũng xuất hiện ở cõi người và gặp người).] (2113)

2015 [03 đoạn thi kệ cuối giống hệt phần thi kệ cuối kinh **4:03**.] (2114)

2016 (Chỗ này kinh **4:03** có chú thích như vậy: [**Mp** giải thích: những sự xui rủi làm mất hết tiền của và cả bản thân... cũng chỉ là nhỏ nhặt nếu so với sự xui rủi và bất hạnh của người đi thù ghét những bậc thánh. **Mp** giải nghĩa chữ *sugatesu* (bậc thánh) bằng chữ: *sammaggatesu puggalesu* (những người đã chứng ngộ một cách đúng đắn; bậc chân ngộ), tức chỉ tất cả những bậc A-la-hán, không riêng Phật.] (625).)

2017 (Chỗ này coi kinh **4:03** có chú thích chi như vậy, sẵn trích ra đây để quý

vị tiện đọc: [Nguyên văn câu cuối này: *Sataṃ sahaṣṣānaṃ nirabbudānaṃ/chattiṃsatī pañca ca abbudāni*. Tôi dịch theo **Mp**, **Mp** nói về những con số đó là bằng: “100 ngàn *nirabbuda*, cộng thêm 36 ngàn *nirabbud*, cộng thêm 5 *abbuda*” (*sataṃ sahaṣṣānaṃ ti nirabbudagaṇanāya sata-sahasassam; chattiṃsatī ti aparāni ca chattiṃsati nirabbudāni; pañca cā ti abbudagaṇanāya ca pañca abbudāni*). Tuy nhiên, nhà sư **Vanarata** thì chắc chắn chữ *pañca* không thể trực tiếp bổ nghĩa cho chữ *abbudānaṃ*, và do vậy đã nối tiếp chữ *sahaṣṣānaṃ* với *chattiṃsatī* và *pañca* luôn, làm nên nghĩa là: thêm 36 ngàn *nirabbuda* và 5 ngàn *abbuda*. **Mp**, khi giảng luận về kinh **AN 10:89**, đã giải thích sự đếm số theo Phật giáo như sau: 1 *koṭi* = 10 triệu; 1 *koṭi* lần *koṭi* = 1 *pakoṭi*; một *koṭi* lần *pakoṭi* = 1 *koṭipakoṭi*; 1 *koṭi* lần *koṭipakoṭi* = 1 *nahuta*; 1 *koṭi* lần *nahuta* = 1 *ninnahuta*; 1 *koṭi* lần *ninnahuta* = *abbuda*; 20 *abbuda* = 1 *nirabbuda*.]

(Chỉ để hình dung đôi chút: theo cách tính theo bản dịch của Tỳ kheo Sujato, 436.000 *nirabbuda*: khoảng hơn 2 triệu năm, và năm *abbuda*: hơn 25.000 năm nữa.) (628).] (2115)

2018 [**Mp** nói rằng địa ngục sen-đỏ (*paduma*) không phải là một cõi ngục tách riêng khỏi địa ngục mà là một nơi nằm trong đại địa ngục A-tỳ (*avīci*) trong đó *thời-hạn* bị đày đọa được tính theo những đơn vị là *những (cánh?) sen-đỏ (paduma)*. Cách tương tự với những địa ngục *abbuda* ... vân vân, được nói tới bên dưới.] (2116)

2019 [**Ce** nên sửa lại bằng cách mang chữ *dīgham* xuống một dòng. Như vậy đoạn kinh bắt đầu bằng chữ *evam vutte* và câu hỏi bắt đầu bằng *kīva dīgham nu kho bhante*. Lỗi chỗ này thấy có trong cả bản in và bản điện tử của **Ce**.] (2117)

2020 [Đây là một kinh song hành của kinh **8:28**, (chỉ thêm hai phần là tứ chánh cần và ngũ lực).] (2118)

2021 (Chữ này trong kinh **8:28** có chú thích như vậy: [Chữ này đọc theo **Ce** là *vavakaṭṭham*, khác với **Be** và **Ee** ghi là *vivekaṭṭham* với chữ *vavakaṭṭha* là quá khứ phân từ của *vavakassati*. **PED** thì nói thẳng nghĩa là “rút lui, lánh đi, lui về, lánh trần, tách ly, tách khỏi.”] (1687)

2022 [Phiên bản **Ee** đặt tên nhóm này là *Upāsakavagga (Nhóm Những Đệ Tử Tại Gia)*.] (2119)

2023 [Kinh này toàn bộ phần **[I.]** và phần **[II.]** là kinh song hành tương tự với phần **(II)** và **(III)** của kinh **SN 42:12** (Quyển 4), chỉ hơi khác một chút về bố cục sắp xếp...] (2120)

2024 [Mười loại người dưới đây được tính theo dựa trên 03 trường hợp là: (i) tìm kiếm của cải theo cách bất chính, theo cả cách bất chính và chân chính, hay theo cách chân chính; và trên mỗi trường hợp đó sẽ kết hợp với: (ii) có làm cho mình hạnh phúc và vui lòng hay không, và (iii) có chia sẻ của-cải và làm những việc công-đức hay không. Tích hợp tất cả sẽ có 09 loại người. Rồi loại người thứ 9 lại được suy xét thành hai loại là loại (9): còn bị trói buộc với của-cải và loại (10): không bị trói buộc bởi của-cải.] (2121)

2025 (Các (a), (b), (c), (d) do người dịch Việt đặt ra và ghi tóm lược lại để người đọc dễ nhìn và khỏi lặp lại nhiều lần ‘căn cứ’ nhưng vẫn giữ đúng ý nghĩa của lời kinh.)

2026 [Kinh này chính là một kinh song hành được mở rộng của kinh **9:27**, tức gồm phần (I) và (II) giống hệt kinh **9:27**, và cộng thêm phần (III) chính là phần (III) của kinh **SN 12:41** (Quyển 2). Nghĩa là, kinh **SN 12:41** là bản song hành đầy đủ của kinh này.] (2122)

2027 (Chỗ này kinh song hành **9:27** có chú thích: [Đoạn tuyên bố này giống như đoạn cuối của kinh **5:179**, và đoạn đầu kinh **SN 12:41**.] (1897).)

2028 (Chỗ này kinh song hành **9:27** có chú thích: [Về cụm chữ *bhayam veram pasavati*, **Mp** nói rằng một người lãnh hiềm-họa của sự khiếp-sợ trong tâm (*cittutrāsabhayam*) (điều này ủng hộ cách hiểu chữ *bhaya* là sự khiếp-sợ chủ quan hơn là hiềm-họa khách quan; mặc dù vậy tôi vẫn nghĩ nghĩa thứ hai là đúng ý kinh muốn nói hơn) và *sự thù-ghét như một người (puggalaveram)*. **Spk II 73**,17–33, khi chú giải về kinh **12:41**, đã đưa ra một sự giải thích đầy đủ hơn như vậy: “Về ý nghĩa thì chữ hiềm-họa và sự thù-ghét là một. Sự thù-ghét có hai phần, từ bên ngoài (như gián tiếp) và từ bên trong (như trực tiếp). Bởi vì, (i) nếu một người A giết cha của người B, người B nghĩ: ‘Nghe nói nó sẽ giết cha tôi; giờ tôi sẽ giết nó.’ Vì vậy B cầm dao và rượt giết A. Ý-hành (sự cố-ý làm) đã khởi sinh trong B được gọi là sự thù-ghét từ bên ngoài [liên quan tới nạn nhân tương lai]. (ii) Nhưng người A nghe ‘Hắn đang đến giết ta’ và quyết định: ‘Vậy ta sẽ canh giết hắn trước.’ Đây được gọi là sự thù-ghét từ bên trong [liên quan trực tiếp tới bản thân người A]. Cả hai sự thù-ghét đó đều thuộc về kiếp hiện tại. (iii) Khi người cai địa ngục nhìn thấy kẻ giết người bị tái sinh trong địa ngục, ý-hành sẽ khởi sinh trong ông ta như vậy: ‘Ta sẽ dùng

một cái búa sắt đang cháy đỏ rực để đập hẳn’: đây là sự thù-ghét từ bên ngoài thuộc về kiếp tương lai. (iii) Và lúc đó ý-hành sẽ khởi sinh trong kẻ mới tái sinh đó như vậy: ‘Lão cai ngục đang đến đánh ta mặc dù ta không có lỗi gì; vậy ta phải canh đánh lão trước’ là sự thù-ghét từ bên trong thuộc về kiếp tương lai. Sự thù-ghét từ bên ngoài thì được gọi là ‘*sự thù-ghét như một người*’ theo cách gọi của Luận Giảng [cổ].”(?) (1898)

2029 (Chỗ này kinh song hành SN 12:41, ngay câu đầu phần (II), có chú thích về ‘*bốn yếu-tố Nhập-lưu*’ như vậy: [Spk: “*Bốn yếu-tố Nhập-lưu*” (*sotāpattiyaṅga*) gồm có hai loại (mặc dù đều được ghi bằng một chữ đó trong tiếng Pali). Loại thứ nhất có thể dịch nghĩa luôn là (i) “*bốn yếu tố giúp đạt tới thánh quả Nhập-lưu*”, bao gồm: 1/ giao lưu với bậc thượng nhân, 2/ nghe Giáo Pháp chân thực (chân pháp), 3/ sự chú-tâm kỹ-càng (như lý tác ý), và 4/ thực hành đúng theo Giáo Pháp, [coi kinh SN 55:55]. Và loại thứ hai có nghĩa là (ii) “*bốn yếu-tố của một bậc Nhập-lưu*. Đó là những yếu tố mà một người tu chứng đắc Nhập-lưu sẽ được, bao gồm: 1/ niềm-tin xác thực vào Đức Phật, 2/ niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, 3/ niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Niềm-tin xác-thực là niềm tin không lay chuyển [đạt được] thông qua điều đã đắc được [Spk-pt: điều đã đắc được chính là *thánh-đạo*] (*aveccappasādenā ti adhiगतena [maggena] acalappasādena*). Công thức niềm-tin vào Phật, Pháp, Tăng (Tam Bảo) được phân tích chi tiết trong Vism 197–221 (Ppn 7:1–100). (Cộng thêm một yếu-tố thứ tư nữa là: 4/ ‘*đức-hạnh được những bậc thánh quý trọng*’ để đủ thành “*bốn yếu-tố của bậc Nhập-lưu*”). Đoạn kinh này đang nói về loại thứ hai này.] (120).)

2030 (Chỗ này kinh song hành SN 12:41, cũng phần (II), cuối (4), có chú thích về ‘*những đức-hạnh*’ này như vậy: [Spk: “*những đức-hạnh [giới hạnh] được những bậc thánh nhân quý trọng (ariyakantāni sīlāni)* chính là năm giới-hạnh, mà những bậc thánh không bao giờ từ bỏ ngay cả khi họ chuyển qua kiếp sau. Những chữ này được giải thích chi tiết trong Vism 222 (Ppn 7:104). Những đức-hạnh hay giới-hạnh này là “*không bị nắm-giữ*” (*aparāmatṭha*), nghĩa là chúng không phải được tôn giữ vì dục-vọng hay tà-kiến” (mà giới-hạnh được giữ với sự buông bỏ và chánh kiến).] (121).)

2031 [Mp giải nghĩa: ‘*Phương pháp thánh thiện*’ (*ariya nāya*) chính là (thánh) đạo cùng với minh-sát tuệ. (Độc giả có thể đọc thêm chú thích chữ này ở đầu phần (III) kinh song hành SN 12:41).] (2123)

2032 (Từ chỗ này do người dịch Việt xuống dòng, và ghi lại đầy đủ chi tiết của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ để có người đọc dễ đối chiếu với kinh song hành SN

12:41.)

2033 [Kinh này được kết tập vào Quyển “Mười” này có lẽ do 10 cách-nhìn do suy đoán này.] (2124)

2034 [Nguyên văn cả câu này: *Evam kho te, gahapati, moghapurisā kālena kālam sahadhammena suniggahitam niggahetabbā. Mp* giải nghĩa cụm chữ *sahadhammena* là “có một nguyên do, có một lý do, có một điều (khẳng định)” (*sahetukena kāraṇena vacanena*).] (2125)

2035 [Nguyên văn cả câu này: *Vibhajjavadī bhagavā, na so bhagavā ettha ekamsavādī*. Cách diễn đạt dùng chữ *vibhajjavadī*, được dùng để tả Phật, đôi lúc bị hiểu là Phật luôn phân tách những thành phần của mọi vấn đề. Nhưng cách dùng chữ này ở đây [cũng như những chỗ khác trong các bộ kinh Nikāya] cho thấy nó có nghĩa là Phật thường chỉ ra sự khác-biệt cần có để tránh sự ‘quơ đũa cả nắm’. Coi thêm cách mà chữ này đã được dùng trong kinh MN 99.4,10–18.] (2126)

2036 [Giống như kinh 10:93, kinh này có lẽ cũng được kết tập trong Quyển “Mười” vì 10 quan-điểm do suy đoán này.] (2127)

2037 [Mp diễn dịch với nghĩa như vậy: “Câu hỏi leo thang cao nhất trong tất cả”, ở đây ý thầy Ananda muốn nói là: ‘Đừng để ông ta có quan-điểm xấu là: “Khi tôi đặt sa-mon Cồ-đàm câu hỏi leo cao nhất trong tất cả, ông ta lưỡng lự và không trả lời. Đây có phải là trường hợp ông ta không theo tới điểm này và không thể trả lời?’] (2128)

2038 (Ví dụ tương tự có trong kinh SN 47:12 (Quyển 5) trong đó ghi nhiều chi tiết hơn của thành trì và người gác cổng).

2039 [Mp giải thích: Chữ “cùng câu hỏi”: thầy Ananda chỉ ra rằng du sĩ Uttiya lại hỏi cùng (loại) câu hỏi không hợp lệ (viển vong) mà ông ta đã hỏi trước đó như kiểu: thế giới là bất diệt hay không... Rằng giờ ông ta lại hỏi theo một góc độ khác về toàn thể thế giới, [đứng trên niềm tin vào một chúng sinh hữu tình (?)] (*sattūpaladdhiyaṃyeva thatvā aññenākārena pucchati*).] (2129)

2040 [Trong phiên bản Be và Ee thì ghi là *Kokanuda*.] (2130)

2041 [Trong kinh 4:38 và kinh 6:54 tôi dịch chữ *diṭṭhiṭṭhāna* là “quan điểm” nhưng ở đây tôi dịch là “cơ-sở cho cách-nhìn” hay “cơ-sở cho quan-điểm”. Tôi

làm theo luận giảng **Mp**, giải nghĩa chữ trước đó là những quan-điểm, còn đây là “*những nguyên nhân cho (của, tạo nên) quan-điểm*” (*diṭṭhikāraṇa*). **Mp** đề cập 08 nguyên nhân như vậy: các uẩn, sự vô-minh, sự tiếp-xúc, nhận-thức, ý-nghĩ, sự chú-tâm không kỹ càng (vô như lý tác ý), sự có bạn xấu, và sự nghe theo lời người khác nói (*khandhā, avijjā, phasso, saññā, vitakko, ayoniso manasikāro, pāpamittā, paraghoso*).] (2131)

2042 (Kinh này thực sự là một kinh song hành của kinh khuôn mẫu **6:02**; chỉ thêm 04 điều đầu tiên. Tức là kinh này, ngoài điều (1)-(4), các điều còn lại (5), (6), (7), (8), (9), (10) là giống hệt tất cả các điều (1), (2), (3), (4), (5), (6) của kinh **6:02**.)

2043 [Ở đây tôi làm theo **Be**, cách nó ghi đoạn kinh mẫu này là khớp với thứ tự được thấy ghi trong các kinh khác trong bộ kinh **AN**. **Ce** và **Ee** thì đảo thứ tự các chữ thành “*cao thượng*”, “*đạt định*”, và “*được giải thoát*” theo thứ tự từ ‘thấp lên cao’. Những cách ghi của **Ce** và **Ee** trong tất cả những kinh trong những *Quyển* trước của **AN** thì đều dùng giống thứ tự này của **Be**, và do vậy không có lý do gì đến kinh này lại đảo lộn trật tự của các chữ theo thứ tự lộn xộn khác đi như vậy.] (2132)

2044 [**Mp** giải nghĩa: “Người đó sẽ *chìm* (*samsīdissati*) vì những ý nghĩ tham-dục, hoặc *trôi mất* (*uplavissati*) vì những ý nghĩ ác-ý và gây-hại.”] (2133)

2045 [Kế tiếp dưới đây hầu như giống lời đoạn (*) kinh **4:198**, phần (4), cho tới hết phần Tứ Thiên; theo ‘trình tự tiêu chuẩn’ của sự bắt-đầu và tu-tập tiến dần từ một người tại gia thành Tỳ kheo và sau đó...] (2134)

2046 [Câu này có chú thích ở kinh **4:198**, đoạn (.3), như vậy: ([Y hết chú thích ở kinh **3:70**, phần (V), đoạn (vi), chú thích số đuôi (481): [Nguyên văn: *ekabhattika*. Chữ này có thể dịch là “*ăn trong một phần/thời của ngày*”. **Mp** giải thích là: “Có hai bữa [thời, lúc] cơm, bữa [lúc] sáng và bữa [lúc] chiều tối. Bữa [thời] sáng kết thúc lúc giữa trưa (ngọ); bữa [thời] chiều tối kéo dài từ sau giữa trưa cho đến rạng sáng hôm sau. Do vậy ngay cả ai có ăn 10 lần (từ sáng đến) trước giờ trưa (ngọ) thì cũng được cho là ăn một bữa [một lần, một thời] trong một ngày.”] (931).)

2047 [Nguyên văn câu cuối là: *No ca kho tāva anuppattasadatthā viharanti*. Công thức tiêu chuẩn đối với một bậc A-la-hán, như ở kinh **3:37** và **6:49**, mô tả A-la-hán là người “*đã đạt tới mục-tiêu của mình*” (*anuppattasadattho*). Do vậy luận giảng **Mp II 235,14–15**, và **Mp III 380,17–18**, khi chú giải về công

thức chuẩn này, đã coi chữ *sadattha* (đạt tới mục-tiêu) là thánh quả A-la-hán. (Vây ý kinh ở đây muốn nói là: những đệ tử đó chưa đạt tới A-la-hán.) (2135)

2048 [Chỗ này tôi đọc theo **Be** là *anuppattasadatthā ca viharanti*, hình như cần thiết phải như vậy. **Ce** và **Ee** trong những đoạn đầu thì ghi là *no ca kho tāva anuppattasadatthā viharanti* (nhưng họ vẫn chưa đạt được mục-tiêu của họ). Do ở đây chỉ có 09 tầng chứng đắc thiên định được nói ra, không hiểu sao kinh này lại được xếp vào Quyển “Mười” này. Để đạt được 10 giai đoạn, tôi chia giai đoạn cuối thành 02 phần như vậy (tách trạng thái cuối ra thành thứ 10, nghe cũng hợp lý), nhưng tôi không chắc như vậy có đúng với ý định nguyên thủy của kinh hay không.] (2136)

2049 [Câu cuối: *Saṅghe te viharato pāso bhavissati*. Nghĩa gốc là: “Vì thầy sống trong Tăng Đoàn, sẽ có sự an ổn [thư thái, thoải mái].” (Chúng ta luôn thấy trong hầu hết các kinh khác Phật luôn khuyến khích những Tỳ kheo, sau khi đã học hiểu giáo lý, hãy tự mình đi tìm chỗ tách ly xa lánh ẩn dật để thiền tu, vì đó là cách tốt nhất để tu tập cái tâm của mỗi người. Nhưng ở cuối kinh này Phật lại nói ngược lại với thầy Upāli). **Mp** giải thích ý nghĩa ở đây là: “[Phật] yêu cầu thầy ấy sống giữa Tăng Đoàn và không cho phép thầy ấy lánh về sống tu trong rừng núi. Tại sao? [Vi Phật nghĩ:] ‘Nếu thầy ấy sống trong rừng núi, thầy ấy chỉ hoàn thành được bổn phận tu-tập, chứ không hoàn thành được bổn phận học-hiểu. Nhưng nếu thầy ấy sống giữa Tăng Đoàn, thầy ấy sẽ hoàn thành được cả hai bổn phận: đạt tới mục tiêu A-la-hán và trở thành bậc đệ nhất về Luật Tạng. Vây thì, ta sẽ giải thích cho thầy ấy hiểu về ý-nguyện và quyết-tâm của thầy ấy trong kiếp trước, và sau đó sẽ chọn thầy ấy là bậc đệ nhất trong những đệ tử thiện tạo về Luật Tạng.’ Khi nhìn thấy ích lợi này, vị Sư Thầy đã không cho phép thầy Upāli đi sống tu trong rừng.”] (2137)

2050 [*Samaṇasaññā: nhận-thức của sa-môn*. Giống ba điều đầu tiên trong “muội điều một người đã xuất gia thường nên quán chiếu”. Coi kinh **10:48** và những chú thích về ba điều này.] (2138)

2051 (Chỗ này kinh **10:48** có chú thích dài như vậy: [Nguyên văn câu này: *Vevaṇṇiy’ amhi ajjhupagato*. Bốn giải cấp chính ở Ấn Độ thời Phật được gọi là bốn *vaṇṇa*, nghĩa gốc là “màu sắc”, và *vivaṇṇa*, có nghĩa là “không có giai cấp” hay vô giai cấp, phi giai cấp. Chữ *vevaṇṇiya* là danh từ trừu tượng, nghĩa là “sự không có giai cấp”, hay sự vô giai cấp, nghĩa ở đây chỉ những người xuất gia là đã từ bỏ những giai cấp trước đó của mình như bà-la-môn, chiến-sĩ, nông thương, bần lao/hạ tiện, và trở thành đơn giản là những tu sĩ (sa-môn) đi tu theo người con họ Thích-Ca (tức Phật) [coi thêm kinh **8:19**, đoạn (4)].

Vào thời sau đó các luận giảng dường như bỏ quên cái nghĩa gốc của chữ này, do vậy luận giảng **Mp** đã giải nghĩa chữ này là “đơn sơ” hay “không trang hoàng”, và diễn giải rằng: “*Vevaññiya* có hai nghĩa: nghĩa về thân và nghĩa về những vật dụng thường dùng. *Vevaññiya* về thân có nghĩa là cạo bỏ râu tóc. *Vevaññiya* về những vật dụng là mặc áo cà sa vàng úa được may từ những mảnh vải (nhặt được); ăn thức ăn trộn với nước trong bình bát bằng sắt hay đất nung; ngủ dưới gốc cây ... và nằm trên thảm lót bằng rơm rạ hay cỏ ... ; ngồi trên miếng da lót hay giẻ lót ... ; và dùng nước tiểu bò lên men ... để làm thuốc thang. Khi một người quán chiếu như vậy thì sự sân hay tự-đại sẽ được dẹp bỏ.”] (2053).

2052 (Chỗ này kinh **10:48** có chú thích như vậy: [Nguyên văn câu này: *Parapatibaddhā me jīvikā*. Những tu sĩ thì không đi làm việc để có tiền có lương để có thể mua những thứ nhu yếu cần thiết cho mình mà họ phải nhận mọi thứ trợ giúp vật chất—y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc thang với chu cấp cho người bệnh—từ cộng đồng tại gia. Người tu không sử dụng bốn loại đồ cúng dường này phải biết quán chiếu về những thứ cúng dường này như vậy.] (2054)

2053 (Chỗ này kinh **10:48** có chú thích dài vậy: [Nguyên văn câu này: *Añño me ākappo karaṇīyo*. (Nghĩa là, người xuất gia thì những hành vi, phong cách, biểu hiện, đi đứng, bộ dạng, thái độ, tư cách... phải khác với những người tại gia). **Mp** diễn tả luôn là: “Những người tại gia đi ưỡn ngực, ngẩng đầu, tung tăng vui vẻ, bước nhanh bước chậm, bước cao bước thấp. Nhưng tư cách của mình thì phải khác. Mình phải bước đi với các giác-quan bình lặng, với một cái tâm bình lặng, từng bước chậm và đều, giống như chiếc xe bò đi chậm rãi từng bước qua vũng nước hay nơi gồ ghề vậy.] (2055)

2054 [Trong kinh gốc cả ba loại trí-biết (minh) này đều được ghi trích lược như vậy. Kinh **6:02** (và nhiều kinh khác) thì ghi đầy đủ sự mô tả.] (2139)

2055 [**Ps I 188,32–189,4**, khi luận giải kinh **MN I 42,28**, giải thích *sự hiểu-biết sai lạc* (*micchāñāṇa*) là sự ngu-mờ hay si (*moha*) khởi sinh khi một người, sau khi đã làm những hành-động xấu ác hay suy niệm một ý-nghĩ xấu ác, quán chiếu lại điều đó và vẫn nghĩ rằng “Tôi đã làm điều tốt”. (Vây là ngu-mờ, không nhìn ra sự sai-lạc của mình). Còn *sự giải-thoát sai lạc* (*micchāvimutti*) khởi sinh khi một người không được giải thoát mà nghĩ “Tôi đã được giải thoát” hoặc không phải là sự giải-thoát mà người đó cứ tin đó là sự giải-thoát thực sự.] (2140)

2056 [Theo chỗ **Ps I 188,35–189,9**, *sự-biết đúng đắn* (*sammā-ñāṇa*, chánh trí) được giải thích là 19 loại *trí-biết quán chiếu lại* [coi Thanh Tịnh Đạo, **Vism 676,4–29**, **Ppn 22.20–21**], và *sự giải-thoát đúng đắn* (*sammāvimutti*) là những *yếu-tố của tâm* đồng hành với thánh quả. Tôi thấy cách đơn giản hơn nhiều là diễn dịch “*sự-biết đúng đắn*” hay “*trí-biết đúng đắn*” chính là *sự trực-tiếp biết* dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán và “*sự giải-thoát đúng đắn*” đơn giản là sự giải thoát của tâm khỏi những ô-nhiễm chính (*āsava*, lậu hoặc; như tham, sân, si...) và những loại ô nhiễm khác.] (2141)

2057 [Đây là một kinh song hành được mở rộng từ kinh **1:314** và **1:315**.] (2142)

2058 (sự ngu tối, ngu mờ, ngu dốt, không thấy, không hiểu biết; ngược lại với sự hiểu-biết, trí-biết, minh)

2059 [Kinh này giống kinh **SN 45:01**, nhưng kinh đó chỉ nói tới chỗ (8) *sự định-tâm sai lạc* (*micchāsamādhī*) (mặt tối, vô minh) và (8) *sự định-tâm đúng đắn* (*samsamādhī*) (mặt sáng, minh). Luận giảng **Mp** không chú giải gì nhiều ở đây, nhưng luận giảng **Spk III 116,5–6**, khi chú giải về câu này trong kinh **SN 45:01**, giải thích rằng: {Vô-minh là thứ dẫn đầu (*pubbaṅgama*) theo hai cách: (i) là một *điều-kiện đồng khởi sinh* (*sahajāta*: một điều-kiện (duyên) cho những hiện-tượng khởi sinh đồng thời) và (ii) là *điều-kiện trợ giúp quyết định* (*upanissaya*: một điều-kiện (duyên) mạnh mẽ cho các hiện-tượng khởi sinh ngay sau đó). **Spk-pt II 103** [ấn bản VRI] còn nói thêm rằng vô-minh là thứ dẫn đầu đồng khởi sinh khi nó tạo ra những trạng thái đồng thời khớp với sự không-hiểu của nó về đối-tượng, vì vậy chúng chấp những hiện-tượng vô thường là thường hằng... Nó vừa là một thứ dẫn đầu đồng khởi sinh vừa là bị chi phối với vô-minh, không nhìn thấy sự nguy-hại, sát sinh, gian cấp, tà dâm tà dục, nói dối nói láo, và dính vào những hành-động thất giới-hạnh khác.}

(Nhân tiện, **Spk** giải thích luôn: {*Sự không biết xấu-hổ* (*ahirika*) có tính chất của sự thiếu si-nhục (*alajjanā*) hay sự thiếu lương-tâm đối với điều xấu ác; *sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái* (*anottappa*) có tính chất của sự thiếu sợ-hãi (*abhāyanā*, đối với hành vi xấu ác). **Spk** giải nghĩa chữ *anudeva* [hay *anvadeva* trong **Be**] là: *sah’ eva ekato’ va, na vinātena uppajjati* (nó khởi sinh cùng với nó, trong sự đồng nhất, không phải không cùng với nó).} (2143)

2060 [Chỗ luận giảng **Spk III 117,27–31** có nói rằng những chi phần này *không cùng nhau xảy ra trong đạo thế-tục* mà chỉ *xảy ra cùng nhau trong đạo siêu-thế*. Thậm chí trong sự tu tập phần đạo thế-tục, sẽ là một sai lầm nếu cho rằng 08 phần (chi đạo) sẽ lần lượt xảy ra theo thứ tự như vậy. Cách-nhìn đúng đắn

(chánh kiến) là người hướng dẫn cho 07 phần (chi đạo) kia, và nó là điều kiện trực tiếp (duyên) cho ý-định đúng đắn (chánh tư duy). Cách-nhìn đúng đắn và ý-định đúng đắn sẽ hợp nhau làm điều-kiện (duyên) cho các phần lời-nói đúng đắn (chánh ngữ), hành-động đúng đắn (chánh nghiệp), và sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh). Đến lượt ba phần này lại làm cơ sở cho sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) và sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm). Sự định-tâm đúng đắn (chánh định) là kết quả từ sự phối-hợp của sự nỗ-lực đúng đắn và sự chú-tâm đúng đắn. Còn sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí, *sammā ñāṇa*) là trí-tuệ của thánh đạo A-la-hán, và sự giải-thoát đúng đắn (*sammā vimutti*) là sự giải thoát khỏi những ô-nhiễm lớn (lậu hoặc, *āsava*) xảy ra thông qua sự hiểu-biết đúng đắn. Đỉnh cao của nó (sự giải-thoát) chính là “*sự giải-thoát của tâm sạch nhiễm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ*” (*anāsava cetovimutti paññāvimutti*) của một A-la-hán.] (2144)

2061 [*Nijjarā: sự phai mòn, sự mòn đi. “Sự phai mòn” của nghiệp cũ thông qua những sự khổ-hạnh là khái niệm căn bản của đạo Jain (Ni-kiền-tử). Phật đã mượn chữ này để đưa ra ý nghĩa mới. Coi thêm kinh 3:74 về ba loại “sự phai mòn” đã được dạy bởi Phật.*] (2145)

2062 (Nguyên bản ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1), ở đây người dịch Việt tóm lược điều (2)-(9).)

2063 [**Mp** giải thích rằng ở đất nước này, người ta không hỏa tang thi thể người thân mà đem chôn. Sau khi thời gian xác đã hủy hoại hết chỉ còn bộ xương, họ đào lên và rửa sạch xương và sắp xếp các xương lại, và thờ cúng với nhang hương và những vòng hoa. Khi nào có chòm sao [điềm lành] xuất hiện, họ sẽ mang xương ra để than khóc và ai oán, sau đó họ chơi [trò chơi, quay quần kiếu] chòm sao.] (2146)

2064 (Nguyên gốc kinh này, và các kinh **108, 109, 110, 111** bên dưới, đều ghi tóm lược điều (2)-(9) như vậy, cũng giống cách người dịch Việt đã tự ý ghi tóm lược ở kinh kể trên.)

2065 [*Asekha: vô học nhân*, nghĩa người đã vượt qua sự tu học, đã tu học xong, đã hoàn thành tám phần thánh đạo, và do vậy, có được sự hiểu-biết đúng đắn (*sammāñāṇa*, chánh trí) và sự giải-thoát đúng đắn (*sammāvimutti*) vượt trên tám phần thánh đạo đó.] (2147)

2066 [Nguyên văn cả câu này: *Adhammo ca bhikkhave veditabbo anatto ca; dhammo ca veditabbo attho ca.* Ở đây, chữ *dhamma* nên được hiểu rộng hơn

theo nghĩa là ‘nguyên-lý của sự tốt lành’ và ‘chân lý, sự thật’ hơn nghĩa hẹp tiêu chuẩn của nó là ‘giáo lý’ hay ‘giáo pháp’ của Phật. Và chữ *attha* nên được hiểu theo nghĩa là ‘điều tốt lành, ích lợi, và lợi lộc’ [theo nghĩa tâm linh], ‘điều dẫn tới sự an-sinh và hạnh-phúc dài lâu’ cho con người. Chữ này cũng có nghĩa là “ý nghĩa”. Thường thì chữ *dhamma* và *attha* thường được sánh đôi những hai vấn đề được hiểu và cần được đề cao trong tiến trình quán niệm, ví dụ như trong các thuật ngữ thường thấy *atthaveda* và *dhammaveda*, hoặc *at-thapaṭisaṃvedī dhammapaṭisaṃvedī.*] (2148)

2067 (Nguyên bản ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1), ở đây người dịch Việt tóm lược điều (2)-(9).)

2068 [Tiếp theo sau đây là đoạn kinh mẫu thường thấy trong các kinh trước khi dẫn tới sự giảng giải của một Tỷ kheo về ‘lời dạy vắn tắt’ của Phật, thường người giảng giải đó là Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) hay Ngài Ānanda.] (2149)

2069 (Trong văn hóa Ấn Độ cổ thời Phật (và cũng còn bây giờ), hình ảnh vị Trời Brahmā (Phạm thiên) luôn được người dân coi là tối cao, như đáng sáng tạo, uy quyền. Do vậy, có lẽ Phật (và các Tỷ kheo) trong một số kinh có dùng hình ảnh của vị Trời Brahmā để người nghe thấy đáng để suy xét kỹ càng những lời dạy và sự thật mà Phật đã nói ra.)

2070 (Nguyên bản ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1) và (10), ở đây người dịch Việt tóm lược điều (2)-(9).)

2071 [Bản tương đương trong Hán tạng là kinh **MĀ 188**. Phần đầu, chỗ **T I 734a29–c24**, là gần như tương ứng với kinh **10:116**, nhưng nó có thêm một “khối” lời kinh giống như kinh **MN 76.21,13–29**, là phần chuyện châm biếm về lời tuyên bố đã đạt tới sự toàn-tri của một vị thầy nào đó. Phần sau của kinh, chỗ **T I 734c25–735b25**, thì tương đương với kinh **10:115.**] (2150)

2072 [Chữ *Paṇḍita* có nghĩa là “người có trí người, người có học”. Vì vậy tôi không chắc đây là tên riêng hay chỉ là biệt danh của người đó.] (2151)

2073 [Nguyên văn chữ này là *cittaṭṭhānasatāni*. **Mp** giải nghĩa nó là *cittuppādasatāni*. Tôi nghĩ hình như nên thay *cinta-* vào chỗ *citta-* (nghĩa là *tâm-*) thì sẽ hợp nghĩa với ngữ cảnh lời kinh. Bản chép tay của Miến Điện có đề cập chỗ này trong những “chú thích” thuộc **Ee** cũng thực sự ghi là *cinta-*] (2152)

2074 [Nguyên văn câu này: *Paṇḍito vata bho paṇḍito vata bho*. Chữ *Paṇḍito* đề cập lại cái tên của vị du sĩ ngụy biện này.] (2153)

2075 [Ba trường hợp đầu là giống nhau trong cả **Ce**, **Be**, và **Ee**. Phiên bản **Be** thì kết thúc tại đây, nhưng **Ce** thì ghi thêm 02 đoạn là (iv) và (v), và **Ee** thì chỉ ghi thêm 01 đoạn (iv).] (2154)

2076 [Hai đoạn (iv) và (v) trong ngoặc [...] là có trong **Ce** nhưng không có trong **Be** và **Ee**. Ở đoạn cuối tôi thấy rất lạ là trong “*thế giới tư duy*” của kinh tạng Nikāya lại có đặt vấn đề hai triết lý hợp với Giáo Pháp được dùng để chống đối bác bỏ nhau trong một sự bài bác, và cũng vô lý là “*một hội chúng hợp với Giáo Pháp*” (*dhammikā parisā*) lại được mô tả là “*ồn ào và náo nhiệt*” (*uccāsaddā mahāsaddā*). Thông thường, cách mô tả như vậy chỉ dành cho một hội chúng những du sĩ ngoài đạo Phật [như trong kinh **10:93**] hoặc một nhóm những gia chủ ồn ào gây nên sự huyên náo [như trong kinh **5:30...**] Chỉ có một trường hợp cụm chữ này mô tả một nhóm Tỳ kheo [kinh **MN I 456,20–22**], nhưng do vậy sau đó họ đã bị Phật tống khứ đi.

- Ở chỗ 02 đoạn trong ngoặc [...] này của **Ce** thì **Be** lại có 01 đoạn ghi như là: “Có người bác bỏ và bài xích một triết lý trái với Giáo Pháp bằng một triết lý hợp với Giáo Pháp. Theo cách này người đó ưa thích một hội chúng hợp với Giáo Pháp. Vì lý do này, hội chúng hợp với Giáo Pháp trở thành ồn ào và náo nhiệt, hô hào: ‘Thưa quý ngài, vị này thực là hiền trí!’.” Lời kinh này là đúng đắn với lẽ thường, rằng một triết lý hợp với Giáo Pháp sẽ thắng một triết lý trái với Giáo Pháp; nhưng ở đây câu sau cũng lại thấy là vô lý, rằng “*một hội chúng hợp với Giáo Pháp*” lại được mô tả là “*ồn ào và náo nhiệt*”.] (2155)

2077 [Phần thi kệ này cũng được ghi trong tập kinh “Pháp Cú”, **Dhp 86–89**.] (2156)

2078 [Nguyên văn câu này: *Te loke parinibbutā*. Câu này cũng có thể dịch nghĩa là: “*Họ đã đạt tới niết-bàn trong thế gian*”, (theo nghĩa gốc của *niết-bàn* là *đã giải xong cơn khát, đã hết dục*).] (2157)

2079 [**PED** giải thích chữ *paccorohaṇī* có nghĩa “*lễ đi xuống lại*” (?), là *sự tiếp cận hay đi xuống, bước xuống, đặc biệt, chỗ lửa thiêng*”. **SED sv pratyavaroḥaṇa** (Phạn) nói đó là: “*Một lễ hội Gṛhya [gia chủ] trong tháng Mārgaśīrṣa*” [khoảng tháng 11-12].] (2158)

2080 [Nguyên văn hai câu đánh lễ này: *Paccorohāma bhavantam, paccorohāma*

bhavantaṃ. Từ câu đánh lễ này rõ ràng thấy lễ hội tên *paccorohaṇī* là bắt nguồn từ tên của nó. **SED** giải thích động từ *pratyavarohati* có nghĩa: “đi xuống, bước xuống [từ chỗ ngồi, từ xe ngựa...] để tôn vinh ...” Rõ ràng những bà-la-môn đang đi xuống để tôn vinh thần lửa Agni, đại diện cho nguồn năng lượng bao trùm của vũ trụ.] (2159)

2081 (Người dịch Việt ghi tóm lược từ (2)-(9).)

2082 (Nguyên bản kinh này tóm lược từ (2)-(9) như vậy, cũng giống cách người dịch Việt tự ý làm ở kinh kể trên.)

2083 (Trong dãy này kinh tóm lược này: (a) để cho tương ứng với kinh dẫn đầu là kinh **10:134**, và (b) để cho người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’, người dịch Việt đã tự ý đảo thứ tự chỗ số kinh (139), (140), (141), (142), hy vọng không làm ảnh hưởng nội dung và ý nghĩa của dãy kinh; trong kinh gốc thứ tự những chỗ này là ngược lại. Để ý, trong kinh gốc dãy kinh tóm lược được ghi theo các thứ tự ‘tốt và xấu’ và ‘xấu và tốt’ lẫn lộn. Còn phần giảng giải sau đó đều được ghi theo thứ tự ‘10 xấu’ và ‘10 tốt’.)

2084 [Chỗ này tôi làm theo **Ce** không có ghi chữ *dhamaṃ* trong câu; **Be** và **Ee** thì có ghi.] (2160)

2085 (Ngay chỗ (146) này người dịch Việt cũng tự ý đảo thứ tự thành *đường sáng trước đường tối*, và do vậy tên kinh cũng được sửa thành “*Đường Sáng*”. Đúng theo bản dịch của Tỳ Kheo Bồ-Đề thì ghi ngược lại và thầy ấy có chú thích chỗ này như vậy:) [Ở đây tôi làm theo **Be**, ghi *đường tối trước, đường sáng sau* trong kinh này và kinh **10:190**. **Ce** và **Ee** ở đây thì ghi *đường sáng trước, đường tối sau*, nhưng ghi ngược lại trong kinh **10:190**. Còn tên bài kinh của tôi thì khớp với tên trong **Be**, trong khi **Ce** thì kinh này ghi tên là “*Đường Sáng*” nhưng kinh **10:190** lại ghi tên là “*Đường Tối*”.] (2161).

2086 (Tương tự chú thích của người dịch Việt ở kinh (142) ở trên: Trong dãy này kinh tóm lược này, (a) để cho tương ứng với kinh dẫn đầu là kinh **10:145**, và (b) để cho người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’, người dịch Việt đã đảo hết các thứ tự chỗ các số kinh (146), hy vọng không làm ảnh hưởng nội dung và ý nghĩa của dãy kinh; trong kinh gốc thứ tự chỗ này là ngược lại. hy vọng không làm ảnh hưởng nội dung và ý nghĩa của dãy kinh; trong kinh gốc thứ tự những chỗ này là ngược lại. Để ý, trong kinh gốc dãy kinh tóm lược được ghi theo các thứ tự ‘tốt và xấu’ và ‘xấu và tốt’ lẫn lộn. Còn phần giảng giải sau đó đều được ghi theo thứ tự ‘10 xấu’ và ‘10 tốt’)

2087 [Kinh **10:67** này là kinh song hành tương ứng của kinh **10:119**; và kinh kế sau **10:168** là kinh song hành tương ứng của kinh **10:120**.

- (02 kinh trước (**10:119** và **10:120**) là nói về 10 phần tà-đạo; 02 kinh sau (**10:167** và **10:168**) là nói về 10 điều (nghiệp) bất thiện.) (2162)

2088 (02 đoạn được người dịch Việt đánh dấu {...} trong hai kinh **10:119** và **10:138** giống hệt nhau).

2089 (Người dịch Việt ghi tóm lược từ (2)-(9).)

2090 (Người dịch Việt ghi tóm lược từ (2)-(9).)

2091 [Kinh **10:169** này là kinh song hành tương ứng của kinh **10:117**; kinh kế sau **10:170** là kinh song hành tương ứng của kinh **10:118**.

- (02 kinh trước (**10:117** và **10:118**) là nói về 10 phần tà-đạo; 02 kinh sau (**10:169** và **10:170**) là nói về 10 điều (nghiệp) bất thiện.) (2163)

2092 [Có những sự song hành tương ứng giữa các kinh **10:171** và **10:113**; **10:172** và **10:115**; **10:173** và **10:114**.

- (03 kinh trước (**10:113**, **10:115**, và **10:114**) là nói về 10 phần tà-đạo và 10 phần chánh-đạo; 03 kinh sau (**10:171**, **10:172**, và **10:173**) là nói về 10 điều (nghiệp) ác và 10 điều (nghiệp) thiện.) (2164)

2093 (Chỗ này kinh **10:115** ở trên có chú thích như vậy: [Tiếp theo là đoạn kinh mẫu thường thấy trong các kinh trước khi dẫn tới sự giảng giải của một Tỳ kheo về ‘lời dạy vắn tắt’ của Phật, thường người giảng giải đó là Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) hay Ngài Ānanda.] (2149).)

2094 (02 đoạn được người dịch Việt đánh dấu {...} trong kinh **10:172** và **10:115** là giống hệt nhau, chỉ khác tên người thầy trong kinh trước là Ānanda, và trong kinh sau là Đại Ca-chiên-diên.)

2095 (Nguyên bản ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1), ở đây người dịch Việt tóm lược điều (2)-(9).)

2096 (Nguyên bản ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1), ở đây người dịch

Việt tóm lược điều (2)-(9).)

2097 (Nguyên bản ghi lần lượt 10 điều đầy đủ như điều (1), ở đây người dịch Việt tóm lược điều (2)-(9).)

2098 [Đây chính là Cunda đã cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Đức Phật. Coi thêm kinh dài **DN 16.4.17–19.**] (2165)

2099 [Chữ này là *soceyyāni*. Ý nghĩa của nó không rõ rệt ngay, và **Mp** cũng không giải nghĩa chữ này. *Soceyya* thông thường có nghĩa là “sự trong sạch, sự thanh lọc, thanh tịnh”, nhưng từ ngữ cảnh bài kinh cho thấy nó là một loại nghi lễ (như nghi lễ thanh lọc, lễ tắm gội...).] (2166)

2100 [Bốn loại phụ nữ sau là: (ii) những phụ nữ được bảo vệ bởi những người đồng đạo trong đạo của họ, (iii) những phụ nữ đã có chồng hoặc đã được (cha mẹ) hứa gả cho người khác từ lúc mới sinh ra hay lúc còn nhỏ, (iv) những phụ nữ mà ai quan hệ tính dục với họ sẽ dẫn tới bi kết án hình sự (theo tục lệ hay pháp luật), và (v) một cô gái đã được quen biết hay gần như đã hứa hôn với một người nam (như kiểu: đã có ‘bạn trai’ hay ‘hôn thê’).] (2167)

2101 [Cả ba phiên bản đều ghi chữ này là *bajjhantu* (để họ bị trời). **Mp** không đưa ra chú giải nào, nhưng kinh **MN I 287,11** chúng ta thấy ghi chữ *vajjhantu*, được giải nghĩa bởi **Ps II 332,16** là *vadham pāpunantu* (để họ bị tàn sát) và bởi **Ps-pt II 230** (ấn bản VRI) là *marañam pāpunantu* (để họ chết). Vì vậy tôi chọn nghĩa theo chữ *vajjhantu* làm cách ghi đúng ở đây.] (2168)

2102 [Nghi lễ này được gọi trong tiếng Pāli là: *saddhāni*; tiếng Phạn: *śrāddhāni*. **SED sv** khi giảng về chữ *śrāddha* nói rằng: “Đây là một nghi lễ để tôn vinh và làm ích lợi cho những người thân đã chết, được tuân thủ một cách nghiêm ngặt tại những thời điểm chu kỳ ấn định khác nhau (giông giống phong tục cúng kính ở Việt Nam như cúng cơm, cúng bữa, cúng theo ngày, cúng ba ngày (mở cửa ma), cúng bảy ngày (thất)...), và đây là dịp để những người còn sống xum họp vui vầy cũng như để họ thương khóc người đã mất. [Vào những dịp lễ cúng này, mỗi ngày họ đều dâng cúng nước uống và ngày cúng chính thì có dâng cúng những *piṇḍa* (cơm vo tròn) và bữa ăn (mâm cỗ) cho ba thế hệ ông bà phía nội và ba thế hệ ông bà phía ngoại [cha, ông nội, ông cố]. Nên nhớ rằng lễ cúng *śrāddha* không phải lễ cúng đám tang, mà là các lễ cúng cơm nước bổ sung sau đó; đây là một hành động tôn kính mà những người thân thuộc con cháu thực hiện đối với một người chết, và được cho là cung cấp cho người chết những dưỡng chất sau khi những nghi lễ đám tang trước đó đã giúp cho họ có

được thân thể thanh khiết nhẹ tinh; thật vậy, sau khi những nghi lễ đám tang (*anteyeṣṭi*) đã thực hiện xong, và cho đến kế tiếp là lễ cúng (*śrāddha*) đầu tiên thì người chết mới trở thành một hồn ma bất an lang thang (*preta*) và không có thân thực ... ; chỉ sau khi lễ cúng (*śrāddha*) đầu tiên đã diễn ra xong thì người đó mới đạt được trạng thái như những *Pitr* (Những Vị Cha Thiên Thánh) trong một cõi phúc lành được gọi là *Cõi Pitr* (*Pitr-loka*), và lễ cúng *śrāddha* được mong muốn nhất và hiệu quả nhất là khi nó được thực hiện bởi một người con trai của người mất.] (2169)

2103 [Mười đường nghiệp thiện này, và mười đường nghiệp bất thiện ở đoạn sau, chắc là lý do kinh này được kết tập trong *Quyển “Mười”* .] (2170)

2104 [Chữ *anuppannā* ghi trong **Ce** nên được sửa lại thành *upapannā* như cách ghi trong **Be** và **Ee**, và rõ ràng cần phải được sửa lại cho đúng với ngữ cảnh lời kinh ở đây.] (2171)

2105 [Nguyên văn câu này: *Aṭṭhānepi bhavaṃ gotamo parikkappaṃ vadati*. **Mp** giải thích: “[Bằng câu này] ý bà-la-môn muốn hỏi: ‘Trường hợp là dịp sai [để chia sẻ công đức bố thí] mà Thầy Cồ-đàm cũng tuyên bố có phước quả của việc cúng thí cho người thân đó?’ Ở đây vì bà-la-môn nắm giữ niềm tin rằng người cúng sẽ không có được phước quả gì nếu cúng đồ được cúng vào dịp sai như vậy. Nhưng đức Thế Tôn, sau khi đã biết được ý ông ta hỏi, nên đã chỉ ra rằng: ‘Người cúng sẽ có được (hưởng) ‘phước quả của việc cúng thí đó’ ở bất cứ nơi nào mà người cúng (sau này) tái sinh vào đó, ở bất cứ chỗ nào người cúng (sau khi chết) sẽ sống còn nhờ những phước của chính mình.’”.] (2172)

2106 [NHÓM 3 này là trùng tên và song hành tương ứng với NHÓM 4 của phần “NĂM MƯỜI KINH THỨ BA”.] (2173)

2107 (Trong dãy này kinh tóm lược này: (a) để cho tương ứng với kinh dẫn đầu là kinh **10:178**, và (b) để cho người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’, người dịch Việt đã tự ý đảo thứ tự chỗ số kinh (183), (184), (185), hy vọng không làm ảnh hưởng nội dung và ý nghĩa của dãy kinh; trong kinh gốc thứ tự những chỗ này là ngược lại. Để ý, trong kinh gốc dãy kinh tóm lược được ghi theo các thứ tự ‘tốt và xấu’ và ‘xấu và tốt’ lẫn lộn. Còn phần giảng giải sau đó đều được ghi theo thứ tự ‘10 xấu’ và ‘10 tốt’.)

2108 (NHÓM 4 này là trùng tên và song hành với NHÓM 5 của phần “NĂM MƯỜI KINH THỨ BA”.)

2109 (Ngay chỗ (190) này người dịch Việt cũng tự ý đảo thứ tự thành *đường sáng* trước *đường tối*; do vậy tên kinh cũng được sửa lại “*Đường Sáng*”, (a) để cho tương ứng khớp với kinh dẫn đầu là **10:189** và người đọc dễ đọc theo một chiều ‘tốt và xấu’. Đúng theo bản dịch của Tỳ Kheo Bô-Đề thì chỗ này ngược lại và thầy ấy có chú thích chỗ này như vậy: [Ở đây tôi làm theo **Be**, ghi *đường tối* trước, *đường sáng* sau trong kinh (146) ở trên và và kinh (190) này. **Ce** và **Ee** ở (146) ghi *đường sáng* trước, *đường tối* sau, nhưng ghi ngược lại ở (190) này. Còn tên bài kinh của tôi thì khớp với tên trong **Be**, trong khi **Ce** thì kinh (146) ghi tên là “*Đường Sáng*” nhưng kinh (190) ghi là lại ghi tên là “*Đường Tối*”.] (2161.)

2110 [NHÓM 5 này là được tạo thêm, trùng tên và song hành với NHÓM 1 của phần “NĂM MƯỜI KINH THỨ TU”.] (2174)

2111 [**Ee** sáp nhập 11 kinh này với NHÓM kế trước, do vậy nó chỉ tính như 01 kinh trong NHÓM kế trước. Tôi làm theo **Ce** và **Be** ghi thành 12 kinh riêng biệt. Như vậy từ chỗ này trở đi, cách đánh số kinh của tôi đã khác lệch rất nhiều với số kinh của **Ee**.] (2175)

2112 (Phần (II) ở đây người dịch ghi đầy đủ mỗi điều thiện (1)-(10) như phần (B) của kinh **10:176** (kinh Cunda) ở trên để thấy 10 điều bất thiện và 10 điều thiện trong kinh này cũng giống như chúng trong kinh đó.)

2113 (Tuy các điều (1)-(10) là giống với kinh **10:176** như chú thích kể trên, nhưng do kinh đó phân nhóm 10 điều thiện và bất thiện thành 03 mảng thuộc thân, lời-nói, và tâm, và những lời đặt vấn đề, giảng giảng giải, và kết luận khác với kinh này. Do vậy nên không thể nói đó là kinh song hành với kinh này.)

2114 [Tôi không thấy kinh này khác với kinh kể trên điều gì, ngoại trừ phần ghi tóm lược. Tôi vẫn dịch y theo kinh gốc, chỉ tóm lược thêm chút chỗ cách-nhìn sai lạc và cách-nhìn đúng đắn. Không có văn bản nào nói về điều này. **Mp** không chú giải gì về 05 kinh đầu tiên của NHÓM này.] (2176)

2115 [Nguyên văn cả câu này: *Samsappanīyapariyāyaṃ vo bhikkhave dhammapariyāyaṃ desessāmi*. **Mp** giải nghĩa là: “*Một bài thuyết Pháp có “sự bỏ trườn” là chủ đề của nó.*] (2177)

2116 [**Mp** giải nghĩa: “*Bằng cách làm nghiệp (sát sinh) đó, người đó đó trườn tới, bỏ trườn quanh quẩn, uốn éo quanh co.*] (2178)

2117 [*Ulūkā*: con cú. Con cú được đưa vào đây vì nó hoạt động một cách lén lút và lẩn trốn (khi thấy người). Bản Hán tạng tương đương ở **T I 273c27–28** thì đề cập chỉ 04 động vật là: rắn, chuột, mèo, và cáo.] (2179)

2118 [Nguyên văn cụm chữ này là *sañcetanikānaṃ kammānaṃ*, trong đó chữ *kammānaṃ* được ghi ở thể số nhiều. Tôi đã thường dùng/dịch chữ “*kamma*” theo nghĩa số ít. Khi vào sự thật rằng chữ *kamma* (nghiệp) theo định nghĩa đã là (hành động) cố-ý (*cetanā ‘haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi*), cho nên chữ “*nghiệp cố-ý*” nghe hơi thừa, nhưng tôi vẫn dịch đúng theo nguyên chữ Pāli. Rõ ràng lời kinh ở đây đang diễn đạt lại theo 02 nghĩa của chữ *kamma*: nghĩa gốc của nó là “*hành động, việc làm*” và nghĩa mở rộng của nó là khả năng tạo ra những quả nhất định về mặt đạo đức. Nghĩa đầu, có lẽ, được nhấn mạnh bằng nghĩa *kata* (*đã làm, đã được làm*), và nghĩa thứ hai được nhấn mạnh bằng nghĩa *upacita* (*đã được tích lũy, được tàng trữ*) cũng như bằng sự đề cập tới những thời gian nghiệp có thể chín muồi.] (2180)

2119 [Về ba thời kiếp có thể chín muồi của nghiệp, mời coi lại chú thích ở kinh **3:34**, đoạn (1), số đầu (372). Lời tuyên thuyết của Phật rằng ‘*không có sự kết thúc nghiệp cố-ý cho tới chừng nào người (tạo nghiệp) chưa ném trái những quả của nghiệp*’ dường như mâu thuẫn với một trong những tiên-đề chính của giáo lý Phật giáo, đó là, ‘*sự giải-thoát—tức “sự chấm-dứt khổ”—trong đó người tu không cần phải ném trái những quả của tất cả nghiệp mình đã tích lũy trong quá khứ.*’ Tư tưởng giáo lý này [ít nhất theo các bộ kinh *Nikāya*] đã được chủ trương bởi những người đạo Jain (Ni-kiền-tử), như đã được ghi trong kinh **MN 14.17**; **MN 101.10**. Tuy nhiên, do vòng luân hồi tái sinh là “*không có điểm khởi đầu có thể nhìn thấy được*” (*anamatagga saṃsāra*), và trong một quãng dài thăm thẳm như vậy chúng ta đều đã tích lũy *muôn trùng* nghiệp, điều đó hầu như cần một thời gian *vô hạn* để tiêu trừ hết nghiệp đó bằng cách ném trái những quả của chúng. Đức Phật đã dạy chìa khóa dẫn tới sự giải-thoát không phải là phải xóa sạch tất cả nghiệp quá khứ [bằng cách ném trái quả của chúng hay bằng sự hành-xác khổ hạnh như các giáo phái khác đã chủ trương] mà *bằng cách loại bỏ những ô-nhiễm*. Những bậc A-la-hán, bằng cách kết thúc những ô-nhiễm, đã dập tắt tiềm năng chín quả của tất cả mọi nghiệp trong quá khứ, vượt khỏi tàn dư có thể chín quả của chúng trong kiếp cuối cùng của họ. **Mp** giải thích lời tuyên bố này của kinh có một hàm nghĩa là: “Lời tuyên bố muốn cho thấy rằng chừng nào vòng luân-hồi (*saṃsāra*) còn tiếp tục, nếu còn nghiệp đã có được khả năng chín muồi (*paṭiladdhaviṭṭhārahakamma*) thì ‘không có nơi nào trên trái đất một người có thể thoát khỏi một nghiệp ác.’” [câu trích dẫn: *na vijjati so jagatippadeso, yatthaṭṭhito mucceyya pāpakammā*

là từ kinh Pháp Cú, **Dhp 127**]. Nói cách khác, luận điểm ở đây là *không phải tất cả mọi nghiệp đã tạo ra sẽ phải chín muồi thành quả, mà bất kỳ nghiệp nào được tạo ra và được tích lũy đều có tiềm năng chín muồi chừng nào một người còn trôi giạt trong vòng luân hồi tái sinh*. Kinh **10:219** bên dưới có bản tương đương trong Hán tạng là **MÃ 15 (T I 437b24–438b11)** cũng mở đầu bằng lời tuyên thuyết tương tự như kinh **10:217** này. Lời tuyên thuyết (ở **T I 437b26–28**) được ghi như là: “*Nếu một người đã làm một nghiệp trong quá khứ, ta nói rằng người đó phải nếm trái quả của nó: người đó nếm trái nó trong kiếp này hay trong một kiếp sau. Nhưng nếu người đó đã không làm một nghiệp trong quá khứ, ta nói rằng người đó sẽ không nếm trái quả của nó*” (若有故作業, 我說彼必受其報, 或現世受或後世受. 若不故作業, 我說此不必受報). Bản Hán tạng chỉ đưa ra 02 khả năng thời gian chín muồi thành quả của nghiệp và không nói gì về lời tuyên thuyết gây khó hiểu này.”] (2181)

2120 [Nguyên văn câu này: *Kāyakammantasandosabyāpatti*. **Mp** giải nghĩa là “*một tội lỗi có trong hành-động (nghiệp) của thân*” (*kāyakammanta-saṅkhātā vipatti*). Rõ ràng ở đây **Mp** hiểu chữ *sandosa* và *byāpatti* chuyển tải cùng một nghĩa là *vipatti*, nhưng tôi vẫn coi đây là một dạng chữ ghép song-đôi [*dvanda*]: “*sự suy đồi và sự thất bại*”.] (2182)

2121 (Nội dung các điều (1)-(10) của phần (A) cũng giống như chúng của phần (A) trong kinh Cunda **10:176**.)

2122 [Về con súc sắc, kinh **3:118** có chú thích như vậy: [Hột súc sắc (*apaṇṇako maṇi*). **Mp-t** nói đó là một loại súc sắc đặc biệt có 6 mặt cắt, giống như hột xoàng 6 mặt vẩy, được dùng bởi những người chuyên chơi trò súc sắc (*evaṃ chahi talehi samannāgato pāsakakīlāpasu-tānaṃ maṇisadiso pāsakaviseso*).] (582).] (2183)

2123 [Bài kinh này rõ ràng không khác gì kinh **10:217** kể trên, chỉ khác là: nội dung các điều (1)-(10) chỉ được dẫn tóm lược và bỏ đi câu ví dụ con súc sắc.] (2184)

2124 [Nguyên văn cả câu trong ngoặc là: ‘*Yaṃ kho pana kiñci pamāṇakatam kammaṃ, na taṃ tatrāvasissati, na taṃ tatrāvatiṭṭhati*.’ **Mp** nhận định “*nghiệp hữu lượng*” là nghiệp trong cõi dục-giới (*kāmāvacarakamma*), đó là, nghiệp sẽ tới lúc sản sinh những quả của nó trong cõi dục-giới. Do người đệ tử ở đây được mô tả là một bậc Bất-lai [hay người sẽ trở thành Bất-lai] nên người đó sẽ tái sinh trong cõi sắc-giới và không bao giờ rớt xuống lại cảnh dục-giới. Như vậy nghiệp dục-giới không thể tìm thấy cơ hội nào để chín muồi.] (2186)

2125 [Như đã nói trong những chú thích trước đây, chữ *kamma* trong tiếng Pāli mang 02 nghĩa thường khó phân biệt: (i) theo nghĩa từ nguyên của nó chỉ là một hành-động hay một việc-đã-làm, và (ii) theo nghĩa cứu rỗi hay thần học là một hành-động (cố ý) được coi là nguồn lực về mặt đạo đức có thể đưa đến những hậu-quả mang tính ‘trả giá’ hay ‘thưởng phạt’. Còn lời kinh chỗ này nghe cũng lạ, nó nói dứt khoát rằng ‘một người tu tập sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ thì không thể làm nghiệp xấu’. Đối với tôi hình như, cho dù người một người (tâm từ) có thể không làm hành-động xấu bởi do sân và ác-ý nhưng họ vẫn có thể làm những nghiệp xấu, thậm chí nhiều nghiệp nhỏ xấu, do bị thúc đẩy bởi tham và si; (trương tự đối với người tu tập tâm-bi, tâm-hỷ, tâm-xả).] (2187)

2126 [Tiếp theo chú thích kể trên: câu này nghe cũng thấy cũng không đúng [trái với trực giác nhận biết của người đọc]. Những ai không làm những nghiệp xấu trong kiếp này thì chắc chắn có thể phải chịu những quả của những nghiệp xấu trong những kiếp trước. Có như vậy nên thầy Mục-kiền-liên mới bị ám sát và bản thân Phật cũng bị thương bởi một mảnh đá nhọn bung ra từ tảng đá mà Đề-bà-đạt-đa (Devadatta) đã xô ném vào Phật. Những người đức hạnh không phải là những A-la-hán cũng chịu đựng sự khổ đau về tâm lý, chứ không chỉ bị khổ đau về thân, là hậu quả của những tình huống không mong muốn. Ví dụ, thầy Ānanda, một Tỳ kheo đại đức, đã cảm thấy buồn rầu và lo âu khi Phật ngã bệnh, còn cô đại thí chủ Visākhā, một bậc thánh Nhập-lưu, đã khóc lóc vì cái chết của đứa cháu ngoại của cô.] (Người dịch Việt nghĩ câu này đơn giản là một câu ‘chân lý’ Phật đã nói ra theo ngữ cảnh đang chỉ dạy giáo-lý, tức là: “*không làm nghiệp xấu thì không ném trái khổ đau; có làm nghiệp xấu thì ném trái quả khổ đau*”, chứ không phải nói theo bối cảnh thực tế của một người đang sống trong kiếp này, bởi người trong kiếp này, như thầy TKBD mới nói, chắc chắn phải ném trái những nghiệp xấu đã làm trong những kiếp trước, và điều này cũng đúng theo nghĩa ‘chân lý’ mà Phật mới nói). (2188)

2127 [Nguyên văn câu này: *Cittantaro ayam bhikkhave macco*. **Mp** giải thích rằng: “Họ có tâm là sự nghiệp của họ, hay phần bên trong của họ là do tâm (*cittakāraṇo, atha vā citten’eva antariko*). Bởi vì: với tâm khi tái sinh theo sau liên tục không gián đoạn từ cái tâm khi chết, một người trở thành một thiên thần, một chúng sinh địa ngục, hay một súc vật.”] (2189)

2128 [‘*Thân được từ nghiệp*’, nguyên kinh chữ này là *karajakāya*. Tôi dịch theo nghĩa gốc của nó, có thể thành nghĩa quen thuộc là “*cái thân phạm trần này*” hay “*cái thân hữu tử này*”. **DOP sv** khi chú giải chữ *kara*, định nghĩa đây là:

“Một thân được sản sinh bởi nghiệp, một thân xác”. Kinh SN 12:37 (Quyển 2) nói về thân là “nghiệp cũ” (*purāṇamidam ...kammaṃ*).] (2190)

2129 [Mp giải thích nghĩa câu này như vậy: “Bằng phương tiện tâm-từ, cái cảm-giác (lẽ ra) sẽ được ném trái khi tái sinh sẽ bị cất bỏ, và do vậy nó không còn đi theo người đó. Đây là cách quán chiếu về một đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu hay Nhất-lai.” Giả định rằng, tất cả nghiệp xấu đều bị ném trái ở đây (*sabbaṃ taṃ idha vedanīyaṃ*), trong kiếp này, và sẽ không theo người (*na taṃ anugaṃ bhavissati*) bởi vì sự tái sinh kiếp sau là trong cõi sắc-giới, ở đó không có trải nghiệm khổ đau, và người đó sẽ chứng luôn Niết-bàn từ cõi sắc-giới đó chứ không quay lại thế gian dục-giới này nữa.] (2191)

2130 [Nguyên văn câu này: *Idha paññassa bhikkhuno uttarim vimuttim appaṭivijjhato*. Mp giải thích: “Một Tỳ kheo có trí ở đây: Trí-tuệ trong giáo lý này được gọi là ‘trí-tuệ ở đây’. Nghĩa [của chữ ‘một Tỳ kheo có trí ở đây’] là một đệ tử thánh thiện là người đã ổn định trong trí-tuệ thánh thiện thuộc giáo lý này” (*imasmim sāsane paññā idhapaññā nāma, sāsana-caritāya ariyapaññāya tṭhassa ariyasāvakaṃ ti attho*).] (2192)

2131 [Mp gọi đây là một bậc “Bất-lai thiên định” (*jhānānāgāmitā*). Những người như vậy đã chứng ngộ 02 thánh quả thấp (Nhập-lưu và Nhất-lai) và chứng đắc những tầng thiên định sắc-giới (*jhāna*) nhưng chưa thực sự đạt tới giai đoạn Bất-lai. Bằng nghiệp-lực của các tầng thiên định của họ họ sẽ được tái sinh trong cảnh sắc-giới, ở đó họ sẽ chứng đắc những thánh đạo và thánh quả cao hơn chứ không còn quay xuống cảnh dục-giới; như vậy họ được gọi là những bậc “Bất-lai thiên định”. “Sự giải-thoát xa hơn” (*uttarim vimutti*) là thánh quả A-la-hán (xa hơn Bất-lai). Quý vị có thể coi thêm chú thích cuối cùng ở kinh 3:94.] (2193)

2132 [Ee thì dồn 03 kinh 226, 227, 228 này vào kinh kế trước thành 01 kinh là 225 luôn.] (2194)

2133 [Cả Ce và Ee đều không đánh số cho NHÓM này. Tuy nhiên, Ce có đánh số các kinh trong nhóm này như thể nhóm này là được tính là NHÓM 3 [do vậy nó bắt đầu bằng số kinh là 10.5.3.1, trong đó số 5 là phần “NĂM MƯƠI KINH THỨ NĂM” VÀ 3 (như) là NHÓM 3 vậy]. Còn Be thì bắt đầu đánh số kinh là 23, là sự liên tục theo số kinh của những NHÓM trước...] (2195)

2134 [Ce đánh số các kinh của nó từ chỗ này là 10.5.3.1 cho đến 10.5.3.510. Be, như đã nói, thì luôn đếm số liên tục từ đầu tới cuối Quyển, nên đánh số kinh ở

đây từ **237** đến **746**. Còn **Ee** thì đánh số kinh từ **217** đến **219**, tức là nó sáp nhập tất cả những phần còn lại vào 01 kinh kinh **219**. Tôi thì làm theo **Be**: từ **237-746**.] (2196)

2135 [Hơi lạ và cá biệt rằng *sự hiểu-biết đúng đắn* và *sự giải-thoát đúng đắn* lại được coi là những là điều kiện (duyên) để có được sự trực-tiếp biết, bởi vì [như định nghĩa và chú giải thì hai đó sự hiểu-biết và sự giải-thoát của A-la-hán] thường thì bản thân chúng là kết quả của sự trực-tiếp biết.] (2197)

2136 [Ngay chỗ này **Ce** và **Ee** còn thêm chữ *upasamāya* (*sự làm người đệ tử* tham).] (2198)

